NGUYỄN VĂN HUYÊN

ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH KINH BẮC

HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN BẮC GIANG

HÀ NỘI - 1997

ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH KINH BẮC

Tổ chức bản thảo và biên tập nội dung:
NGUYỄN QUANG ÂN

Người dịch :
NGUYỄN KHẮC ĐẠM

Hiệu chỉnh và chú thích địa danh mới :
PTS. **KHỔNG ĐỨC THIÊM**

NGUYỄN VĂN HUYÊN

ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH KINH BẮC

LSVN_V
0032

HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM
SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN BẮC GIANG
HÀ NỘI - 1997

LỜI GIỚI THIỆU

Kể từ 1 tháng 1 năm 1997, tỉnh Hà Bắc lại được tách thành hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Nhưng dù nhập hay tách thì trong lịch sử đó vẫn là xứ Bắc hay còn gọi là Kinh Bắc.

Hiểu biết về xứ Kinh Bắc trong quá khứ sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về mảnh đất quê hương của chúng ta ngày nay, kể cả Bắc Giang và Bắc Ninh.

Mới đây Viện Viễn Đông Bác cổ (École Française d'Extrême Orient) tại Hà Nội cùng với Nhà Xuất bản Văn hóa - Thông tin đã xuất bản tác phẩm của học giả Nguyễn Văn Huyên viết bằng tiếng Pháp "*TABLEAU DE GEOGRAPHIE ADMINISTRATIVE D'UNE ANCIENE PROVINCE VIETNAMIENNE: LE BẮC NINH (OU KINH - BẮC)*" (*dịch là* "ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH KINH BẮC").

Nay, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Bắc Giang phối hợp cùng với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức xuất bản bản dịch tiếng Việt tác phẩm này (do cụ Nguyễn Khắc Đạm thực hiện) kèm theo một số ghi chú của PTS. Khổng Đức Thiêm về những thay đổi về địa danh hành chính so với ngày nay.

Xuất bản cuốn sách vào thời điểm này, chúng tôi muốn cung cấp cho bạn đọc, trước hết là các bạn đọc tỉnh Bắc Giang

và Bắc Ninh hôm nay một tài liệu bổ ích nhằm làm cho sự hiểu biết về quê hương có thêm chiều sâu của lịch sử. Chúng tôi tin rằng từ sự hiểu biết thấu đáo ấy cùng với tình yêu và trách nhiệm đối với quê hương, cuốn sách sẽ góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương Kinh Bắc của chúng ta ngày càng giàu mạnh.

Bắc Giang, ngày 01 tháng 01 năm 1997

NGUYỄN ĐÌNH BƯU

Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Bắc Giang

Bắc Ninh hiện nay là tên một *tỉnh* của Bắc Kỳ, trải ra trên 1.100 km được sông Đuống hay Thiên Đức giang tưới từ Tây sang Đông tại phía Tây và Tây Nam, giáp sông Cầu tại phía Bắc và sông Thái Bình tại phía Đông, trước khi sắp xếp lại cương vực năm Thành Thái thứ 7 (1895)[a] và năm Thành Thái thứ 14 (1902)[b], đó là một đơn vị hành chính lớn rộng trên 6.500 cây số vuông. Đơn vị đó bao gồm hầu hết các tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, một phần lớn tỉnh Phúc Yên cũng như một số làng của tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Thái Nguyên và Lạng Sơn.[1]

Thời Hùng Vương (thiên niên kỷ 1 trước CN), Bắc Ninh thuộc bộ Vũ Ninh của nhà nước Văn Lang[2]. Dưới sự

---

(1) Về những sự phân chia xét *Trung Kỳ thành tỉnh*, xem L.Aurousseau trong lược thuật tác phẩm của Chasles B. Maybon. *Lịch sử cận đại nước An Nam*, 1592 - 1820, BEFEO. t. XX, phần IV, tr.73 - 120 đặc biệt là tr.84 - 87 và 3 bảng phụ lục.

(2) Xem H. Maspero, *Vương quốc Văn Lang, nghiên cứu lịch sử An Nam*, BEFEO. t. XVIII, ph III, tr.1 - 10. Liên hệ với những kết luận của L. Aurousseau, người ta có thể đưa Bắc Ninh, trong triều đại Triệu (207 - 111 trước C.N.) do Triệu Đà thành lập vào khoảng năm 208 - 207 trước C.N, vào quận Giao Chỉ.

(a) *(Từ đây về sau chú thích (a), (b),... là do PTS. Khổng Đức Thiêm chú thích thêm trong lần xuất bản này).* Tác giả muốn nói tới Nghị định số 1595 ngày 10 tháng 10 năm 1895 của Toàn quyền Đông Dương, lấy lý do "diện tích rộng lớn của tỉnh Bắc Ninh gây rất nhiều khó khăn cho việc cai trị nhất là vùng rừng núi quá xa tỉnh lỵ" nên "thành lập tại vùng ấy một khu vực hành chính mới lấy tên là tỉnh Bắc Giang.

(b) Sự kiện xảy ra vào ngày 6 tháng 10 năm 1901 thì đúng hơn. Khi đó nhà cầm quyền Pháp tách Đa Phúc, Kim Anh ra khỏi Bắc Ninh để hợp với Đông Khê và Yên Lãng tách từ tỉnh Vĩnh Yên để lập ra *tỉnh Phú Lỗ.*

thống trị của nhà Tần (214 - 209 trước CN). Bắc Ninh thuộc quận Tượng[1]; dưới triều Hán (110 trước CN - 210 trước CN) thuộc quận Giao Chỉ với hai huyện Luy Lâu và Long Uyên hoặc Long Biên[2][a]; dưới triều Ngô, thuộc chính quyền quận Giao Châu[3] dưới triều Tấn (284 - 420), thuộc quận Giao Chỉ với các huyện Long Biên, Luy Lâu, Vũ Ninh và Khúc Dương[4].

Đầu đời Đường, khoảng năm 622, Bắc Ninh được gộp trong địa phận Giao Châu, Đạo Châu (năm 623 được đổi thành Nam Đạo, năm 632 đổi thành Tiên Châu), Long Châu thuộc Giao Châu Đô hộ phủ. Sau đó nó được gộp trong *huyện* Long Biên của Vũ Bình, Bình Đạo của Giao Châu thuộc An Nam Đô hộ phủ.[5][b]

---

(1) Xem L.Aurousseau, *Cuộc chinh phục các xứ An Nam đầu tiên của Trung Quốc* BEFEO,t.XVI, tr.49 - 55, *Tập san phê phán*, Từng báo,1924. tr.373 - 393.

(2) *Đại Nam Nhất Thống Chí* (Địa lý thời Tự Đức), Bắc Ninh (trước kia được dẫn là *Thống chí Bắc Ninh*). Xem H. Maspero, đã dẫn. E Gaspardone *Những tư liệu dùng cho lịch sử An Nam*, BEFEO. t.XXIX.tr. 82 số 4. Madrolle, *Bắc Kỳ xưa*, BEFEO. t.XXXVII,tr.263 - 322.

(3) Thống chí, Bắc Ninh - *Tấn thư* K.15 *Địa lý chí* tờ 8b

(4) *Tấn thư K.15 tờ 8b – 9a* - Maspero, đã dẫn, và *Cuộc Đô hộ xứ An Nam dưới triều Đường*, BEFEO. t.X, tr.593 và tiếp theo, Madrolle, đã dẫn. Sách *Thái Bình hoàn vũ ký* (q.170) cho biết còn có thêm *huyện Nam Định*, cạnh Luy Lâu. Huyện này có núi Đông Cứu. Vậy Nam Định là An Định, Gia Định, Gia Bình sau này. Huyện Vũ Ninh được tách ra từ Long Biên.

(5) H.Maspero - *Cuộc đô hộ xứ An Nam* đã dẫn.

(a) Ngoài Luy Lâu và Long Biên còn có *Tây Vu* (Kim Anh, Đa Phúc, Dông Anh, Hiệp Hòa và một phần Việt Yên) và *Kê Tô* "có thể tương đương với huyện Lạng Giang và Lục Ngạn" (Đào Duy Anh - *Đất nước Việt Nam qua các đời*).

(b) Bình Đạo là tên mới của Tây Vu.

Trong những năm cuối cùng của thế kỷ X, dường như các triều dân tộc Đinh (968 - 980), Tiền Lê (980 - 1009) vẫn giữ nguyên sự phân chia cương vực như dưới thời Đường. Bắc Ninh tiếp tục thuộc Giao Châu[1]. Dưới triều Lý (1010 - 1225), Bắc Ninh bao gồm cả phủ Phú Lương[2][a]. Thời Trần (1229 - 1400), vùng Bắc Ninh đó là Bắc Giang lộ và Như Nguyệt Giang lộ[3]. Từ 1397 trở đi và

---

(1) H.Maspero - *Địa lý chính trị vương quốc An Nam dưới các triều Lý, Trần, Hồ* (thế kỷ X - XX). BEFEO. t.XVI tr.27 - 48. Trong số những đất phong của Lê Đại Hành những năm 991 - 995 " để trực tiếp kiểm sát đất nước và biên thuỳ, người ta thấy có Cổ Lãm châu trên sông Đuống (trong vùng thuộc phủ Từ Sơn hiện nay) và Ngũ Huyện giang tại phía Bắc sông Hồng (trong vùng sông Cầu) có thể được coi như thuộc vào Bắc Ninh của chúng ta. Xem H.Maspero, như trên, tr.29. Ngoài ra cuốn *Thống Chí* (Bắc Ninh, tờ Ib) còn chỉ ra rằng dưới triều Tiền Lê, Bắc Ninh là Bắc Giang.

(2) H.Maspero đã dẫn, tr.31 - 41 Cuốn *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 1b chỉ ra rằng dưới triều Lý, vùng này được gọi là quận Gia Lâm.

(3) Xem H.Maspero, *Địa lý chính trị*, tr.43. Theo *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 1b thì Bắc Ninh đầu tiên được gọi là Bắc Giang lộ rồi Kinh Bắc lộ.

(a) Chúng tôi cho rằng thời Lý vùng này có các phủ châu sau:

- *Phủ Thiên Đức* : Đất Long Biên cũ.
- *Phủ Siêu Loại* : Đất Luy Lâu - Nam Định cũ.
- *Phủ Bình Lỗ* : Đất Tây Vu cũ.
- *Lạng Châu* : Đất Kê Tù.

Cứ theo *Việt Sử lược* và *Toàn thư* thời Lý Thái Tổ đã xuất hiện các tên *phủ Thiên Đức, châu Vũ Ninh, hương Thổ Lỗi* (năm 1068 đổi là *hương Siêu Loại*, sau nâng lên phủ) hoặc vua Lý đi săn ở sông Nam Bình (sông Thương) thăm phò mã ở *Lạng Châu*.

dưới triều Hồ (1400 - 1407) nó được tổ chức thành *Bắc Giang lộ đô tổng phủ*.[1][a]

Toàn bộ giai đoạn lịch sử An Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV này là cực kỳ tối tăm. Chỉ bắt đầu từ nền thống trị của nhà Minh, sau khi nhà Hồ bị đổ, thì những thông tin có tính chính xác nào đó mới có thể có được về mặt liên quan tới tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) của nhà Minh, tỉnh Bắc Ninh bao gồm *phủ* Bắc Giang và *châu* Lạng Giang của *phủ* Lạng Giang[2], *phủ* Bắc Giang quản lý trực tiếp các *huyện* Siêu Loại và Gia Lâm. Nó còn bao gồm ba *châu* : Gia Lâm, Vũ Ninh và Bắc Giang. *Châu* Gia Lâm quản lý ba *huyện* An Định, Tế Giang và Thiện Tài, *châu* Vũ Ninh quản lý năm *huyện* Tiên Du, Vũ Ninh, Đông Ngạn, Từ Sơn và Yên Phong ; *châu* Bắc Giang quản lý ba *huyện* Tân Phúc, Thiện Thệ và Yên Việt. *Phủ* Lạng Giang quản lý trực tiếp

---

(1) Xem Maspero, *Địa lý chính trị* tr.47.

(2) Xem *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* K.118, tờ 6b, *Thống chí*, Bắc Ninh tờ 1b - 2a.

(a) Danh sách của chúng tôi hơi khác :

+ *Lộ Bắc Giang* quản trực tiếp Siêu Loại, Gia Lâm. Ngoài ra còn :

- *Châu Gia Lâm* : An Định, Tế Giang, Thiện Tài.
- *Châu Vũ Ninh* : Tiên Du, Vũ Ninh, Đông Ngàn, Từ Sơn, Yên Phong.
- *Châu Bắc Giang* : Tân Phúc, Phật Thệ, Yên Việt.

+ *Lộ Lạng Giang* : Long Nhãn, Cổ Dũng, Phượng Sơn, Na Ngạn, Lục Na

- *Châu Lạng Giang* : Yên Thế, Yên Ninh, Cổ Lũng, Bảo Lộc.
- *Châu Nam Sách* : Thanh Lâm, Chí Linh, Bình Hà.
- *Châu Thượng Hồng* : Đường Hào, Đường Yên, Đa Cẩm.

Những thay đổi khác vào năm 1408 (bỏ một số huyện nhập vào bản châu), năm 1415, năm 1419 gộp một số huyện xin không trình bày vì khá rắc rối.

các *huyện* Thanh Viễn, Cổ Dũng, Phượng Sơn, Na Ngạn và Lục Ngạn. *Châu* Lạng Giang quản lý bốn *huyện* Thanh An, An Ninh, Cổ Lũng và Bảo Lộc[1].

Năm sau, năm Vĩnh Lạc thứ sáu (1408), người ta bỏ các *huyện* An Định, Tiên Du, Tân Phúc và Thanh An và đem gộp cương vực của chúng vào những *châu* mà chúng thuộc vào. Năm Vĩnh Lạc thứ 13, 14, 15 người ta cũng làm như vậy đối với các *huyện* Yên Phong, Vũ Ninh và Yên Việt. Cũng năm ấy, người ta đưa *huyện* Cổ Dũng vào *huyện* Thanh Viễn. Bắt đầu từ năm thứ 17 (1419), người ta còn đem gộp vào *huyện* này cương vực của các *huyện* Phượng Sơn và An Ninh vào *huyện* Lục Ngạn cương vực của *huyện* Na Ngạn, vào *châu* Lạng Giang cương vực của các *huyện* Bảo Lộc và Hữu Lũng; vào *huyện* Gia Lâm cương vực của các *huyện* Siêu Loại và Đông Ngạn, và cuối cùng cương vực của các *huyện* Tế Giang, Thiện Tài, Từ Sơn và Thiện Thệ vào những *châu* của chúng[2]. Sau cuộc chiếm đóng cuối cùng của Trung Quốc này, Lê Thái Tổ (1428 - 1433), người sáng lập ra triều Lê (1428 - 1788), năm Thuận Thiên thứ nhất (1628), đã chia nước làm năm đạo[3]. Vùng Bắc Ninh của chúng ta thế là được gộp vào Bắc Đạo[4][a]. Lê Thánh

(1) Cuốn *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* viết là Bảo Lộc

(2) Trong những năm chiếm đóng, nhà Minh còn đặt *Giao Châu tiền vệ* ở lộ Bắc Giang - tức thành Điêu Diêu; *Thị Cầu thứ ngự thiên hộ sở* ở châu Vũ Ninh - tức thành Thị Cầu; *Xương Giang vệ* ở phủ Lạng Giang. Cả nước ta khi ấy có 15 vệ, sở thì Bắc Giang, Lạng Giang đã có 2 vệ, 1 sở.

(3) *Đại Việt Sử Ký toàn thư* (từ nay được dẫn là *Toàn thư*) q.10 tờ.57.b

(4) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (từ nay được dẫn là *Cương mục*) q.15 tờ 5b.

(a) *Bắc Đạo* khi đó gồm Bắc Giang, Lạng Giang, Thái Nguyên.

Tôn (1460 - 1497) năm Quang Thuận thứ 7 (1466) tổ chức vương quốc thành *thừa tuyên* và chia nước làm 13 *đạo*[1] Bắc Ninh trở thành *đạo* Bắc Giang[2]. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), một đạo dụ xác nhận tổ chức chia nước năm 1466 với vài sự thay đổi chi tiết và ấn định bản đồ địa lý cả nước Nam : vùng Bắc Giang của năm *Quang Thuận* thứ 7 trở thành Kinh Bắc[a] với 4 *phủ* và 19 *huyện*[3].

Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), Thánh Tôn tổ chức lại đất nước thành 13 xứ[4]. Kinh Bắc đạo trở thành Kinh Bắc xứ[5]. Tổ chức này tồn tại cho đến cuối triều Lê. Khi lên ngôi, Gia Long (1802 - 1819), người sáng lập ra triều Nguyễn, chia nước thành 24 *trấn, 4 doanh* và 2 *thành*. Kinh Bắc *xứ* mang tên là Kinh Bắc trấn. Dưới triều Minh Mệnh (1820 - 1840) nó trở thành Bắc Ninh *trấn* năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) và Bắc Ninh *tỉnh* năm Minh Mệnh thứ 12 (1831).

---

(1) *Toàn thư*, q.12 tờ 25a

(2) *Cương mục*, q20 tờ 8 và 21, tờ 16a.

(3) *Toàn thư*, q.12 tờ 51a, Cương mục, q.21, tờ 16a.

(4) *Toàn thư*, q.13 tờ 63b. Đó là lần đầu tiên các Biên niên sử Việt Nam cho biết vài thông tin về sự phân chia địa giới của đất nước. "Bảng kê địa lý" được ấn định trong năm Hồng Đức này chỉ ra rằng vương quốc được phân chia thành 13 xứ, 52 phủ, 168 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 51 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 30 nguyên và 30 trường.

(5) *Cương mục*, q.24, tờ 10 - 11

(a) Phan Huy Chú, trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng cho rằng thừa tuyên Bắc Giang "tới khi định bản đồ mới đổi là Kinh Bắc". Nhưng trong *Dư địa chí* Nguyễn Trãi viết năm 1435 đã viết: "Thiên Đức, Vệ Linh ở về Kinh Bắc". *Đại Nam nhất thống chí* (q. XIX, Bắc Ninh) cho biết " Đời Trần là lộ Bắc Giang, lại gọi là lộ Kinh Bắc".

Cái tên *Bắc Ninh tỉnh* đến nay vẫn là tỉnh xứ Bắc Kỳ, được sông Đuống tưới từ Đông sang Tây và được trải ra giữa sông Hồng, sông Cầu và sông Thái Bình.[a]

*

* *

Những giới hạn của vùng đất được biết dưới cái tên Kinh Bắc tại những thời kỳ lịch sử khác nhau ấy là như thế nào? Cho tới đầu đời Lê (1428 -1788), không một tài liệu nào có thể cho phép chúng ta thử làm với vài cơ may thành công các việc chẳng phải là vẽ ra chúng mà ngay cả đoán định được chúng. Bốn tài liệu cơ bản cung cấp cho chúng ta vài điểm chuẩn để nghiên cứu vùng này.

(a) Tuy nhiên, không phải là tỉnh Bắc Ninh của 6500 km^2 và 21 huyện như trước nữa mà chỉ là Bắc Ninh với 1100 km^2 với 10 phủ, huyện. Trước khi có kết cục này, tháng 11 năm 1889, Thực dân Pháp đã đem huyện Bảo Lộc, Phượng Nhỡn, Lục Ngạn và Yên Bác lập ra *tỉnh Lục Nam*. Đến tháng 2 năm 1890 lại cắt một số tổng của Gia Lâm, Văn Giang, Siêu Loại, Lang Tài lập ra huyện mới Văn Lâm đưa vào Bãi Sậy. Khi giải tán đạo Bãi Sậy (4 năm 1891) và tỉnh Lục Nam (9 năm 1891) chúng lại đưa Lục Ngạn, Yên Bác cùng với Hoành Bồ, Đông Triều, Chí Linh vào *Đạo quan binh 1 Phả Lại*; chuyển Yên Thế, Hữu Lũng cùng Phú Bình, Tòng Hóa vào *Đạo quan binh Thái Nguyên* còn Văn Lâm đưa về Hưng Yên.
Sau Cách mạng tháng Tám, Bắc Ninh còn một số thay đổi khá cơ bản (cắt Văn Giang về Hưng Yên; nhập Gia Bình với Lang Tài, Quế Dương với Võ Giàng). Trước khi sáp nhập với Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc (1 tháng 4 năm 1963), Bắc Ninh còn chuyển một số xã về Gia Lâm, Đông Anh và nhập Tiên Du với Từ Sơn thành huyện Tiên Sơn. Từ 1 tháng 1 năm 1997, tỉnh Bắc Ninh được tái lập theo sự phê chuẩn của Quốc hội ngày 6 tháng 11 năm 1996 với diện tích 797,9 km^2, 5 huyện (Gia Lương, Quế Võ, Thuận Thành, Tiên Sơn, Yên Phong), 1 thị xã (Bắc Ninh) và 112 xã. So với Bắc Ninh trước đó, diện tích bớt đi hơn 300 km^2.

Đầu tiên là cuốn *Dư địa chí*[1] của Nguyễn Trãi (đỗ tiến sĩ năm 1400). Đó là một giảng luận văn học về địa lý nước An Nam được viết năm Thiệu Bình thứ 2 (1435) để đem trình lên Hoàng đế Lê Thái Tôn (1434 - 1442). Cuốn này được ba người đương thời bình luận là Nguyễn Thiên Túng (đỗ tiến sĩ năm 1429), Nguyễn Thiên Tích (đỗ tiến sĩ năm 1431) và Lý Tử Tấn (đỗ tiến sĩ năm 1400). Được giới thiệu như thế, tác phẩm này là cuốn sách địa lý quý giá nhất mà chúng ta có được về nước Nam trước sự ra đời của triều Nguyễn. Cuốn sách cho biết danh sách các *phủ* và các *huyện* của mỗi tỉnh với số lượng những xã của mỗi phủ huyện.

Tài liệu cơ bản thứ hai là tác phẩm được lưu giữ ở trường Viễn Đông Bác cổ Pháp dưới nhan đề *Hồng Đức bản đồ*[2]. Nó có một tập bản đồ về địa lý chính trị được thành lập theo cải cách hành chính *Hồng Đức* thứ 21 (1490) : Một tấm bản đồ tổng quát của nước Nam từ Trung Quốc tới Chiêm Thành, mười ba bản đồ của mười ba tỉnh, xứ hay *thừa tuyên* được thành lập tại thời kỳ này và sơ đồ Kinh đô *Trung đô* (tại vị trí của Hà Nội ngày nay).

Mỗi bản đồ tỉnh đều có kèm bên trên một bảng phân chia hành chính *phủ* và *huyện*.

Tài liệu thứ ba là một bản thảo của người Việt Nam gồm bốn bản được đóng thành hai tập nhan đề *Các trấn*,

---

(1) Kho sách trường Viễn Đông Bác cổ Pháp, A.139. Tập *Dư địa chí* là quyển VI trong bộ sưu tập tác phẩm của Nguyễn Trãi công bố năm 1825 dưới dầu đề *Ức Trai di tập*. Xem H.Maspero, *An Nam Đô hộ phủ* đời Đường. BEFEO, 1910 tr.541.

(2) Bản thảo của người Việt Nam A. 2499. Xem E.Gaspardone, *Thư mục An Nam* BEFEO, t.XXXIV, tr.46.

tổng, xã danh bị lãm[1]. Đó là danh sách đầy đủ các *tỉnh*, *trấn*, *tổng* và *xã* tại đầu thế kỷ XIX. Bản thảo này hẳn ra đời vào những năm Gia Long (1802 - 1819) đầu tiên hoặc thời triều đại Tây Sơn (1788 - 1802). Sau đó, bằng một thứ mực thẫm hơn, người ta đã ghi một số thay đổi tên những đơn vị hành chính được tiến hành thời Gia Long và trong những năm đầu tiên thời Minh Mệnh (1820 - 1840). Tài liệu này được bảo tồn rất tốt bất chấp vài chỗ hư hỏng ở các góc, cạnh và gáy sách. Tác phẩm cực kỳ quý giá cho việc nghiên cứu địa lý chính trị của vương quốc An Nam này theo sự hiểu biết của chúng tôi, là tài liệu cổ nhất cho biết danh sách đầy đủ những *xã* trong nước[2].

---

(1) Bản thảo của trường Viễn Đông Bác cổ A370, từ nay được dẫn dưới cái tên *Bị lãm*.

(2) Khốn thay, tài liệu dùng tại Nghệ An và không có một thông tin nào về miền Nam của Vương quốc (Trung và Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ hiện nay). Bản đầu tiên cho biết những phân chia hành chính của các trấn Hải Dương và Sơn Tây ; bản thứ hai cho biết những phân chi hành chính của Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ và Kinh Bắc ; tập thứ ba cho biết những cái của Thái Nguyên, An Quảng, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng và phủ Hoài Đức. Tập bốn cho danh sách các xã của các trấn Nghệ An và Thanh Hoá Nội (Thanh Hoá ngày nay) và của đạo Thanh Bình (Ninh Bình hiện nay). Bản thảo này có thể được bổ xung một cách có lợi, về những cái có liên quan tới Bắc Kỳ, bằng cuốn *Bắc thành địa dư chí lục* (A.81 và A.1565). Cuốn này cũng có vẻ niên đại đầu thế kỷ XIX. Nó không được đầy đủ. Nhưng chương có liên quan tới trấn Kinh Bắc thì được ở tình trạng rất tốt trong bản thảo A.1565. Dường như cuốn sách đã do Lê Đắc Cương viết (Tham khảo *Đại Nam nhất thống chí*, Sơn Tây, tờ 26a). Cương là người phục vụ cho nhà Nguyễn ngay từ khi Gia Long lên ngôi và đã được phong làm hiệp trấn (phó tổng đốc) Sơn Tây, năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) rồi làm quyền tổng trấn Bắc Kỳ (tham khảo *Đại Nam chính biên liệt truyện q.18, tờ 10b-12a*)

Tác phẩm thứ tư là *Đồng Khánh địa dư chí lược*, được viết theo lệnh của Hoàng đế năm 1886[1]. Quyển sách không nói gì về Nam Kỳ nhưng đưa ra được danh sách đầy đủ các xã với *tổng*, *phủ* và *huyện* liên quan của Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Về các điều kiện khái quát, bốn tài liệu cơ bản đó có thể được bổ xung bằng các bộ Biên niên sử *Toàn thư* và *Cương mục*, bằng những tác phẩm địa lý chính thức thời Nguyễn[2]: *Nhất thống chí địa dư chí* của Lê Quang Định (Kho Việt Nam A.67) được hoàn thành năm 1806 ; *Hoàng Việt địa dư chí* in năm 1833 (Kho Việt Nam A.1074) ; *Đại Nam nhất thống chí* được biên soạn thời Tự Đức (1847 - 1883) theo lệnh của hoàng đế, năm 1865 cho các viên chức của sử quán và được hoàn thành năm 1882 (Kho Việt Nam A.69) in bằng cuốn *Hoàng triều quan chế* (Kho Việt Nam A.1223) bản thảo chứa đựng nhiều chi tiết thú vị về tổ chức chính trị và hành chính của Vương triều nhà Nguyễn. Cuốn *Phương Đình địa dư loại chí* (Kho Việt Nam A.72) do Nguyễn Văn Siêu[3] viết vào khoảng 1860[4], cuốn *Đại Việt cổ kim duyên cách địa chí của Nguyễn Tụy Chân (bản viết tay của trường Viễn Đông Bác cổ, A.77)*

Trong số nhiều chuyên phẩm viết và Bắc Ninh, người ta có thể kể ra ba cuốn. Đó là *Bắc Ninh tỉnh chí* (Kho V.N. A.559), *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (Kho V.N. A.425). Để hoàn

---

(1) Kho Việt Nam của trường Viễn Đông Bác cổ. Từ nay được dẫn với cái tên *Đồng Khánh*

(2) Tham khảo L.Amousseau, lược thuật tác phẩm của Ch.Maybon, *Lịch sử cận đại nước Nam* BEFEO, 1920, tr.II, chú thích I

(3) Xem Maspero *An Nam đo hộ phủ đời Đường* BEFEO, X tr.545

(4) Như trên, tr.545 - 546.

thành việc nghiên cứu tất cả các tài liệu ít nhiều linh tinh nói trên, tôi đã phải sử dụng những bản đồ tỷ lệ 1/100.000 và 1/25.000 rất tốt của Sở Địa lý Đông Dương, những bản đồ được Sở Đạc điền Bắc Kỳ công bố và nhất là những bản điều tra thực địa trong ba tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Phúc Yên hiện nay[1].

*
* *

LSVN_V
DD-32

Nhờ có tất cả các sự sưu tầm tài liệu này, người ta có thể thử vẽ bản đồ tỉnh Bắc Ninh cũ. Trước hết hai bản viết tay có niên đại Lê là cuốn *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi về tập bản đồ đời Hồng Đức chỉ cho biết số lượng những xã. Còn hai cuốn kia, *Bị lãm* và *Đồng Khánh* có niên đại Nguyễn lại cho biết tên của tất cả các xã.

Theo cuốn *Dư địa chí*[2], đầu thế kỷ XV, xứ Kinh Bắc được chia thành bốn *phủ* và 21 *huyện*.

Phủ Từ Sơn gồm 6 huyện :

Tiên Du	52 *xã*
Đông Ngạn	88 *xã*, 1 châu
Võ Giàng	82 *xã*
Quế Dương	45 *xã*
Yên Phong	52 *xã*

(1) Bắt đầu làm việc này, tôi phải cảm ơn Ngài Phan Kế Toại, tổng đốc Bắc Ninh cũng như tất cả các quan chức Bắc Ninh, Bắc Giang và Phúc Yên đã không biết mệt thoả mãn những yêu cầu được nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần của tôi

(2) Tờ 12b - 13a

Thanh Thuỷ	28 *xã* [1]
Tổng cộng tất cả là	347 *xã* thêm 1 châu[2]

Phủ Thuận An gồm 5 *huyện* :

Gia Lâm	68 *xã*, 2 sở và 3 *trại*
Siêu Loại	61 *xã*, 1 *thôn*
Văn Giang[3]	52 *xã*
Gia Định	86 *xã*, 1 *sở*
Lương Tài	74 *xã*
Tổng cộng tất cả là :	341 *xã* thêm 7 đơn vị khác[4]

Phủ Bắc Hà gồm 4 *huyện* :

Hiệp Hoà	22 *xã*, 2 *trại*
Yên Việt	34 *xã*
Kim Hoa	50 *xã*
Tiên Phúc	42 *xã*
Tổng cộng tất cả là	148 *xã* thêm 2 *trại* [5]

Phủ Lạng Giang gồm 6 *huyện*

Yên Dũng	88 *xã*, 2 *trại*
Phượng Nhỡn	67 *xã*
Bảo Lộc	65 *xã*

---

(1) Huyện Thanh Thuỷ chỉ được nêu ra ở đây. Huyện đó không thấy được nêu lên ở bất kỳ một danh sách nào khác. Người ta không biết về sau này nó được gắn vào với đơn vị hành chính nào. Tham khảo *Thống chí. Bắc Ninh*, tờ 2.

(2) Cuốn *Dư địa chí* nói tới 400 xã (tham khảo tờ 12b), điều này không phù hợp với tổng số các xã gán cho mỗi huyện.

(3) Trước kia là Tế Giang

(4) Cuốn *Dư địa chí* nói tới 322 xã, điều này không phù hợp với tổng số các xã được gán cho mỗi huyện.

(5) Cuốn *Dư địa chí* cũng cho cùng một số liệu.

Yên Thế	47 *xã*
Lục Ngạn	52 *xã*
Cổ Lũng	24 *xã*
Tổng cộng tất cả là	343 *xã* thêm 2 *trại* [1]

Như vậy là danh sách của Nguyễn Trãi cho thấy toàn bộ Kinh Bắc có 1191 xã và các đơn vị khác.[2]

Trong tập *Hồng Đức bản đồ*, bảng đính vào bản đồ Kinh Bắc cho biết tỉnh này gồm bốn *phủ* và hai mươi *huyện*.

Phủ Thuận An gồm 5 *huyện* :

Gia Lâm	70 *xã*
Lang Tài	74 *xã*
Siêu Loại	60 *xã*
Văn Giang	54 *xã*
Gia Định	67 *xã*
Tổng cộng	325 *xã*

Phủ Từ Sơn gồm 5 *huyện* :

Tiên Du	52 *xã*
Yên Phong	59 *xã*
Quế Dương	45 *xã*
Đông Ngạn	90 *xã*
Vũ Ninh	44 *xã*
Tổng cộng	290 *xã*

(1) Cuốn *Dư địa chí* kể ra 340 xã.

(2) Cuốn *Dư địa chí* nói tới một tổng số là 1147 xã. Ở đây hẳn có một sự tính sai. Vì nếu người ta cộng lại những con số kể ra cho mỗi phủ người ta sẽ có được tới 1210 xã theo cuốn *Dư địa chí*. Nếu người ta tự mình làm tính cộng theo những con số chỉ ra cho các huyện, người ta sẽ chỉ có được 1191 xã.

Phủ Bắc Hà gồm 4 *huyện* :

Tiên Phúc	42 *xã*
Hiệp Hoà	54 *xã*
Kim Hoa	50 *xã*
Yên Việt	34 *xã*
Tổng cộng	180 *xã*

Phủ Lạng Giang gồm 6 *huyện* :

Phượng Nhỡn	67 *xã*
Hữu Lũng	25 *xã*
Yên Dũng	80 *xã*
Yên Thế	47 *xã*
Lục Ngạn	57 *xã*
Bảo Lộc	65 *xã*
Tổng cộng	341 *xã*

Như vậy vào thời Lê, bắt đầu từ cuối thế kỷ XV, Kinh Bắc gồm có 1136 xã, tức bớt đi 55 xã so với thời kỳ đầu của triều đại này (vào khoảng 1435) theo *Dư địa chí*.

Kết cấu của Kinh Bắc được hơi thay đổi vào thời Gia Long (đầu thế kỷ XIX) theo cuốn *Bi Lãm*[1]. Tỉnh này gồm bốn phủ, 20 huyện.

Phủ Thuận An gồm 5 *huyện* và 346 *xã* :

Gia Lâm	78 *xã*
Siêu Loại	68 *xã*
Văn Giang	61 *xã*
Gia Định	68 *xã*
Lang Tài	71 *xã*

(1) Bản viết tay A.570 của *Bi lãm*, tập 2, tờ 1 - 41

Phủ Từ Sơn gồm 5 *huyện* và 307 *xã* :

Đông Ngạn	96 *xã*
Quế Dương	45 *xã*
Tiên Du	52 *xã*
Võ Giàng[1]	43 *xã*
Yên Phong	71 *xã*

Phủ Bắc Hà gồm 4 *huyện* và 183 *xã* :

Kim Hoa	54 *xã*
Thiên Phúc	41 *xã*
Yên Việt	37 *xã*
Hiệp Hoà	51 *xã*

Phủ Lạng Giang gồm 6 *huyện* và 302 *xã* :

Yên Dũng	80 *xã*
Lục Ngạn	44 *xã*
Bảo Lộc	63 *xã*
Yên Thế	42 *xã*
Phượng Nhỡn	49 *xã*
Hữu Lũng	24 *xã*

Như vậy là, vào đầu thế kỷ XIX, Kinh Bắc được cấu thành bởi 1138 xã, nghĩa là hơn 2 xã thời Hồng Đức và kém 53 xã so với danh sách của Nguyễn Trãi.

Kinh Bắc trấn trở thành *Bắc Ninh trấn* năm 1822, rồi *Bắc Ninh tỉnh* năm 1831. Theo *Danh sách Đồng Khánh*, *Bắc Ninh tỉnh* được chia thành 4 *phủ*, 2 *phân phủ* và 20 *huyện*.

---

(1) Ở đây Võ Giàng thay cho Vũ Ninh trên danh sách của *Dư địa chí*.

Phủ Từ Sơn gồm 5 *huyện* và 310 *xã* phân ra như sau :

Đông Ngạn	92 *xã, thôn, trang, vạn, sở*
Tiên Du	56 *xã, thôn*
Quế Dương	46 *xã*
Võ Giàng	47 *xã, thôn*

Phủ Thuận Thành[1] gồm 3 *huyện* và 210 *xã* phân ra như sau :

Siêu Loại	75 *xã, thôn*
Gia Bình	60 *xã, thôn, sở, phường*
Long Tài	75 *xã, thôn*

Phân phủ Thuận Thành gồm 2 *huyện* với 137 *xã* phân ra như sau :

Gia Lâm	76 *xã, thôn, sở*
Văn Giang	62 *xã, thôn, sở*

Phủ Đa Phúc[2] gồm 3 *huyện* với 145 *xã* và phân ra như sau :

Đa Phúc	40 *xã, thôn, phường*
Hiệp Hoà	50 *xã, thôn*
Kim Anh[3]	55 *xã, thôn*

Phủ Lạng Giang gồm 5 *huyện* với 286 *xã* phân ra như sau :

Phượng Nhỡn	38 *xã*
Bảo Lộc	53 *xã*
Yên Dũng	79 *xã, thôn, phường*
Việt Yên[4]	34 *xã, phường*
Lục Ngạn	82 *xã, thôn, phường*

(1) Thuận Thành là tên mới của Thuận An

(2) Tên Bắc Hà cũ được đổi thành Thiên Phúc phủ rồi Đa Phúc phủ.

(3) Kim Anh là tên mới của Kim Hoa.

(4) Trước kia là Yên Việt.

Phân phủ Lạng Giang gồm 2 *huyện* với 74 *xã* phân ra như sau :

Yên Thế	44 *xã, thôn*
Hữu Lũng	30 *xã, thôn, trại*

Thời Đồng Khánh, nghĩa là trong phần tư cuối cùng của thế kỷ XIX, Bắc Ninh gồm 1162 *xã*, nhiều hơn thời Gia Long 24 *xã*.

*

* *

Như vậy, từ giữa đầu thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, đã không có những thay đổi lớn trong phạm vi tỉnh Bắc Ninh.

Đầu thế kỷ XV, tỉnh có 1191 xã, vào khoảng 1490 có 1136 xã. Thời Gia Long (1802 - 1819) người ta đếm được 1138 xã, vào những năm cuối cùng của thế kỷ XIX, 1162 xã. Sự chênh lệch quan trọng giữa con số của Nguyễn Trãi và những con số về sau là do hai điều bất thường của cuốn *Dư địa chí*. Đầu tiên là người ta không thấy dấu vết nào của huyện Thanh Thuỷ (gồm 28 xã) được Nguyễn Trãi ghi chép[a]. Sau đó, *huyện* Võ Giàng của *Dư địa chí* gồm có 82 *xã* trong khi đó nó chỉ có 44 *xã* trong tập Bản đồ Hồng Đức, 43 *xã* trong danh sách thời Gia Long và 47 *xã* trong danh

(a) Chúng tôi cho rằng huyện Thanh Thủy mà Nguyễn Trãi ghi trong *Dư địa chí* là phần đất nằm giữa Yên Phong và Hiệp Hòa. Sau huyện này gộp vào Hiệp Hòa. Chứng cứ là :

- Hiệp Hòa từ 22 xã (*Dư địa chí*) tăng đột ngột lên 54 xã (Thiên Nam dư hạ tập - 1483). Ngoài 28 xã của Thanh Thủy, Hiệp Hòa còn thêm một số xã sau là tổng Mai Đình - vốn của Đa Phúc vào thời Trần.
- Gần 4 thế kỷ sau, trong *Bị lãm*, Hiệp Hòa chỉ còn lại 5 xã. Có lẽ đã cắt trả lại một số xã cho Đa Phúc lập nên tổng Phổ Lông (4 xã, trong đó có xã Thanh Thủy gồm Thanh Thủy Huệ, Thanh Thủy Đông).

sách thời Đồng Khánh. Liệu có một sai lầm về con số được đưa vào bản in *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi ? Dù sao mặc lòng, tôi đã có dịp cho thấy là những tính toán không phải bao giờ cũng rất đáng tin trong văn bản này.

Đối với các *huyện* khác, người ta chỉ thấy có những khác biệt rất nhỏ giữa các thời đại. Như vậy là người ta có thể coi danh sách được làm thời Gia Long là chấp nhận được đối với những giai đoạn trước đó. Và như vậy bản đồ hành chính Kinh Bắc, vào những năm đầu tiên của thế kỷ XIX có thể tạm thời được coi, vì không có những tài liệu khác đầy đủ hơn, như bản đồ hành chính của xứ có cùng một tên thời Lê. Trong những năm cuối cùng của thế kỷ XIX, những thay đổi lớn đã được đem đến cho ngay cả khuôn khổ của *tỉnh* Bắc Ninh. Năm Thành Thái thứ 7 (1895), người ta tách ra khỏi Bắc Ninh (tỉnh từ thời Minh Mệnh) các *huyện* Yên Dũng, Phượng Nhỡn, Lục Ngạn, Hiệp Hoà, Yên Thế, Việt Yên và Hữu Lũng để thành lập *tỉnh* Bắc Giang với *phủ* Lạng Giang (đất đai của huyện Bảo Lộc)[a]. Để hình thành *tỉnh* Phúc Yên (năm Thành Thái

(a) Thực ra phải đến tháng 9 năm 1921 tỉnh Bắc Giang mới ổn định về địa giới với diện tích 5200 km^2, 8 phủ huyện. Có một vài điểm đáng lưu ý sau :

- Năm 1898 thực dân Pháp tách Việt Yên, Hiệp Hòa lập ra *Đại lý Đức Thắng*. Năm 1898 *Đạo quan binh Yên Thế* (lập năm 1895) đổi là *Đại lý Nhã Nam*. Năm 1909 Đại lý Nhã Nam chia ra làm *phủ Yên Thế* và *châu Hữu Lũng*.
- Cũng tháng 5 năm 1909 chúng đưa một số xã của Quảng Yên vào Bắc Giang lập thành huyện Sơn Động.
- Năm 1915 đưa huyện Yên Bác của Quảng Yên vào Bắc Giang.
- Tháng 5 năm 1917 nhập Sơn Động với Yên Bác thành châu Sơn Động của Bắc Giang. →

thứ 14) năm 1902, người ta đã tách ra khỏi Bắc Ninh các *huyện* Đa Phúc mà Kim Anh. Trước kia vào năm 1887 (năm Đồng Khánh thứ hai), một số *tổng* đã được tách ra khỏi các *huyện* Siêu Loại, Gia Lâm và Lang Tài để gộp vào *tỉnh* Hưng Yên. Đồng thời, năm *tổng* của *huyện* Văn Giang đã được gộp vào *tỉnh* Hải Dương.

Hiện nay tên Bắc Ninh *tỉnh* chỉ là các tỉnh được hình thành bằng những *huyện* cũ Đông Ngạn (bây giờ là *phủ* Từ Sơn), Yên Phong, Võ Giàng, Tiên Du, Quế Dương, Gia Bình và những địa vực đã ít nhiều bị cắt xén của các *huyện* Siêu Loại (ngày nay là *phủ* Thuận Thành), Gia Lâm (ngày nay được nâng lên ngạch *phủ*), Văn Giang và Lang Tài. Bắc Ninh chỉ còn 595 *xã* thay cho 1162 *xã* thời Đồng Khánh, 1138 *xã* thời Gia Long, 1130 *xã* thời Hồng Đức và 1191 *xã* đầu đời Lê.

Tôi xin công bố trong những trang dưới đây, danh sách các xã của Kinh Bắc thời Gia Long. Tôi sẽ xin ghi chú, mỗi khi cần đến, tất cả những sự thay đổi đã được diễn ra

→ - Ngày 22 tháng 9 năm 1921 giải tán huyện Phượng Nhỡn.

Ngược lại với Bắc Ninh, nhiều huyện ở tỉnh Bắc Giang lại được chia ra (Lục Ngạn thành Lục Ngạn và Lục Nam; Yên Thế thành Yên Thế và Tân Yên). Một số huyện khác trong cuộc kháng chiến chống Pháp được nhập sang Quảng Yên (Sơn Động - Lục Ngạn) đến hòa bình lập lại mới trở về Bắc Giang. Khi thành lập Khu tự trị Việt Bắc, huyện Hữu Lũng được cắt sang Lạng Sơn. Từ 1 tháng 1 năm 1997 tỉnh Bắc Giang được tái lập, có diện tích 3816.7 km^2 với 9 huyện (Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Tân Yên, Yên Dũng, Yên Thế, Việt Yên), 1 thị xã (Bắc Giang) và 220 xã, phường. Trên thực tế, Bắc Giang bị thu hẹp gần 1400 km2, tương đương một tỉnh đồng bằng.

trong đó cho tới ngày nay. Danh sách này sẽ cho thấy đại khác diện mạo đất đai của cảng tỉnh này thời Lê[1].

(1) Để hiểu được những cự ly đưa ra trong những trang sau đây, tôi xin nhắc lại rằng đơn vị đo lường cũ về đường đi của Việt Nam trước kia là *mộc xích* hoặc nói gọn lại là xích (tên thường dùng là thước) dài khoảng 0m35 đến 0m38. Cái xích này bằng 10 thốn (tên thường dùng : tấc) hay 100 ly. Mỗi tầm bằng 5 xích. Các trương bằng 10 xích. Mỗi lí (tên thường dùng : dặm) gồm 290 tầm hay xích. Xem Nguyễn Hữu Thận, *Toán pháp nhất đắc lục* (bản viết tay của trường Viễn Đông Bác cổ A. 1336

PHỦ THUẬN AN

Thời Hán *phủ* này là *huyện* Long Biên[1]. Thời Lý nó thuộc *quận* Gia Lâm, thời Trần nó thuộc *lộ* Bắc Giang. Thời thống trị Minh lãnh vực của nó bị gộp vào hai *huyện* của *phủ* Bắc Giang và vào những *huyện* của *châu* Gia Lâm[2]. Đầu đời Lê, người ta lập ra *phủ* Thuận An với năm *huyện* Siêu Loại, Gia Bình, Lang Tài, Văn Giang và Gia Lâm. Đầu tiên người ta gộp nó vào *thừa tuyên* Bắc Giang, sau đó vào *trấn* Kinh Bắc. Nhà Mạc (1527 - 1592) đưa nó vào Hải Dương. Thời Quang Hưng (1518 - 1599) nhà Lê, nó lại trở về với hình dáng trước đó. Đầu đời Nguyễn, Gia Long (1802 - 1819) giữ nguyên trạng. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), người ta tách ra hai *huyện* Văn Giang và Gia Lâm để lập *phân phủ* (phủ phụ) Thuận An. Năm Tự Đức thứ 15 (1862) nó được đổi thành *phủ* Thuận Thành[3].

*

* *

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 4b - 5a

(2) Nghĩa là những huyện Siêu Loại, Yên Định (Gia Bình hiện nay), Tế Giang (Văn Giang hiện nay), Thiện Tài (Lang Tài hiện nay). Xem *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh*, K.118 tờ 6.

(3) Phân phủ bị bãi bỏ năm 1912. Tham khảo A.745 *Công báo* tờ 204. Cho tới khi đó, phủ Thuận Thành kiêm lý huyện Siêu Loại và thống hạt hai huyện Gia Bình và Lang Tài ; phân phủ kiêm lý huyện Gia Lâm và thống hạt huyện Văn Giang. Tham khảo *Đồng Khánh*, tờ 39 và 60.

Hiện nay, *phủ* Thuận Thành quản địa vực của *huyện* cũ Siêu Loại mà cái tên đã biến mất. Đầu đời Lê, phủ này gồm 341[1] *xã* so với 325 *xã* vào cuối thế kỷ XX.[2] Vào thời Gia Long, nó gồm 5 *huyện*: Gia Lâm, Siêu Loại, Văn Giang, Lang Tài và Gia Định với 46 *tổng* 346 *xã, thôn, phường* và *sở* [3].

Theo "Tự Đức địa dư chí lục"[4] *phủ* Thuận Thành cách tỉnh thành Bắc Ninh[5] 31 dặm về phía Nam (hơi

---

(1) *Dư địa chí* tờ 12b

(2) *Hồng Đức bản đồ.*

(3) A.570 tập 2 tờ 1a - 2b.

(4) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 4b.

(5) Ngôi thành của tỉnh Bắc Ninh chu vi là 322 trượng, 3 thước, 2 tấc, cao 9 thước. Hào rộng 4 trượng và sâu 5 thước. Thành có bốn cổng ra vào. Thành giáp các xã Đỗ Xá (huyện Võ Giàng), Khúc Toại (huyện Yên Phong) và Hoà Đình (huyện Tiên Du). Trước kia nó được xây dựng trên cương vực xã Đáp Cầu (huyện Võ Giàng). Vào năm Gia Long thứ 3 (1804) nó được dời đến địa điểm hiện nay. Năm Gia Long thứ 4 (1805) người ta đắp nó bằng đất ; năm Minh Mệnh thứ 5 (1824), bằng đá, năm thứ 20 (1840) bằng gạch. Xem *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 9b. Ngoài ra dưới đây là những thông tin do cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* được biên soạn năm Gia Long thứ 14 (1815) cung cấp (A.590, tờ 43b - 44a). Ngôi thành của trấn Kinh Bắc chu vi tổng cộng được 1077 tầm 3 thước. Xung quanh thành bên ngoài có hào đầy nước. Nó có bốn cổng, những cổng đàng trước, bên phải và đàng sau được mở ra năm Ất Sửu (1805). Phần trên, phần dưới và hai tường bên cạnh của các cổng đó được làm bằng đất trộn gạch và đá. Phía bên trên được xây lầu lợp ngói. Cổng bên trái được xây năm Giáp Tuất (1814), phần trên, phần dưới và hai tường bên cạnh thì bằng đất, phía bên trên có xây một cái lầu ba gian lợp tranh.

Ngôi thành của trấn cách thành Thăng Long ba trống canh đường bộ, 3 ngày đường sông. Từ vị trí này của trấn, sang phía Đông tới giới hạn các huyện Thanh Lâm, Chí Linh và Đông Triều (tỉnh Hải Dương) là một ngày đường ; sang phía Tây tới giới hạn các huyện Yên Lãng (tỉnh →

hướng sang Đông). Từ Đông sang Tây, nó rộng 54 dặm ; từ Bắc xuống Nam, 20 dặm. Bắt đầu từ phủ lỵ tới giới hạn của *huyện* Thanh Lâm (Hải Dương) là 35 dặm ; tới giới hạn *huyện*.

Huyện Gia Lâm

Tên của *huyện* này hẳn là từ tên của *quận* Gia Lâm do nhà Lý (1010 - 1225) thành lập[1] mà ra. Địa phận của nó được gộp trong *quận* này từ thế kỷ XI tới thế kỷ XIII. Thời Minh, *huyện* này trực tiếp thuộc *phủ* Bắc Giang. Bắt đầu từ thời Lê, nó thuộc phủ Thuận An. Sau cuộc cải cách hành chính năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), nó là một trong hai *huyện* của *phân phủ* Thuận An, bản thân phân phủ cũng bị bãi bỏ năm Duy Tân thứ 6 (1912). Từ đó, nó do một tri huyện trị nhậm. Cuộc cải cách hành chính năm 1937 nâng nó lên ngạch *phủ*.

Huyện Gia Lâm cách 20 dặm về phía Tây - Bắc *phân phủ* Thuận An. Đo từ Đông sang Tây được 29 dặm, từ Bắc xuống Nam 21 dặm. Từ phủ lỵ về phía

---

→ Sơn Tây), Phổ Yên và *Bình Nguyên*[a] (tỉnh Thái Nguyên) là một ngày đường. Về phía Nam tới giới hạn huyện Đông An, phủ Khoái Châu (Sơn Nam Thượng) cũng như tới con sông giới hạn của huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín và tới giới hạn các huyện Đường Hào và Cẩm Giàng (tỉnh Hải Dương) là một ngày. Tham khảo *Bắc thành địa dư chí lục* (A.1565), q.6, tờ 1. Xem Ardant du Picq, *Lịch sử một ngôi thành An Nam : Bắc Ninh* trong Tập san *Đô thành hiếu cổ*, Hà Nội 1935.

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5, Cuốn *Đại Việt sử ký* (q.2, tờ 43, giòng 2) nói tới con sông Gia Lâm tồn tại thời Lý.

(a) Trong nguyên bản tiếng Pháp in là *Bình Nguyên*. Sửa lại là *Bình Tuyền*.

Đông cho tới giới hạn *huyện* Siêu Loại là 27 dặm ; về phía Tây cho tới giới hạn sông Nhị Hà là 2 dặm ; về phía Nam cho tới giới hạn *huyện* Văn Giang là 16 dặm ; lên phía Bắc cho tới giới hạn *huyện* Đông Ngàn, *phủ* Từ Sơn là 5 dặm[1]. Huyện lỵ *huyện* Gia Lâm nằm tại *thôn* Ái Mộ, *xã* Lâm Hạ. Trước kia được đặt ở *xã* Đặng Xá, rồi được chuyển tới *xã* Phú Thị. Năm Gia Long thứ 2 (1803), nó được chuyển tới vị trí hiện nay.[2]

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5b.

(2) Như trên, tờ 10b. Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 50b - 52a) nói : huyện lỵ Gia Lâm nằm trên địa phận *thôn* Ái Mộ, xã Lâm Hạ.
- "Về phía Đông, huyện lỵ cách địa giới huyện Siêu Loại 2299 tầm, cách xã Gia Thị 710 tầm, cách sở Hoa Lâm 788 tầm, cách xã Lệ Mật 279 tầm, cách xã Xuân Tinh 430 tầm ; cách xã Hộ Xá 744 tầm ; cách xã Nông Vụ 518 tầm 2 thước ; cách xã Cổ Bi 765 tầm 2 thước ; cách xã Đặng Xá 2563 tầm ; cách xã Lê Xá 715 tầm ; cách xã Phú Thị 1201 tầm ; cách thôn Nhân Lễ 400 tầm ; cách xã Tô Khê 715 tầm ; cách xã Linh Qui 7 tầm 7 tấc ; cách xã Giao Tất 673 tầm 3 thước ; cách xã Kim Đường 713 tầm 2 thước ; cách địa giới xã Đức Hiệp, huyện Siêu Loại 175 tầm.
- Về phía Tây từ huyện lỵ tới bến đò xã Ái Mộ là 746 tầm.
- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới địa giới huyện Văn Giang là 6131 tầm, 4 thước, 2 tấc ; tới xã Phú Viên là 180 tầm ; tới xã Lâm Du là 243 tầm, 4 thước ; tới xã Cổ Linh là 475 tầm ; tới xã Cự Linh là 1144 tầm 3 thước ; tới xã Xuân Quan là 537 tầm 4 thước ; tới xã Thổ Khối là 192 tầm, 4 thước, 2 tấc ; tới xã Đông Du là 331 tầm ; tới xã Đông Cao là 1135 tầm ; tới xã Kim Quan là 450 tầm, 3 xích ; tới địa giới xã Phụng Công huyện Văn Giang là 870 tầm 3 thước.
- Lên phía Bắc, từ huyện lỵ tới địa giới huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn là 1910 tầm ; tới xã Gia Thị là 398 tầm, 2 thước ; tới xã Gia Thượng là 314 tầm ; tới địa giới xã Ông Xá, huyện Đông Ngàn là 1189 tầm, 2 thước. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565),q.6 tờ 9a.

Thời Gia Long, *huyện* Gia Lâm gồm có 10 *tổng* với 78 *xã, thôn, sở* so với 68 *xã*, 2 *sở*, 3 *trại* thời đầu Lê[1] và 10 *tổng*, 70 *xã, thôn, sở* trong *Danh sách Đồng Khánh*[2].

Ngày nay, *phủ* Gia Lâm chỉ còn có 7 *tổng* với 56 *xã*, 3 *tổng* cũ Lạc Đạo, Nghĩa Trai và Như Kinh được nhập vào *huyện* Văn Lâm, *tỉnh* Hưng Yên. Lỵ sở của nó nằm tại địa phận xã Trường Lâm, tổng Gia Thuỵ.[a]

1/ Tổng Như Kinh, 6 xã[3]

Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824), đổi thành Như Quỳnh[4]. Năm 1887, tách khỏi bản *phủ* để thành lập *tổng* cùng tên của *huyện* Văn Lâm, *tỉnh* Hưng Yên.

1. Như Kinh xã.

Đổi thành Như Quỳnh năm 1824. Tên thông thường[5] : Làng Ghênh.

Bốn thôn :[6], Đường Cố, Lê Xá (ttt: Thôn Lơ), Ngọc Quỳnh, Trung Lê

2. Ngô Xuyên xã

---

(1) *Dư địa chí*, tờ 12b.

(2) A.537, tờ 63 - 64.

(3) Nay là xã Như Quỳnh (Văn Lâm), Cửu Cao (Văn Giang) của tỉnh Hưng Yên.

(4) *Hoàng triều quan chế*, dẫn dẫn, tờ 70a.

(5) Từ nay viết tắt là ttt.

(6) Mỗi khi cần tôi sẽ chỉ ra những thôn mà hiện nay xã bao gồm

(a) Theo quyết định của Hội đồng Chính phủ, năm 1961 huyện Gia Lâm nhập về Hà Nội sau khi nhập thêm các xã :

- Yên Thường, Đình Xuyên, Ninh Hiệp (Từ Sơn)
- Phù Đổng, Trung Mầu (Tiên Du)
- Dương Quang, Dương Xá (Thuận Thành)

Hiện tại Gia Lâm có 31 xã, 4 thị trấn.

3. Hoà Lạc xã

Đổi thanh Hành Lạc trong *Danh sách Đồng Khánh* ; ngày nay cũng thế.

4. Ngọ Câu xã

5. Cửu Cao xã (ttt: Làng Gầu)

Làng này là làng duy nhất của tổng cũ Như Kinh hiện nay được tách khỏi tổng để sáp nhập vào tổng Đa Ngưu của huyện Văn Giang (Bắc Ninh).

6. An Xuyên xã :

2/ Tổng Kim Sơn : 12 xã, thôn[a]

Danh sách của *Bị làm sách* cho thấy tổng này có chín tên xã, trong đó xã Lê Xá được nhắc lại 5 lần với dấu ngoặc đơn ở trên các thôn :

1. Kim Sơn xã (ttt. Làng Then)
2. Châu Tảo xã (ttt. Làng Táo)
3. Linh Qui xã (ttt. Làng Vụi)
4. Giao Cự xã (ttt. Làng Chè)
5. Giao Tất xã (ttt. Làng Keo)
6. Phú Thị xã (ttt. Làng Sủi)
7. Lê Xá xã, (Hoàng Hà thôn)
8. Lê Xá xã, (Viên Ngoại thôn)
9. Lê Xá xã, (Nhân Lễ thôn, ttt. Làng Lở)

(a) Nay vẫn thuộc Gia Lâm gồm :

- Xã Kim Sơn (Kim Sơn, Giao Tất, Giao Tự, Linh Quy)
- Xã Phú Thị (Hàn Lạc, Phú Thị, Tô Khê. Chân Tảo)
- Một phần xã Đặng Xá (Nhân Lễ, Yên Đà, Kim Âu, Hoàng Hà)

10. Lê Xá xã . (Kim Âu thôn)

11. Lê Xá xã, (Yên Đà thôn, ttt. Làng Già)

12. Cổ Khê xã, (ttt. Làng Tó)

13. Hàn Lạc xã

Hai thôn : Đồng Bản, (ttt. Làng Bún) Hàn.

3/ Tổng Đặng Xá : 11 xã, thôn, sở[a]

1. Đặng Xá xã

Năm thôn :Cự Đà (ttt. Làng Gốm), Đặng, Lê (ttt : Làng Lời), Lễ (ttt. Làng Lở), Xa Long

2. Cổ Bi xã

Ba thôn : Cam, Hoàng (ttt. Làng Vàng), Hội

3. Nông Vụ xã, (Đông thôn)

Ngày nay : Nông Vụ Đông ; (ttt. Làng Vo Đông)

4. Nông Vụ xã, (Thượng, Trung hai thôn)

Ngày nay nó cấu thành hai xã : Nông Vụ Thượng (ttt : Làng Vo Thượng), Nông Vụ Trung (ttt. Làng Vo Trung)

5. Đông Lâm sở (Vụ Đồng thôn)

Nay trở thành Vụ Đồng xã

(a) Các xã của tổng Đặng Xá nay là các xã và thị trấn của Gia Lâm :

- Thị trấn Đức Giang (một phần thành Thanh Am và Thượng Thanh)
- Thị trấn Yên Viên (một phần Tiểu Hoa Lâm)
- Xã Yên Viên (Ái Mộ, Lã Côi, Yên Viên)
- Xã Hội Xá (Hội Xá, Nông Vu)
- Xã Giang Biên (Quán Tình, Tình Quang)
- Xã Cổ Bi (Cổ Bi)
- Một phần xã Đặng Xá (Đặng Xá, Cự Đà)
- Một phần xã Thượng Thanh (Thanh Am)

6. Đông Lâm sở (Cự Đồng thôn)
Nay trở thành Cự Đồng xã.

7. Tình Quang xã (ttt. Làng Vịa)
Một thôn : Cống (ttt : Làng Vịa Cống)

8. Quan Tình xã
Xã này không có trong *Danh sách Đồng Khánh*. Ngày nay, nó trở thành xã Quan Tình (ttt. Làng Tạnh)

9. Hộ Xá xã
Ngày nay trở thành Hội Xá

10. Hoa Am xã
Nó trở thành Thanh Am trên *Danh sách Đồng Khánh*. Ngày nay: xã Thanh Am, (ttt. Làng Đuống)

11. Tiểu Hoa Lâm xã
Nó trở thành Tiểu Lâm trên *Danh sách Đồng Khánh*. Ngày nay: *xã* Tiểu Lâm.
Ba thôn : Ái Mộ, Lã Côi, Yên Viên

4/ Tổng Gia Thị : 12 xã, thôn, sở[a]

Tổng này được đổi thành Gia Thụy trên *Danh sách Đồng Khánh* : 11 *xã, thôn, sở* ; ngày nay nó gồm 13 *xã*

(a) Nay vẫn thuộc Gia Lâm gồm :
- Thị trấn Gia Lâm (Ái Mộ, Ngọc Lâm, Thượng Cát)
- Xã Bồ Đề (một phần Ái Mộ, Lâm Du, Ngọc Lâm, Phú Viên)
- Xã Ngọc Thụy (Cổ Xá, Bắc Cầu, Gia Quất, Gia Thượng)
- Xã Việt Hưng (Kim Quan, Lệ Mật, Tràng Lâm)
- Một phần xã Gia Thụy (Gia Thụy, Mai Phúc)
- Một phần xã Thượng Thanh (Gia Quất, Thượng Cát)

1. Gia Thị xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Gia Thụy; ngày nay cũng vậy

2. Gia Thượng xã

3. Lệ Mật xã

4. Lâm Hạ xã, (Ái Mộ thôn). ngày nay xã Ái Mộ

5. Lâm Hạ xã, Phú Viên thôn

Ngày nay trở thành xã Phú Viên (ttt Bồ đề)

6. Lâm Du xã

7. Mai Phúc xã

8. Gia Quất xã

9. Cơ Xá xã

Xã này không có trên *Danh sách Đồng Khánh*, cũng không có trên danh sách ngày nay.

10. Thạch Cầu xã (ttt : Làng Dõi)

11. Kim Quan sở

Hai thôn : Đông và Thượng.

12. Hoa Lâm xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* trở thành : Trường Lâm sở. Ngày nay : *xã* Trường Lâm (ttt : Hoa Lâm)

Tổng Gia Thụy này ngày nay còn hai *xã* khác :

1/ Thượng Cát, trước là *thôn* cũ : Thượng Du, *xã* Gia Thị, được nâng lên thành *xã* độc lập năm 1897.

2/ Ngọc Lâm, (ttt : Làng Cầu Cá), trước là *thôn*

cũ Cầu Cá của xã Trường Lâm, được nâng lên thành xã độc lập năm 1902[1].

5/ Tổng Cự Linh : 4 xã[a]

Ngày nay *tổng* này gồm sáu xã.

1. Cự Linh xã

   Bốn thôn : Hạ Trai, Ngọc Trì (ttt : Làng Dìa), Ngô, Thạch Cầu (ttt : Làng Bây)

2. Cổ Linh xã

   Bốn thôn: Nha, Ô Bách (ttt : Quán Chuồi), Tử Đình, Trạm

3. Xuân Đỗ xã

4. Thổ Khối xã

   Tổng Cự Linh này ngày nay còn gồm có hai xã khác.

1/ Sài Đồng (*thôn* cũ của *xã* Cự Linh được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ nhất 1889).

2/ Cự Đồng (*thôn* cũ của *xã* Cự Linh, được nâng lên thành xã độc lập dưới triều Thành Thái.

---

(1) Từ 1940, xã Ngọc Lâm này với xã Ái Mộ của tổng Gia Thuỵ, cấu thành thị xã, trung tâm nông thôn Ngọc Thuỵ của phủ Gia Lâm.

(a) Nay gồm các xã, thị trấn thuộc Gia Lâm :

- Xã Cự Khối (Thổ Khối, Xuân Đỗ)
- Xã Long Biên (Cổ Linh, Nha, Trạm, Tử Đình)
- Xã Thạch Bàn (Cầu Bây, Cự Đồng, Cự Linh)
- Thị trấn Sài Đồng (Sài Đồng)
- Sân bay Gia Lâm (Ô Cách)

6/ Tổng Đông Dư : 5 xã, thôn[a]

1. Đông Dư xã, (Thượng thôn; ttt : Làng Gỏi Thượng)

2. Đông Dư xã, (Hạ thôn; ttt : Làng Gỏi Hạ)

3. Bát Tràng xã[1]

4. Xuân Quan xã[2] (ttt : Làng Sươn)

5. Kim Quan xã

Trước kia *xã* này có tên là Kim Lan[3]

7/ Tổng Lạc Đạo : 5 xã[b]

Hiện nay *tổng* này được gắn vào *huyện* Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

1. Lạc Đạo xã

Bảy thôn : Cự Lộ, Chu Cầu, Hoằng Đạo, Mai Xá (ttt : Thôn Mụ), Ngọc Quả, Trần Trung, Trình Hậu

---

(1) Phường Bạch Thổ cũ. Xem bản viết tay kho VN A. 1804, tờ 8b.

(2) Ngày nay xã này được gộp vào huyện Văn Giang, tổng Đại Quan.

(3) Tham khảo *Đại Nam Lịch triều liệt huyện đăng khoa bộ khảo*, A.485 Bắc Kinh tờ 88b giòng 5

(a) Nay vẫn thuộc Gia Lâm gồm :
- Xã Kim Lan (Kim Lan)
- Xã Đông Dư (Đông Dư Hạ, Đông Dư Thượng)
- Một phần xã Bát Tràng (Bát Tràng)

(b) Nay thuộc Văn Lâm - Hưng Yên gồm :
- Xã Lạc Đạo
- Xã Chỉ Đạo

2. Yên Khê xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* nó trở thành Đoan Khê; ngày này cũng vậy.

3. Hùng Trì xã

4. Ngu Nhuế xã

5. Mộ Đạo xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* nó trở thành : Hướng Đạo ; ngày nay cũng vậy.

Ba thôn : Sư tử, Tháp Cả, Tháp Linh

8/ Tổng Cố Biện : 6 xã[(a)]

Hiện nay, cũng như trên *Danh sách Đồng Khánh*, tổng này gồm có 5 xã. Ngày nay nó được gọi là tổng Cổ Giang

1. Cổ Biện xã ; ngày nay : Cổ Giang

2. Lệ Chi xã

Hai thôn : Đông và Nam

3. Liên Đường xã ; ngày nay : Sen Hồ.

4. Kim Đường xã ; ngày nay : Kim Hồ.

5. Gia Lâm xã

6. Doãn Xá xã

Xã này ngày nay được gắn vào tổng Liễu Lâm, phủ Thuận Thành. Hai thôn : Hạ và Thượng.

(a) Nay thành các xã :

- Lệ Chi (Cổ Giang, Lệ Chi, Sen Hồ, Kim Đường, Gia Lâm) của huyện Gia Lâm - Hà Nội.
- Một phần xã Xuân Lâm (Doãn Xá) của huyện Thuận Thành - Bắc Ninh.

9/ Tổng Đa Tốn : 9 xã[a]

1. Đa Tốn xã

Hai thôn : Lê Xá (ttt : Làng Cầu Sổ), Ngọc Động (ttt : Làng Láng)

2. Kiêu Kỵ xã (ttt. Làng Cầu Cậy)

3. Đa Tốn xã (Khoan Hồng thôn)

Trong *Danh sách Đồng Khánh* đó là Khoan Tế thôn, ngày nay là xã Khoan Tế, (ttt Làng Quán Hồng).

4. Thượng Tốn xã

Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) nó được đổi thành Thuận Tốn[1]. Trên *Danh sách Đồng Khánh* : Thuận Tốn ; ngày nay lại là Thuận Tốn (ttt Làng Bún).

5. Hạ Tốn xã

Ba thôn : Báo Đáp (ttt : Làng Đuốc), Chu Xá (ttt : Làng Cầu Chùa), Hoàng Xá (ttt : Làng Nhãn).

6. Đông Cao xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* nó được đổi thành Giang Cao ; ngày nay cũng vậy

7. Xuân Thuỵ xã (ttt : Làng Nị)

8. Gia Cốc xã (ttt : Làng Đanh)

---

(1) *Hoàng triều quan chế*, tờ 77a.

(a) Nay vẫn thuộc Gia Lâm gồm :

- Xã Đa Tốn (Đào Xuyên. Lê Xá. Ngọc Động. Khoan Hồng. Thuận Tốn)
- Xã Kiêu Kỵ (Hạ Tốn. Gia Cốc. Kiêu Kỵ. Xuân Thụy)
- Một phần xã Trâu Quỳ.

9. Đào Xuyên xã

10/ Tổng Nghĩa Trai : 7 xã[a]

Ngày nay tổng này được gắn vào *huyện* Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

1. Nghĩa Trai xã

   Năm thôn : Mộc Tỉ, Ngọ Nghi, Ngọc Lịch, Tiên Quán, Thượng Chế

2. Trai Túc xã

3. Cư Dũ xã

   Ba thôn : Cự Dũ (ttt : Làng Rổ), Ngọc Loan (ttt : Làng Son), Tằng Bảo (ttt : Làng Gạo)

4. Đình Luân xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* đó là Đình Loan ; ngày nay cũng vậy.

   Ba thôn : Bình Lương (ttt : Lường Xá), Ngọc Đà, Thọ Khang

5. Tam Dị xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Tuấn Dị ; ngày nay cũng vậy.

6. Nhạc Lộc xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Nhạc Lộc ; ngày nay cũng vậy (ttt : Làng Dộc)

7. Chí Trung xã

*

* *

(a) Nay thuộc Văn Lâm - Hưng Yên gồm :

- Xã Tân Quang (Nghĩa Trai, Đình Luân, Trai Túc)
- Xã Trưng Trắc (Cự Dũ, Tam Di, Nhạc Lộc, Chí Trung)

Huyện Siêu Loại

Thời Hán địa phận của huyện cấu thành Luy Lâu[1] Tên Siêu Loại được biết đến ngay từ thời *Sứ quân* (945 - 967). Cuốn *Sử Ký* nói tới việc chiếm đóng - trong thời kỳ đó - địa phận Siêu Loại của *sứ quân* Lý Khuê[2].

Thời Minh, huyện thuộc *phủ Bắc Giang*[3]. Từ thời Lê Quang Thuận (1460 - 1469) được tổ chức thành huyện và đặt trong phủ Thuận An.

Huyện Siêu Loại đo được từ Đông sang Tây 27 dặm, từ Bắc xuống Nam 9 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới *huyện* Lang Tài là 7 dặm, về phía Tây cho tới ranh giới *huyện* Gia Lâm, *phân phủ* Thuận Thành là 6 dặm ; lên phía Bắc cho tới ranh giới *huyện* Gia Bình là 3 dặm[4].

Dưới triều Lê, nó gồm 61 *xã* và 1 *thôn* theo cuốn *Dư địa chí* [5] và 60 *xã* theo Hồng Đức bản đồ. Thời Gia Long, nó gồm có 10 *tổng* với 68 *xã*, *thôn* [6] *Danh sách Đồng Khánh* đưa số *xã*, *thôn* ấy lên 75[7]. Ngày nay, *huyện* này được nâng lên thành *phủ* Thuận Thành và gồm có 9 *tổng* với 73 *xã*, *tổng* Đông Xá được gắn vào *huyện* Văn Lâm, *tỉnh*

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 4b.
(2) *Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ* q.7 tờ 13b
(3) *Đại Nam quận quốc lợi bệnh*, K118, tờ 6a
(4) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 4b
(5) Tờ 12b
(6) *Bi lâm* tờ 3b
(7) *Đồng Khánh*, tờ 44b.

Hưng Yên. Lỵ sở của nó nằm trên địa phận *xã* Phú Ninh. *tổng* TamÁ (trước kia thuộc huyện Gia Định)

I/ Tổng Đình Tổ : 8 xã, thôn[a]

1. Đình Tổ xã

2. Đại Trạch xã

   Ba thôn : Phúc Lâm, Tứ Kỳ (ttt : làng Chầm Thượng), Ư Trì (làng)

3. Á Lữ xã

4. Nhạn Tháp xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Bút Tháp ; ngày nay cũng vậy.

5. Phú Thọ xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Phú Mỹ ; ngày nay cũng vậy, (ttt : làng Á)

6. Đại Đồng xã, (Đông thôn)

   Ngày nay là xã Đại Đồng Đông ; ttt : Làng Chai

7. Đại Đồng xã, (Đoài thôn)

   Ngày nay là xã Đại Đồng Đoài

8. Đại Đồng xã, (Văn thôn)

   Ngày nay là *xã* Đại Đồng Văn (ttt : làng Đồng)

(a) Nay thuộc Thuận Thành - Bắc Ninh gồm :

- Xã Đình Tổ (Đình Tổ, Đại Trạch, Bút Tháp, Phú Mỹ)
- Xã Đại Đồng Thành (á Lữ, Đại Đồng Tây, Đại Đồng Đoài, Đại Đồng Văn)

2/ Tổng Liễu Lâm : 8 xã[a]

Danh sách Đông Khánh viết tổng này có 6 xã và ngày nay cũng vậy[1]

1. Liễu Lâm xã

   Ba thôn : Đoài (ttt : Làng Đoài), Đông (ttt : Làng Lụa), Thọ (ttt : Làng Mốt)

2. Liễu Khê xã

   Ba thôn: Bến Long, Đặng Xá, Ngọc Tỉnh

3. Liễu Ngạn xã (ttt : Khe Chợ)

4. Việt Yên xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Cửu An, ngày nay cũng vậy.

   Ba thôn : Bùi Xá, Hữu Lân (ttt : Làng Vít), Tứ Kỳ

5. Đồng Ngư xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Đồng Ngư; ngày nay cũng vậy.

6. Đức Hiệp xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh:* Đức Hiệp ngày nay cũng vậy.

7. Đa Tiện xã

   Hai thôn : Đa Tiện, Thanh Bình

8. Xuân Lê xã

---

(1) Xã thứ 9 này là Doãn Xá thuộc tổng Cổ Biên, huyện Gia Lâm

(a) Nay thuộc Thuận Thành - Bắc Ninh gồm :

- Xã Ngũ Thái (Việt Yên, Đồng Ngư)
- Xã Song Liễu (Liễu Lâm, Liễu Khê, Liễu Ngạn)
- Phần lớn xã Xuân Lâm (Đức Hiệp, Đa Tiện, Xuân Lê)

3/ Tổng Thượng Mão : 11 xã, thôn[a]

1. Đại Mão xã, (Trung thôn)
   Ngày nay là xã Đại Mão Trung (ttt : Làng Giữa)
2. Đại Mão xã, (Lam Cầu thôn)
   Ngày nay là xã Lam Cầu (ttt : Cầu Chợ)
3. Đại Mão xã, (Bình Cầu thôn)
   Ngày nay là xã Bình Cầu
4. Đại Mão xã, (Đông Miếu thôn)
   Ngày nay là xã Đông Miếu
5. Mão Điền xã
   Ngày nay là xã Mão Điền Đoài (ttt : Làng Chầm)
6. Mão Điền Đông xã (ttt : Làng Chầm)
7. Thuỵ Mão xã
8. Thượng Mão xã, (Thượng Trừ thôn)
   Ngày nay là xã Thương Từ
9. Thượng Mão xã, (Ngọ Xá thôn)
   Ngày nay là xã Ngọ Xá
10. Nghĩa Vi
    Trong *Danh sách Đồng Khánh* đó là xã Nghĩa Vi ; ngày nay lại là Nghĩa Vi.
11. Dực Vi xã
    Ngày nay là Dực Vi (ttt : Làng Rộng)

(a) Nay thuộc Thuận Thành - Bắc Ninh gồm :
- Xã Mão Điền (Mão Điền Đoài, Mão Điền Đông, Thụy Mão)
- Xã Hoài Thượng (Bình Cầu, Lam Cầu, Đại Mão Trung, Đông Miếu, Thượng Trì, Ngọ Xá, Nghĩa Vi, Dực Vi)

4/ Tổng Đồng Xá, 4 xã[a]

Tổng này ngày nay được nhập vào *huyện* Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên[1]

1. Đồng Xá xã

Hai thôn : Đình Tổ (ttt : Làng Tó), Uy Nghi (ttt : Thôn Ngui)

2. Đỗ Xá xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, là xã Mỹ Xá, ngày nay cũng vậy.

Ba thôn: Đồng Chung (ttt: Làng Chuông), Mễ Đậu (ttt : Làng Đọ), Khúc Giang (ttt : Làng Khuốc).

3. Thục Cầu xã

Hai thôn : Phả Lê (ttt : Làng Xe), Thục Cầu (ttt : Làng Thốc)

4. Sầm Khúc xã

Hai thôn : Mỹ Trạch (ttt : Làng Chầm), Thanh Miếu (ttt : Làng Miễu).

5/ Tổng Đề Cầu : 5 xã[b]

1. Đề Cầu xã

Bốn thôn: Châu Mỹ (ttt: Thôn Mé), Điện tiền (ttt: Thôn Điền), Hạ (ttt: Ri Hạ), Thượng (ttt : Ri Thượng).

---

(1) Tổng này ngoài ra còn có thôn xã Đại Đồng với hai thôn Đại Bi (ttt : Làng Bia) và Đồng Cầu (ttt : Làng Thông).

(a) Nay thuộc xã Văn Lâm - Hưng Yên gồm:

- Xã Đại Đồng

(b)Nay thuộc xã Nguyệt Đức, Thuận Thành - Bắc Ninh.

2. Kim Tháp xã

3. Quỳnh Đôi xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Thư Đôi ; ngày nay cũng vậy (ttt : Làng Cồi)

4. Lê Xá xã

5. An Nhuế xã (ttt : Làng Vít)

6/ Tổng Vương Xá[1], 8 xã[a]

Tổng này đã đổi thành Nghĩa Xá[2] vào năm Minh Mệnh thứ 5 (1824)

1. Vương Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Nghĩa Xá ; ngày nay cũng vậy

Bốn thôn : Phúc Lâm (ttt : Làng Thơm), Nội Trung (ttt : Làng Giâu), Hạ, Thượng

2. Vương Xá xã, (Đông thôn)

Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) đổi là Đạo Xá[3]

3. Hoàng Xá xã

4. Nhiễm Dương xã (ttt : Làng Rợm)

5. Bùi Xá xã

Ba thôn : Bùi Xá, Thiện Dũ (ttt : Đông Gió), Trạm Trai (ttt : Chợ Vàng)

---

(1) Bản viết tay ghi là Ngọc chứ không phải là Vương

(2) *Hoàng triều quan chế* tờ 70a

(3) *Như trên*

(a) Nay thuộc xã Nguyệt Đức, Thuận Thành - Bắc Ninh.

- Xã Nghĩa Đạo (Đạo Xá, Nghĩa Xá, Nhiễm Dương)
- Một phần xã Trạm Lộ (Nghi An)
- Phần lớn xã Ninh Xá (Bùi Xá, Hoàng Xá)

6. Tô Toàn xã

Trong *Danh sách Đông Khánh* : Tô Giang xã ; ngày nay là xã Nghi An (ttt : Làng Nghè).

7/ Tổng Dương Quang : 6 xã[a]

1. Dương Quang xã

Sáu thôn : Bài Tâm, Đê Trụ, Lam Cầu, Quán Khê, Tự Môn, Trung

2. Dương Xá xã

Ba thôn : Đá, Đình, Dình

3. Bình Trù xã

4. Dương Nguyễn xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Thuận Quang ; ngày nay cũng vậy

5. An Mỹ xã (ttt : Làng Cầu)

6. An Bình xã (ttt : Làng Bằng)

8/ Tổng Khương Tự : 12 xã, thôn[b]

1. Khương Tự xã[1](ttt : Làng Giâu)

2. Đại Tự xã

3. Công Hà xã

---

(1) Trước kia là xã Cổ Châu tham khảo : *Thống chí*, Bắc Ninh (A.69), tờ 29b.

(a) Nay thuộc Gia Lâm - Hà Nội gồm :

- Xã Dương Quang (Dương Quang, An Mỹ, Bình Trù)
- Xã Dương Xá (Dương Xá, Thuận Quang, An Bình)

* An Mỹ thời cổ đại gọi là Thuần Khang

(b) Nay thuộc Thuận Thành - Bắc Ninh gồm:

- Xã Hà Mãn (Công Hà, Đông Cốc, Mãn Xá)
- Xã Thanh Khương (Khương Tự, Đại Tự, Lũng Khê, Thanh Hoài, Thanh Tương)

4. Đông Cốc xã

5. Thanh Hoài xã

6. Thanh Tương xã

7. Vĩnh Thế xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Tư Thế ; ngày nay cũng vậy (ttt : Làng Thúi)

8. Mãn Xá xã[1]

9. Trà Lâm xã

10. Phương Quan xã (ttt : Giàn Câu)

Hai thôn : Phương Quan, Xuân Quan

11. Văn Quan xã (ttt : Giàn Đan)

12. Lũng Triền xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Thanh Tương xã, Lũng Khê thôn ; ngày nay xã Lũng Khê.

9/ Tổng Đông Hồ : 5 xã[b]

Danh sách Đồng Khánh ghi cho tổng này 6 xã, xã thứ 6 là xã Lạc Thổ[2]. Ngày nay, tổng này lấy xã Đông Cỏi từ

---

(1) Trước kia là Phan Xá: Xem *Bắc Ninh toàn tỉnh chí* A.2869 tờ 2a.

(2) Xã này trước kia là một tổng

- Xã Tri Quả (Phương Quan, Xuân Quan, Trà Lâm, Tư Thế, Văn Quan)
  * Công Hà còn gọi là Công Luận
  * Mẫn Xá ttt. Kẻ Mèn
  * Lũng Khê ttt. Kẻ Chiền, Kẻ Mặc
  * Thanh Tương ttt. Kẻ Tướng
  * Phương Quan còn gọi là Phương Lan, ttt. Dàn Câu
  * Xuân Quan còn gọi là Xuân Lan, ttt. Dàn Chợ

(b) Nay thuộc Thuận Thành - Bắc Ninh gồm:

- Xã Song Hồ (Đông Hồ, Đạo Tú, Ngọc Tú, Xuân Tú + Lạc Thổ + Trương Xá)

tổng Bình Ngô, huyện Gia Bình năm 1897 và Trương Xá lập năm 1899 cũng từ tổng ấy.

1. Đông Hồ xã (ttt : Làng Mái)

2. Đạo Tú xã

3. Xuân Tú xã, (Xuân Tú thôn)
Ngày nay là xã Ngọc Tú

4. Xuân Tú xã, (Tú Khê thôn)

5. Xuân Tú xã, (Cẩm Tháp thôn)

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : thôn Túc Tháp ; ngày nay : xã Tú Tháp

10/ Tổng Lạc Thổ : 1 xã[a]

Tổng này không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*, ngày nay không còn tổng này nữa.

1. Lạc Thổ xã[1](ttt : Làng Chêu)

*
* *

Huyện Văn Giang[b]

Đầu đời Lê tên *huyện* này thay cho tên Tế Giang[2]. Dưới sự thống trị của nhà Minh, *huyện* thuộc *châu* Gia Lâm, nằm trong *phủ* Bắc Giang. Bắt đầu từ thời Lê Quang

(1) Xã này ngày nay được gắn vào tổng Đông Hồ, phủ Thuận Thành.

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh tờ 5a. *Dư địa chí*, tờ 12b. Trong cuốn *Sử Ký* có ghi rằng Sứ quân Lã Đường, vào giữa thế kỷ X, đã chiếm giữ địa phận Tế Giang (*Đại Việt Sử Ký*, q.7 tờ 13b)

(a) Nay nhập vào xã Song Hồ, Thuận Thành - Bắc Ninh

(b) Tháng 2 năm 1946, huyện Văn Giang nhập vào tỉnh Hưng Yên.

Thuận (1460 - 1469) thuộc *phủ* Thuận An, rồi thuộc *phân phủ* Thuận An từ năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) và do một đồng tri phủ trị nhậm. Ngày nay nó được thiết lập thành *huyện*, trực tiếp thuộc *tỉnh* Bắc Ninh và do một tri huyện trị nhậm.

Huyện Văn Giang đo từ Đông sang Tây được 24 dặm, từ Bắc xuống Nam 24 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới *huyện* Đường Hào (Hải Dương) là 15 dặm, về phía Tây, cho tới con sông làm ranh giới với *huyện* Thanh Trì (Hà Nội)[1] là 9 dặm ; về phía Nam, cho tới ranh giới *huyện* Đông An[2] là 11 dặm ; lên phía Bắc cho tới ranh giới *huyện* Gia Lâm là 3 dặm[3].

Trong cuốn *Dư địa chí*, huyện Văn Giang gồm có 52 xã[4]. Trong *Hồng Đức bản đồ* thì có 54 xã. Thời Gia Long

(1) Ngày nay là tỉnh Hà Đông.

(2) Ngày nay là phủ Khoái Chu

(3) *Thông chí*, Bắc Ninh, tờ 5a.

Cuốn *Bắc Ninh địa dư* (A.590 tờ 52b - 53b) ghi : huyện lỵ Văn Giang nằm trên địa phận xã Phụng Công.

- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới giới hạn huyện Đường Hào (Hải Dương) là 6361 tầm, 1 thước, 6 tấc, tới xã Hoà Bình là 266 tầm 4 thước ; tới xã Vĩnh Bảo là 586 tầm ; tới xã Khúc Lộng là 990 tầm ; tới thôn Đông Khúc là 1382 tầm ; tới xã Yên Phú là 542 tầm ; tới xã Hiến Phom là 745 tầm 2 thước ; tới ranh giới Nam của xã An Nhận, huyện Đường Hào (Hải Dương) là 39 tầm.

- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới xã Chủ Xá Châu là 880 tầm ; tới Nhị Hà là 1126 tầm. Về phía Nam, từ huyện lỵ tới xã Chủ Xá Châu là 2677 tầm 4 thước.

- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới giới hạn huyện Phù Liệt là 2677 tầm 4 thước ; tới xã Dương Liệt là 484 tầm ; tới giới hạn xã Phù Trạch, huyện Đông An (Hải Dương) là 383 tầm 3 thước.

- Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới giới hạn xã Xuân Quan, huyện Gia Lâm là 645 tầm 3 thước. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565), 4.6 tờ 10a

huyện gồm 9 *tổng* và 65 *xã, thôn, sở*[1]. Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* cho biết cũng số lượng *tổng* và *xã* như vậy[2]. Ngày nay *huyện* chỉ còn bốn *tổng* Đa Ngưu, Đại Quan, Phụng Công và Xuân Cầu với 31 *xã*. Những *tổng* khác được nhập vào tỉnh Hưng Yên. Lỵ sở của nó nằm tại địa phận *xã* Phụng Công.

1/ Tổng Hoà Bình : 8 xã[a]

Ngày nay nó được nhập vào *huyện* Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

1. Hoà Bình xã
   Hai thôn : Hạ, Thượng
2. Vĩnh Lộc xã
3. Ốc Nhiêu xã
4. Ngân Hạnh xã
5. Chấn Đông xã
6. Từ Hồ xã
7. Lại Trạch xã
8. Đại Hạnh xã
   1 thôn : Từ Tây ấp

---

(8) Tờ 12b.

(1) Bị lãm tờ 5-2

(2) Đồng Khánh, tờ 68b.

(a) Nay thuộc huyện Văn Giang - Hưng Yên gồm:

- Xã Hoàn Long (Hòa Bình, Vĩnh Lộc,Ốc Nhiêu)
- Xã Yên Phú (Từ Hồ, Ngân Hạnh, Lại Trạch, Đại Hạnh)

2/ Tổng Đại Từ : 6 xã[a]

Hiện nay tổng này được nhập vào *huyện* Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

1. Đại Từ xã

2. Đông Mai xã

Ngày nay nó là xã Đông Mai

Hai thôn : Đông, Tây

3. Lộng Đình xã

Sáu thôn : Bồng Đông (ttt : Thôn Bùng), Cự Đình (ttt : Thôn Già), Đình Tổ (ttt : Thôn Tó), Lông Thượng (ttt : Thôn Rống), Văn Ổ (ttt : Ó Nghè), Xuân Thao (ttt : Ó Pheo)

4. Cát Lư xã

Hai thôn : Ngoài, Trong

5. Trịnh Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Trình Xá ; ngày nay cũng vậy.

Hai thôn : Đoài, Đông

3/ Tổng Đồng Than : 6 xã[b]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Đồng Than ; ngày nay cũng vậy. Hiện tại nó được nhập vào huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

(a) Nay thuộc Văn Lâm - Hưng Yên

(b) Nay thuộc huyện Yên Mỹ - Hưng Yên gồm:

- Xã Đồng Than (Đồng Than, Thanh Nga)

1. Đông Than xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Đồng Than ; ngày nay cũng vậy.

Ba thôn : Hạ, Thượng, Xuân Trường

2. Trang Vũ xã

Ngày nay là Tráng Vũ (ttt : Cầu Ván)

3. Kênh Cầu xã (ttt : Cầu Kênh)

4. Lạc Cầu xã

Hai thôn : Lạc Cầu (ttt : Cầu Lạc), Tử Cầu (ttt : Thôn Tía)

5. Thanh Nga xã

Ngày nay là Thanh Nga

Ba thôn : Châu Xá, Đặng Xá (ttt : Thôn Đừng), Nhân Lý

6. Hoàng Đôi xã (ttt : Đồng Vàng)

Ba thôn : Chi Long, Đông Phòng, Ngọc Tỉnh

4/ Tổng Phụng Công : 10 xã, sở[a]

Ngày nay tổng gồm có 11 xã.

1. Phụng Công xã

Sáu thôn : Bền, Đại , Đào, Khúc, Ngô, Thập

2. Công Luận xã (ttt : Lang Lọn)

3. Đan Nhiễm sở

(a.) Nay thuộc huyện Văn Giang - Hưng Yên gồm:

- Xã Phụng Công (Phụng Công, Công Luân)
- Xã Văn Phúc (Đan Nhiễm Sở, Đan Nhiễm, Đan Kim)

4. Dương Liệt xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Dương Liệt: ngày nay là Dương Liệt

Hai thôn : Thượng, Hạ

5. Phi Liệt xã (ttt : Làng Ngàn)

6. Xâm Khố xã. Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Xâm Khố.

7. Tầm Tang xã

8. Phù Liệt xã

9. Quán Trạch xã

Hai thôn : Giao Trì, Thuỵ Hương (ttt : Làng Trầm)

10. Đan Nhiễm xã

Hai thôn : Thượng, Hạ

Tổng Phụng Công ngày nay còn xã Đan Kim vốn là một phần của sở Đan Nhiễm được nâng lên xã độc lập năm Duy Tân thứ ba (1909).

5/ Tổng Thái Lạc : 9 xã[a]

Hiện nay *tổng* này được gắn vào *huyện* Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và gồm có 11 xã

1. Thái Lạc xã

Một thôn : Xuân Trù.

(a) Nay thuộc xã Văn Lâm - Hưng Yên gồm:

- Xã Lạc Hồng (Thái Lạc, An Lạc, Nhạc Miếu, Ôn Xá)
- Xã Minh Hải (Thanh Khê, Thanh Đặng, Hoàng Nha, Hương Lãng)
- Xã Đình Dù (Đình Dù, Thị Trung, Ôn Xá)

2. An Lạc xã

3. Nhạc Miếu xã

Hai thôn : Hồng Câu, Miếu thôn

4. Ôn Xá xã (ttt : Làng Un)

5. Ngải Dương xã (ttt : Làng Ngái)

Hai thôn : Đông Nghệ, Xuân Lôi (ttt : Thôn Lồi)

6. Thanh Đặng xã

7. Hoàng Nha xã (ttt : Làng Ngà)

8. Hương Lãng xã (ttt : Làng Lạng)

Ba thôn : Thượng Trì, Văn Tự, Khách Đinh

9. Thanh Khê xã

Ngày nay *tổng* Thái Lạc này còn gồm có hai *xã* khác.

1) Đình Dù là *thôn* cũ của xã Ôn Xá, được nâng lên thành *xã* độc lập năm 1895.

2) Thị Trung là *thôn* cũ của xã Ôn Xá, được nâng lên thành *xã* độc lập năm 1900.

6/ Tổng Đa Ngưu : 9 xã[a]

1. Đa Ngưu (ttt : Làng Trâu)

Ba thôn : Điềm, Nguyễn, Xuân.

2. Kim Ngưu xã

Hai thôn : Hạ, Thượng Trì

(a) Nay thuộc huyện Văn Giang - Hưng Yên gồm:

- Xã Tân Tiến (Đa Ngưu, Kim Ngưu, Như Nội, Bá Khê)
- Xã Long Hưng (Như Lân, Như Phượng, Lại Ốc, Ngọc Bộ)
- Xã Cửu Cao (Cửu Cao)

3. Bá Khê xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Bá Khê xã ; ngày nay : Bá Khê (ttt : Làng Bả)

4. Nhân Nội xã

Hai thôn : Hạ, Thượng

5. Như Phượng xã

6. Như Lân xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Như Lân ; ngày nay cũng vậy (ttt : Làng Rồng)

7. Ngọc Bộ xã

8. Lại Ốc xã (ttt : Làng Ác)

9. Nhân Xực xã

Ngày nay *tổng* Đa Ngưu còn có *xã* Cửu Cao, được tách khỏi *tổng* Như Kinh, *huyện* Gia Lâm.

7/ Tổng Đại Quan Châu : 4 xã[a]

Ngày nay tên tổng là Đại Quan

1. Đại Quan Châu xã

Ngày nay là xã Đại Lan, tổng Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông.

2. Chử Xá Châu xã

Ngày nay là *xã* Chử Xá (ttt : Làng Sứa)

3. Trung Quan Châu xã.

Ngày nay là *xã* Trung Quan.

(a) Nay là xã Xuân Quan, Văn Giang - Hưng Yên.

4. Sơn Hô Châu xã.

Ngày nay là *xã* Sơn Hô ; ttt : Làng Rôi.

Hiện tại *tổng* Đại Quan còn có *xã* Xuân Quan, được tách khỏi *tổng* Đông Dư, *huyện* Gia Lâm.

8/ Tổng Hoa Cầu : 6 xã, thôn[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Xuân Cầu ; ngày nay cũng thế.

1. Hoa Cầu xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Xuân Cầu ; ngày nay cũng thế.

Ba thôn : Lê, Phúc, Tam

2. Khúc Lộng xã

Bốn thôn : Đào Xá, Đỗ Thượng, Đồng Lương, Thịnh Mỹ.

3. Khúc Lộng xã (Đông Khúc thôn)

Ngày nay là xã Đông Khúc.

4. Bảo Vực xã

Ngày nay là Thọ Vực

Ba thôn : Nhân Thục, Nhân Vực, Thủ Pháp

5. Vĩnh Bảo xã

Ngày nay là Vĩnh An xã

Bảy thôn : Do Tràng (ttt : Cầu Váu) Đồng Đường, Hạ Tân, Ngọc Động, Ngu Nhuế, Thượng Tân, Triều Đông.

(a) Nay thuộc Văn Lâm - Hưng Yên gồm:

- Xã Nghĩa Trụ (Hoa Cầu. Khúc Lộng. Đông Khúc. Vĩnh Bảo. Đồng Tỉnh. Bảo Vực)

6. Đồng Tỉnh xã

Ngày nay *tổng* Xuân Cầu nay còn gồm có *xã* Đại Tài, *thôn* cũ của *xã* Huê (Hoa) Cầu, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 7 (1895).

9/ Tổng An Phú : 3 xã[a]

Ngày nay, tổng này được nhập vào *huyện* Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

1. An Phú xã (ttt : chợ Bần Cũ)
   Hai thôn : Dẫn Ngữ, Trà Lôi.

2. Thổ Cốc xã
   Ngày nay là Thổ Cốc

3. Hiến Phạm xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Khải Phạm ; ngày nay cũng thế
   Hai thôn : An Xá ; ttt : Thôn Bượm, Trung Phú.

Ngày nay *tổng* An Phú này còn gồm có *xã* Hào Xuyên.

*

* *

(a) Nay thuộc huyện Yên Mỹ - Hưng Yên gồm:
- Thị trấn Bần (An Phú)
- Xã Giai Phạm (Hiến Phạm, Thổ Cốc, Hào Xuyên)

Huyện Lang Tài[a]

Tên này được đặt cho huyện vào đầu đời Lê thay cho Thiện Tài. Nhà Trần (1225 - 1400) gọi huyện là Thiện Tài. Dưới sự thống trị của nhà Minh, Lang Tài thuộc *châu* Gia Lâm và là một bộ phận của *phủ* Bắc Giang. Dưới triều Lê, nó thuộc *phủ* Thuận An. Năm Tự Đức thứ 5 (1852) *tri huyện* Gia Bình trị nhậm.

Huyện Lang Tài cách phủ Thuận Thành về phía Đông 18 dặm. Từ Đông sang Tây nó đo được 28 dặm, từ Bắc xuống Nam 13 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông tới sông ngăn nó với huyện Thanh Lâm là 17 dặm ; về phía Tây tới ranh giới huyện Siêu Loại là 11 dặm ; về phía Nam tới ranh giới huyện Cẩm Giàng (Hải Dương) là 3 dặm ; lên phía Bắc tới ranh giới huyện Gia Bình là 13 dặm[1]. Huyện Lang Tài

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5a. Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 54b - 55b viết : " Huyện lỵ Lang Tài nằm tại địa phận xã Bảo Thao".
- Về phía Đông của huyện lỵ tới xã Bích Khê là 582 tầm, 8 thước, 5tấc ;→

(a) Năm 1893, ba tổng *An Trụ, Hoàng Kênh, Lại Thượng*, vốn thuộc huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách - Hải Dương được nhập vào huyện Lang Tài.
- *Tổng An Trụ*, nay là *xã An Thịnh*, Gia Lương - Bắc Ninh gồm An Phú (Chỗ), An Trụ (Trình), Cáp Thủy, Cường Tráng (Ô Dưới), Lôi Châu (Bòng, Ngoài), Thanh Hà, Thanh Lâm (Đò Trên).
* Thanh Lâm là quê của Hàn Thuyên.
- *Tổng Hoàng Kênh* nay là *xã Trung Kênh*, Gia Lương - Bắc Ninh, gồm Cáp Điền (Trại Cáp, Đoài), Cáp Dưới, Hoàng Kênh (Kênh Vàng, Trung Thị), Quan Kênh (Lai Nguyễn, Tông), Tảo Hòa, Tháp Dương.
- *Tổng Lại Thượng* thành 2 xã của Gia Lương - Bắc Ninh: *Xã Mỹ Hương:* An Mỹ (Mấy), My Xuyên (Đông Thuần, Sài Mưa), Nghĩa Hương (Sưa); *Xã Lai Hạ*: Bồng Lai, Lai Hạ, Thanh Khê (Côi), Văn Phạm (Đọ).

dưới triều Lê gồm có 74 xã theo cuốn *Dư địa chí* [1] và *Hồng Đức bản đồ*. Thời Gia Long, nó gồm 9 *tổng* và *xã*, *thôn*. Theo *Danh sách Đồng Khánh*, cuối thế kỷ XIX nó gồm có(?) *tổng* và 75 *xã*, *thôn*[2].

Ngày nay, nó gồm có 10 *tổng* và 75 *xã*. Nhưng hình dạng của nó đã hoàn toàn thay đổi : hai *tổng* cũ của nó thì An Trang bị gắn vào *huyện* Cẩm Giàng, *tỉnh* Hải Dương còn Lang Tài thì vào *huyện* Văn Lâm, *tỉnh* Hưng Yên ; ngược lại, nó lại có 3 *tổng* mới sáp nhập vào là An Trụ, Hoàng Kinh và Lại Thượng, được tách từ *phủ* Nam sách, *tỉnh* Hải Dương.[a]

→ tới xã Lương Xá là 5 tầm ; tới xã Nhuệ Đông là 302 tầm 3 thước ; tới xã Trung Trinh là 842 tầm ; tới xã Đào Xá là 780 tầm ; tới xã Đặng Xá là 71 tầm, 2 thước ; tới thôn Cửu Du của xã Nhị *Trà* là 660 tầm 4 thước ; tới xã Nhất *Trà* là 752 tầm 1 thước ; tới ranh giới xã An Đặt, huyện *Anh Lâm* (Hải Dương) là 901 tầm 2 thước.

- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới xã Lâm Thao là 30 dặm 3 thước ; tới xã *Tinh Ngộ* là 760 tầm, 21 thước ; tới xã Ngọc Trì là 232 tầm ; tới ranh giới xã Ngọc Xá, huyện Siêu Loại là 1300 tầm 3 thước.

- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới xã Bảo Khám là 128 tầm, 4 thước ; tới ranh giới xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (Hải Dương) là 11.414 tầm (?), 4 thước (?), 9 tấc.

Lên phía Bắc, từ huyện lỵ tới xã Ngô Phần là 632 tầm 2 thước ; tới xã Cổ Lãm là 6 tầm ; tới xã Quảng Nạp là 585 tầm, 1 thước ; tới xã Lỉnh Mai là 228 tầm ; tới xã Phú Thọ là 420 tầm, 4thước ; tới xã *Quảng* là 647 tầm ; tới ranh giới xã Đại Bái, huyện Gia Lâm là 410,1 thước, 9 tấc, *Bắc thành* (A. 1565) q.6 tờ 112b.

(1) Tờ 13a

(2) *Đồng Khánh*, tờ 55a.

(a) Tháng 8 năm 1950, Lang Tài sáp nhập với Gia Bình thành huyện Gia Lương - Bắc Ninh

1/ Tổng Lang Tài : 9 xã, thôn[a]

Hiện nay *tổng* này được ghép vào *huyện* Văn Lâm, *tỉnh* Hưng Yên.

1. Lương (Lang) Tài xã
2. Mậu Lương xã
   Hai thôn : Nghi Cốc (ttt : Khốc Bé), Phục Lễ (ttt : Làng Lựa)
3. Tuấn Lương xã
   Một thôn : Tuấn Lương (ttt : Thông Lường)
4. Đông Trạch xã, (Nhuận Trạch thôn)
   Trong *Danh sách Đồng Khánh*, đó là Nhuận Trạch thôn, ngày nay là xã Nhuận Trạch.
5. Đông Trạch xã, (Khuyến Thiện thôn)
   Ngày nay là xã Khuyến Thiện.
6. Xuân Đào xã (ttt : Làng Điều)
   Một thôn : Phú Nhuận (ttt : Làng Dọn)
7. Đồng Xuyên xã
8. Mâu Duyệt xã
9. Cận Duyệt xã
   Ngày nay là Cận Duyệt
   Bốn thôn : Đông Đô (ttt : Làng Đô), Đức Tinh Hỉ Duyệt, (ttt : Làng Ruột), Hộ Vệ.

2/ Tổng Ngọc Trì : 5 xã[b]

1. Ngọc Trì xã (ttt : Làng Bến)
2. Quảng Cầu xã (ttt : Làng Hương)

(a) Nay là xã Lương Tài huyện Văn Lâm - Hưng Yên

(b) Nay là xã Bình Định, Gia Lương - Bắc Ninh

3. Ngô Phần xã
Ngày nay là Ngô Phần (ttt : Ngồ Nhớn)

4. Tỉnh Ngô xã
Ngày nay là Tỉnh Ngô (ttt : Ngồ Con)

5. Cổ Lãm xã (ttt : Làng Chám)

3/ Tổng Quảng Bố : 6 xã[a]

1. Quảng Bố xã (ttt : Làng Vó)

2. Quảng Nạp xã (ttt : Nấp Ngòi)

3. Hiệu Bố xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Tuyên Bố ; ngày nay cũng vậy (ttt : Nấp Chanh)

4. Thanh Gia xã (ttt : Nấp Dừa)

5. Lĩnh Mai xã (ttt : Nấp Chợ làng)

6. Phú Thọ xã (ttt : Làng Cao)

4/ Tổng Lâm Thao : 4 xã[b]

1. Lâm Thao xã (ttt : Làng Thau)

2. Thái Trì xã

3. Bảo Khám xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Ngọc Khám ; ngày nay cũng vậy

4. Bảo Thao xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Kim Thao ; ngày nay cũng vậy (ttt : Làng Tháp)

(a) Nay là xã Quảng Phú, Gia Lương - Bắc Ninh

(b) Nay là xã Lâm Thao, Gia Lương - Bắc Ninh

Tổng này, thời Gia Long còn có một *xã* gọi là *phiêu lưu* vì dân số phân tán : Xuân Quan xã. *Xã* này trở thành Ngọc Quan trong *Danh sách Đồng Khánh* ; ngày nay nó cũng mang tên này và gồm có 3 thôn : Đậu, Nhiêu và Lem (ttt : Làng Lem).

5/ Tổng Lương Xá : 8 xã[a]

1. Lương Xá xã (ttt : Làng Lường)
2. Ông Lâu xã
   Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) nó được thay là Phú Lâu
3. Lãng Dương xã
4. Bích Khê xã
5. Thọ Ninh xã (ttt : Làng Xá)
6. Lai Xá Tê xã
   Ngày nay nó được gọi là Lai Tê (ttt : Làng Sải)
7. Tuần La xã
   Hai thôn : Nghĩa La, Tuần La.
8. Lai Xá Đông xã
   Ngày nay nó được gọi là xã Lai Đông.

6/ Tổng An Trang : 7 xã[b]

Tổng này trong *Danh sách Đồng Khánh* là An Trang và ngày nay nó được ghép vào huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương.

(a) Nay là xã Phù Lương, Gia Lương - Bắc Ninh

(b) Nay thuộc Cẩm Giàng - Hải Dương

1. An Tráng xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã An Trang ; nay cũng vậy.

2. Uyên Lãng xã

3. Đức Trai xã (ttt : Làng Một)

4. Hoa Cầu xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Đức Cầu

5. Phú Tráng xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Phú Trang ; nay cũng vậy.

6. Trạm Du xã ; ttt : Làng Dầu

Một thôn : Thổ Đức

7. Xuân Áng xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Hương Áng ; nay cũng vậy ; ttt : Làng Xuần.

7/ Tổng Tỳ Bà : 9 xã[a]

Ngày nay cũng như trong *Danh sách Đồng Khánh* tổng này gồm có 11 xã [1]

1. Tỳ Bà xã

2. Hương Tri xã

3. Ruyện Dương xã

---

(1) Hai xã mới ngày nay là Mạc Xuyên, Điện Xuyên : ttt : Làng Mạc, Nhị Trai xã, Ngọc Thượng thôn (lấy từ tổng Trừng Xá của cùng huyện) nay trở thành Ngọc Thượng ; ttt : Làng Nhội.

(a) Nay là xã Phú Hoà, Gia Lương - Bắc Ninh

4. An Xá xã

Ngày nay trở thành xã Tỉnh Xá (ttt : Làng Chành)

5. Phú Vân xã (ttt : Làng Dừa)

6. Nội Duệ xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* trở thành *xã* Mỹ Duệ ; ngày nay cũng vậy.

7. Bề Khê xã

8. Văn Xá xã

9. Phượng Xá xã (ttt : Làng Lợ)

8/ Tổng Đặng Xá : 11 xã, thôn(1)(a)

Tổng này trong *Danh sách Đồng Khánh* là Trừng Xá ; nay cũng vậy.

1. Đặng Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Trừng Xá ; nay cũng vậy (ttt: Làng Đằng)

2. Đương Triều xã, (An Cường thôn)

Nay là xã Đương Triều

Hai thôn : An Cương (ttt : Làng Gọng), Đăng Triều

---

(1) Tổng này còn gồm có xã Trinh Phú được coi là phiêu lưu trong cuốn *Bí Lâm*. Ngày nay xã này được ghép vào tổng Phú Lãng như đã thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*.

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm :

- Xã Trừng Xá (Trừng Xá, Đăng Triều, Đình Dương, Nhị Trai, Vĩnh Trai)
- Xã Minh Tân (Ngọc Thượng, Đạm Trai, Hương Trai, Nhất Trai, Thận Trai, Đồng Ninh)

3. Nhị Trái xã (Ngọc Thượng thôn)
Ngày nay là xã Ngọc Thượng và được nhập vào tổng Tỳ Bà, tỉnh Bắc Ninh (ttt : Làng Nội)

4. Thận Trai xã, (Đạm Trai thôn)
Nay là xã Đạm Trai.

5. Nhị Trai xã, (Đông Ninh thôn)
Nay là xã Đông Ninh

6. Nhị Trai xã, (Cự thôn)
Nay là xã Nhị Trai

7. Thận Trai xã

8. Nhất Trai xã

9. Vĩnh Trai xã

10. Hương Trai xã

11. Đỉnh Dương xã (ttt : Làng Nguyện)

9/Tổng Phú Lãng : 12 xã, thôn(1)(a)

Ngày nay *tổng* này gồm 14 *xã* như trong *Danh sách Đồng Khánh*(2)

(1) Tổng này còn gồm có thôn Đông Hoa (xã Dị Sử) trong *Bị lãm* được ghi là phiêu lưu. Xã này được coi là cố định trong *Danh sách Đồng Khánh* dưới cái tên là Đông Hương thôn. Ngày nay trở thành xã Đông Hương.

(2) Xã thứ 14 là Trinh Phú.

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm :
- Xã Phá Lãng (Đạo Sử, Phá Lãng, Di Sử, Nhuế Đông)
- Xã Tân Lãng (Tam Sơn, Khải Mông, Lang Khê, Tử Nê, Phượng Trì)
- Phần lớn xã Trung Chính (Đào Xuyên, Trung Trinh, Trình Khê

1. Phá Lãng xã
   Hai thôn : Bùi (ttt : Làng Bùi), Dàng (ttt : Làng Dàng)
2. Trung Trinh xã
3. Đào Xá xã
4. Đào Xuyên xã
5. Lãng Khê xã
   Nay trở thành xã Lãng Khê
6. Trịnh Khê xã (ttt : Làng Chiềng)
7. Khải Mông xã
   Ba thôn : Hương La (ttt : Làng La), Ngọc Cục (ttt : Làng Guộc), Tử Nê (ttt : Làng Nê)
8. Đạo Sử xã
   Hai thôn : Hữu Ái (ttt : Làng Ái), Vĩnh Long (ttt : Làng Rồng)
9. Dị Sử xã, (Phượng Trì thôn)
   Nay là xã Phượng Trì
   Hai thôn : Phượng Trì, Trại Giáo
10. Dị Sử xã, (Tam Sơn thôn)
    Nay là xã Tam Sơn (ttt : Làng Ba)
11. Kim Đào xã
12. Nhuế Đông xã
    Năm thôn : Đan Quế, Nội làng (ttt : Dông Ghềnh), Ngoại Làng (ttt : Dông Trũng), Thanh Dương, Thiên Lộc, (ttt : Đạo Gia)

*

* *

Huyện Gia Định

Đầu đời Lê, tên Gia Định này được gọi là An Định thời Trần. Dưới sự thống trị của nhà Minh địa phận của huyện thuộc phủ Bắc Giang và thuộc vào châu Gia Lâm.

Thời thống trị nhà Đường, đó là địa phận của huyện Yên Bình và Nam Định[1]. Từ thời Lê trở đi nó thuộc phủ Thuận An. Năm Minh Mệnh thứ nhất, được đổi thành Gia Bình.

Huyện Gia Bình cách phủ Thuận Thành 20 dặm về phía Đông (hơi ghé về phía Bắc). Từ Đông sang Tây nó đo được 42 dặm, từ Bắc xuống Nam, 7 dặm. Về phía Đông từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Chí Linh (Hải Dương) là 17 dặm ; về phía Tây tới ranh giới *huyện* Siêu Loại là 25 dặm ; về phía Nam tới ranh giới *huyện* Lang Tài là 2 dặm lên phía Bắc tới ranh giới *huyện*. Quế Dương *phủ* Từ Sơn là 5 dặm[2]. Lỵ sở *huyện* Gia Bình trước kia nằm tại *xã* Bảo

(1) Tham khảo *Đường thư*, tờ 412.

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 4b.
Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 53a - 54b) ghi : "Huyện lỵ Gia Bình ở trên địa phận xã Bảo Khám".
- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Chí Linh (Hải Dương) là 13.807 tầm (?), tới xã Đông Khối là 398 tầm ; tới xã Thường Vũ là 1418 tầm ; tới xã Tổ Khúc là 280 tầm ; tới xã Ngọc Xuyên là 1410 tầm ; tới xã Đông Bình là 1960 tầm ; tới xã Định Mỗ là 360 tầm ; tới xã *Dinh Lang* là 1416 tầm ; tới xã Khoái Khê là 181 tầm ; tới xã Nhân Hữu là 1470 tầm ; tới xã Phù Than là 4880 tầm ; tới sông ngăn huyện với xã *Triền Dương*, huyện Chí Linh (Hải Dương) là 34 tầm.
- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Siêu Loại là 1196 tầm ; tới xã Tam Á là 1016 tầm ; tới ranh giới huyện Siêu Loại, xã Khương Tự là 180 tầm 3 thước.

Khám. Năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), huyện lỵ được chuyển tới *xã* Dông Bình, năm thứ 19 (1838) tới *xã* Nhân Hữu. Từ năm Thiêu Tự thứ nhất (1841) huyện lỵ được đặt ở *xã* Khoái Khê.[1]

Trong *Dư địa chí*[2] của Nguyễn Trãi, huyện này gồm, có 86 xã và 1 sở. Nhưng *Hồng Đức bản đồ* chỉ nêu lên có 67 xã. Đầu đời Nguyễn nó có 8 *tổng* và 68 *xã*[3]. Trong *Danh sách Đồng Khánh* nó có 7 *tổng* và 60 *xã, thôn, phường, sở*[4]. Ngày nay nó gồm 8 *tổng*[5] và 66 xã.

1/ Tổng Tám Á : 6 xã thôn[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, tổng này được ghép vào *huyện* Siêu Loại. Ngày nay nó thuộc *phủ* Thuận Thành với 7 xã[6]

- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Lang Tài là 6406 tầm ; tới xã Tổ Khúc là 3946 tầm ; tới xã Đại Bái là 1520 tầm ; tới ranh giới xã Quảng Bố, huyện Lang Tài là 940 tầm.
- Về phía Bắc từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn là 7180 tầm ; tới xã Đông Khôi là 398 tầm ; tới xã Lãng Ngâm đối diện với ranh giới đường sông của xã Đại Toán, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn là 6782 tầm. Tham khảo. *Bắc thành* (A.1565 q.6 11a -b

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 10b.

(2) Tờ 13a.

(3) *Bị Lãm*, tờ 10a

(4) Tờ 55a. Tổng Tam Á trong danh sách này được ghép vào huyện Liêu Loại.

(5) Bảy tổng của *Danh sách Đồng Khánh* cộng với tổng Nhân Hữu mới được thành lập với những làng lấy của tổng Đại Lai.

(6) Xã thứ 7, Cựu Cáp không có trong tổng này, cũng không có trong danh sách A.570 *Bị Lãm* và trong danh sách Đồng Khánh.

(a) Nay thuộc Thuận Thành - Bắc Ninh gồm:

- Xã Gia Đông (Tam Á, Bảo Khám, An Định)

1. Tam Á xã

2. Bảo Khám xã

Nay là Ngọc Khám

3. Phú Ninh xã

Bốn thôn : Kênh, Phú Ninh, Trà (ttt Làng Trè) Trang (ttt : làng Danh)

4. Trạm Lộ xã

Nay là xã Ngọc Nội

Hai thôn : Ngọc Nội (ttt: Chẹm Nội), Ngọc Trì (ttt: Thôn Bún)

5. Dư Xá xã (ttt : Làng Dừa)

6. An Định xã

Hai thôn : An Định (ttt : Làng Chều), Ho Nha (ttt : Làng Ngà)

2/ Tổng Bình Ngô : 9 xã[a]

Ngày nay *tổng* này chỉ có 7 của 9 *xã* đó ; hai xã khác được nhập vào *phủ* Thuận Thành.

1. Bình Ngô xã

Ba thôn : Đường, Nội, Ngô, ttt : Làng Ngo

2. Đông Côi xã

Năm Thành Thái thứ 9 (1897) *xã* này được nhập vào *tổng* Đông Hồ, *phủ* Thuận Thành

---

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm :

- Xã An Bình (Bình Ngô, Nghi Khúc, Yên Ngô, Thường Vũ)
- Xã Đại Bái (Đại Bái, Đoan Bái, Ngọc Xuyên)

Ngoài ra còn một phần của các xã thuộc Thuận Thành - Bắc Ninh:

- Xã Gia Đông (Đông Côi)
- Xã Song Hồ (Trương Xá)

(ttt : Làng Côi)
Hai thôn : Cả, Lễ

3. Nghi Khúc xã (ttt : Làng Bưởi Cuốc)

4. Yên Ngô xã

5. Thường Vũ xã (ttt : Làng Kếp)

6. Đoan Bái xã

7. Trương Xá xã
Từ năm Thành Thái thứ 9 (1897) xã này được đưa vào tổng Đông Hồ, *phủ* Thuận Thành.

8. Đại Bái xã, ttt : Làng Bưởi Nồi

9. Ngọc Xuyên xã

3/ Tổng Đông Cứu : 3 xã[a]

1. Đông Cứu xã
Ba thôn : Bảo Tháp (ttt : Làng Gủ), Thị, Yên Việt (ttt : Làng Vọt)

2. Cứu Sơn xã ; ttt : Làng Hương

3. Lãng Ngâm xã
Bốn thôn : Môn Ải (ttt : Làng Ải), Phú Đa ; Tỉnh Cách (ttt : Làng Ngăm Ngõ) Yên Phong (trước là Yên Sơn).

4. Ngăm Điền xã[1]

---

(1) Xã này ngày nay được chia thành hai : Ngâm Điền Lương : ttt : Ngâm Đũi và Ngâm Điền Giáo.

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm :
- Xã Đông Cứu (Đông Cứu, Cứu Sơn, Nội Phú)
- Xã Lãng Ngâm (Lãng Ngâm, Ngăm Điền Lương, Ngăm Điền Giáo, Quảng Ải)

5. Quảng Ái xã

6. Đông Cứu xã, (Nội Phù thôn)

Tổng Đông Cứu này ngày nay còn gồm có ba xã khác: 1. Ngăm Mạc, năm 1903 tách khỏi tổng Đại Toán. 2. Hương Vinh (ttt : Nội Trong) vốn là một thôn của xã Đông Cứu. 3. Ngăm Điền Giáo được tách khỏi xã Ngăm Điền.

4/ Tổng Tiêu Xá : 7 xã, phường[a]

1. Tiêu Xá xã

2. Do Chàng xã

3. Cổ Thiết xã

4. Hữu Ái xã

5. Từ Ái xã

6. Lập Ái xã

7. Thiên Đức giang, Thuỷ cơ phường

5/ Tổng Xuân Lai : 8 xã, thôn[b]

1. Xuân Lai xã

2. Yên Thành xã

Ngày nay là xã Phú Thọ (ttt : Làng Yên Thành)

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm :

- Xã Giang Sơn (Tiêu Xá, Cổ Thiết, Do Tràng, Hữu Ái)
- Xã Song Giang (Từ Ái, Lập Ái, Thiên Đức)

(b) Nay là xã Xuân Lai Gia Lương - Bắc Ninh gồm1 (trừ Khoái Khê nhập sang xã Nhân Thắng)

3. An Khoái xã
   Hai thôn : Mỹ (ttt : Làng Mốt), Ngô (ttt: Làng Ngò)
4. Khoái Khê xã (ttt : Làng Khoai)
5. Yên Mỗ xã
   Ngày nay là xã Định Mỗ (ttt : Làng Mỗ)
6. Phúc Lai xã
7. Phúc Lai xã, (Đông Cao thôn)
   Ngày nay là xã Đông Cao
8. Định Lăng xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Định Cương.
   Nay cũng thế
   Một thôn : Phù Ninh (ttt : Làng Cầu Tu)

Tổng Xuân Lai này ngày nay còn có một *xã* thứ chín, *xã* Đông Lộc vốn là một thôn cũ của *xã* Yên Thành.

6/ Tổng Quỳnh Bội : 7 xã[a]

1. Quỳnh Bội xã (ttt : Làng Bùi)
2. Phù Dư xã (ttt : Làng Đọ Nam)
3. Đổng Lâm xã (ttt : Làng Lìm)

(a) Nay thuộc xã Quỳnh Phú Gia Lương - Bắc Ninh

* Quỳnh Bội, ttt. Bùi Làng
* Đông Bình, ttt. Bùi Trại hoặc Quỳnh Bội trại (trừ Đông Bình nhập sang xã Xuân Lai)
* Lương Pháp, ttt. Bíp Tây
* Phú Dư, ttt. Đọ Lớn
* Đỗ Xá, ttt. Đọ Con
* Thủ Pháp, ttt. Bíp Đông

4. Đỗ Xá xã (ttt : Làng Đọ Bắc)

5. Lương Pháp xã (ttt : Làng Bíp Con)

6. Đông Bình xã

7. Thủ Pháp xã (ttt : Làng Bíp)

7/ Tổng Đại Lai : 14 xã, phường[1][a]

1. Đại Lai xã

2. Nhân Hữu xã[2]

   Bốn thôn : Cầu (ttt : Làng Ngụ Ngoài), Đào (ttt : Làng Ngụ Trong), Đoàn ; Lê (ttt : Làng Lời)

3. Gia Phú xã[3]

4. Bồng Trì xã[4] (ttt : Làng Địa)

5. Phương Độ xã[5]

6. Phùng Xá xã (ttt : Làng Bùng)

7. Huề Đông xã

---

(1) Ngày nay tổng này được chia thành hai : Đại Lai và Nhân Hữu. Nhân Hữu gồm có 9 xã lấy từ tổng Đại Lai cũ. Đại Lai gồm 7 xã trong đó 5 xã thuộc vào tổng cũ ; hai xã khác : Ích Nhị và Tri Nhị được tách khỏi tổng Tri Nhị cũ của huyện Quế Dương.

(2) Ngày nay thuộc tổng Nhân Hữu

(3) Nay xã này thuộc tổng Nhân Hữu

(4) Như trên

(5) Như trên

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm:

- Xã Đại Lai (Đại Lai, Địch Trung, Huề Đồng, Phượng Triện)
- Xã Bình Dương (Bồng Trì, Gia Phú, Phùng Xá, Phương Độ)
- Xã Nhân Thắng (Nhân Hữu, Hương Triện, Ngô Cương, Cẩm Xá, Bái Giang)

8. Bảo Triện xã

Nay là Phương Triện

Hai thôn : Cống (ttt : Làng Triện Quang) Trung

9. Ngô Cương xã (ttt : Làng Ngò)

10. Hương Triện xã

11. Dịch Trung xã

12. Cẩm Xá xã[1] (ttt : Làng Vối)

13. Ngọc Triện xã

14. Bái Giang phường

8/ Tổng Vạn Tỵ : 11 xã, sở[a]

1. Vạn Tỵ xã

Bốn thôn : Châu Lỗ (ttt : Làng Giù), Đạo Viên (ttt : Làng Viền), Hương Trạch (ttt : Làng Chầm) Phúc Lộc (ttt : Làng Rộc)

2. Vạn Tải xã

3. Bà Dương xã

4. Tiểu Than xã (ttt : Làng Dựng)

5. Đại Than xã

Ba thôn : Bình Than, Đại Trung (ttt. Làng Gốm), Đông Trung (ttt : Làng Lớ)

---

(1) Như trên

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm:

- Xã Thái Bảo (Vạn Tỵ, Vạn Tải)
- Xã Cao Dức (Đại Phan, Kênh Phố, Phù Than, Mỹ Lộc, Văn Than)
- Xã Vạn Ninh (Bà Dương Sở, Cao Thọ, Cao Trụ, Tiểu Than, Bà Dương)

* Cao Trụ. ttt. Bà Chanh

6. Văn Than xã (ttt : Làng Nái)

7. Kênh Phố xã

8. Phù Than xã

9. Cao Trụ xã

10. Vạn Thọ xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Cao Thọ ; ngày nay cũng thế (ttt : Làng Chỗ)

11. Bà Dương sở

Nay là xã Bài Dương sở

Tổng Vạn Ty này ngày nay còn có một *xã* nữa : Mỹ Lộc vốn là *thôn* cùng tên cùng tên của *xã* Phù Than.

PHỦ TỪ SƠN

Trước kia phủ này thuộc bộ Vũ Ninh[1]. Đời Đường, đó là địa phận của *Long Châu*[2]. Cho tới triều Trần (1225 - 1400), nó được tổ chức thành *huyện* Từ Sơn. Thời Minh là *châu* Vũ Ninh gồm 5 *huyện* Tiên Du, Vũ Ninh, Đông Ngàn, Từ Sơn và Yên Phong[3], là phủ Từ Sơn được thành lập đầu lập đầu thời Lê[4].

Trong thời Lê, *phủ* đầu tiên thuộc *thừa chính ty* Kinh Bắc[5] rồi thuộc *thừa tuyên* Bắc Giang[6]. Bắt đầu từ thời Hồng Đức, nó thuộc *trấn* Kinh Bắc[7] và gồm 5 huyện Tiên Du, Đông Ngàn, Võ Giàng, Quế Dương và Yên Phong. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), người ta tách ra khỏi *phủ* hai *huyện* Quế Dương và Võ Giàng để thành lập *phân phủ* Từ Sơn. Phân phủ này bị bãi năm Tự Đức thứ 5 (1852)[8].

Phủ Từ Sơn từ Đông sang Tây đo được 70 dặm, từ Bắc xuống Nam đo được 31 dặm. Lỵ sở của nó cách tỉnh lỵ

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 3a

(2) Như trên

(3) Như trên, tờ 1b

(4) Cuốn *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi cho biết *huyện* Vũ Ninh đã trở thành Võ Giàng. Cuốn sách còn gọi ra rằng huyện Thanh Thuỷ không còn được xuất hiện ở đâu nữa.

(5) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 2a

(6) Như trên

(7) Như trên

(8) Như trên, tờ 3a.

20 dặm. Từ lỵ sở này về phía Đông tới sông Nguyệt Đức phân ranh giới giữa *phủ* với huyện Việt Yên (phủ Thiên Phúc) là 43 dặm, về phía Tây tới ranh giới *huyện* Yên Lãng (tỉnh Sơn Tây) là 29 dặm, về phía Nam tới ranh giới huyện Hiệp Hoà, phủ Thiên Phúc là 20 dặm[1]. Tường thành của phủ lỵ bằng đất. Thành có chu vi 208 *trượng* và cao 7 thước, 2 *tấc*. Hào rộng 3 *trượng*, 9 *thước*. Thành này có ba cửa ra vào. Nó nằm tại địa phận hai *xã* Phù Lưu và Xuân Thụ (*huyện* Đông Ngàn)... Trước kia nó được xây dựng tại *xã* Vĩnh Cầu. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), phủ lỵ được chuyển tới vị trí hiện tại và năm thứ 11 (18080, phủ lỵ được chuyển dựng. Trước đó, năm Gia Long thứ 7 (1808), phủ lỵ được chuyển tới *xã* Thạc Quả rồi tới xã Cẩm Chương[2].

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 3a

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 10a.

Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A. 590, tờ 44 - 45) ghi : " Lỵ sở phủ Từ Sơn nằm tại địa phận xã Cẩm Chương". Phủ này quản trực tiếp *huyện* Đông Ngàn.

- Về phía Đông, từ phủ lỵ tới ranh giới *huyện* Tiên Du là 1496 tầm ; tới xã Thuỵ[a] Chương là 300 tầm ; tới thôn An Lữ[b] xã Phù Lưu là 340 tầm ; tới xã Dương Lôi là 135 tầm ; tới ranh giới *xã* Đại Sơn *huyện* Tiên Du là 721 tầm.

- Về phía Tây, từ phủ lỵ tới bến Nhị Hà đối diện với *huyện* Từ Liêm *trấn* Sơn Tây là 9889 *tầm* 4 *thước* ; tới *xã* Đông Kỵ là 1829 tầm ; tới xã Tiên Bào[c] là 431 *tầm* 2 *thước* ; tới xã Thạc Quả là 980 tầm ; tới xã Dục Tú là 530 tầm ; tới xã Đông Đầu là 770 tầm ; tới xã Du Lâm là 1080 tầm ; tới xã Hoa Lâm là 676 tầm ; tới xã Ông Xá là 710 tầm ; tới xã Đông Ngàn là 560 tầm ; tới xã Xuân Trạch là 808 tầm ; tới xã Xuân Canh là 432 tầm ; tới Nhị Hà đối diện với ranh giới bãi cát Tam Bảo, huyện Từ →

a) Trong bản tiếng Pháp cũng in là *Thuỵ Chương*. Tên đúng là *Thụ Chương* hoặc Xuân Thụ, Tổng Phù Lưu.

b) Địa phương quen gọi là An Lã.

c) Đúng ra là Tiền Bào hoặc Tấn Bào, tổng Nghĩa Lập.

Đầu thời Nguyễn[1], *phủ* này gồm 5 *huyện* : Đông Ngàn, Quế Dương, Tiên Du, Võ Giàng và Yên Phong với 43 *tổng*, 307 *xã, thôn, phường*. Cuốn *Dư địa chí*[2] của Nguyễn Trãi cho biết *phủ* này có 348 xã, cuốn *Hồng Đức bản đồ* cho biết có 284 xã và *Danh sách Đồng Khánh*, 310 xã[3]. Ngày nay tên của phủ Từ Sơn được gán cho địa phận của huyện Đông Ngàn cũ.[a]

*

* *

Liêm (*trấn* Sơn Tây) là 400 tầm.

- Về phía Nam, từ phủ lỵ tới ranh giới huyện Tiên Du là 3205 tầm, tới xã Thuỵ Chương là 220 tầm : tới chợ xã Phù Lưu là 321 tầm, tới xã Đình Bảng là 530 tầm, tới xã Đại Đình là 210 tầm : tới xã Phù Chẩn là 560 tầm : tới xã Phù Đổng huyện Tiên Du là 1290 tầm.

(1) *Bí lâm* tờ 12b - 23a.

(2) Tờ 12b

(3) *Tờ 11 - 13*

(a) Có một chi tiết đáng lưu ý mà không thấy tác giả nhắc đến. Đó là việc thành lập huyện Đông Anh. Theo *Đại Nam thực lục* (Chính biên) thì vào năm 1876 triều Nguyễn đặt thêm huyện Đông Anh, thuộc phủ Từ Sơn *vì vùng thượng du phủ, huyện này bãi phẳng đồng rộng, quân gian dễ tụ tập cho nên đặc cách đặt thêm.*

Để lập huyện Đông Anh, cắt nguyên ba tổng của Đông Ngàn (Đông) 1 tổng Kim Anh và 5 xã của tổng Phù Lỗ của huyện ấy, lập tổng mới Xuân Nộn (Anh) cùng 3 xã của tổng Phương La - Yên Phong đặt làm tổng Thư Lâm. Khi ấy huyện Đông Anh có 38 xã, thôn.

Một thời gian sau, Đông Anh đổi thành Đông Khê.

Ngày 10 tháng 4 năm 1903 Đông Khê đổi thành Đông Anh.

Huyện Đông Ngàn

Tên Đông Ngàn đã được nhà Trần (1125 - 1400)[1] đặt cho huyện này. Theo cuốn *Sử Ký*[2] đó là *châu* Cổ Lãm. Dưới thời Lê Đại Hành (989 - 1005) nó được gọi là Cổ Pháp[3]. Nhà Lý đã đổi thành *phủ* Thiên Đức[4]. Từ đời Lê (1428 - 1788) nó thuộc phủ Từ Sơn. Gia Long vẫn giữ nguyên tổ chức đó.

Huyện Đông Ngàn từ Đông sang Tây đo được 21 dặm và từ Bắc xuống Nam được 17 dặm. Về phía Đông từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Tiên Du là 4 dặm, về phía Tây tới ranh giới *huyện* Yên Lãng (tỉnh Sơn Tây) là 27 dặm ; về phía Nam tới ranh giới huyện Yên Phong là 9 dặm[5].

Cuốn *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi nói *huyện* này gồm có 88 *xã* và 1 *châu*. Cùng địa phận này theo cuốn *Hồng Đức bản đồ* thì có 99 xã. Thời Gia Long[6] nó gồm có 13 *tổng*, 96 *xã, thôn, sở*. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, nó cũng gồm có cùng số lượng *tổng* nhưng số làng thì chỉ có 92.

Ngày nay, huyện Đông Ngàn này được quản dưới cái tên là *phủ* Từ Sơn, bởi một tri phủ. Địa phận của nó bị cắt mất ba *tổng* : Tuân Lệ, Xuân Canh và Cổ Loa đem nhập vào *huyện* Đông Anh, tỉnh Phúc Yên.

---

(1) *Thống chí*. Bắc Ninh. tờ 3b. *Đại Việt sử ký* q.3. tờ 1b

(2) *Đại Việt sử ký* q.1. tờ 27b ; *Thống chí*. Bắc Ninh tờ 3b

(3) Như trên tờ 41a

(4) Như trên, q.2, tờ 3b

(5) *Thống chí*. Bắc Ninh tờ 3.

(6) *Bị Lãm*. tờ 12b - 15b

1/ Tổng Hội Phụ : 8 xã[a]

1. Hội Phụ xã ; ttt : Làng Có
   Hai thôn : Cự Trình, Lại Đa

2. Đông Ngàn xã
   Bốn thôn : Long Lưu, Thượng, Trung, Hạ.

3. Ông Xá xã
   Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) được đổi là Đông Xá[1]; rồi thành Đông Trù[2].

4. Du Lâm xã
   Ba thôn : Bi, Nội, Ngoại.

5. Tiên Hội xã
   Hai thôn : Nội, Chung.

6. Hoa Lâm xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Danh Lâm ; nay cũng vậy
   Ba thôn : Lê Xá, Phúc Thọ, Thái Bình

7. Mai Hiên xã

8. Lộc Hà xã

2/ Tổng Tuân Lê : 9 xã, thôn

Ngày nay tổng này được ghép vào *huyện* Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Thời Gia Long nó còn có một *xã phiêu lưu* :

---

(1) *Hoàng triều quan chế*, đã dẫn

(2) *Danh sách Đồng Khánh* đã nêu lên trên này.

(a) Nay thuộc Đông Anh - Hà Nội gồm :

- Xã Đông Hội (Đông Ngàn, Đông Trù, Hội Phụ, Tiên Hội)
- Xã Mai Lâm (Danh Lâm, Du Lâm, Mai Hiên, Lộc Hà)

Vân Nội[1] nay đã trở thành một *xã* cố định như đã được thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*.[a]

1. Tuân Lệ xã

Một thôn : Cửa Ải

2. Chiêm Trạch xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Chiêm Trạch, nay cũng vậy (ttt : Làng Ruộng)

Hai thôn : Ngọc Trà, Vinh Thanh.

3. Phương Trạch xã

4. Cổ Dương xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Cổ Dương ; nay cũng vậy

5. Tiên Kha xã

Nay là *xã* Tiên Kha

6. Ngọc Giang xã

7. Oai Nỗ xã

Nay là xã Lương Nỗ (ttt : Làng Chầm Nỏ)

8. Oai Nỗ trung xã

Từ năm 1911 là xã Trung Oai

9. Vân Trì xã

Bốn thôn : Bình Lạc, Lễ Pháp, Ngọc Pháp, Yên Lạc.

---

(1) *Bị lãm*, tờ 15b

(a) Nay thuộc Đông Anh - Hà Nội gồm :

- Xã Tiến Dương (Cổ Dương, Lương Nỗ, Tuân Lệ, Tiên Kha, Trung Oai)
- Xã Vân Nội (Vân Trì, Vân Nội)
- Xã Vĩnh Ngọc (Chiêm Trạch, Phương Trạch, Ngọc Giang)

3/ Tổng Hà Lỗ : 9 xã, thôn[a]

1. Hà Lỗ xã ; ttt : Làng Giỗ làng
   Ba thôn : Đông, Hương, Phong

2. Thiết Ứng xã, Thiết Ứng thôn
   Ngày nay là xã Thiết Ứng (ttt : Làng Ông)

3. Thiết Ứng xã, Cổ Châu thôn
   Thôn này không có mặt trong Danh sách Đồng Khánh. Cuốn này ghi tổng Hà Lỗ chỉ có tám xã. Ngày nay là xã Cổ Châu (ttt : Làng Giàu)

4. Ngô Khê xã
   Trong Danh sách Đồng Khánh là xã Hà Khê; nay cũng vậy (ttt : Làng Ngò)

5. Thù Lỗ xã
   Ngày nay là xã Thù Lỗ

6. Thiết Binh xã (ttt : Làng Ngườm)

7. Vân Điềm xã
   Ngày nay là *xã* Vân Điềm (ttt : Làng Đơm)

8. Hà Vỹ xã ; ttt : Làng Quậy
   Ba thôn : Châu Phong, Đại Vỹ, Gia Tác

4/ Tổng Yên Thường : 8 xã, sở[b]

1. Yên Thường xá
   Ba thôn : Xuân Dục, Yên Khê, Yên Thị

(a) Nay thuộc Đông Anh - Hà Nội gồm :
- Xã Liên Hà (Hà Lỗ, Lỗ Khê)
- Xã Vân Hà (Cổ Châu, Hà Khê, Thiết Ứng, Vân Điềm)

(b) Nay gồm *xã Yên Thường*, Gia Lâm, Hà Nội (Yên Thường, Quy Mông, Đình Vĩ) và *xã Châu Khê*, Tiên Sơn, Bắc Ninh (Trịnh Xá, Da Hội, Da Vạn, Song Tháp)

2. Trịnh Xá xã
Ba thôn: Đông Phúc (ttt : Làng Muôi). Nguyễn Xá (ttt: Làng Ngòi). Thượng (ttt : Trịnh Trậu)

3. Qui Mông sở
Trong *Danh sách Đồng Khánh* xã Qui Mông nay cũng vậy
Hai thôn : Đông. Lại Hoàng

4. Trùng Quán xã .

5. Châu Tháp xã, Đa Hội thôn
Ngày nay là xã Đa Hội ; ttt : Làng Cuối

6. Châu Tháp xã, Đa Vạn thôn

7. Đình Vỹ xã
Ba thôn : Đinh Vỹ, Đỗ Xá, Liên Đàm (ttt : Đầm Sấu)

8. Song Tháp xã (ttt : Làng Tháp)

5/ Tổng Hạ Dương : 6 xã[a]

1. Hạ Dương xã (ttt : Làng Nành Mật)
Ba thôn : Hạ, Thượng, Trung

2. Ninh Giang xã

3. Hiệp Phù xã
Ngày nay là xã Hiệp Phù

(a) Nay thuộc Gia Lâm - Hà Nội gồm :
- Xã Đình Xuyên (Công Đình, Tế Xuyên)
- Xã Ninh Hiệp (Hạ Dương. Ninh Giang. Hiệp Phù. Phù Ninh)

4. Ninh Xuyên xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Tế Xuyên ; nay cũng vậy.

5. Công Đình xã

6. Phù Ninh xã (ttt : Làng Nành)
   Ba thôn : Hạ, Thượng, Trung

6/ Tổng Dục Tú : 4 xã[a]

1. Dục Tú xã (ttt : Làng Giọc)
   Ba thôn : Hậu, Phi, Tiền

2. Ngọc Lôi xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Ngọc Lôi ; nay cũng vậy (ttt : Kẻ Lôi)

3. Đồng Đầu xã
   Hai thôn : Đồng Đầu, Nghĩa Vũ

4. Thạc Quả xã
   Hai thôn : Đình Chàng, Thạc Quả.

7/ Tổng Mẫn Xá[b]

1. Mẫn Xá xã (ttt : Làng Mịn)
   Hai thôn : Nội, Ngoại

2. Quan Đình xã
   Hai thôn : Nghiêm Xá (ttt : Làng Cả) Phù Xá (ttt : Làng Bùa)

(a) Nay vẫn thuộc xã Dục Tú nhưng thuộc Đông Anh - Hà Nội.

(b) Nay thuộc Yên Phong - Bắc Ninh gồm:
- Xã Đông Thọ (Đông Bích, Thọ Khê, Đông Xuất)
- Xã Văn Môn (Mẫn Xá, Quan Đình)

3. Đông Bích xã[1]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Đông Bích ; nay cũng vậy (ttt : Làng Chạc)

4. Thọ Khê xã (ttt : Làng Nét)

Hai thôn : Phượng, Thọ Khê

5. Đông Xuất xã[2] (ttt : Làng Rốt)

Ba thôn : Bình An, Nguyên Xá, Trung Bạn

6. Quan Độ xã[3]

8/ Tổng Phi Lưu : 7 xã[a]

1. Phù Lưu xã (ttt : Chợ Giầu)

Ba thôn : Nội, Thị, Yên Lã

2. Đại Đình xã (ttt : Làng Nuốn)

3. Đình Bảng xã (ttt : Làng Báng)

4. Trang Liệt xã (ttt : Sặt Đồng)

5. Bính Hạ xã

6. Dương Lôi xã (ttt : Đình Sấm) Hai thôn : Dương Lôi, Trung Hoà

7. Thụ Chương xã

---

(1) Trước kia là Lan Đình. Tham khảo : *Đại Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo* (A.485), tờ 31a.

(2) Trước kia là Đống Xuất : Tham khảo. *Đại Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo* (A. 485). Kinh Bắc tờ 41

(3) Trước kia là Lan Độ. Xem A. 485. Kinh Bắc. tờ 29b.

(a) Nay thuộc Tiên Sơn - Bắc Ninh gồm :

- Xã Tân Hồng (Phù Lưu. Đại Đình. Dương Lôi)
- Xã Đình Bảng (Đình Bảng)
- Một phần xã Đồng Quang (Trang Liệt. Bính Hạ)
- Một phần xã Đồng Nguyên (Thụ Chương)

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Xuân Thụ nay cũng vậy

9/ Tổng Xuân Canh : 11 xã, thôn[a]

Ngày nay *tổng* này được ghép vào *huyện* Đông Anh, tỉnh Phúc Yên và chỉ còn có 4 *xã* Xuân Canh, Lục Canh, Mạch Tràng và Xuân Trạch. Những xã khác cấu thành tổng Uy Nỗ thuộc vào cùng huyện.

1. Xuân Canh xã

   Bốn thôn : Thượng Lão, Vân Tinh, Vân Hoạch, Xuân Đình.

2. Uy Nỗ Thượng xã, Cầu Cả thôn

3. Uy Nỗ Thượng[1]

4. Vạn Lộc xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* : Vạn Phúc ; Ngày nay mang tên mới là Vạn Lộc

   Hai thôn : Ngoại Sát (ttt : Làng Sép), Sần Giã (ttt : Làng Sần)

5. Lực Canh xã, (Văn Thượng thôn)

6. Lực Canh xã, (Quán thôn)

   Trong *Danh sách Đồng Khánh*, hai xã thôn đó được tập hợp dưới cái tên Lực Canh. Ngày nay

---

(1) Danh sách Đồng Khánh không phân biệt hai xã Uy Nỗ Thượng này. Nay chỉ còn 1 xã Uy Nỗ Thượng (ttt : Làng Tó) với 2 thôn Cầu Cá và Thượng Tó.

(a) Nay thuộc Đông Anh - Hà Nội gồm :

- Xã Xuân Canh (Lực Canh, Xuân Canh, Xuân Trạch, Vạn Lộc)
- Xã Uy Nỗ (Uy Nỗ Thượng, Kính Nỗ, Phúc Lộc)
- Một phần xã Cổ Loa (Cầu Cá, Mạch Tràng)
- Một phần thị trấn Đông Anh

là xã Lực Canh (ttt : Làng Dầu) duy nhất. Hai thôn : Quán và Văn Thượng.

7. Mạch Tràng xã. Trong *Danh sách Đồng Khánh là* : Mạch Dương

8. Phúc Lộc xã, (Cát Lại thôn), ttt : Làng Cầu Tre

9. Phúc Lộc xã, Nghĩa Lai thôn (ttt : Làng Ngái)
Ngày nay hai xã, thôn trên được tập hợp thành một xã duy nhất với 2 thôn : Cát Lại và Nghĩa Lại.

10. Xuân Trạch xã (ttt : Làng Chầm)

11. Kính Nỗ xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Cương Nỗ, nay cũng thế[1]
Bốn thôn : Đản Dị, Phan Xá, Quán Tỉnh, Đản Mỗ.

10/ Tổng Phù Chẩn : 4 xã[a]

1. Phù Chẩn xã (ttt : Làng Cháy)

2. Phù Cảo xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Phù Tảo, nay cũng thế (ttt : Làng Cháy)

3. Phù Lộc xã (ttt : Làng Lọc)

4. Phù Luân xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Phù Luân ; nay là Phù Luân (ttt : Làng Cháy)

---

(1) Năm 1911, một phần của xã này đã được tách ra, để thành lập xã Kính Nỗ ; ttt : Làng Quán Tinh (Quán Tính ? Bản in không rõ)

(a) Nay là xã Phù Chẩn, Tiên Sơn - Bắc Ninh.

11/ Tổng Nghĩa Lập : 9 xã[1][a]

1. Nghĩa Lập xã (ttt : Làng Sộp)
2. Phù Khê xã (ttt : Làng Giầm)
   Hai thôn : Đông, Thượng.
3. Tiến Bào xã
   Ngày nay là Tiến Bào (ttt : Làng Bèo)
4. Ông Mặc xã[2]
   Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) được đổi thành Hương Mặc
5. Đình Cả xã
6. Ông Mặc xã, Thọ Triền thôn
   Ba xã cuối cùng này được tập hợp trong *Danh sách Đồng Khánh* dưới cái tên là Hương Mặc xã. Ngày nay chỉ còn xã Hương Mặc duy nhất với hai thôn : Đình Cả và Vĩnh Thọ (tên gọi mới của Thọ Triền).
7. Hoa Thiều xã[3]
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Kim Thiều ; nay cũng vậy ; ttt : Làng Mấc

---

(1) Ngày nay xã này có 7 xã như đã thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*

(2) Thời Lê, xã này có 6 thôn : Bảo Tháp, Đông Tiến, Ngô Tiến, Ngô Trực Tây Ứng, Thọ Triền thuộc xã Chung My, *phường* Cổ Mặc cũ (Xem Cổ *Mặc danh công bảo ký diễn âm*, AB, 554, tờ 1b)

(3) Thời Lê gồm có 3 thôn : Phù Hậu, Nhiễm, Vân thuộc xã Chung My, *phường* Cổ Mặc cũ. Xem AB 554, tờ 1b.

(a) Nay thuộc Tiên Sơn - Bắc Ninh gồm :
- Xã Phù Khê (Nghĩa Lập, Phù Khê, Tiên Bảo, Mai Động)
- Xã Hương Mạc (Hương Mạc, Hoa Thiều)
- Một phần xã Đồng Quang (Đồng Kỵ)
* Ông Mạc, ttt, Kẻ Me

8. Đông Kỵ xã (ttt : Làng Cời)

9. Mai Động xã

Ba thôn: Đồng Hương (ttt: Làng Trạch), Đồng Mỗi (ttt: Làng Mòi), Kim Bảng (ttt: Làng Bảng)

12/Tổng Cổ Loa : 8 xã[a]

Tổng này ngày nay được ghép vào huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên.

1. Cổ Loa xã

2. Lương Quán xã, (Thư Cưu thôn)

Nay có tên là xã Thư Cưu.

3. Đường Yên xã (ttt : Làng Kim Nhớn)

4. Lỗ Giao xã

5. Lương Quy xã (ttt : Làng Kim Con)

6. Dục Nội xã

Ba thôn : Đoài, Đông, Trung.

7. Gia Lộc xã

8. Lương Quán xã

13/ Tổng Tam Sơn : 8 xã[b]

1. Tam Sơn xã

(a) Nay thuộc Đông Anh - Hà Nội gồm:
- Xã Cổ Loa (Cổ Loa, Thư Cưu)
- Một phần xã Xuân Nộn (Đường Yên, Lương Quy)
- Xã Việt Hùng (Lỗ Giao, Lương Quán, Gia Lộc, Dục Nội)

(b) Nay thuộc Tiên Sơn và Yên Phong - Bắc Ninh gồm :
- Xã Tam Sơn - Tiên Sơn (Tam Sơn, Lễ Xuyên, Dương Sơn, Nhân Thọ, Phúc Tinh)
- Xã Đồng Nguyên - Tiên Sơn (Tam Lư, Cẩm Chương, Vĩnh Kiều)
- Một phần xã Trung Nghĩa - Yên Phong (Đông Mai, Yên Tử)

2. Vĩnh Cầu xã

Ngày nay là Vĩnh Kiều xã (ttt : Làng Viềng)

3. Đông Mai xã

Từ năm Thành Thái thứ 15 (1903) xã này được ghép vào tổng Phong Quang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

4. An Từ xã

Xã này từ năm Thành Thái thứ 15 (1903) nhập vào tổng Phong Quang huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

5. Lễ Xuyên xã (ttt : Làng Sậy)

6. Dương Sơn xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Dương Sơn ; nay cũng vậy (ttt : Làng Chõ)

Bốn thôn : Chi, Chúc, Tự, Thọ Trai (ttt : Làng Giái)

7. Tam Lư xã

8. Cẩm Chương xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Cẩm Đường ; nay là Cẩm Giang (ttt : Kẻ Cẩm)

Hai thôn : Nội, Nguyễn.

Ngày nay, tổng này còn gồm có 8 xã, nhưng thay cho hai xã cũ Đông Mai và An Từ được ghép vào huyện Yên Phong, người thấy có hai xã khác : Nhân Thọ, được thành lập năm Thành Thái thứ 16 (1904) và Phúc Tinh vốn là thôn cũ Thọ Tinh của *xã* Tam Sơn, được nâng thành xã độc lập năm Hàm Nghi thứ nhất (1885).

Huyện Quế Dương

Huyện này đã được thành lập trên địa phận cũ của *châu* Vũ Ninh[1]. Thời thống trị nhà Minh, nó được tổ chức thành huyện Từ Sơn[2]. Đầu đời Lê, tên Quế Dương đã được gắn cho các *huyện* từ nay thuộc vào phủ Từ Sơn này. Cuốn *Dư địa chí* nói nó gồm có 45 xã. *Hồng Đức bản đồ* và thời Gia Long cũng nói như vậy. Năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) nó được đổi thành Quế Dương và tổ chức riêng thành phân phủ. Năm Tự Đức thứ 5 phân phủ bị bãi bỏ. Huyện này thế là được tổ chức lại và do một *tri huyện* cai trị.

Huyện Quế Dương cách phủ lỵ Từ Sơn 34 dặm về phía Đông. Từ Đông sang Tây nó đo được 34 dặm ; từ Bắc xuống Nam được 6 dặm. Về phía Đông từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Chí Linh (tỉnh Hải Dương) là 22 dặm ; về phía Tây tới ranh giới *huyện* Tiên Du là 13 dặm ; về phía Nam tới ranh giới huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, là 2 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới huyện Võ Giàng là 4 dặm[3]. Tường thành của huyện lỵ Quế Dương đắp bằng đất. Chu vi tường thành là 208 trượng, cao 7 *thước* 2 *tấc*. Thành có 3 cửa ra vào lợp ngói. Huyện lỵ này nằm trên địa phận *xã* Vũ Dương[4] và được thiết lập năm Minh Mệnh thứ ba (1822).

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh tờ 4a

(2) Như trên, Tham khảo *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư* K.118 tờ 6a.

(3) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 4a.

(4) Như trên tờ 10a. Theo *Danh sách Đồng Khánh* (tờ 320) huyện lỵ Quế Dương nằm trên địa phận của hai xã Nghiêm Xá và Cán Vũ. tổng Vũ Dương: *Cuốn Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590. tờ 48a - 49a) viết : " Huyện lỵ Quế Dương ở xã Vũ Dương.

Đầu đời Nguyễn, huyện này gồm 9 tổng, 45 xã, thôn[1]. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, số xã *thôn* lên tới 46. Ngày nay, *huyện* Quế Dương chỉ có 6 tổng. Bốn tổng cũ của nó có những sự thay đổi : Tri Nhị bị bãi bỏ. Lãm Sơn Nam, Vân Mẫu và Quảng Lãm được gắn vào *huyện* Võ Giàng. Ngược lại nó lại được sáp nhập tổng Phù Lương thuộc *huyện* Võ Giàng.

1/ Tổng Đại Toán : 5 xã[2](a)

1. Đại Toán xã

Bốn thôn: Đồng (ttt: Làng Tỏi Đồng), Mai (ttt:

- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Chí Linh (Hải Dương) là 6612 *tầm* 4 *thước* ; tới xã Bồng Lai là 216 tầm ; tới xã Mai Cương là 599 tầm ; tới xã Châu Cầu là 3275 tầm, 2 thước ; tới xã Vệ Xá là 868 tầm 1 thước ; tới xã Phả Lại là 1612 tầm ; tới ranh giới xã Phao Sơn huyện Chí Linh (Hải Dương) là 42 tầm.
- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Tiên Du là 3787 tầm, 3 thước, ; tới xã Trúc Ổ là 1414 tầm ; tới xã Lãm Sơn Trung là 2353 tầm 3 thước ; tới ranh giới xã An Đồng, huyện Tiên Du là 20 tầm.
- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Gia Lâm, phủ Thuận An là 334 tầm ; tới ranh giới xã Tiêu Xá, huyện Gia Định, phủ Thuận An là 334 tầm.
- Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Võ Giàng là 2804 tầm ; tới thôn Lai, xã Hồng Mao là 136 tầm ; tới xã Nghiêm Xá là 1044 tầm ; tới ranh giới xã Giang Liễu, huyện Võ Giàng là 604 tầm. Tham khảo *Bắc thành* (A. 1565) q.6 tờ 6a.

(1) *Bị lãm* tờ 15b - 17b.

(2) Tổng này ngày nay chỉ có 3 xã.

(a) Nay thuộc Quế Võ và Gia Lương - Bắc Ninh gồm :

- Xã Chi Lăng - Quế Võ (Đại Toán, Đức Tái, Quế Ổ)
- Một phần xã Mộ Đạo - Quế Võ (Mai Ổ)
- Một phần xã Lãng Ngâm - Gia Lương (Ngăm Mặc)

Làng Tỏi Mai), Mão (ttt: Làng Tỏi Mão), Thuỷ (ttt: Làng Tỏi Thuỷ)

2. Quế Ổ xã

3. Mai Ổ xã. Ngày nay *xã* này được gắn vào *tổng* Mộ Đạo cùng huyện

4. Đức Tái xã (ttt : Kể Giai)

5. Ngãm Mặc xã

Từ năm Thành Thái thứ 15 (1903), xã này được ghép vào tổng Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

2/ Tổng Lãm Sơn Nam : 4 xã[(1)(a)]

Ngày nay tổng này có tên là Sơn Nam và được gắn vào *huyện* Võ Giàng của cùng một tỉnh.

1. Lãm Sơn Nam xã. Nay là xã Sơn Nam.

2. Lãm Sơn Trung xã. Nay là xã Sơn Trung
Ba thôn : Tự, Triều, Trung.

3. Lãm Sơn Đông xã : Nay là xã Sơn Đông
Hai thôn : Đa Cấu (ttt : Dạm Cấu) Khúc

4. Đông Dương xã.

3/ Tổng Vân Mẫu : 4 xã[(b)]

Từ năm Thành Thái thứ 17 (1905) *tổng* này được ghép vào huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

---

(1) *Danh sách Đồng Khánh* ghi thêm cho tổng này xã thứ 5, Lâm Sơn Dương : xã này, đầu thế kỷ XIX, (Danh sách của *Bị lãm* A.570, tờ 17) coi như *xã phiêu lưu*. Ngày nay *xã* này trở thành Sơn Dương với 2 thôn : Môn Tự và Thái Bảo.

(a) Nay là xã Nam Sơn, Quế Võ - Bắc Ninh.

(b) Nay là xã Vân Dương, Quế Võ- Bắc Ninh.

1. Vân Mẫu xã
2. Vân Mỗi xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Vân Hợp ; nay cũng thế.

3. Lâm Dương xã (ttt : Làng Dạm)
4. Chu Mẫu xã (ttt : Làng Muối)

4/ Tổng Bồng Lai : 7 xã[a]

1. Từ Sơn xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Từ Phong ; nay cũng vậy (ttt : Làng Từ Sơn)

2. Đông Du xã (ttt : Làng Dù)
3. Cách Bi xã

Nay là xã Cách Bi (ttt : Làng Gạch)

4. Cẩm Chàng xã. Nay là xã Cẩm Chàng

Hai thôn : Đãn Chàng (ttt : Làng Chàng), Xa Luân (ttt : Làng Son)

5. Bồng Lai xã

Hai thôn : Cầu (ttt : Làng Kiếu), Tổ Long (ttt : Làng Trải)

6. Mai Cương xã (ttt : Làng Mài)
7. An Đặng xã (ttt : Làng Rừng)

Ngày nay *tổng* này còn gồm có hai xã nữa : 1) Phú Lão và Thi Xá (trước kia là Ngô Xá). Hai xã này đã được tách từ tổng Tri Nhị năm Thành Thái thứ 17 (1905).

(a) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm
- Xã Bồng Lai (Bồng Lai, Cẩm Chàng, Phú Lão)
- Xã Cách Bi (Cách Bi, An Đặng, Ngô Xá, Từ Sơn, Mai Cương)
- Một phần xã Đào Viên (Đông Du)

5/ Tổng Tri Nhị : 4 xã[a]

Tổng này bị bãi bỏ năm 1803.

1. Tri Nhị xã

Ngày nay xã này được ghép vào tổng Đại Lai, *huyện* Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

2. Địa Nhị xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Ích Nhị ; nay cũng thế. Xã này cũng như xã trước ngày nay được gắn vào tổng Đại Lai.

3. Phú Lão xã

Ngày nay xã này được gắn vào tổng Bồng Lai, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh ; xã tiếp sau cũng vậy

4. Ngô Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Thi Xá ; ngày nay cũng vậy.

6/Tổng Quảng Lãm : 6 xã[b]

Từ năm Thành Thái thứ 17 (1905) *tổng* này được ghép vào *huyện* Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

1. Quảng Lãm xã

Hai thôn : Thị, Thượng Đường

(a) Nay thuộc Gia Lương - Bắc Ninh gồm :

- Một phần xã Song Giang (Tri Nhị, Ích Nhị)

(b) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm :

- Xã Hán Quảng (Hán Đà, Quảng Lãm, Hương Lưu)
- Xã Yên Giả (La Miệt, Nga Hoàng, Yên Giả)

2. Hán Dà xã.

3. Nga Hoàng xã - Nay là xã Nga Hoàng.

4. Yên Giả xã

5. La Miệt xã

6. Phù Lưu xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hương Lưu ; nay là xã Phương Lưu.

7/ Tổng Đào Thông : 5 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh, tổng* có tên là Đào Hương và ngày nay là Đào Viên.

1. Đào Thông xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đào Hương ; và ngày nay là Đào Viên. Thời Lê là Đào Tai

Sáu thôn : Đông (ttt : Làng Đông), Lê Xá (ttt : Làng Lầy), Lộc Thi (ttt : Làng Thi), Phúc Tai (ttt : Làng Hôm), Tư Cương (ttt : Làng Gãng), Trung (ttt : Làng Cống)

2. Vân Đoàn xã

Hai thôn : Kiều Lương (ttt : Cầu Giát), Vân Đoàn.

3. Vệ Xá xã

Ba thôn : Phong Cốc, Thịnh Lai, Vệ Xá.

(a) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm :

- Xã Châu Phong (Châu Cầu)
- Xã Đào Viên (Đào Viên)
- Xã Đức Long (Vệ Xá. Vân Đoàn. Phả Lại)

4. Phổ Lại xã

Hai thôn : Phổ Lại, Phú Da

5. Châu Cầu xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Châu Cầu ; nay cũng vậy.

Ba thôn: Biểu Đông, Châu Cầu (ttt : thôn Núi), Tân.

8/ Tổng Mộ Đạo : 5 xã[a]

1. Mộ Đạo xã (ttt : Làng Đậu)
2. Đô Đàn xã
3. Phúc Thực xã. Nay là xã Tập ninh
4. Chạc Nhiệt xã

Nay là xã Chạc Nhiệt (ttt : Kẻ Rét làng)

5. Trúc Ổ xã ; ttt : Kẻ Ướm.

Tổng Mộ Đạo này ngày nay còn gồm có xã thứ 6 : Mai Ổ, trước kia thuộc tổng Đại Toán.

9/ Tổng Vũ Dương : 5 xã[b]

1. Vũ Dương xã

Ba thôn : Nghiêm ; Thị (ttt : Thôn Chợ) Vũ Dương (ttt : Thôn Trì).

(a) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm :
- Xã Mộ Đạo (Mộ Đạo, Trúc Ổ, Mai Ổ, Trác Nhiệt)
- Một phần xã Chi Lăng (Tập Ninh, Đô Đàn)

(b) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm :
- Xã Phượng Mao (Phượng Mao, Vũ Dương)
- Xã Việt Hùng (Nghiêm Xá, Dũng Quyết, Can Vũ)
* Can Vũ ttt. Kẻ Cán

2. Hồng Mao xã

Trong *Danh sách Đông Khánh* là xã Phượng Mao ; nay cũng vậy (ttt : Làng Hồng Mao) Bốn thôn : Giộc, Lại, Trung, Yên.

3. Nghiêm Xá xã.

Năm thôn : Dược ; Đinh (ttt : Làng Ngườm) Giữa : Lệ ; Từa.

4. Dũng Quyết xã

Hai thôn : Khê (ttt : Làng Guột), Lã (ttt : Làng Lựa).

5. Can Vũ xã.

Huyện Tiên Du

Tên của huyện này bắt nguồn từ tên của núi Tiên Du thuộc làng Phật Tích[1]. Huyện tồn tại từ thời Trần (1225 - 1400). Cuốn *Sử Ký* còn nói ngay cả tới sự chiếm đóng địa phận Tiên Du bởi *Sứ quân* Nguyễn Thủ Tiệp[2] vào khoảng 943 - 967. Thời thống trị nhà Minh *huyện* này thuộc *châu* Vũ Ninh và là bộ phận cấu thành của *phủ* Bắc Giang[3]. Bắt đầu từ thời Lê, nó thuộc *phủ* Từ Sơn. Nhà Nguyễn vẫn giữ nguyên cách xếp đặt như vậy[4].

Huyện Tiên Du cách phủ lỵ Từ Sơn 10 dặm về phía Đông Bắc. Từ Đông sang Tây đo được 18 dặm ; từ Bắc xuống Nam 17 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông tới ranh giới *huyện* Quế Dương là 11 dặm ; về phía Tây tới ranh giới

---

(1) *Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ*, q.2, tờ 14b

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 3b, *Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ*, q.7, tờ 13b

(3) *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư*, K.118, tờ 4 ; *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 3b

(4) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 3b (5) Như trên.

huyện Yên Phong là 7 dặm ; về phía Nam tới ranh giới *huyện* Siêu Loại là 11 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới huyện Yên Phong là 6 dặm[1] Lỵ sở của *huyện* này nằm tại *xã* Hoài Bão. Trước kia nằm tại xã Đông Sơn. Năm Minh Mệnh thứ 14 (183) được chuyển tới địa điểm hiện nay.[2]

Theo *Dư địa chí*[3] và *Hồng Đức bản đồ*, *huyện* này gồm có 52 xã thời Lê (1428 - 1788). Đầu thế kỷ XIX, huyện này cũng gồm cùng một số làng[4] chia ra 9 tổng. *Danh sách Đồng Khánh* cũng kể tới 9 *tổng* với 56 *xã*, *thôn*[5]. Ngày nay, *huyện* Tiên Du trực thuộc tỉnh Bắc Ninh chỉ còn

---

(1) Như trên tờ 10a.

(2) Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590. tờ 47a - 48a) ghi : Huyện lỵ Tiên Du nằm tại xã Đông Sơn.
Về phía Đông. từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Quế Dương là 2934 *tầm* : tới xã Nghi Vệ là 714 tầm : tới xã Hộ Vệ là 200 tầm: tới xã Hoa Nội là 690 tầm : tới xã An Đồng là 910 tầm: tới ranh giới xã Lâm Sơn Trung huyện Quế Dương là 360 tầm.
Về phía Tây. từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Đông Ngàn là 2854 tầm : tới thôn Đại Cáo là 720 tầm ; tới xã Cổ Miếu là 378 tầm ; tới xã Hội Bão là 156 tầm: tới xã Dưỡng Mông là 580 tầm : tới xã Đại Sơn là 374 tầm: tới xã Dương Lôi *huyện* Đông Ngàn là 646 tầm.
Về phía Nam, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Siêu Loại phủ Thuận Thành là 2486 tầm: tới *thôn* Phù Lập. xã Thụ Triền là 1034 tầm: tới *thôn* Triền của cùng xã là 892 tầm: tới ranh giới xã Nhạn Tháp. huyện Siêu Loại là 560 *tầm*.
Về phía Bắc. từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Yên Phong là 3716 tầm : tới xã Khắc Niệm Hạ là 936 *tầm* : tới xã Xuân Ổ là 1470 tầm : tới xã Dương Ổ là 622 tầm ; tới ranh giới xã Tam Tảo. huyện Yên Phong là 688 *tầm*. Tham khảo *Bắc thành* A.1565. q.6. tờ 4b - 5a).

(3) tờ 12b.

(4) *Bị lâm*, tờ 17b - 19b.

(5) A.537 tờ 21 - 22.

có 8 tổng : vì tổng Khác Niệm đã được nhập vào với huyện Võ Giàng của cùng tỉnh này.

1/ Tổng Phù Đổng : 3 xã[a]

1. Phù Đổng xã (ttt : Làng Gióng)
2. Phù Ninh xã.
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Phù Dực ; nay cũng vậy.
3. Đổng Xuyên xã (ttt : Làng Gióng Mốt)
   Danh sách của *Bị lãm* còn cho biết đầu đời Nguyễn tổng này có một *xã phiêu lưu* là Đổng Viên nay đã trở thành cố định như đã thấy trong cuốn *Danh sách Đồng Khánh*.

2/ Tổng Dũng Vi : 3 xã[b]

1. Dũng Vi xã
   Ba thôn : Đình (ttt : Làng Ve Đình) Giáo (ttt : Làng Ve Chợ) Lương (ttt : Làng Ve Chợ)
2. Trung Màu xã
3. Thịnh Lân xã. Nay là xã Thịnh Liên

3/ Tổng Đại Vi : 4 xã[c]

1. Đại Vi xã

(a) Nay thuộc Gia Lâm - Hà Nội gồm:
- Xã Phù Đổng (Phù Đổng, Phù Dực, Đổng Viên)
- Một phần xã Lệ Chi (Đổng Xuyên)

(b) Nay là:
- Xã Trung Màu, Gia Lâm - Hà Nội (Trung Màu.)
- Xã Tri Phương, Tiên Sơn - Bắc Ninh (Dũng Vi)

(c) Nay là Xã Đại Đồng, Tiên Sơn - Bắc Ninh

2. Đại Vi Thượng xã. Nay là xã Đại Thượng

3. Đại Vi Trung xã. Nay là xã Đại Trung

4. Dương Húc xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Dương Húc. Nay cũng vậy

Tám thôn : Trung, Đa, Đồng, Dòng, Lễ, Ni, Phan, Tự

4/ Tổng Đông Sơn : 5 xã[a]

1. Đông Sơn xã. Ba thôn : Trung Nam, Đề Đoài, Đồng Lĩnh

2. Đại Sơn xã

3. Đồng Lượng xã. Ba thôn : Đoài, Đông, Thượng Sáp

4. Long Khám xã

Ba thôn : Đoài Tinh, Đông Tinh, Rồng (ttt : Làng Rồng).

5. Giưỡng (Dưỡng) Mông xã (ttt : Làng Móng)

Đối với *tổng* Đông Sơn này, cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn cho biết có *xã* Văn Trinh thời Gia Long được coi như là *xã phiêu lưu*. Ngày nay đó là *xã* Văn Trinh được biết đến dưới cái tên thông thường là Làng Riêng. Ngoài ra, tổng Đông Sơn ngày nay còn có xã Đại Tảo vốn đã có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*.

(a) Nay thuộc Tiên Sơn - Bắc Ninh gồm:

- Xã Hoàn Sơn (Dưỡng Mông, Đại Sơn, Đồng Lượng)
- Xã Việt Hoàn (Đông Sơn, Long Khám, Văn Trinh, Đại Tảo)

5/ Tổng Thụ Triền : 7 xã, thôn[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* tổng này có tên ba Thụ Phúc ; ngày nay cũng vậy.

1. Thụ Triền xã (Triền thôn)
   Trong Danh sách Đồng Khánh là Thụ Phúc ; ngày nay cũng vậy.

2. Thụ Triền xã (Phù Lập thượng, Trung 2 thôn). Ba thôn Thụ Triền này ngày nay lập thành *xã* Thụ Phúc, được biết dưới cái tên tục là Làng Triền.
   Ba thôn : Phúc (ttt: Làng Dền), Phù Lập Trung (ttt: Làng Sộp), Phù Lập Thượng (ttt : Làng Sộp).

3. Trùng Minh xã. Nay là *xã* Trùng Quang
   Hai thôn: Ngô Xá (ttt: Làng Ngò), Phúc Nghiêm

4. Phật tích xã

5. Cổ Miếu xã (ttt : Làng Mưỡu)

6. Cao Đường xã
   Nay là *xã* Cao Đình (ttt : Làng Ve Đình)

7. Vĩnh Phú xã

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn cho biết *tổng* Thụ Phúc có xã Tam Bảo.

(a) Nay thuộc Tiên Sơn - Bắc Ninh gồm:
- Xã Phật Tích (Trùng Quang, Phật Tích, Cổ Miếu, Vĩnh Phú)
- Xã Cảnh Hưng (Thụ Phúc, Phù Lập)

6/ Tổng Nội Duệ : 10 xã, thôn[a]

1. Nội Duệ xã.
   Hai thôn : Đình Cả, Lộ Bao.

2. Nội Duệ xã (Đông thôn)
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Nội Duệ Đông. Nay là Duệ Đông. Sáu thôn : Chàm Trù Tây , Đông Bình, Phúc Lâm, Sào, Vĩnh Ninh

3. Nội Duệ Nam xã. Nay là xã Duệ Nam

4. Nội Duệ Khánh xã. Nay là xã Duệ Khánh.
   Hai thôn : Long Bình, Thanh Bình.

5 - 6 Hoài Bảo xã, Trung - Nhị 2 thôn
   Hai thôn : Thị (ttt : Làng Bịu Sún) Trung(ttt : Làng Bịu Giữa).

7. Lũng Giang xã
   Ba thôn : Chinh, Chùng, Cả

8. Bái Uyên xã (ttt : Làng Bưởi)

Danh sách của *Bị lãm* không nêu ra hai xã dưới đây, hai xã này đã được nói đến trong *Danh sách Đồng Khánh* và nay vẫn tồn tại[1].

1. Hồi Bão xã. Hai thôn : Đống Trà (ttt :Làng

---

(1) Có lẽ đó là một sự thiếu sót vì trong bản viết tay A.570 của *Bị lãm*, *tổng* Nội Duệ được kể ra như có 10 xã, thôn, nhưng người ta chỉ đếm được trong đó có 8 tên.

(a) Nay thuộc Tiên Sơn - Bắc Ninh gồm:
- Xã Nội Duệ (Nội Duệ, Duệ Nam, Duệ Khánh)
- Xã Liên Bão (Hoài Bão, Báo Uyên, Hoài Thượng, Hồi Bão)
- Xã Vân Tương (Duệ Đông, Lũng Giang)

Chè) Quảng Độc (ttt : Làng Giọc).

2. Hoài Bão xã. Thượng thôn

Ngày nay đó là *xã* Hoài Thượng (ttt: Làng Bịu thượng).

7/ Tổng Khắc Niệm : 8 xã[a]

Ngày nay tổng này được nhập vào *huyện* Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

1. Khắc Niệm Thượng xã

   Hai thôn: Sơn; Trung (ttt : Làng Ném Thượng)

2. Khắc Niệm Hạ xã

   Ba thôn : Đoài (ttt: Làng Ném Hạ), Đông, Tiều.

3. Hiên Ngang xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hiên Đường, ngày nay lại là Hiên Ngang. Ba thôn : Cầu, Na, Nội

4. Bồ Sơn xã

   Hai thôn : Bồ Sơn (ttt : Làng Bò), Khả Lễ (ttt : Làng Sẻ)

5. Xuân Ổ xã (ttt : Làng Ó). Hai thôn : Đống Trà, Ứng Xá

6. Dương Ổ xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Dương Ổ; nay cũng vậy (ttt : Làng Đống Cao).

7. Vân Khám xã.

(a) Hiện nay chia ra:

- Xã Hiên Vân, Tiên Sơn - Bắc Ninh (Hiên Ngang, Vân Khám)
- xã Khắc Niệm, Tiên Sơn - Bắc Ninh (Khắc Niệm Hạ, Khắc Niệm Thượng)
- Xã Võ Cường, Tiên Sơn - Bắc Ninh (Bồ Sơn, Xuân Ổ, Đống Cao, Hoà Bình).

Xã này năm 1985 nhập về thị xã Bắc Ninh.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* còn xã Hoà Đình[a]; nay cũng vậy ; ttt : Làng Nhồi (Lồi)

8/ Tổng Chi Nê : 5 xã[b]

1. Chi Nê xã

Năm thôn: Đông, Đống, Hổ, Ngọc, Tân, Trung.

2. Chi Nê Nội xã. Nay là xã Chi Nội.

3. Tứ Nê xã

Hai thôn : Ngoại (ttt : Làng Nía) Trung (ttt : Làng Nía)

4. Nghĩa Lộ xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Nghĩa Chỉ, nay cũng vậy.

5. Tử vị xã (ttt : Làng Ve)

Tổng Chi Nê nay ngày nay có xã thứ 6 là Văn Trung, được thiết lập vào năm Thành Thái thứ 7 (1893).

9/ Tổng Nội Viên : 7 xã[c]

1. Nội Viên xã

2. An Đông xã (ttt : Làng Quan Đồng)

(a) Còn có tên là Lỗi Đình

(b) Nay thuộc Tiên Sơn - Bắc Ninh gồm:
- Xã Tân Chi (Tử Nê, Chi Nê, Chi Nội, Văn Trung)
- Xã Minh Đạo (Nghĩa Chỉ, Tử Vi)

(c) Nay thuộc Tiên Sơn - Bắc Ninh gồm:
- Xã Hạp Lĩnh (Nguyên Xá, Nghi Vệ)
- Xã Lạc Vệ (Nội Viên, Hoa Hội, Hộ Vệ, Quan Đồng, Hương Vân)

3. Hoa Hội xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Xuân Hội ; nay cũng vậy

4. Hộ Vệ xã

Ba thôn : Ngã Cư, Ngõ Cầu, Ngọ Dinh

5. Hương Vân xã. Nay là xã Hương Vân

6. Nghi Vệ xã

Ba thôn : Ất, Trần (ttt: Làng Và Chợ), Sơn (ttt: Làng Và Núi).

7. Nguyễn Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* đó là xã Tiên Xá (ttt : Làng Nguyễn).

Huyện Võ Giàng

Tên Võ Giàng được gán cho địa phận này từ thời đầu Lê[1]; địa phận đó phù hợp với huyện Vũ Ninh đời Trần[2]. Thời nhà Minh thống trị, nó thuộc *châu* Vũ Ninh và là bộ phận cấu thành của *phủ* Bắc Giang[3]. Bắt đầu từ thời Quang Thuận (1460 - 1469) nhà Lê, nó được tổ chức thành huyện và trực thuộc *phủ* Từ Sơn. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), huyện này được *tri huyện* Quế Dương kiêm nhiếp. Ngày nay nó được tổ chức thành *huyện* độc lập và được một tri huyện trực thuộc các quan tỉnh Bắc Ninh.

Huyện Võ Giàng cách phủ lỵ Từ Sơn 20 dặm hơi chếch về phía Đông Bắc. Từ Đông sang Tây là 30 dặm, từ

(1) *Dư địa chí*, tờ 12b

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 4a

(3) Như trên. Tham khảo *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư*, K.118, tờ 6a

Bắc xuống Nam là 12 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới *huyện* Quế Dương là 27 dặm ; về phía Tây cho tới ranh giới *huyện* Tiên Du là 3 dặm ; về phía Nam cho tới ranh giới *huyện* Quế Dương là 2 dặm ; về phía Bắc cho tới ranh giới huyện Việt Yên, phân phủ Lạng Giang là 10 dặm[1]. Huyện lỵ được đặt trên địa phận xã Đỗ Xá[2].

Theo cuốn *Dư địa chí*, huyện Võ Giang có 82 *xã*[3] đầu đời Lê. Nhưng theo cuốn Hồng Đức bản đồ thì từ cuối thế kỷ XV nó chỉ có 44 xã. Đầu thế kỷ XIX người ta chỉ đếm được có 43 xã phân ra 6 tổng[4]. Trong *Danh sách Đồng Khánh* người ta cũng thấy cùng một số tổng nhưng với 47 xã, thôn[5]. Ngày nay, huyện Võ Giàng gồm 10 tổng trong đó 5 tổng là những tổng cũ[6].

---

(1) *Thống chí*. Bắc Ninh. tờ 4a
Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590. tờ 49a - 50a) viết : " Huyện lỵ Võ Giàng ở trên địa phận xã Đỗ Xá".
- Về phía Đông từ huyện lỵ tới ranh giới xã Vân Mỗi. *huyện* Quế Dương là 1170 tầm.
- Về phía Tây từ huyện lỵ tới ranh giới thôn Niềm Xá. xã Lỗi Đinh. huyện Tiên Du là 170 tầm.
- Về phía Nam. từ huyện lỵ tới ranh giới xã Bồ Sơn. *huyện* Tiên Du là 520 *dặm* 2 *thước*.
- Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới ranh giới *huyện* Việt Yên. phủ Bắc Hà là 2346 tầm. tới xã Ỳ Na là 916 tầm. tới xã Thanh Sơn là 341 tầm. tới bến đò xã Đáp Cầu đối diện với ranh giới đường sông của xã Nam Ngạn.. huyện Yên Việt là 108 tầm. Tham khảo *Bắc Ninh* (A.1565) q.6. tờ 6b - 7a.

(2) *Thống chí*. Bắc Ninh. tờ 4a.

(3) *Dư địa chí*. tờ 12b.

(4) *Bị lãm*, tờ 19b - 21a.

(5) Tờ 33b - 34b.

(6) Tổng Phú Lương được nhập vào huyện Quế Dương tỉnh Bắc Ninh.

Năm *tổng* kia là Quảng Lâm, Sơn Nam và Vân Mẫu bị tách khỏi *huyện* Quế Dương năm Thành Thái thứ 17 (1905) ; tổng Khắc Niệm được tách khỏi huyện Tiên Du năm Thành Thái thứ hai (1890) và *tổng* Trâm Khê trước năm 1890 thuộc *huyện* Yên Phong. Lỵ sở của *huyện* ngày nay nằm trên địa phận xã Đỗ Xá.

1/ Tổng Đỗ Xá [8 xã][a]

1. Đỗ Xá xã

   Nay là *phố* Đỗ Xá và được gắn vào thị xã Bắc Ninh (ttt : Làng Đọ)

2. Ỷ Na xã

   Hai thôn : Phúc Sơn (ttt : Làng Bãi Cát), Ỷ Na xã (ttt : Làng Nưa)

3. Cổ Mễ xã

4. Vĩ Vũ xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Phượng Vĩ ; nay cũng vậy (ttt : Làng Vị)

5. Đại Vũ xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đại Tráng ; nay cũng vậy (ttt : Làng Vũ)

6. Thanh Sơn xã

7. Thị Cầu xã

   Nay là phố Thị Cầu và ăn vào *thị xã*.

(a) Nay thuộc thị xã Bắc Ninh gồm:
- Xã Vũ Ninh (Cổ Mễ, Thanh Sơn, Phúc Sơn, Phượng Vĩ)
- Xã Kinh Bắc (Ỷ Na)
- Xã Đại Phúc (Đại Tráng)
- Phường Thị Cầu, phường Đáp Cầu và phường Ninh Xá.

8. Đáp Cầu xã

Nay là phố Đáp Cầu và ăn vào *thị xã*.

2/ Tổng Đạo Du, 4 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* tổng này là Đạo Chân; nay cũng vậy

1. Đạo Du xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đạo Chân ; nay cũng vậy (ttt : Làng Dầu).

2. Kim Đôi xã ; ttt : Làng Dủi

Hai thôn : Phú Xuân, Vạn Đình

3. Quỳnh Đôi xã. Nay là xã Quỳnh Đôi.

4. Ngọc Đôi xã

3/ Tổng Quế Tân : 6 xã, thôn[b]

1. Quế Lâm xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Quế Tân ; nay cũng vậy

2. Yên Lâm xã (ttt : Làng Phán Lâm)

3. Bằng Lâm xã

4. Hoàng Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Lạc Xá ; nay cũng vậy.

5. Xuân Thuỷ xã

6. Lê Độ xã

(a) Nay là xã Kim Chân, Quế Võ - Bắc Ninh.

(b) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm:

- Xã Bằng An (Bằng Lâm, Yên Lâm)
- Xã Quế Tân (Lê Độ, Quế Tân, Xuân Thủy, Lạc Xá, Đông Viên)

Ngày nay tổng Quế Tân, cũng như trong *Danh sách Đồng Khánh*, gồm có xã Đông Viên. Đầu thời Nguyễn, theo Danh sách của *Bị lãm* xã này được coi như là *xã phiêu lưu*.

4/ Tổng Đại Liễn : 7xã[a]

1. Đại Liễn Thượng xã (ttt : Làng Nội)
2. Vĩnh Thế xã (ttt : Làng Cò Nhớn)
3. Đồng Chuế xã (ttt : Làng Đường)
4. Việt Vân xã (ttt : Làng Vát)
5. Cung Kiệm xã (ttt : Làng Cạm)
6. Đô Thống xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Thống Thiện. Ngày nay nó được cấu thành hai *xã* độc lập : Thống Thiện Thượng và Thống Thiện Hạ.

7. Đại Liễn Hạ xã (ttt : Làng Cò Con)

   Theo *Danh sách Đồng Khánh*, tổng Đại Liễn này còn gồm có *thôn* Yên Ngô nay trở thành *xã* Yên Ngô[1].

5/ Tổng Bất Phí[b]

1. Bất Phí xã

---

(1) Đầu thế kỷ XIX xã này thuộc *tổng* Bất Phi

(a) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm:
- Xã Việt Thống (Thống Thượng, Thống Hạ, Việt Tân, Yên Ngô)
- Phần lớn xã Đại Xuân (Đại Liễn Thượng, Đại Liễn Hạ, Vĩnh Thế, Cung Kiệm)
- Một phần xã Nhân Hòa (Đồng Chuế)

(b) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm:
- Xã Phượng Liễu (Hà Liễu, Giang Liễu, Phượng Cầu, Do Nha)
- Một phần xã Nhân Hòa (Bất Phí)
- Một phần xã Đại Xuân (Công Cội, Ngu Đại, Xuân Bình, Xuân Hòa)

2. Xuân Lôi xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, *xã* này được phân làm 3 : Xuân Lôi xã, Xuân Bình thôn nay trở thành *xã* Xuân Bình ; Xuân Lôi xã, Công Cội thôn nay trở thành *xã* Công Cội (ttt : Làng Gội) và Xuân Lôi xã, Ngư Đại thôn nay là *xã* Ngư Đại (ttt : Làng Dọi)

3. Hà Liễu xã

4. Giang Liễu Xá

5. Phượng Cầu xã (ttt : Làng Ngà Ngoài)

6. Gio (Do) Nha xã (ttt : Làng Ngà Trong)

7. Yên Ngô xã

Ngày nay *xã* này được gắn vào *tổng* Đại Liễn ở cùng huyện.

Tổng Bất Phí trong *Danh sách Đồng Khánh* còn có *xã* Xuân Hoà nay vẫn thế.

6/ Tổng Phù Lương : 11 xã[a]

Ngày nay, *tổng* này được gắn vào *huyện* Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

1. Phù Lương xã (ttt : Làng Dùng)

2. Cựu Tự xã

Ba thôn : Kim Sơn, Long Khê, Ngọc Động.

(a) Nay thuộc Quế Võ - Bắc Ninh gồm:

- Xã Phù Lương (Hiền Lương, Phù Lương)
- Xã Phù Lãng (Phù Lãng, Đồng Sài, An Trạch)
- Xã Ngọc Xá (Cựu Tự, Hữu Bằng, Phùng Dực)
- Một phần xã Châu Phong (Thất Gian, Văn Phong)

3. Minh Lương xã

Nay trở thành xã Hiền Lương (ttt: Làng Miêng Lang)

4. Đồng Sài xã

5. Phù Lãng xã

Ba thôn : Thượng, Hạ, Trung.

6. Thất Gian xã

7. An Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã An Trạch ; nay là An Trạch (ttt : Làng Vân Cần)

8. Phùng Dực xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* trở thành xã Bằng Dực ; ngày nay là Phùng Dị xã (ttt : Làng Nghè).

10. Văn Phong xã

Hai thôn : Dương Xá (ttt : Làng Dàng), Phúc Lộc (ttt : Làng Trục).

11. Hữu Bằng xã[1] (ttt : Làng Bùng)

Huyện Yên Phong

Địa phận của *huyện* này đã có tên Yên Phong từ thời Trần (1225 - 1400)[2]. Thời thống trị nhà Minh, *huyện*

(1) Trong bản A.570 của *Bị lãm*, người ta đã chỉ ra rằng *tổng* Phù Lương gồm có 11 xã nhưng người ta chỉ thấy có mười tên. Xã Hữu Bằng ngày nay vẫn còn và có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh* lại không có mặt tại danh sách A. 570. Hẳn đây là sự thiếu sót của người chép lại bản A.570.

(2) *Thống chí*. Bắc Ninh. tờ 3b

thuộc *châu* Vũ Ninh và là bộ phận cấu thành của *phủ* Bắc Giang[1]. Từ thời Lê, nó được tổ chức thành *huyện* và thuộc *phủ* Từ Sơn. Thời Hồng Thuận (1509 - 1515) nó được đổi tên thành Yên Phú rồi sau được lấy lại tên cũ. Nhà Nguyễn vẫn giữ nguyên sự xếp đặt như thế.

Huyện Yên Phong cách phủ lỵ Từ Sơn 15 dặm về phía Bắc (hơi ghé hướng Đông). Từ Đông sang Tây người ta đo được 19 dặm ; từ Bắc xuống Nam, 24 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới *huyện* Võ Giang là 14 dặm ; về phía Tây cho tới ranh giới *huyện* Thiên Phúc là 15 dặm ; về phía Nam cho tới ranh giới *huyện* Tiên Du là 12 dặm ; về phía Bắc cho tới ranh giới huyện Việt Yên (phân phủ Lạng Giang) là 12 dặm[2]. Lỵ sở của huyện nằm tại xã Đông An. Trước kia thì được đặt ở xã Hương La. Năm Gia Long thứ nhất (1802), người ta chuyển nó tới địa điểm hiện nay[3].

---

(1) Như trên. Tham khảo *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* K.118, tờ 6a.

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 3b

(3) Như trên.

Cuốn Bắc Ninh tỉnh địa dư (A.590, tờ 46a - 47a) ghi : Lỵ sở huyện Yên Phong nằm tại địa phận xã, Đông An.

- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới ranh giới huyện Võ Giàng là 3474 tầm ; tới sông Ngũ Huyện tại xã Khúc Toại là 1312 tầm ; tới chợ *xã* Khúc Toại là 840 tầm ; tới phố Hữu Môn của lỵ sở trấn là 420 tầm ; tới ranh giới xã Ỷ Na huyện Võ Giàng là 402 tầm.

- Về phía Tây tới ranh giới huyện Thiên Phúc, phủ Bắc Hà là 6522 *tầm* ; tới chợ xã Nội Trà là 332 tầm ; tới núi Thất Diệu, thôn Thượng Du xã Ân Phú là 2202 tầm ; tới *thôn* Hậu xã Ân Phú là 180 *tầm* ; tới ranh giới xã Kim Lũ, huyện Thiên Phúc là 820 tầm.

- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới ranh giới xã Nội Duệ Nam, huyện Tiên Du là 2212 tầm.

- Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới ranh giới *xã* Yên Viên huyện Yên Việt, phủ Bắc Hà là 2132 tầm. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565) q.6, tờ 3b - 4a.

Theo cuốn *Dư địa chí*[1] huyện này gồm 52 *xã*, trong *Hồng Đức bản đồ* thì số xã là 53. Đầu đời Nguyễn, huyện có 71 *xã, thôn, phường, trang, vạn* chia ra 6 *tổng*[2]. Trong *Danh sách Đồng Khánh* người ta thấy cũng có một số *tổng* với 69 *xã, thôn, trang, vạn, sở*[3]. Ngày nay một trong số, tổng cũ của huyện là tổng Trâm Khê được ghép vào với *huyện* Võ Giàng, trong khi đó những bộ phận của *tổng* Mẫn Xá thì được thiết lập thành tổng độc lập với những cái tên là Ân Phú và Phong Quang.

1/ Tổng Hương La : 10 xã, thôn, phường[a]

Tổng này nay được gọi là Phương La.

1. Hương La xã.

   Ngày nay xã này tồn tại thành hai xã độc lập. Phương La Đông (ttt : Xà Đông) và Phương La Đoài (ttt : Xà Đoài)

2. Như Nguyệt xã (ttt : Làng Ngọt)

3. Bằng Lâm xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Thư Lâm ; nay cũng vậy[4] (ttt : Làng Giâm).

---

(1) Tờ 12b

(2) *Bị lãm*, tờ 21a - 23a

(3) 27a - 28b

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau:

+ Huyện Yên Phong - Bắc Ninh :

- Xã Hoà Tiến (Đồng Nhân, Diên Lộc, An Tân, An Hậu)
- Xã Yên Phụ (Yên Phụ Thượng, Yên Phụ Hạ)
- Xã Tam Giang (Xà Đông, Xà Đoài, Như Nguyệt, phường Hương La)

+ Huyện Đông Anh - Hà Nội :

- Xã Thụy Lâm (Thư Lâm, Thụy Lôi, Đào Thục)

Bốn thôn : Biều Khê (ttt : Làng Biều), Cổ Miêu (ttt : Làng Chợ), Hương Chầm (ttt : Làng Chầm), Mạnh Tân (ttt : Làng Bến)

4. Xuân Lôi xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Thuy Lôi ; nay cũng vậy ; ttt : Làng Nhội.

Hai thôn : Đoài, Đông.

5 An Phụ xã (Thượng thôn)

Nay trở thành xã An Phụ Thượng (ttt : An Khang).

6. An Phụ xã (Hậu thôn)

Nay trở thành xã An Phụ Hậu.

7. Đào Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đào Thục ; nay là Đào Thục (ttt : Làng Đầu)

8. An Vỹ xã

9. An Tân xã

10. Hương La thuỷ cơ phường

Ngày nay tổng Phương La còn có hai *xã* khác 1) Diên Lộc (ttt : Đồng Sóc) năm Thành Thái thứ 14 (1902) được lấy ra từ tổng Xuân Lai, phủ Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên. 2) Đồng Nhân, năm Bảo Đại thứ 9 (1934) chuyển từ phủ Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Yên.

---

(1) Xã này ngày nay được gắn vào *tổng* Xuân Nộn, tỉnh Phúc Yên

2/ Tổng Nội Trà : 11 xã[a]

1. Tiên Trà xã.
   Nay là xã Phù Lưu (ttt : Làng Tiên Trà)

2. Nội Trà xã, Phú Mẫn thôn.
   Nay trở thành xã Phú Mẫn (ttt : Làng Chờ)

3. Nội Trà xã (Trung Bạn thôn). Nay là xã Trung Bạn

4. Nội Trà xã, Ngô Xá thôn
   Cuối thế kỷ XIX trở thành *xã* Ngô Xá. Từ năm Bảo Đại thứ 11 (1936), trở thành xã Ngô Nội.

5. Nội Trà xã (Nghiêm xã thôn), ttt : Làng Ngườm

6. Ngân Cầu xã (Làng Cát)

7. Trác Bút xã ; ttt : Làng Bốt

8. Vọng Nguyệt xã

9. Vọng Nguyệt xã (Nguyệt Cầu thôn)
   Bây giờ trở thành xã Nguyệt Cầu (ttt : Làng Bao)

10. Đông Xuyên xã

11. Đông Lâu xã
    Hai thôn : Đông, Thượng.

Tổng Nội Trà này ngày nay còn gồm có hai xã khác là :

(a) Nay thuộc Yên Phong - Bắc Ninh gồm :
- Xã Đông Tiến (Ô Cách, Đông Lâu, Đông Xuyên)
- Xã Hàm Sơn (Ngân Cầu, Nghiêm Xá, Phú Mẫn, Trung Ban, Trác Bút)
- Một phần xã Tam Giang (Vọng Nguyệt, Nguyệt Cầu)
- Một phần xã Trung Nghĩa (Tiền Trà, Trần Xá, Ngô Nội)

1) Ô Cách (ttt : Đống Gạch) vốn là thôn Ô Cách cũ của xã Đông Lâu được nâng lên *xã* từ năm Tự Đức thứ 33 (1880).

2) Trần Xá [1] vốn là *thôn* cũ Trần Xá của xã Tiên Trà được biến thành xã từ năm Duy Tân thứ nhất (1907).

3/ Tổng Dũng Liệt : 12 xã, thôn[a]

1. Dũng Liệt xã, (Chính Trung thôn)
   Nay trở thành xã Chính Trung

2. Dũng Liệt xã, (Kính Thượng thôn)
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* trở thành thôn Thân Thượng. Nay là xã Thân Thượng (ttt : Làng Sát).

3. Dũng Liệt xã (Lang Tân thôn)
   Nay trở thành xã Lương Tân (ttt : Choá Sát)

4. Dũng Liệt xã (Xuân Cai thôn)
   Nay trở thành xã Xuân Cai

5. Dũng Liệt xã (Vọng Đông thôn)
   Nay trở thành xã Vọng Đông

6. An Lãng xã (ttt : Làng Ráng)

7. Hộ Trung xã
   Nay trở thành xã Lạc Trung.

8. Chân Hộ xã
   Nay trở thành *xã* Chân Lạc (ttt : Choá Chợ)

---

(1) Từ 1935 được đổi thành xã Tiên Trà.

(a) Nay thuộc Yên Phong - Bắc Ninh gồm:
- Xã Dũng Liệt (Chân Lạc, Lạc Trung, Lương Cầm, Phù Cầm, Phù Yên)
- Xã Yên Trung (Chính Trung, Lương Tân, Kính Thượng, Xuân Cai, Vọng Đông, Yên Lãng, Trần Xá)

9. Phù An xã

10. Trần Xá xã (ttt : Làng Chiềng)

11. Phù Cầm xã (ttt : Làng Gầm Thượng)

12. Lương Cầm xã (ttt : Làng Gầm Hạ)

4/ Tổng Mẫn Xá : 12 xã, thôn[a]

Tổng này ngày nay được chia thành hai : Phong Quang[1] và Ân Phú.

1. Mẫn Xá xã (Mẫn Xá thôn)

   Nay trở thành *xã* Mẫn Xá và thuộc vào *tổng* Phong Quang (ttt : Làng Mịn)

2. Mẫn Xá xã (Đại Chu, Chi Long hai *thôn*).

   Hai thôn này nay trở thành xã Đại Chu (ttt : Mịn Châu) và *xã* Chi Long (ttt : Mịn Cống). Chúng thuộc *tổng* Phong Quang

3. Mẫn Xá xã (Ngô Xá thôn)

   Ngày nay trở thành *xã* Ngô Xá và thuộc vào tổng Phong Quang (ttt : Mịn Ngò)

---

(1) Tổng Phong Quang, ngoài những xã của tổng Mẫn Xá cũ còn gồm có 2 xã An Tử và Đông Mai lấy từ tổng Tam Sơn, *huyện* Đông Ngàn (nay là *phủ* Từ Sơn) năm 1903 và xã Ngô Khê lấy từ tổng Châm Khê, *huyện* Yên Phong.

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau của Bắc Ninh:

+ Huyện Yên Phong:
- Xã Trung Nghĩa (Ngô Xá)
- Xã Đông Phong (Đông An)
- Xã Long Châu (Đại Chu, Chi Long, Mẫn Xá)

+ Huyện Tiên Sơn:
- Xã Tương Giang (Hồi Quan, TiêuSơn, Tiều Thượng)
- Xã Phú Lâm (Tam Táo, Giới Tế, Vĩnh Phục, Đông Phù, Ân Phú)

4. Tiêu Sơn xã.
Nay thuộc tổng Ân Phú
Ba thôn : Hưng Phúc (ttt : Tiêu Dút), Nghiêm Nghiêm Xá (ttt : Tiêu Niêm), Tạ Xá (ttt : Tiêu Tè) Tè)

5. Đông An xã
Nay thuộc *tổng* Phong Quang (ttt: Đông Khang Khang)

6. Tam Tảo xã
Nay thuộc *tổng* Ân Phú (ttt : Rừng Cả)

7. Giới Tế xã
Nay thuộc *tổng* Ân Phú (ttt : Rừng Mành) ıh)

8. Vĩnh Phục xã.
Nay thuộc tổng Ân Phú.

9. Tiêu Sơn Thượng
Nay thuộc *xã* Tiêu Thượng

10. Hồi Quan xã [Hồi Lan)
Nay thuộc *tổng* Ân Phú (ttt : Hồi Trang) g)

11. Đông Phù xã
Nay thuộc *tổng* Ân Phú (ttt : Trại Phù).).

12. Ân Phú xã. Nay thuộc tổng Ân Phú.

5/ Tổng Nguyễn Xá : 10 xã, vạn[a]

Tổng này trở thành Phong Xá trong *Danh sách Đồnph Đông Khánh* ; nay cũng vậy.

(a) Nay thuộc Yên Phong - Bắc Ninh gồm:
- Xã Tam Đa (Đại Lâm, Phấn Động, Thọ Đức)
- Xã Thụy Hòa (Bàng Lục, Đông Tảo, Lạc Nhuế, Thiểm Xuyên) n)
- Một phần xã Đông Phong (Phong Xá, Đông Xá, Phong Nẫm) n)
- Một phần xã Vạn An (Đài Bạng)

1. 1. Nguyễn Xá xã

Trong *Danh sách Đông Khánh* là xã Phong Xá. Ngày nay cũng vậy (ttt : Làng Nguyễn)

2. 2. Lạc Nhuế xã

Nay là *xã* : Lạc Nhuế (ttt : Làng Nội)

3. 3. Đông Cảo xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đông Tảo. Nay cũng vậy (ttt : Đông Kiều)

4. 4. Đông Xá xã

5. 5. Bằng Lục xã (ttt : Làng Chục)

6. 6. Thiểm Xuyên xã (ttt : Làng Thiểm)

7. 7. Phấn Động xã (ttt : Làng Bún)

8. 8. Đại Lâm xã

9. 9. Thu Triền xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Tho Đức ; này cũng vậy.

10 10. Đài Bạng vạn

Ngày nay tổng Phong Xá còn có xã Phong Nẫm (ttt : Đống Đống Gạo) vốn là thôn Đống Gạo của xã Phong Xá được nâng nâng lên xã năm Đồng Khánh thứ ba (1888).

6/ Tổ 6/ Tổng Trâm Khê : 16 xã, thôn, sở, trang, vạn[a]

Ngày nay tổng này được gắn vào huyện Võ Giàng

(a) Nay (a) Nay chia ra 4 xã của Yên Phong - Bắc Ninh:

- Xã - Xã Hoà Long (Quả Cảm, Đẩu Hàn, Hữu Chấp, Viêm Xá)
- Xã - Xã Khúc Xuyên (Khúc Toại, Trà Xuyên)
- Xã - Xã Phong Khê (Trâm Khê, Ngô Khê)
- Phầ - Phần lớn xã Vạn An (Đăng Xá, Trương Đồng, Xuân Ái, Yên Ninh, Thọ Ninh. Ninh. Vạn Phúc) và một phần thị xã Bắc Ninh (Yên Xá).

1. Trâm Khê xã. Hai thôn : Bùi. Đào Xá.

2. Ngô Khê xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Ngô Khê ; nay cũng vậy

3. Khúc Toại xã

4. Đặng Xá xã. Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Đăng Xá; nay là *xã* Đương Xá)ttt : Làng Đặng)

5. Quả Cảm xã

6. Đẩu Hàn xã

7. Xuân Ái xã (ttt : Làng Xói)

8. Hữu Đào xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hữu Chấp ; nay cũng vậy (ttt : Làng Chấp)

9. Viêm Xá xã (ttt : Làng Diềm)

10. Yên Xá xã

Nay là *phố* Yên Xá và gắn vào với *thị xã* Bắc Ninh[1] (ttt : Làng Yên Dưới)

11. Đại Cáo sở (Hạ Đồng thôn)

Thôn này không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*. Người ta không biết ngày nay có phù hợp với địa phương nào.[2]

12. Vạn Phúc xã

---

(1) Nay vẫn còn tại *thị trấn phố* Thị Trung (ttt : Làng Yên Viên) vốn là bộ phận cấu thành của xã cũ Yên Xá.

(2) Xem thêm phần huyện Yên Dũng.

13. Đại Cảo sở, (*Trung Đồng thôn*). *Thôn* này không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*. Người ta không biết ngày nay nó có phù hợp với địa phương nào.[1]

14. Đại Cảo Sở (Thượng Đồng thôn)

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Đại Tảo thôn. Nay là *xã* Thượng Đồng

15. Vi Hồng trang

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *trang* Xuân Viên; nay là *xã* Xuân Viên (ttt: Làng Vườn Hồng)

16. Yên Ninh vạn ; nay là xã Yên Ninh

Tổng Trâm Khê ngày nay còn có ba xã khác :

1. Xuân Đồng (ttt : Làng Đồng Mật) vốn là *thôn* cũ của xã Xuân Ái, được nâng lên xã năm Thành Thái thứ 5 (1893).

2. Trà Xuyên, vốn là *thôn* cũ của *xã* Khúc Toại, được nâng lên xã năm Thành Thái thứ 4 (1892)

3. Thọ Ninh vốn là *trang* Thọ Ninh của *xã* Yên Xá, được nâng lên xã năm Thành Thái thứ 8 (1896).

---

(1) Xem thêm phần huyện Yên Dũng.

PHỦ BẮC HÀ

Thời Trần (1225 - 1400), địa phận của *phủ* này ứng với *lộ* Bắc Giang. Thời thống trị nhà Minh, đó là *châu* Bắc Giang thuộc phủ Bắc Giang[1]. Từ thời Lê, được tổ chức thành *phủ* Bắc Hà với 4 huyện : Hiệp Hoà, Yên Việt, Kim Hoa, và Tiên Phúc. Thời này *phủ* Bắc Hà gồm 148 *xã* và 2 *trại*[2]. Thời Quang Thuận (1460 - 1469) nhà Lê, giữ nguyên tổ chức cho *phủ* nhưng lại để nó phụ thuộc vào *thừa tuyên* Bắc Giang[3]. Cuốn *Hồng Đức bản đồ* cho biết cuối thế kỷ XV những huyện ấy có 180 xã. Từ đó, phủ Bắc Hà luôn gắn với *trấn* Kinh Bắc[4]. Đầu đời Nguyễn, Gia Long tôn trọng tổ chức [5]. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), được đổi thành *phủ* Thiên Phúc và năm thứ 13 cùng triều này (1832), lấy 2 *huyện* Việt Yên và Hiệp Hoà để thành lập *phân phủ* Thiên Phúc[6]. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), phân phủ này bị bãi bỏ, và năm sau (1853) người ta đem *huyện* Việt Yên nhập vào *phân phủ* Lạng Giang. Phủ Thiên Phúc chỉ còn có ba *huyện*[7]. Cuối thế kỷ XIX, theo *Danh sách*

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5b

(2) *Dư địa chí*, tờ 13a.

(3) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5b

(4) Như trên,

(5) Như trên,

(6) Như trên,

(7) Như trên,

Đồng Khánh, phủ lấy tên là Đa Phúc và phụ trách nền hành chính của các huyện Hiệp Hoà và Kim Anh[1].

Phủ Thiên Phúc cách ngôi thành của tỉnh 28 dặm về phía Tây (hơi ghé hướng Bắc). Từ Đông sang Tây là 50 dặm, từ Bắc xuống Nam là 30 dặm. Từ phủ lỵ về phía Đông tới ranh giới *huyện* Yên Phong, *phủ* Từ Sơn là 13 dặm ; về phía Tây tới ranh giới *huyện* Yên Lãng (tỉnh Sơn Tây) là 30 dặm ; về phía Nam tới ranh giới *huyện* Yên Phong, phủ Từ Sơn là khoảng 1 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới hai *huyện* Phổ Yên và Tư Nông[2] (tỉnh Thái Nguyên) là 21 dặm[3].

Ngôi thành của phủ đắp bằng đất. Chu vi thành lẫ 208 trượng, chiều cao hơn 7 *thước*. Bốn mặt thành có hào bao bọc. Nó có 3 cổng lợp ngói, được xây dựng trên địa phận hai *xã* Tiên Lát và Ngọc Hà thuộc huyện Thiên Phúc vào năm Minh Mệnh thứ 12 (1831)[4].

---

(1) Tờ 73a.

(2) Nay là phủ Phú Bình

(3) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5b

(4) *Cuốn Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 62 a-b) ghi : *Phủ* Bắc Hà gồm 4 huyện và trực tiếp cai trị huyện Thiên Phúc. Phủ lỵ nằm trên địa phận *xã* Tiên Tảo.

- Về phía Đông, từ phủ lỵ tới sông Nguyệt Đức đối diện với ranh giới đường sông của xã Mai Đình, huyện Hiệp Hoà là 865 *tầm*, 3 *thước*.
- Về phía Tây, từ phủ lỵ tới xã Đại Tảo là 976 *tầm*, 2 *thước*, tới ranh giới xã Tiên Dược, huyện Kim Hoa là 2430 *tầm*.
- Về phía Nam, từ phủ lỵ tới xã Ngọc Hà tại ranh giới đường sông Nhật Đức là 916 tầm 2 thước. Từ xã này tới ranh giới xã Yên Vỹ, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn là 587 *tầm*.
- Về phía Bắc, từ phủ lỵ tới xã Lai Cách là 123 *tầm*, 2 *thước*, tới xã Đan Tảo là 490 tầm ; tới xã Xuân Áng là 615 *tầm* 1 *thước* ; tới xã Vệ Linh, huyện Kim Hoa là 1495 tầm ; tới xã Bình Kỳ là 2763 tầm ; tới xã Thượng Giã tại ranh giới đường sông Nguyệt Đức là 459 tầm, 4 thước. Từ xã →

Năm Thành Thái thứ 13 (1901), *phủ* Đa Phúc được tách khỏi *tỉnh* Bắc Ninh để nhập vào tỉnh Phúc Yên mới được thành lập. Đầu đời Nguyễn, theo Danh sách của *Bị lãm*, *phủ* Bắc Hà gồm 30 tổng với 183 xã, thôn, phường, sở[1]. Vì có sự tách ra của huyện Việt Yên. *Danh sách Đồng Khánh* chỉ còn nêu có 125 xã, thôn, phường chia ra 25 tổng[2].

*

* *

Huyện Kim Hoa

Huyện này được thành lập ngay từ thời đầu Lê và gồm có 50 xã[3]. Trong *Hồng Đức bản đồ* người ta cũng thấy có số xã như vậy. Huyện thuộc phủ Bắc Hà và là bộ phận cấu thành của *trấn* Kinh Bắc. Đời thời Gia Long, theo Danh sách của *Bị lãm*, phủ này gồm 9 tổng với 54 xã, thôn phường[4]. Trong *Danh sách Đồng Khánh* cũng thấy số tổng như thế nhưng thêm 1 *xã*[5]. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) tên huyện được đổi thành Kim Anh[6].

Huyện Kim Anh cách phủ Thiên Phúc 24 dặm về phía Tây (ghé nhẹ theo hướng Nam). Từ Đông sang Tây là 36 *dặm*, từ Bắc xuống Nam là 42 dặm. Từ huyện lỵ về phía

---

này tới xã Kim Tỉnh là 1460 tầm ; tới ranh giới xã Hoàng Đàm, xứ Thái Nguyên là 2218 tầm 2 thước. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565).

(1) Tờ 23b - 30a.

(2) *Đồng Khánh* tờ 73 - 84.

(3) *Dư địa chí* tờ 13a ;

(4) tờ 23b.

(5) *Đồng Khánh* tờ 84a ;

(6) *Thống chí*. Bắc Ninh tờ 6a.

Đông tới ranh giới huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn là 22 dặm ; về phía Tây tới ranh giới *huyện* Yên Lãng (tỉnh Sơn Tây) là 14 dặm ; về phía Nam tới ranh giới *huyện* Đông Ngàn, *phủ* Từ Sơn là 9 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới *huyện* Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên) là 33 dặm[1]. Huyện lỵ Kim Anh nằm tại địa phận xã Hương Giá. Trước kia huyện lỵ được đặt ở xã Cán Khê ; năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) được chuyển tới vị trí hiện tại[2].

Chín *tổng* của đầu thế kỷ XIX là : Phù Lỗ, Kim Hoa, Gia Thượng, Đông Đồ, Ninh Bắc, Cổ Bái, Quan Đình, Tiên Dược và Xuân Bảng. Ngày nay huyện Kim Anh cũng gồm 9 tổng trong đó 6 tổng thuộc các tổng nói trên trừ tổng Đông Đồ được đưa vào *huyện* Đông Anh, tổng Tiên Dược và xã Xuân Bảng trực thuộc *phủ* Đa Phúc. Ba tổng này được thay thế bằng các *tổng* Hiến Lễ và Thanh Trì được tách khỏi *huyện* Bình Xuyên (tỉnh Vĩnh Yên) và *tổng* Phù

---

(1) *Thông chí*, Bắc Ninh, tờ 6a

(2) Như trên, tờ 10b

Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590 tờ 64a - 65a) ghi : Lỵ sở *huyện* Kim Hoa nằm trên địa phận xã Cán Khê.

- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới ranh giới xã Đào Xá, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn là 1542 *tầm*, 4 *thước*

- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới xã Khê Nữ là 480 *tầm* ; tới xã Sơn Du là 1290 *tầm* ; tới xã Chu Lão là 1420 *tầm* ; tới xã Gia Thượng là 790 *tầm* ; tới *xã* Lâm Hộ là 3208 *tầm* ; tới ranh giới xã Nội Đông, huyện Yên Lãng, *xứ* Sơn Tây là 1511 tầm, 1 thước 5 tấc.

- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới ranh giới xã Kính Nỗ, huyện Đông Ngàn, *phủ* Từ Sơn là 339 *tầm*, 4 thước.

- Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới xã Phù Lỗ là 801 *tầm*, 1 thước ; tới *xã* Tiên Dược là 2356 tầm, 2 thước, 5 tấc ; tới *xã* Vệ Linh là 1604 *tầm*. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565) q.6 tờ 22 a-b.

Xã được thành lập năm Duy Tân thứ 5 (1911) với những xã cũ của tổng Phù Lỗ.

1/Tổng Phù Lỗ : 14 xã, thôn[a]

Tổng này ngày nay chỉ có 6 xã. Những xã khác thì được tách ra để thành lập *tổng* Phù Xá hoặc gắn vào *tổng* Xuân Nộn, *huyện* Đông Anh.

1. Phù Lỗ xã

   Ngày nay xã này được chia thành 2 *xã* : Phù Lỗ Đông và Phù Lỗ Đoài, cả hai đều có tên thông thường là Làng Sọ.

2. Phù Xá xã (Đông thôn)

   Nay trở thành xã Phù Xá Đông và thuộc vào tổng Phù Xá.

3. Phù Xá xã (Đoài thôn)

   Nay trở thành *xã* Phù Xá Đoài (ttt : Làng Nẫm) và thuộc tổng Phù Xá.

4. Khê Nữ xã

   Nay trở thành *xã* của *tổng* Xuân Nộn, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên.

(a) Ngày nay thuộc các đơn vị hành chính của Hà Nội:
- Một phần thị trấn Đông Anh (Xuân Nộn, Nguyễn Khê)
- Một phần xã Đồng Xuân - Sóc Sơn (Đông Tảo, Xuân Kỳ)
- Xã Phù Lỗ - Sóc Sơn (Bắc Giã, Liên Lý, Phù Lỗ Đoài, Phù Lỗ Đông)
- Một phần xã Xuân Nộn - Đông Anh (Xuân Nộn, Nhạn Tái)
- Một phần xã Phú Cường - Sóc Sơn (Phù Xá Đông, Phù Xá Đoài, Tảo Mai)
- Một phần xã Mai Đình - Sóc Sơn (Nội Phật)

5. Nhạn Tái xã

Nay trở thành xã Nhạn Tái và thuộc *tổng* Xuân Nộn, huyện Đông Anh.

6. Xuân Trạch xã

Trong *Danh sách Đông Khánh* là xã Thế Trạch. Nay cũng vậy xã này hiện thuộc tổng Phù Xá.

7. Bắc Giã xã. Nay thuộc tổng Phù Xá.

8. Xuân Nộn xã. Nay trở thành xã Đông Tảo

9. Tảo Mai xã

Nay cấu thành *thôn* Tảo Mai *xã* Mai Nội của cùng *tổng*. Thôn khác của xã Mai Nội là Nội Phật thuộc xã Đống Mai, tổng Ninh Bắc.

10. Thái Phù xã. Nay thuộc tổng Phù Xá.

11. Cán Khê xã (ttt : Làng Sáo Đầu)

Nay thuộc *tổng* Xuân Nộn, *huyện* Đông Anh. Từ năm Thành Thái thứ 15 (1903) một phần của xã này được nâng lên thành *xã* độc lập với tên là Nguyễn Khê (ttt : Làng Vạn Khê) thuộc *tổng* Xuân Nộn.

12. Kim Tiên xã.

Nay thuộc tổng Xuân Nộn *huyện* Đông Anh.

13. Xuân Kỳ xã

14. Liên Lý xã. Nay thuộc *tổng* Phù Xá.

Ngày nay *tổng* Phù Lỗ còn có *xã* Đại Bằng. Xã này được tách khỏi *tổng* Kim Anh năm Duy Tân thứ 6 (1912).

2/ Tổng Kim Hoa : 5 xã, thôn[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* tổng này trở thành tổng Kim Anh ; ngày nay cũng vậy.

1. Kim Anh xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Kim Anh, nay cũng vậy.

Bốn thôn : Bạch Đa, Bảo Tháp, Kim Tiền (ttt : Làng Chiền), Ngọc Trì (ttt : Làng Chôi)

2. Xuân Hoa xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Xuân Phương ; ngay cũng vậy (ttt : Làng He)

Ba thôn : Bến, Thị, Thượng.

3. Xuân Hoa *xã* (Mai thôn)

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Xuân Phương (Mai thôn). Nay là xã Mai Thôn (ttt : Làng Mây).

4. Thanh Tước *xã*.

Nay thuộc tổng Thanh Lâm, phủ Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên.

Năm thôn : Hàn, Hậu, Lộc, Mây, Tiền.

5. Khả Do xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* người ta còn thấy có *phường* Đại Phùng, nay trở thành xã Đại Phùng.

(a) Ngày nay thuộc các đơn vị hành chính của Hà Nội:

- Xã Kim Hoa, Sóc Sơn - Hà Nội (Kim Hoa)
- Xã Phúc Thắng, Sóc Sơn, Hà Nội (Xuân Phương, Xuân Mai, Đại Phùng)
- Một phần xã Thanh Lâm, Mê Linh - Vĩnh Phúc (Thanh Tước)
- Một phần xã Nam Viêm (Khả Do)

3/ Tổng Gia Thượng : 5 xã[a]

1. Gia Thượng xã (ttt : Làng Dừa)
   Hai thôn : Bến, Trung.

2. Phù An xã.
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Phù Trì ; nay cũng vậy

3. Chi Đông xã

4. Lâm Hộ xã.
   Nay được gắn vào *tổng* Thanh Lâm, phủ Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên.
   Ba thôn : Lâm Hộ, Phú Nhi, Yên Vinh.

5. Giai Tạ *xã*.
   Nay trở thành *xã* Giai Lạc.

Tổng Gia Thượng này ngày nay còn gồm có *xã* Gia Trung được thành lập năm Thành Thái thứ tư (1892) với hai *thôn* Hạ (ttt : Rừa Hè) và Đông (ttt : Rừa Đông) của xã Gia Thượng.

4/ Tổng Đông Đồ : 5 xã[b]

Tổng này ngày nay được nằm trong vào *huyện* Đông Anh, tỉnh Phúc Yên.

(a) Ngày nay thuộc các đơn vị hành chính sau :
- Một phần xã Thanh Lâm, Mê Linh - Vĩnh Phúc (Lâm Hộ)
- Một phần xã Kim Hoa, Sóc Sơn - Hà Nội (Phù Trì)
- Xã Quang Minh, Sóc Sơn - Hà Nội (Chi Đông, Gia Thượng, Gia Trung, Gia Lạc)

(b) Nay thuộc Đông Anh - Hà Nội gồm:
- Xã Bắc Hồng (Chu Lão, Thụy Hà, Sơn Gia)
- Xã Nam Hồng (Đông Đồ, Tảng My)

1. Đông Đồ xã

Ba thôn : Đoài, Giè, Vệ.

2. Tăng My xã. Nay trở thành xã Tăng My

3. Chu Lão xã

Bốn thôn : Bến Trung (ttt: Làng Bến) Phú Liễu (ttt: Làng Cần), Quan Âm (ttt: Làng Sọ), Thượng Phúc (ttt : Làng Hương)

4. Thuỵ Hà xã

5. Sơn Gia xã.

Ba thôn : Đông (ttt : Làng Đông), Mỹ Nội (ttt : Làng Nội), Thượng (ttt : Làng Gốm)

Năm Thành Thái thứ 14 (1902), nhân thành lập *huyện* Vĩnh Ninh, tổng Đông Đồ được gắn vào huyện này.

5/ Tổng Ninh Bắc : 5 xã[a]

1. Ninh Bắc xã

Hai thôn : Hạ, Thượng.

2. Gia Hạ xã

Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) được đổi thành Hương Gia. Ngày nay được chia thành 2 xã : Hương Gia, Thuỵ Hương (*thôn* Đoài cũ, năm 1902 được nâng lên *xã*).

(a) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:

- Một phần xã Hiền Ninh (Yên Ninh)
- Một phần xã Mai Đình (Nội Phật, Song Mai)
- Một phần xã Phú Cường (Đông Bài, Nội Bài)
- Một phần xã Phú Minh (Hương Gia, Thuỵ Hương)
- Một phần xã Quang Tiến (Ninh Bắc Thượng, Ninh Bắc Hạ, Diền Xá)

3. Đống Mai xã (Nội Phật thôn)[1]
Nay là xã Nội Bài. Một thôn : Thi Nước.

4. Đống Mai xã. Nay là xã Song Mai (ttt : Đống Mối)
Ba thôn : Đoài, Đông, Hoàng Dương.

5. Đông Bài xã. Hai thôn : Đông Bài, Phú Ninh.

Tổng Ninh Bắc ngày nay còn gồm có 4 xã khác :

1) Tân An (được thành lập năm Duy Tân thứ 5, 1911, trên địa phận xã Yên Ninh.

2) Yên Ninh xã (*thôn* Thất Ninh cũ của *xã* Ninh Bắc, được nâng lên xã năm Duy Tân thứ 8, 1914)

3) Lạc Nông xã (được thành lập năm Duy Tân thứ 5, 1911).

4) Diền Xá xã (thôn Thạch Xá cũ của xã Ninh Bắc, được nâng lên xã năm Duy Tân thứ 8, 1914).

6/ Tổng Cổ Bái : 6 xã[a]

1. Cổ Bái xã.
Năm thôn : Bái Thượng, Hữu Ái, Ninh Cầu, Quán Mỹ, Sơn Lễ.

2. Thạch Lỗi xã (ttt : Làng Luỗi)

3 . Hiền Lương xã

---

(1) Một phần của *thôn* này nay thuộc xã Mai Nội, tổng Phù Lỗ

(a) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:
- Một phần xã Hiền Ninh (Hiền Lương)
- Xã Tân Dân (Cổ Bái, Phù Lai)
- Xã Thanh Xuân (Thạch Lỗi, Thanh Nhàn)
- Một phần xã Minh Trí (Thắng Trí)

4. Thanh Nhàn xã

Ba thôn : Nga Lang, Thanh Nhàn Đông, Thanh Nhàn Trung.

5. Phù Lai xã (ttt : Làng Xây)

Sáu thôn: Điền Qui (ttt: Thôn Rùa), Môn Tự (ttt: Thôn Chùa), Ninh Cầm (ttt: Thôn Cưởm), Ninh Kiều (ttt: Thôn Ải), Ninh Nội, Thanh Vân.

6. Thắng Trí xã

7/ Tổng Quan Đình : 5 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* trở thành tổng Hương Đình ; nay cũng vậy.

1. Hương Đình xã

Hai thôn : Hương Đình Đông, Hương Đình Đoài.

2. Xuân Bách xã. Hai thôn : Đông Lai, Xuân Bách.

3. Ninh Ao xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* trở thành xã Ninh Môn. Nay cũng vậy. Ba thôn : Đoài, Đông, Thái Dương.

4. Đình Phú xã. Hai thôn : Hạ, Thượng.

(a) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:

- Một phần xã Hiền Ninh (Ninh Môn)
- Một phần xã Mai Đình (Hương Đình)
- Một phần xã Minh Phú (Đình Phú)
- Một phần xã Quang Tiến (Đông Lai. Xuân Bách)

5. Thanh Lâm xã

Nay được gắn vào *tổng* Xuân Bảng, *phủ* Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên.

Ngày nay tổng Hương Đình gồm hai xã khác :

1) Phú Hữu, được thành lập năm Duy Tân thứ 7 (1913).

2) Đạc Tài, được thành lập năm Duy Tân thứ 8 (1914).

8/ Tổng Tiên Dược : 5 xã, thôn[a]

Ngày nay, *tổng* này được gắn vào *phủ* Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên.

1. Tiên Dược xã (Thượng thôn)

Nay là xã Dược Thượng (ttt: Làng Dộc Thượng)

2. Tiên Dược xã (Hạ thôn và Lương Châu thôn)

Ngày nay trở thành xã Dược Hạ (ttt : Làng Dộc Hạ)

Một thôn : Lương Châu thôn

3. Đồng Lạc xã

4. Vệ Sơn xã

Nay được thuộc vào *tổng* Trung Giã, phủ Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên.

Hai thôn : Đoài, Đông.

5. Vệ Linh xã[1]. Một thôn : Thanh Lại.

Tổng Tiên Dược ngày nay còn có hai xã khác :

---

(1) Trước kia *xã* này được gọi là Bình Khấu.

(a) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:

- Một phần xã Phù Linh (Phù Mã, Vệ Linh)
- Một phần xã Tân Minh (Vệ Sơn Đoài, Vệ Sơn Đông)
- Xã Tiên Dược (Tiên Dược Thượng, Tiên Dược Hạ, Đồng Lạc, Lương Châu)

1) Đạc Đức, được thành lập năm Duy Tân thứ 2 (1908).

2) Phù Mã, thôn Đối Mã cũ của xã Vệ Linh, được nâng lên *xã* năm Duy Tân thứ 5 (1911).

9/ Tổng Xuân Bảng : 4 xã, phường[a]

Tổng này ngày nay được đưa vào *phủ* Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên.

1. Xuân Bảng xã

   Ba thôn : Chu, Mã, Phan (ttt : Thôn Đủm)

2. Lai Sơn xã (ttt : Làng Đình Cúc)

3. Nam Lý xã

4. Tiên Kha xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Tiên Chu, nay cũng vậy. Danh sách của *Bị lãm* còn cho biết đầu thế kỷ XIX xã thứ 5 : Đại Phùng mặc dù nó không được đưa ra trong số đi theo sau tên *tổng*. Xã này cũng không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*.

Ngày nay *tổng* Xuân Bảng còn có xã Đô Tân, vốn là một thôn cũ của xã Tiên Chu, được biến thành xã năm 1911.

*

* *

(a) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:

- Xã Bắc Sơn (Đô Tân, Lai Sơn, Nam Lý, Tiên Chu)
- Xã Nam Sơn (Xuân Bảng)

Huyện Thiên Phúc

Thời Trần (1225 - 1400) địa phận có tên là Tân Phúc. Thời nhà Minh thống trị nó thuộc *châu* Bắc Giang và nằm trong *phủ* Bắc Giang. Đầu đời Lê, phụ thuộc *phủ* Bắc Hà. Thời Hoằng Định nhà Lê (1600 - 1619) đổi thành *phủ* Tiên Phúc và giữ tên này sau đó nhiều năm. Nhà Nguyễn giữ nguyên tổ chức[1]. Từ năm Tự Đức thứ 15, *phủ* được gọi là Đa Phúc.

Huyện Thiên Phúc đo được từ Đông sang Tây 12 dặm, từ Bắc xuống Nam 30 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông tới ranh giới *huyện* Hiệp Hoà là 4 dặm ; về phía Tây tới *huyện* Kim Anh là 8 dặm, về phía Nam tới con sông ngăn nó với huyện Yên Phong, *phủ* Từ Sơn là gần 1 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới hai huyện Phổ Yên và Tư Nông[2] (tỉnh Thái Nguyên) là 29 dặm[3]. Thời Lê, huyện Thiên Phúc gồm 42 xã[4]. Đầu thời Nguyễn, huyện gồm 7 tổng với 41 xã[5]. *Danh sách Đồng Khánh* nêu lên 40 xã, cũng chia ra 7 tổng. Số 8 *tổng* trong danh sách của *Bị lãm* là : Xuân Lai, Phổ Lộng, Đan Tảo, An Tàng, Tăng Long, Thượng Giã và Tiểu Lễ. Những *tổng* này nay phụ thuộc phủ Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên trừ Tiểu Lễ được gắn vào *huyện* Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên). Ngược lại, hai tổng Tiên Dược và Xuân Bảng lấy từ *huyện* Kim Hoa thì được gắn vào *phủ* Đa Phúc. Lỵ sở

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5b - 6a.

(2) Nay là *phủ* Phú Bình

(3) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 5b - 6a.

(4) *Dư địa chí*, tờ 13a và *Hồng Đức bản đồ*

(5) *Bị lãm*, tờ 25b - 27a.

của *phủ* này ngày nay nằm trên địa phận xã Bình Kỳ. *tổng* Trung Giã.

1/ Tổng Xuân Lai : 5 xã[a]

1. Xuân Lai xã. Nay là *xã* Xuân Lai (ttt : Làng Sãi)
2. Xuân Dương xã
3. Kim Lũ xã.

   Ba thôn : Thượng, Trung, Hạ.
4. Diên Lộc xã (ttt : Đồng Sóc)

   Từ năm Thành Thái thứ 4 (1902) xã này được đưa vào *tổng* Phương La, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
5. Thu Hồng xã

   Trong Danh sách Đồng Khánh là xã Thu Thuỷ ; nay cũng vậy được thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*.

2/ Tổng Phổ Lộng : 4 xã[b]

1. Phổ Lộng xã.

   Bốn thôn : Bến, Chua, Thượng, Trung.
2. Thanh Thuỷ xã

   Nay được chia thành hai *xã* Thanh Thuỷ Huệ và Thanh Thuỷ Đông.

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau:
- Xã Xuân Thu. Sóc Sơn - Hà Nội (Thu Thủy. Xuân Lai)
- Xã Kim Lũ. Sóc Sơn - Hà Nội (Kim Lũ, Xuân Dương)
- Xã Tam Giang. Yên Phong - Bắc Ninh (Diên Lộc)

(b) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:
- Xã Đức Hoà (Phổ Lộng, Đức Hậu, Thanh Thủy Huệ, Thanh Thủy Đông)
- Một phần xã Phù Linh (Xuân Dục)

3. Xuân Ang xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Xuân Dục. Từ năm 1911, được chia thành hai xã : Xuân Dục Đông và Xuân Dục Đoài.

4. Đức Hậu xã

3/ Tổng Đan Tảo : 7 xã[a]

1. Đan Tảo xã

2. Đại Tảo xã

3. Xuân Tảo xã

4. Lai Cách xã

Một thôn : Đông Dương (trước kia thôn này thuộc *tổng* Tăng Long).

5. Ngọc Hà xã

6. Yên Sào xã.

Một thôn : Chu Tảo

7. Tiên Tảo xã.

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn nêu lên một *phường* và một *xã* cho *tổng* Đan Tảo này :

1) Đại Phùng phường (nay trở thành xã Đại Phùng) ;

2) Phúc Lộc xã (*thôn* cũ của *xã* Ngọc Hà.)

(a) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:

- Một phần xã Việt Long (Tiên Tảo)
- Xã Xuân Giang (Đại Tảo. Xuân Tảo. Lai Cách. Ngọc Hà. Yên Sào)
- Một phần xã Tân Minh (Đan Tảo)
- Một phần xã Phúc Thắng (Đại Phùng)

4/ Tổng Yên Tàng : 7 xã[a]

1. Yên Tàng xã.

Một thôn : Cây Táo

2. Phú Tàng xã.

Một thôn : Mai Đình

3. Xuân Tàng xã

4. Hiệu Trân xã.

Nay là xã Hiệu Trân.

5. Ngô Đạo xã

6. Cốc Lương xã.

Nay trở thành xã Cốc Lương.

7. Đạo Thượng xã.

Hai thôn : Đông thôn, Nội thôn.

Tổng Yên Tàng ngày nay còn có xã Cẩm Hà vốn là một *thôn* cũ của *xã* Cẩm Xuyên, *tổng* Cẩm Bào, *huyện* Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, được nâng lên từ *xã* năm Thành Thái thứ 11 (1899).

5/ Tổng Tăng Long : 4 xã[b]

1. Phúc Long xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Tăng

(a) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:
- Phần lớn xã Bắc Phú (Yên Tàng, Phú Tàng, Xuân Tàng)
- Xã Tân Hưng (Cẩm Hà, Cốc Lương, Đạo Thượng, Hiệu Trân, Ngô Đạo)

(b) Nay thuộc Sóc Sơn - Hà Nội gồm:
- Một phần xã Bắc Phú (Bắc Vọng)
- Một phần xã Việt Long (Lương Thúc, Tăng Long)
- Một phần xã Xuân Giang (Đông Dương)

Long, nay cũng vậy (ttt : Làng Rồng)
Một thôn : Trí Cảm (ttt : Trại Gốm)

2. Đông Dương xã
Nay được gộp vào *xã* Lai Cách, tổng Đan Tảo.

3. Lương Phúc xã

4. Bác Vọng xã.
Nay là *xã* Bắc Vọng
Một thôn : Vọng Cảo (ttt : Làng Mậu)

6/ Tổng Thượng Giã : 7 xã[a]

Nay là tổng Trung Giã.

1. Thượng Giã xã.
Nay được đưa vào tổng Thượng Giã, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
Ba thôn : Bạch Đoài, Đông Thụ, Xuân Vinh.

2. Trung Giã xã.
Bốn thôn : Kỳ Ức, Ngọc Lâu, Phong Mỹ, Phú Cốc.

3. Hạ Giã xã
Ba thôn : Bắc Hiên, Phú Điều, Sơn Nội.

4. Phù Lôi xã
Nay là xã Phù Lôi và được gắn vào *tổng* Thượng Giã, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau:
- Một phần xã Hồng Kỳ, Sóc Sơn - Hà Nội (Hạ Giã, Ninh Liệt)
- Một phần xã Tân Minh, Sóc Sơn - Hà Nội (Vệ Sơn, Xuân Đồng)
- Xã Trung Giã, Sóc Sơn - Hà Nội (An Lạc, Bình Kỳ Trung Giã)
- Huyện Phổ Yên - Thái Nguyên (Thượng Giã, Phù Lôi, Kim Tỉnh)

5. Ninh Liệt xã.

Hai thôn : Nội thôn, Ngoại thôn

6. Bình Kỳ xã

Hai thôn : Bình Yên, Thanh Hào.

7. Kim Tỉnh xã.

Ngày nay được gắn vào *tổng* Thượng Giã, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày nay tổng Trung Giã còn gồm có ba xã khác :

1) Yên Lạc xã. (Đó là thôn Bến cũ của xã Trung Giã, được nâng lên thành xã năm Duy Tân thứ ba, 1909).

2) Xuân Đồng xã. (Đó là một thôn cũ của *xã* Trung Giã được nâng lên thành xã năm Duy Tân thứ năm, 1911).

3) Vệ Sơn xã ; trước kia phụ thuộc tổng Tiên Dược, huyện Kim Anh.

7/ Tổng Tiểu Lễ : 7 xã, phường[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, tổng này chỉ có 5 xã. Nay được gắn vào *huyện Phú Yên*, tỉnh Thái Nguyên.

1. Tiểu Lễ xã

Nay thuộc tổng Tiểu Lễ, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Ba thôn : Đông Hạ, Túc Duyên, Trà Thị (ttt : Làng Trả)

2. Đông Cao xã

Nay thuộc huyện Phổ Yên, tổng Tiểu Lễ

(a) Nay là xã Đông Cao, Phổ Yên - Thái Nguyên.

Bốn thôn : Cẩm La (ttt : Làng Giá), Nam Đô, Phù Hương, Trinh Nữ.

3. Thanh Thù xã

Nay được gắn vào tổng Hoàng Đàm, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tử Thù xã.

Nay được gắn vào *tổng* Tiểu Lễ, *huyện* Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thung Hạc xã

Nay được gắn vào tổng Hoàng Đàm, *huyện* Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

6. Phúc Lộc xã

7. Đại Phùng phường

Hai tụ điểm cuối cùng trong danh sách của *Bị lãm* này không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*. Ngày nay người ta không biết chúng tương ứng với địa phận nào.

*

* *

Huyện Yên Việt

Cái tên Yên Việt này hẳn đã tồn tại từ thời Trần (1225 - 1400) vì nó còn có mặt thời nhà Minh thống trị. Khi ấy, huyện Yên Việt phụ thuộc vào *châu* Bắc Giang và là bộ phận cấu thành của *phủ* Bắc Giang[1]. Thời Lê, huyện này nằm trong *trấn* Kinh Bắc và trực thuộc *phủ* Bắc Hà. Gia Long giữ nguyên tổ chức này[2]. Năm Minh Mệnh thứ

(1) *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư*, K.118, tờ 6a. *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7b.

(2) *Dư địa chí* tờ 13a ; *Hồng Đức bản đồ* ; *Thống chí*, Bắc Ninh

5, (1824), nó được đổi tên là Việt Yên. Năm thứ 13 (1832) nó phụ thuộc *phân phủ* Thiên Phúc. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), nó được đưa vào phủ Lạng Giang và do tri huyện Yên Dũng kiêm nhiếp.

Huyện Việt Yên cách *phân phủ* Lạng Giang 32 dặm. Từ Đông sang Tây người ta đo được 43 dặm, từ Bắc xuống Nam hơn 14 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông tới ranh giới *huyện* Yên Dũng là 29 dặm ; về phía Nam tới con sông ngăn nó với *huyện* Yên Phong *phủ* Từ Sơn là vài chục *trượng* ; về phía Bắc tới ranh giới huyện Yên Dũng là 10 dặm[1]. Huyện lỵ nằm trên địa phận xã Yên Viên[2]. Ngày nay huyện Việt Yên trực thuộc *tỉnh* Bắc Giang và do một *tri huyện* cai trị.

Thời Lê, *huyện* này gồm 24 *xã*[3]. Đầu đời Nguyễn, người ta đếm được 5 tổng và 37 xã, phường[4]. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, cũng có y nguyên những *tổng* ấy nhưng

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh. tờ 7b.

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh tờ 7b.
- Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 63b-64a) ghi : "Lỵ sở huyện Yên Việt nằm trên địa phận xã Yên Viên.
- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới sông Nguyệt Đức, đối diện với xã Đại Lâm, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn là 728 *tầm*.
- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới ranh giới đường sông của xã Đại Lâm, *huyện* Yên Phong, *phủ* Từ Sơn là 128 tầm.
- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới xã Thổ Hà là 246 tầm 3 thước, tới sông Nguyệt Đức đối diện với *xã* Quả Cảm, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn là 168 tầm. - Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới *xã* Tiên Lát là 1046 tầm : tới ranh giới xã Dương Quang, huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang là 1666 tầm. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565) q.6, tờ 21b.

(3) *Dư địa chí* tờ 13a ; và Hồng Đức bản đồ

(4) *Bị lãm* tờ 27a - 28a.

số lượng xã lại giảm xuống số 34[1]. Những tổng của thế kỷ XIX là : Đông Lỗ, Ngọ Xá, Tiên Lát, Quang Biểu, Hương Cảo.

Khi thành lập tỉnh Bắc Giang năm Thành Thái thứ 7 (1895), địa phận của huyện này bị biến đổi sâu sắc. Trong số những *tổng* cũ, chỉ có Tiên Lát và Quang Biểu để lại, còn Đông Lỗ, Ngọ Xá thì bị đưa vào huyện Hiệp Hoà và Hương Cảo thì vào huyện Yên Dũng. Ngược lại, *huyện* Việt Yên mới được nhận của huyện Yên Dũng các tổng Dĩnh Sơn, Hoàng Mai, Mật Ninh, Tự Lạn và Thiết Sơn.

1/ Tổng Đông Lỗ : 6 xã[a]

Nay tổng này được đưa vào *huyện* Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

1. Đông Lỗ xã.

   Hai thôn : Ngọc Chiểu, Trung Chính.

2. Lỗ Hạnh xã

   Năm thôn : Chầm, Chùa, Chúng, Hạnh Hoa, Khoát.

3. Vân Cẩm xã.

   Hai thôn : Chùa, Đình

---

(1) tờ 102a.

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:
- Xã Đông Lỗ (Đông Lỗ, Lỗ Hạnh, Vân Cẩm, Yên Ninh)
- Xã Đoan Bái (Bái Thượng, Đoan Bái, Đăng Ngoại)
- Xã Lương Phong (Lương Phong)

4. Đoan Bái xã.

Nay là *xã* Đoan Bái.

Bốn thôn : Câu, Đông, Sau, U.

5. Bái Thượng xã

Năm thôn : Cầu, Chùa, Dọc, Dác, Đông.

6. Đăng Ngoại.

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn cho biết trong *tổng* Đông Lỗ có xã Lương Phong, đầu đời Nguyễn, được coi như một *xã* phiêu lưu trong danh sách của *Bị lãm*. Xã này ngày nay được gắn vào *tổng* Ngọc Thành, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra, *tổng* Đông Lỗ này ngày nay còn có *xã* Yên Ninh vốn trước kia là một *thôn* của xã Phú Yên, huyện Yên Phong.

2/ Tổng Ngọ Xá : 7 xã[a]

Tổng này ngày nay được đưa vào huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

1. Ngọ Xá xã.

Ba thôn : Trước, Chừu, Tầu.

2. Bắc Lý xã

Sáu thôn : Trại Se, Đoài, Đông, Thạch Trang, Thanh Trà, Trung.

3. Lý Viên xã.

Nay là *xã* Lý Viên.

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:

- Xã Bắc Lý (Bắc Lý, Lý Viên, Vụ Nông)
- Xã Châu Minh (Ngọ Xá, Ngũ Phúc, Lạc Khổng, Ngọc Liễn, Lạc Xuân)

4. Ngũ Phúc xã

Bốn thôn : Khánh Vai, Lạc Trác, Phù Tây, Xuân Trù.

5. Lạc Khổng xã.

Ba thôn : Hồng, Quê, Trung.

6. Ngọc Liễn xã

7. Vụ Nông xã.

Hai thôn : Chùa, Đình

Ngày nay *tổng* Ngọ Xá này còn gồm có *xã* Lạc Xuân với hai thôn : Lạc Xuân và Xuân Thuỷ. *Xã* này trước kia là một *thôn* của *xã* Lạc Trung, huyện Yên Phong.

3/ Tổng Tiên Lát : 5 xã, phường[a]

Nay trở thành Tiên Lát và thuộc vào *huyện* Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1. Tiên Lát xã.

Nay được chia thành hai xã : a) Thượng Lát xã. Một thôn : Đồng Cử; b) Hạ Lát xã

2. Yên Viên xã [ttt. Vạn Vân][b]

3. Thổ Hà xã

4. Thần Chúc xã.

Hai thôn : Đồng, Núi.

5. Thuỷ cơ Nguyệt Đức phường.

Điểm tụ cư này sống trên mặt nước sông

(a) Nay thuộc Việt Yên - Bắc Giang gồm:
- Xã Tiên Sơn (Hạ Lát, Thượng Lát, Lương Tài, Phù Tài, Thần Chúc)
- Xã Vân Hà (Yên Viên, Thổ Hà, Nguyệt Đức)

(b) Ký hiệu [ ] của người làm chú giải để phân biệt với ký hiệu ( ) của tác giả.

Nguyệt Đức. Ngày nay trở thành xã Nguyệt Đức.

Tổng Tiên Lát này ngày nay còn có hai *xã* khác :

1) Phù Tài (được thành lập năm Khải Định thứ nhất, 1916).

2) Lương Tài (được thành lập năm Thành Thái thứ 11. 1899) bởi các cư dân gốc ở *xã* Lương Cần.

4/ Tổng Quang Biểu : 10 xã[a]

Tổng này ngày nay nằm trong *huyện* Việt Yên. *tỉnh* Bắc Giang.

1. Quang Biểu xã [ttt. Kẻ Tiếu]

Ba thôn : Hạ, Thượng, Trung.

2. Đông Xá xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đông Tiễn ; nay cũng vậy.[b]

Ba thôn : Núi Hiểu, Trại, Trong làng.

3. Đạo Ngạn xã

4. Nam Ngạn xã

5. Hữu Lân xã.

Nay là xã Hữu Nghi và thuộc *tổng* Mật Ninh, huyện Việt Yên.

6. Nội Ninh xã (ttt. Nội Núi)

Nay được gắn vào tổng Mật Ninh huyện Việt Yên. Hai thôn : Gia, San.

(a) Nay thuộc Việt Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Quang Châu (Quang Biểu, Đông Tiến. Đạo Ngạn, Nam Ngạn)
- Phần lớn xã Ninh Sơn (Giá Sơn. Mai Vũ, Nội Ninh, Hữu Lân, Phúc Ninh)
- Một phần xã Hoàng Ninh (Yên Ninh. Ninh Khánh. Phúc Lâm).

(b) Địa phương quen gọi là Đông Tiến.

7. Phúc Ninh xã

Nay thuộc *tổng* Mật Ninh, *huyện* Việt Yên.

8. Mai Đình xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Mai Đường, nay là *xã* Mai Vũ và được gắn vào *tổng* Mật Ninh, *huyện* Việt Yên.

9. Ninh Động xã.

Nay được gắn vào *tổng* Mật Ninh, huyện Việt Yên

10. Giá Sơn xã.

Nay thuộc *tổng* Mật Ninh, *huyện* Việt Yên.

Tổng Quang Biểu này ngày nay còn có ba xã khác cả ba đều bị tách khỏi *tổng* Mật Ninh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh cũ.

1) Ninh Khánh xã,

2) Phúc Lâm xã,

3) Yên Ninh xã.

5/ Tổng Hương Cảo : 9 xã, phường[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là tổng Hương Tảo. Nay cũng vậy. Bây giờ thì được gắn vào huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.

1. Hương Cảo xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hương

(a) Nay thuộc Yên Dũng - Bắc Giang gồm:

- Xã Thắng Cương (Thắng Cương, Phấn Lôi Hạ)
- Xã Nham Sơn (Hương Tảo, Phấn Lôi Núi)
- Xã Yên Lư (Yên Điềm, Yên Tập Núi, Yên Tập Cao, Sung Lư)

Tảo. Nay cũng vậy [ttt. Kẻ Cáu]
Bốn thôn : Bến, Dương, Kem, Nguyễn

2. Yên Hồng xã.
Nay là xã Yên Tập núi

3. Yên Xá xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Yên Điềm. Nay cũng vậy.
Ba thôn : Bùi Bến, Bùi Cáp, Trúc Tay

4. Sung Lư xã
Ba thôn : Đa Thịnh (ttt : Làng Xưa); Long Xá (ttt : Làng Son); Thạch

5. Lân Cường xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Thắng Cương [Kẻ Gừng].
Ba thôn : Hạ, Trung, Thượng.

6. Thủy cơ Phấn Lôi phường
Trong Danh sách của *Bị lãm*, đó là một điểm tụ cư trên mặt nước. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, đó là phường Phấn Lôi và được gắn vào xã Phấn Lôi. Bây giờ là *xã* Phấn Lôi Hạ

7. Phấn Lôi xã.
Nay là xã Phấn Lôi Núi [Đầu Ruồi]

8. Thuỷ cơ Yên Hồng phường.
Trong Danh sách của *Bị lãm*, đó là một điểm tụ cư trên mặt nước. Nó không có mặt trong *tổng* này tại *Danh sách Đồng Khánh*. Nay là *xã* Yên Tập Cao. Ba thôn : Bắc, Bến, Cao.

9. Thuỷ cơ Hạ Bì phường

Trong danh sách của *Bị lãm* đó là một điểm tụ cư trên mặt nước. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, đó là *phường* Hạ Bì được gắn với *xã* Lân Cường. Ngày nay là xã Hạ Bì.

*
* *

Huyện Hiệp Hoà

Huyện được thành lập đầu đời Lê trên địa phận huyện Thiện Thệ thuộc châu Bắc Giang thời Minh[1]. Từ thời Quang Thuận nhà Lê (1460 - 1469) là bộ phận cấu thành *phủ* Bắc Hà mà nó trực thuộc. Từ năm Gia Long thứ 12 (1813) nó được đặt dưới sự kiểm sát duy nhất của *phủ* này. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) được đặt dưới sự kiểm sát của *phân phủ* Thiên Phúc. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), chức *tri huyện* Hiệp Hoà bị bãi bỏ và việc cai trị địa phận được trao cho *tri phủ* Thiên Phúc[2].

Huyện Hiệp Hoà cách *phủ* Thiên Phúc về phía Đông Bắc 4 dặm. Từ Đông sang Tây huyện đo được 6 dặm, từ Bắc xuống Nam 98 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới *huyện* Việt Yên là 5 dặm ; về phía Tây cho tới con sông ngăn nó với *huyện* Thiên Phúc là 1 dặm, phía Nam cho tới con sông ngăn nó với *huyện* Yên Phong, *phủ* Từ Sơn là 4 dặm ; về phía Bắc cho tới ranh giới *huyện* Tư Nông[3] Thái

(1) Tham khảo *Thiên hạ quân quận lợi bệnh thư*, K.118, tờ 6 và *Dư địa chí* tờ 13a.

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 6a.

(3) Nay là phủ Phú Bình

Nguyên là 34 dặm. Lỵ sở của *huyện* nằm trên địa phận xã Mai Đình[1].

Năm Thành Thái thứ 7 (1895) khi tỉnh Bắc Giang được thành lập, *huyện* Hiệp Hoà phụ thuộc vào *phủ* Lạng Giang và do một tri huyện cai trị. Ngày nay, nó được tổ chức thành *huyện* độc lập và được đặt dưới sự kiểm sát của các quan chức tỉnh Bắc Giang.

Theo cuốn *Dư địa chí*, *huyện* có 22 xã và 2 trại[2] thời đầu Lê. Cuối thế kỷ XV, cuốn *Hồng Đức bản đồ* nói nó có 34 *xã*. Đầu đời Nguyễn huyện gồm có 9 *tổng* và 51 *xã, thôn*[3].

---

(1) *Thống chí*. Bắc Ninh tờ 6a.
Cuốn *Bắc Ninh tỉnh Dư địa chí* (A.590, tờ 62b-63b) ghi : "Huyện lỵ Hiệp Hoà nằm trên địa phận xã Mai Đình".
- Về phía Đông, từ *huyện lỵ* tới ranh giới xã Ngọ Xá, *huyện* Yên Việt là 1350 tầm.
- Về phía Tây, từ *huyện, lỵ* tới *thôn* Vệ Tâm xã Mai Đình liền với sông Nguyệt Đức, đối diện với *huyện* Thiên Phúc là 456 tầm.
- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới thôn Thượng Du, xã Tiểu Mai ăn liền với sông Nguyệt Đức, đối diện với ranh giới xã Như Nguyệt, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn là 750 tầm.
- Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới xã Châu Lỗ là 214 *tầm* ; tới xã Phúc Linh là 480 tầm ; tới xã Hạc Lâm là 630 tầm, tới xã Hương Câu là 1040 tầm : tới *xã* Cẩm Bào là 500 tầm ; tới xã Trung Định là 1392 *tầm* ; tới xã Phẩm Trật là 950 tầm ; tới xã Mai Sơn là 550 tầm ; tới xã Quế Trạo là 820 tầm ; tới *xã* Hoàng Vân là 1580 tầm ; tới xã Vân Trung là 180 tầm ; tới xã Hà Hoán ăn liền với sông Nguyệt Đức là 1224 tầm. Từ điểm cuối cùng này tới ranh giới *xã* Ngọc Lung, huyện Tư Nông, xứ Thái Nguyên là 1214 tầm. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565 q.5 tờ 20a).

(2) *Thống chí*. Bắc Ninh tờ 13a.

(3) *Bị lãm*, tờ 28b-30a.

Số lượng *xã, thôn* nói trên chỉ còn có 50 trong *Danh sách Đồng Khánh*[1]. Số 9 *tổng* đầu đời Nguyễn là : Đức Thắng, Hà Nhuyễn, Cẩm Bào, Mai Đình, Gia Định, Quế Trạo, Tiên Thù, Sơn Giao và Hoàng Vân. Những tổng này cũng có mặt tronh *Danh sách Đồng Khánh*. Ngày nay, phần lớn số tổng đó đều thuộc *huyện* Hiệp Hoà, trừ Hà Nguyễn thuộc *huyện* Tư Nông, nay là *phủ* Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và Thiên Thù đã qua *huyện* Phổ Yên của cùng tỉnh. Ngoài ra, tổng Sơn Giao đã bị bãi bỏ.

Ngược lại, huyện Hiệp Hòa ngày nay có được thêm 3 *tổng* mới. Đông Lỗ và Ngọ Xá thuộc *huyện* Yên Việt và Ngọc Thành mới được thành lập với các *xã* của *huyện* Yên Việt và *phủ* Yên Thế. Lỵ sở của nó ngày nay nằm trên địa phận *xã* Đức Thắng. *Huyện* Hiệp Hoà ngày nay gồm 71 xã chia ra 9 *tổng*.

1/ Tổng Đức Thắng : 5 xã[a]

1. Đức Thắng xã

   Bốn thôn : Dinh Hương, Hoà Thị, Liễu Ngoại, Trung Sơn.

2. Danh Thắng xã

   Bốn thôn : Trại My, Hạ, Làng Chùa, Làng Ngoại.

---

(1) Tờ 28a (?)

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:

- Xã Đức Thắng (Đức Thắng, Hùng Thắng)
- Xã Danh Thắng
- Xã Thường Thắng
- Thị trấn Đức Thắng (huyện lỵ)

3. Thường Thắng xã

Ba thôn : Khúc Bánh, Trong, Thượng.

4. Hùng Thắng xã

Bốn thôn : An Thông, Đông Ngạn, Sa Long, Trung Chính.

5. Toàn Thắng xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Phúc Thắng, nay cũng vậy. Hai thôn : Hạ, Thượng.

2/ Tổng Hà Nhuyễn : 7 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, *tổng* này là tổng Hà Châu và ngày nay cũng thế. Hiện nay nó thuộc huyện Tư Nông (phủ Phú Bình), tỉnh Thái Nguyên.

1. Hà Nhuyễn xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hà Châu ; nay cũng vậy.

Ba thôn : Hà Châu, Hiệt Củ, Liễn Ngoã (ttt : Làng Ngói)

2. Yên Nhuyễn xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Yên Châu ; nay cũng vậy. Hai thôn : Cầu Cát, Yên Châu.

3. Nga My xã.

Nay là *xã* Nga My

Ba thôn : Kén Thôn, Nga My, Rổ Thôn

(a) Nay là hai xã Hà Châu, Nga My, Phổ Yên - Thái Nguyên và một phần xã Đồng Tân (Tân Chung), Hiệp Hòa - Bắc Giang.

4. Hoa Chúc xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hương Chúc.

Hai thôn : Đông Thôn, Táo Thôn

5. Đông Dương xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Diệm Dương ; nay cũng vậy.

Ba thôn : Đông thôn, Sau Thôn, Trầm Thôn

6. Hà Trạch xã

Hai thôn : Làng Đai, Trầm Hương

7. Bến Chung xã

Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) có tên là Tân Chung ; nay cũng vậy. Ngày nay thuộc *tổng* Hoàng Vân, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Tổng Hà Châu ngày nay còn có *xã* Hà Thanh vốn là một *phường* cũ trên mặt nước và thuộc xã Hà Châu.

3/ Tổng Cẩm Bào : 7 xã[a]

1. Cẩm Bào xã.

Bốn thôn : Chùa, Đông, Nam, Ngọc Hiên

2. Trung Trật xã

Bốn thôn : Đình Tiên, Đồng Mía, Làng Trong, Ngõ Vôi

3. Cẩm Xuyên xã.

Ba thôn : Giữa, Dưới, Trên

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:

- Xã Mai Trung (Mai Phong, Trung Định, Trung Trật)
- Xã Xuân Cẩm (Cẩm Bào, Cẩm Xuyên, Cẩm Hoàng, Xuân Biểu)

4. Cẩm Hoàng xã

5. Xuân Biểu xã.

Hai thôn : Nội, Soi

6. Trung Định xã.

Hai thôn : Định Viễn, Trung Hoà

7. Mai Phong xã.

Hai thôn : Ngõ Chùa, Ngõ Đình.

4/ Tổng Mai Đình : 9 xã, thôn[a]

1. Mai Đình xã

Bốn thôn : Giáp Ba, Giáp Nguyên, Giáp Sơn, Giáp Nhất.

2. Đông Lâm xã.

Bốn thôn : Chỗ, Chùa, Bốc, Khoái.

3. Tiểu Mai xã, Thượng thôn [ttt. Kẻ Tiếu]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Mai Thượng. Nay cũng vậy

Hai thôn : Lở, Trước.

4. Tiểu Mai xã Hạ thôn

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Mai Hạ. Nay cũng vậy.

5. Châu Lỗ xã [ttt. Kẻ Sổ]

6. Tiên Sơn xã

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:

- Xã Hương Lâm (Đông Lâm, Hạc Lâm, Hương Câu, Nga Trại, Phúc Linh. Tiên Sơn)
- Xã Mai Đình (Mai Đình, Mai Thượng, Mai Hạ, Vọng Giang, Giáp Ngũ, Châu Lỗ)

7. Hương Câu xã [ttt. Kẻ Cầu]
Ba thôn : Cả, Hiên, Nội Bái.

8. Hạc Lâm xã

9. Phúc Lãnh xã
Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Phúc Linh.
Nay cũng vậy.
Hai thôn : Đoài, Nội

Ngày nay *tổng* Mai Đình này còn có ba xã khác.

1) Giáp Ngũ xã (*thôn* cũ của *xã* Mai Đình, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 14 (1902)

2) Nga Trại xã (*thôn* cũ của *xã* Mai Đình, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 4 (1892).
Hai thôn : Cầu, Yêm.

3) Vọng Giang xã (*thôn* cũ của *xã* Vọng Nguyệt, tổng Nội Trà, *huyện* Yên Phong, được nâng lên thành xã độc lập năm Duy Tân thứ 9, 1915.

5/ Tổng Hoàng Vân : 5 xã[a]

1. Hoàng Vân xã.
Nay là *xã* Hoàng Liên

2. Thanh Vân xã.
Ba thôn : Diễm, Phác, Vòng.

3. Vạn Thạch xã [ttt. Bến Đá]
Hai thôn : Đông, Giữa.

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:
- Xã Hoàng Ân (Ân Cập, Hoàng Liên)
- Xã Hoàng Vân (Lạc Yên, Liễu Ngạn, Vạn Thạch, Vân Xuyên)
- Xã Thanh Vân (Hoàng Lại, Thanh Vân)
- Xã Đồng Tân (Đồng Áng, Tân Chung)

4. Vân Truỳ xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Vân Xuyên ; nay cũng vậy.

Bốn thôn : Đá, Đông, Lạc Trung.

5. Hoằng Lại xã

Tổng Hoàng Vân này nay còn có 5 xã khác :

1) Ân Cập (*thôn* cũ của *xã* Hoàng Vân, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 14 (1902)

Năm thôn : Đông Thuận, Nam Chù, Tân An, Tây Hồ, Vĩnh Bảo.

2) Đồng Áng xã (*thôn* cũ của *xã* Hà Châu, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 10, 1897) (ttt. Kẻ Khốn)

3) Lạc Yên xã (*thôn* cũ của *xã* Hoàng Vân, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 14, 1902)

4) Liễu Ngạn xã (*thôn* cũ của *xã* Hoàng Vân, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 4, 1892). Hai thôn : An Đông, Đống Dầu.

5) Tân Chung xã. Trước kia *xã* này thuộc tổng Hà Châu.

6/ Tổng Gia Định : 6 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh tổng* này là *tổng* Gia Cát ; nay cũng vậy.

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:

- Xã Đại Thành (Tân Mãn, Hà Nội)
- Xã Hợp Thịnh (Đa Hội, Đồng Đạo, Hương Ninh)
- Xã Quang Minh (Phú Cốc, Hương Thịnh, Hữu Định)

1. Gia Định xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Gia Cát.
Nay là *xã* Hương Thịnh

2. Ninh Định xã.

Nay là *xã* Đa Hội.
Ba thôn : Hạ, Ninh Định, Thượng.

3. Ninh Tào xã

4. Yên Đinh xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hữu Định, nay cũng vậy.
Hai thôn : Phượng Nghi, Tiên Độ.

5. Tảo Địch xã

Nay được gắn vào *tổng* Tiểu Lễ, *huyện* Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

6. Hương Ninh xã.

Ngày nay *tổng* này còn gồm có 5 xã khác là

1) Đại Mão (*thôn* cũ của *xã* Ninh Định)

2) Đồng Đạo (*thôn* cũ của xã Ngô Đạo, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 12 (1900).

3) Hà Nội (*thôn* cũ của xã Ninh Định, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 11 (1899).

4) Phú Cốc (*thôn* cũ của *xã* Gia Cát, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 8, 1896).

5) Tân Mãn (thôn cũ của xã Ninh Định)
Hai thôn : Bảo Mãn, Đại Tân.

7/ Tổng Quế Trạo : 5 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là tổng Quế Trạo ; nay cũng vậy

1. Quế Trạo xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Quế Trạo ; nay là *xã* Quế Sơn.
2. Phẩm Trật xã.
   Hai thôn : Ngọc Làng, Trong Làng.
3. Mai Sơn xã
4. Thù Sơn xã.
   Bốn thôn : An Khánh, Cảnh, Trại, Giếng.
5. Thù Cốc xã.
   Hai thôn : Trại Giữa, Trại Ngoài.

Nay tổng Quế Trạo này còn gồm có hai xã khác là :

1) Đồng Tân (*thôn* cũ của *xã* Quế Trạo, được nâng lên thành xã độc lập năm Khải Định thứ ba, 1918)
   Hai thôn : Đại Đồng, Giang Tân.

2) Thái Thọ (*thôn* cũ của *xã* Quế Trạo)
   Hai thôn : Cửu Như, Thọ Lai.

(a) Nay thuộc Hiệp Hòa - Bắc Giang gồm:
- Xã Hòa Sơn (Mai Sơn, Thù Sơn, Thù Cốc)
- Xã Hùng Sơn (Phẩm Trật, Quế Sơn)
- Xã Thái Sơn (Thái Thọ, Đồng Tân)

8/ Tổng Thiên Thù : 4 xã[a]

Ngày nay *tổng* này được gắn vào *huyện* Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Tiên Thù xã.

   Bốn thôn : Cổ Pháp, Hảo Sơn, Nguyễn Hậu, Yên Trung.

2. Xuân Trù xã

3. Gia Thù xã.

4. Thù Lâm xã

9/ Tổng Sơn Giao : 3 xã[b]

Tổng này chỉ còn có 2 xã trong *Danh sách Đồng Khánh*. Nay không tồn tại nữa.

1. Sơn Giao xã

   Nay được gắn vào *tổng* Ngọc Thành, *huyện* Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Hai thôn : Quyền, Sơn Giao, Quảng Lâu xã

   Xã này không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*.

2. Quảng Lâu xã

   Xã này không thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*.

3. Hoà Lâm xã.

(a) Nay thuộc xã Tiền Phong, Phổ Yên - Thái Nguyên

(b) Nay là xã Ngọc Sơn, Hiệp Hòa - Bắc Giang
- Ngoài ra còn có xã *Sơn Quả*, không thấy tác giả nhắc tới

PHỦ LẠNG GIANG

Cho tới thời Trần (1225 - 1400), là địa phận của *lộ* Bắc Giang[1]. Tên Lạng Giang được đặt cho phủ vào năm Vĩnh Lạc thứ 5 của nhà Minh (1407). Địa phận *phủ* Lạng Giang rất rộng[2]: nó gồm có 3 *châu*. Lạng Giang *châu* (với các *huyện* Bảo Lộc, Cổ Lũng, Thanh Yên và Yên Ninh) ; Nam Sách *châu* (ứng với *phủ* cùng tên, tỉnh Hải Dương hiện nay) ; Thượng Hồng *châu* (ứng với địa phận *phủ* Bình Giang, tỉnh Hải Dương hiện nay). Phủ này còn cai trị trực tiếp 5 *huyện* : Cổ Dũng[3], Lục Na, Na Ngạn[4], Phượng Sơn và Thanh Viễn[5].

Bắt đầu từ thời Lê (1428 - 1788), *phủ* Lạng Giang thuộc *trấn* Kinh Bắc và gồm 6 *huyện* : Yên Dũng, Phượng Nhỡn, Bảo Lộc, Yên Thế, Lục Ngạn và Cổ Lũng[6]. Đầu đời Nguyễn Gia Long giữ nguyên hình trạng này. Thời Quang Thuận nhà Lê (1460 - 1464), tên Cổ Lũng được đổi thành Hữu Lũng[7]. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), phủ Lạng Giang bị cắt mất 3 huyện : Yên Thế, Hữu Lũng và Yên Dũng để cấu thành *phân phủ* Lạng Giang. Năm Tự Đức

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 6b

(2) *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* K.118, tờ 6b

(3) Nay là Yên Dũng

(4) Hai huyện này là huyện Lục Ngạn hiện nay

(5) Hai huyện này ứng với huyện Phượng Nhỡn thời Lê

(6) *Dư địa chí*, tờ 13a ; *Hồng Đức bản đồ*

(7) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7b

thứ 6 (1853), người ta còn đưa vào *phân phủ* này *huyện* Việt Yên[1].

Phủ Lạng Giang cách ngôi thành của tỉnh lỵ 31 dặm về phía Đông Bắc. Từ Đông sang Tây đo được 101 dặm từ Bắc xuống, 39 dặm. Từ phủ lỵ về phía Đông tới ranh giới *huyện* Yên Bái (tỉnh Lạng Sơn) là 98 dặm ; về phía Tây tới con sông ngăn nó với huyện Yên Dũng, *phân phủ* Lạng Giang là 3 dặm ; về phía Nam tới con sông ngăn nó với huyện Yên Dũng là 3 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới *huyện* Hữu Lũng, *phân phủ* Lạng Giang là 36 dặm[2].

Ngôi thành của *phủ* được đắp bằng đất. Chu vi của thành là 271 trượng, chiều cao 7 thước. Bốn mặt thành có hào. Nó có ba cửa ra vào lợp ngói và nằm trên địa phận xã Châu Xuyên (trước kia là Châu Triền, huyện Bảo Lộc trên ranh giới của *huyện* Phượng Nhỡn). Trước kia, phủ lỵ được đặt tại *xã* Dĩnh Kế (huyện Phượng Nhỡn). Năm Gia Long thứ 3 (1804), phủ lỵ được chuyển đến *xã* Đông Nham (huyện Bảo Lộc) ; năm thứ 15 (1816) thì tới vị trí hiện nay. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), ngôi thành được xây dựng[3]

---

(1) Như trên, tờ 6b-8a.

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 6b.

(3) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 10b-11a.

Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 56a-57a) ghi : "Lỵ sở của *phủ* Lạng Giang nằm trên địa phận xã Châu Triền, huyện Phượng Nhỡn".

- Về phía Đông, từ phủ lỵ tới ranh giới huyện Lục Ngạn là 9582 tầm ; tới *xã* Dĩnh Kế là 2030 *tầm* ; tới xã Dĩnh Trì là 306 *tầm* ; tới *xã* Thái Đào là 585 tầm ; tới *xã* Quất Lâm là 1223 *tầm* ; tới xã Phương Lạn là 1800 *tầm* ; tới xã Ngọc Cục là 1413 *tầm* ; tới xã Chu Điện là 1793 tầm ; tới sông Nhật Đức đối diện với *xã* Cương Sơn, *huyện* Lục Ngạn là 230 tầm.

- Về phía Tây, từ phủ lỵ tới sông Nhật Đức đối diện với xã Mỹ Cầu, →

Huyện Yên Dũng

Cho tới thời Trần (1225 - 1400) địa phận này được gọi là Cổ Dũng[1]. Nhà Minh (1414 - 1428) đem nó trực thuộc vào *phủ* Lạng Giang[2]. Nhà Lê giữ nguyên hiện trạng này và *huyện* này lấy tên là Yên Dũng với 88 xã và 2 trại đầu thế kỷ XV[3]. Cuốn *Hồng Đức bản đồ* (cuối thế kỷ XV) cho biết *huyện* này có 80 *xã*, Gia Long giữ nguyên hiện trạng này[4]. Đầu thế kỷ XIX *huyện* Yên Dũng gồm có 11 tổng với 80 *xã, sở* và *phường*[5]. Bắt đầu từ năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), nó trực thuộc phân *phủ* Lạng Giang[6]. *Danh sách Đông Khánh* cũng cho biết nó có 11 tổng nhưng chỉ có 79 xã, thôn, phường[7].

Huyện Yên Dũng về phía Đông cách *phân phủ* Lạng Giang 19 dặm. Từ Đông sang Tây người ta đo được 28 dặm, từ Bắc xuống Nam 23 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông tới

---

huyện Yên Dũng là 309 tầm, 2 thước.

- Về phía Nam, từ phủ lỵ tới xã Dĩnh Uyên là 1230 *tầm* ; tới *xã* Vu Gián là 1060 tầm ; tới xã Lạc Gián là 1461 *tầm*, 3 thước ; tới xã Xuân Áng là 720 *tầm* ; tới xã Lũ Phú là 610 tầm ; tới xã Quỳnh Sơn là 1700 tầm ; tới xã Tri Yên là 1100 *tầm* ; tới xã Trạm Điền là 2260 tầm ; tới xã Vạn Yên là 1140 tầm ; tới ranh giới xã Dược Sơn, *huyện* Chí Linh (Hải Dương) là 1220 *tầm*

- Về phía Bắc, từ phủ lỵ tới ranh giới xã Thọ Xương huyện Bảo Lộc là 240 tầm. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565) q.6, tờ 13b.

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7b.

(2) *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* K.118, tờ 6a.

(3) *Dư địa chí* tờ 13a.

(4) *Thống chí*, Bắc Ninh,tờ 7b.

(5) *Bị lãm* tờ 30a-33a.

(6) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7b.

(7) A.537 tờ 100a-102a.

con sông ngăn cách nó với *huyện* Phượng Nhỡn là 12 dặm ; về phía Tây tới ranh giới huyện Yên Thế là 16 dặm ; về phía Nam tới ranh giới *huyện* Việt Yên là 12 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới *huyện* Bảo Lộc là 11 dặm[1]. Lỵ sở của huyện nằm tại địa phận *xã* Liên Hồ. Trước kia lỵ sở được đặt tại xã Như Thiết, năm Tự Đức thứ 6 (1853) được chuyển tới Liên Hồ[2].

Đầu đời Nguyễn, những *tổng* của *huyện* Yên Dũng là Mật Ninh , Đa Mai, Dĩnh Sơn, Hoàng Mai, Mỹ Cầu, Tự Lạn, Ngọc Cục, Tư Mại, Phúc Tầng, Cổ Dũng, Thiết Sơn. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, người ta cũng thấy có những *tổng* ấy.

Những năm cuối cùng của thế kỷ XIX, *huyện* này bị cải tổ một cách sâu sắc với sự thành lập tỉnh Bắc Giang. Chỉ có 2 tổng Tư Mại và Cổ Dũng là hoàn toàn thuộc vào

---

(1) *Thông chí*, Bắc Ninh, tờ 7b

(2) Như trên, tờ 11a

Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 57a-58a) ghi : "Lỵ sở huyện Yên Dũng nằm trên địa phận xã Như Thiết.

- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới xã Ngọc Lâm là 60 *tầm* ; tới xã Mỹ Cầu là 1230 *tầm* ; tới sông Nhật Đức đối diện với huyện Bảo Lộc là 980 *tầm*.
- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới xã Hũng Lâm là 390 tầm ; tới xã Sen Hồ là 93 tầm ; tới ranh giới xã Nam Ngạn, *huyện* Yên Việt, phủ Bắc Hà là 3611 tầm, 4 thước.
- Về phía Nam từ huyện lỵ tới xã Phúc Long là 1080 *tầm* ; tới xã Phúc Tầng là 562 *tầm* ; tới xã Quảng Xuyên là 491 *tầm* ; tới xã Âm Chương là 539 *tầm* ; tới xã Phấn Trì là 1239 *tầm* tới xã Phấn Sơn là 1449 *tầm* ; tới xã Hà Liễu là 441 *tầm* ; tới xã Cảnh Thuỵ là 1477 *tầm* , tới xã Đặng Mai là 1792 *tầm* ; tới xã Tư Mại là 1113 *tầm* ; tới sông Nguyệt Đức đối diện với *xã* Phù Lãng huyện Võ Giàng, phủ Từ Sơn là 987 *tầm*.
- Về phía Bắc, từ phủ lỵ tới xã An Liễn là 48 tầm ; tới *xã* Thiết Sơn là 1030 tầm ; tới xã Nghĩa Vũ là 632 tầm ; tới ranh giới xã Kim Chàng, *huyện* Yên Thế là 1621 tầm, 4 thước. Tham khảo *Bắc thành* (A.1565) q.6 tờ 14b.

huyện . Một phần của tổng Phúc Tằng được gắn vào nó với cái tên là tổng Phấn Sơn[1]. Ngược lại nó được nhận *tổng* Hương Tảo của huyện Việt Yên. Lỵ sở của *huyện* Yên Dũng nay nằm trên địa phận *xã* Cảnh Thuỵ tổng Tư Mại.

Các *tổng* Mật Ninh, Dĩnh Sơn, Hoàng Mai, Tự Lạn và Thiết Sơn được gắn vào huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Các tổng Đa Mai và Mỹ Cầu thì chuyển sang trực thuộc vào phủ Lạng Giang. *Tổng* Ngọc Cục được gắn với phủ Yên Thế hiện nay của cùng tỉnh.[a]

1/ Tổng Dật Ninh : 8 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* đó là *tổng* Mật Ninh ; nay cũng vậy.

1. Dật Ninh xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Mật Ninh, nay cũng vậy.

2. Khánh Ninh xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Cộng Khánh nay là xã Ninh Khánh. Hiện nay được gắn vào tổng Quang Biểu, huyện Việt Yên.

---

(1) Phần kia thì cấu thành *tổng* Hoàng Mai, *huyện* Việt Yên hiện nay.

(a) Hiện tại Yên Dũng còn tràn sang bờ đông bắc sông Thương với đất đai của huyện Phượng Nhỡn cũ.

(b) Nay thuộc Việt Yên - Bắc Giang gồm:
- Xã Quang Minh (Dật Ninh, Liên Hồ, Khả Lý, Phúc Lâm)
- Một phần xã Hoàng Ninh (Khánh Ninh, Yên Ninh)
- Một phần xã Ninh Sơn (Cao Lôi)
- Một phần xã Quang Châu (Chu Xá)

3. Văn Ninh *xã*

Xã còn tồn tại dưới cái tên này trong Danh sách *Đồng Khánh* ngày nay người ta không biết được nó ra thế nào. Trên bản đồ của *Danh sách Đồng Khánh* nó được chỉ ra như ở phía Đông *xã* Cộng Khánh và phía Tây *xã* Yên Ninh.

4. Phúc Lâm xã (ttt. Châm)

Nay được gắn vào *tổng* Quang Biểu, huyện Việt Yên.

5. Liên Hồ xã.

Nay là xã Sen Hồ.

6. Cao Lôi xã (ttt. Kẻ Chối)

7. Kha Lý xã (ttt. Kẻ Xe)

Nay là xã Kha Lý. Hai thôn : Hạ, Thượng.

8. Yên Ninh xã

Ba thôn : Hạ, Thượng, Trung.

Ngày nay *tổng* Dật Ninh này còn gồm có 7 xã khác trong số đó 6 xã (Gia Sơn, Hữu Nghị, Mai Vũ, Ninh Động, Nội Ninh và Phúc Ninh) được tách khỏi tổng Quang Biểu, huyện Yên Việt. Còn xã thứ 7, Chu Xá thì trước kia là một *thôn* của xã Nam Ngạn, tổng Quang Biểu, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 11 (1899).

2/ Tổng Đa Mai : 7 xã[a]

Tổng này nay được gắn vào *phủ* Lạng Giang.

1. Đa Mai xã [ttt. Đa Mỗi trang]

Ba thôn : Chùa, Liễu, Trong

(a) Nay thuộc thị xã Bắc Giang gồm:
- Xã Đa Mai (Đa Mai, Thanh Mai)
- Xã Song Mai (Phương Độ, Phú Giã, Quảng Phúc, Phù Liễn, Mai Khê)

2. Thanh Mai xã.

Nay là *xã* Thanh Mai

3. Phương Độ xã.

Nay là xã Phương Đậu

Bốn thôn : Cối, Đoài, Hà, Máng.

4. Phú Giã xã (ttt : Làng Giá)

5. Quảng Phúc xã.

Hai thôn : Phúc Hạ, Phúc Thượng

6. Phù Liễn xã

Năm thôn : An Lạc, Bùi, Đồng, Nhân Khổng, Tày.

7. Mai Khê xã.

Nay là xã Mai Khê. Ba thôn : An Phú, Chùa, Đống Cao.

3/ Tổng Dĩnh Sơn : 8 xã[a]

Tổng này bây giờ được gắn vào *huyện* Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1. Dĩnh Sơn xã.

Một thôn : Đồng

2. Dục Quang xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Dục Sơn ; nay cũng vậy

Hai thôn : Giữa, Đìa.

(a) Nay thuộc Việt Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Bích Sơn (Dục Quang, Đồn Lương, Bích Động, Tiên Nghiên, Tăng Quang)
- Xã Trung Sơn (Dĩnh Sơn, Dương Huy, Nguyễn Quả, Sơn Quang, Ái Quang)
- Một phần xã Hồng Thái (Hùng Lãm)

3. Dương Quang xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Dương Huy ; nay cũng vậy.

Ba thôn : Chợ Nhẫm, Nhẫm Đồng, Nhẫm Núi.

4. Hùng Lãm xã [ttt. Đình Chám]

Nay được gắn vào *tổng* Hoàng Mai, *huyện* Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Năm thôn : Bồng, Chùa, Giữa, Nguộm, Sến.

5. Đồn Lương xã

6. Quỳnh Động xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Bích Động, nay cũng vậy.

Bốn thôn : Dương, Đông, Thượng, Trung.

7. Sơn Quang xã

8. Nhẫm Nghiên xã [ttt. Chợ Nhẫm]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Tiên Nghiên ; nay cũng vậy.

Bốn thôn : Kiểu, Tự, Vàng, Văn Xá

Tổng Dĩnh Sơn nay ngày nay còn gồm ba xã khác :

1) Ái Quang, (thôn Ái Hạ Du của *xã* Sơn Quang, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 6, 1894).

2) Nguyễn Quả (*thôn* Nguyễn Du cũ, xã Dĩnh Sơn, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Đồng Khánh thứ nhất, 1886)

Hai thôn : Nguyễn, Quả

3) Tăng Quang xã (*thôn* Hoài Du của *xã* Đạo Quang, được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 11.1899.

4/ Tổng Hoàng Mai : 3 xã[a]

Tổng này nay là Hoàng Mai và được gắn vào *huyện* Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1. Hoàng Mai xã [ttt. Hoàng Ma phường]

   Nay là xã Hoàng Mai

2. Vân Cốc xã.

   Hai thôn : Bài Cả, Bài Sanh

3. My Điền xã [ttt. Kẻ Me]

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn cho biết *tổng* này có *sở* Đại Tảo, thôn Trung Đồng nay cấu thành *xã* Trung Đồng (*tổng* Hoàng Mai, *huyện* Việt Yên). Ngày nay *tổng* Hoàng Mai này còn gồm có 5 *xã* khác trong số đó có 4 xã (Điêu Liễn, Phúc Long, Phúc Tằng và Thượng Phúc) trước kia thuộc *tổng* Phúc Tằng, *huyện* Yên Dũng. Xã thứ 5, Hùng Lãm là bộ phận cấu thành của tổng Dĩnh Sơn, *huyện* Yên Dũng.

5/ Tổng Mỹ Cầu : 5 xã, phường[b]

Tổng này nay được gắn vào *phủ* Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

1. Mỹ Cầu xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Mỹ Cầu ; nay cũng vậy. Hai thôn : Đông, Tây.

(a) Nay thuộc Việt Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Vân Trung (Vân Cốc, Trung Đồng)
- Một phần xã Hoàng Ninh (Hoàng Mai, Mi Điền)

(b) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau của Bắc Giang:

+ Huyện Yên Dũng: - Xã Mỹ Cầu (Mỹ Cầu, Phụng Pháp, Ngọc Lâm)
- Xã Song Khê (An Khê, Liêm Xuyên, Song Khê)

+ Thị xã Bắc Giang: - Phường Mỹ Độ (Mỹ Độ)
- Phường Trần Phú (Á Lữ)

2. Phụng Công xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Phụng Pháp ; nay cũng vậy. Bốn thôn : Cù, Chùa, Đông, Lực Nậu.

3. Ngọc Lâm xã

Năm thôn : Đồng, Giếng, Lò, Miếu, Phố

4. An Khê xã

5. Á Lữ phường [ttt. Làng Bè]

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, *phường* này của xã Mỹ Cầu được đưa vào *tổng* Thọ Xương, *phủ* Lạng Giang, *tỉnh* Bắc Giang.

Tổng Mỹ Cầu này ngày nay còn gồm ba *xã* khác :

1) Liêm Xuyên (được tách khỏi *tổng* Phúc Tầng, huyện Yên Dũng)

2) Mỹ Độ (*thôn* Trung Độ cũ của *xã* Mỹ Cầu, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 2, 1890) ttt : Làng Đò.

Ba thôn : Canh Khê, Ngoài, Trong

3) Song Khê xã được tách khỏi *tổng* Phúc Tầng, huyện Yên Dũng

6/ Tổng Tự Lạn : 6 xã[a]

Tổng này nay là Tự Lạn và được đưá vào *huyện* Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

(a)) Nay thuộc Việt Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Hương Mai (Hương Mai, Xuân Lạn)
- Xã Thượng Lan (Tự Lạn, Lạn Trạch, Yên Hà)
- Xã Việt Tiến (Núi, Tràng, Hương Lạn)

1. Tự Lạn xã. Nay là *xã* Tự Lạn
   Bốn thôn : Hương Linh, Lâm Nội, Tự Thượng.
2. Lạn Trạch xã
   Bốn thôn : Chầm, Duồng, Nguộn, Thượng
3. Yên Hà xã
   Nay được chia thành 2 xã : a) Hà Thượng, b) Hà Hạ.
4. Xuân Lạn xã
5. Hương Lạn xã. .
   Nay là *xã* Hương Giáp
6. Hương Mai xã. Hai thôn : Hạ, Thượng.

Tổng Tự Lạn này ngày nay còn gồm có hai *xã* khác :

1) Làng Núi (*thôn* Núi cũ của *xã* Hương Lan, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 13, 1901) Ba thôn : Giữa, Khoát, Nguộn.

2) Làng Tràng (*thôn* Tràng cũ của *xã* Hương Lạn, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 13, 1901).

7/ Tổng Ngọc Cục : 5 xã[a]

Tổng này nay được gắn vào phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau của Bắc Giang:
+ Huyện Tân Yên
- Xã Ngọc Châu (Ngọc Nham)
- Xã Ngọc Lý (Ngọc Lý)
- Xã Ngọc Thiện (Bằng Cục)
+ Huyện Việt Yên
- Một phần xã Minh Đức (Mỏ Thổ)

1. Ngọc Cục xã.

Sáu thôn : Đồng Trình, Làng Bỷ, Làng Trà, Làng Mỏ, Làng Nổi, Làng Trình.

2. Ngọc Lý xã.

Sáu thôn : Đồng Cầu, Hương Trong, Làng Đồng, Làng Hương, Làng Lý, Làng Sòi.

3. Ngọc Nham xã.

Năm thôn : Đồng Am, Đồng Cần, Làng Ái, Làng Giữa, Làng Trũng.

4. Bằng Cục xã.

Hai thôn : Đồng Đình, Làng Bằng.

5. Mỗ Thổ xã [ttt. Mỏ Thổ]

Nay được gắn vào *tổng* Thiết Sơn *huyện* Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

8/ Tổng Tư Mại : 6 xã[a]

1. Tư Mại xã.

Ba thôn : Khê, Thạch, Thị.

2. Đăng Mại xã.

Nay là xã Đương Mại.

Ba thôn : Cựu Thị, Hưng Thịnh, Khánh Am.

3. Cảnh Thuỵ xã.

Nay là xã Cảnh Thụy

4. Phú Mại xã.

Hai thôn : Bến, Đồng Giữa.

(a) Nay thuộc Yên Dũng - Bắc Giang gồm:

- Xã Tư Mại (Tư Mại, Phú Mại, Đăng Mại)
- Xã Cảnh Thụy (Cảnh Mỹ)
- Một phần xã Đồng Phúc (Cổ Pháp, Hành Quán)

5. Cổ Pháp xã

Ba thôn : Cao Đồng, Hoàng Phúc, Cựu

6. Hành Quán xã

Bốn thôn : Hạ Làng, Thượng, Trung, Vân.

Tổng Tư Mại này còn có *xã* Cảnh Mỹ vốn là *thôn* Đông cũ của *xã* Cảnh Thuỵ, được nâng lên *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 12 (1900).

9/ Tổng Phúc Tằng : 12 xã, sở[a]

Ngày nay, *tổng* này đã bị bãi bỏ và địa phận của nó được chia cho các *tổng* : Hoàng Mai của huyện Việt Yên hiện nay, Mỹ Cầu của *phủ* Lạng Giang và tổng Phấn Sơn mới được thành lập của *huyện* Yên Dũng.

1. Phúc Tằng *xã*

Nay được đưa vào *tổng* Hoàng Mai, *huyện* Việt Yên.

Ba *thôn* : Bẩy, Tự, Trạch.

2. Phúc Long *xã*

Nay được chia thành hai *xã* : Phúc Long và Thượng Phúc được đưa vào *tổng* Hoàng Mai, *huyện* Việt Yên.

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau của Bắc Giang:

+ Huyện Việt Yên

- Xã Tăng Tiến (Phúc Tằng, Phúc Long)

+ Huyện Yên Dũng

- Xã Tân Liễu (Phấn Sơn, Liễu Đê)
- Xã Tiền Phong (Ảm Trứ, Bằng An)
- Xã Nội Hoàng (Nội Hoàng)
- Xã Đồng Sơn (Phấn Trì, Phấn Sở)
- Xã Song Khê (Song Khê, Liêm Khê)

3. Phấn Sơn *xã*.

Nay được chuyển sang *tổng* Phấn Sơn, *huyện* Yên Dũng

Hai thôn : Núi, Tân Độ.

4. Phấn Trì *xã*.

Nay được gắn vào *tổng* Phấn Sơn, *huyện* Yên Dũng.

Năm *thôn* : Cửa Ngòi, Chùa, Đông, Đồng Sau, Hương Tài.

5. Ám Chương *xã*

Trong Danh sách *Đồng Khánh* là *xã* Ám Trứ ; nay cũng vậy.

6. Nội Hoàng *xã*

Nay được gắn vào *tổng* Phấn Sơn, *huyện* Yên Dũng.

Ba thôn : Mang, Triền, Trung

7. Song Khê xã

Nay được gắn vào *tổng* Mỹ Cầu, phủ Lạng Giang (ttt : Làng Lịm)

Ba thôn : Chiêu, Ngoài, Trong.

8. Hà Liễu xã

Trong Danh sách Đồng Khánh là *xã* Liễu Đê ; nay cũng vậy.

Nay được gắn vào *tổng* Phấn Sơn, huyện Yên Dũng.

Hai thôn : Giang, Nham.

9. Phấn Trì *sở*.

Nay được gắn vào tổng Phấn Sơn, huyện Yên Dũng.

10. Liêm Xuyên xã

Nay được gán vào tổng Mỹ Câu, *phủ* Lạng Giang.

Ba thôn : Bến, Chùa, Hội.

11. Bình Chương xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Bình Yên ; nay cũng vậy.

Hai thôn : Hạ, Thượng.

12. Điêu Liễn *xã*.

Được gán vào *tổng* Hoàng Mai, huyện Việt Yên.

Ba thôn : Lĩnh, Tự, Thị.

10/ Tổng Cổ Dũng : 10 xã, phường[a]

1. Cổ Dũng.

Ba thôn : Cát, Huyện Muồng.

2. Bằng Lương.

Bốn thôn : Bè, Bến, Thượng, Trung.

3. Ngư Uyên *xã* [ttt. Ổ Cá]

Ba thôn : Chùa, Đông Thắng, Thuận Lý.

4. Mại Xuyên *xã*.

Ba thôn : Cả, Cát, Bò.

5. Tiên La xã [ttt. Đò Lá]

6. Mai Khê xã

(a) Nay thuộc Yên Dũng - Bắc Giang gồm:

- Xã Đồng Việt (Bằng Lương, Cổ Phao)
- Xã Đức Giang (Khê Cầu, Mai Xuyên, Tiên La)
- Xã Tiến Dũng (Cổ Dũng, Ninh Xuyên, Ngư Uyên)
- Một phần xã Đồng Phúc (Mai Khê)

7. Khê Cầu xã.

Hai thôn : Hồ, Núi.

8. Ninh Xuyên *xã*

9. Tam Kỳ phường

Trong *Danh sách Đồng Khánh phường* này được gắn vào *xã* Ngư Uyên. Nay là xã Tam Kỳ và thuộc *tổng* Trí Yên, *phủ* Lạng Giang.

10. Cổ Phao *phường*

Trong Danh sách *Đồng Khánh*, được gắn vào *xã* Bằng Lương. Từ năm Duy Tân thứ 6 (1912) được nâng lên thành xã Cổ Phao.

11/ Tổng Thiết Sơn : 10 xã[a]

Nay tổng này được đưa vào *huyện* Việt Yên, *tỉnh* Bắc Giang.

1. Thiết Sơn xã

Bốn thôn : Hậu Tự, Ngọc Cầu, Ngọc Xuân, Tiền Tự.

2. Lý Nhân xã.

Ba thôn : Rèn, Đanh, Trại.

3. Nghĩa Vũ xã

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau của Bắc Giang:

+ Huyện Việt Yên:

- Xã Nghĩa Trung (Nghĩa Thượng, Nghĩa Hạ, Trung Lai, Nghĩa Vũ, Tỉnh Lộc, Yên Liễn)
- Một phần xã Minh Đức (Lý Nhân, Ngân Đài, Mỏ Thổ, Thiết Sơn, Thiết Nham)
- Một phần xã Hồng Thái (Như Thiết)

+ Huyện Tân Yên:

- Xã Quế Nham (Chuế Dương)

4. Tĩnh Lộc xã

5. Thiết Nham xã.

Hai thôn : Đê, Trên Làng.

6. Ngân Đài xã

7. Như Thiết xã.

Ba thôn : Ga, Hạ, Thượng.

8. Thiết Thượng xã.

Hai thôn : Đồng, Dược.

9. Yên Liễn xã

Bốn thôn : Dù, Huyện, Me, Sấn làng

10. Chuế Dương xã

Nay là Chuế Dương và được đưa vào *tổng* Quế Nham, phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Tám thôn : Chùa Củ, Đồi Chè, Đồng La, Lò Gạch, Nhà Chùm, Ngọc Trì, Rừng Chùa, Tiên Đình.

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, người ta còn thấy có hai điểm tụ cư khác thuộc tổng Thiết Sơn này :

1) Nghĩa Mỹ xã (Thượng thôn), nay là xã Nghĩa Thượng (cùng một tổng).

2) Nghĩa Mỹ xã (Hạ thôn), nay là *xã* Nghĩa Hạ (cùng một tổng).

Ngoài ra, *tổng* Thiết Sơn này ngày nay còn có hai *xã* khác :

1) Mỗ Thổ được lấy từ *tổng* Ngọc Cục, huyện Yên Dũng.

2) Trung Lai vốn là *thôn* cũ của *xã* Nghĩa Vũ.

*

* *

Huyện Lục Ngạn[a]

Cho tới thời Trần (1225 - 1400) địa phận này được biết với cái tên là Na Ngạn[1]. Thời nhà Minh, đầu tiên nó được chia thành hai *huyện* Na Ngạn và Lục Na, rồi được tập trung lại thành một huyện duy nhất, huyện Lục Na[2]. Thời Quang Thuận nhà Lê (1460 - 1464) nó được đổi thành *huyện* Lục Ngạn[3] và phụ thuộc vào *phủ* Lạng Giang. Nhà Nguyễn giữ nguyên hiện trạng này. Đầu thời Pháp bảo hộ, *huyện* này cấu thành một phần của tỉnh Lục Nam[4]. Tỉnh này được bãi bỏ năm Thành Thái thứ 7 (1895) và *huyện* Lục Ngạn được đưa vào với tỉnh Bắc Giang mới.

Huyện Lục Ngạn cách phủ Lạng Giang về phía Đông 30 dặm. Từ Đông sang Tây người ta đo được 62 dặm, từ Bắc xuống Nam 24 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới huyện Yên Bác (tỉnh Lạng Sơn) là 61 dặm ; về phía Tây cho tới ranh giới *huyện* Phượng Nhỡn là gần 1 dặm ; về phía Nam cho tới ranh giới huyện Đông Triều (tỉnh Hải Dương) là 12 dặm ; về phía Bắc cho tới ranh giới *huyện* Bảo Lộc là 12 dặm[5]. Lỵ sở *huyện* Lục Ngạn nằm tại *xã* Cương Sơn. Trước kia, lỵ sở này được đặt tại xã Thủ

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7a

(2) Như trên và tham khảo *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* K.118. tờ 6b.

(3) *Thống chí*. Như trên

(4) Tỉnh nhất thời này gồm có các huyện Đông Triều, Yên Bác, Chí Linh và Lục Ngạn. Tỉnh còn có tên nữa là Phả Lại.

(5) *Thống chí*. Bắc Ninh, tờ 7a

(a) Nay kết hợp với một số tổng của huyện Phượng Nhỡn, Bảo Lộc cũ. chia thành huyện Lục Ngạn và Lục Nam.

Dương ; cuối đời Lê[1] thì được đặt tại vị trí hiện nay. Ngày nay *huyện* này được nâng lên thành phủ.

Đầu đời Lê *huyện* Lục Ngạn gồm 52 xã[2]. Bắt đầu từ cuối thế kỷ XV, 57 *xã* theo *Hồng Đức bản đồ*. Thời Gia Long đầu thế kỷ XIX, huyện gồm 44 *xã* chia ra 7 tổng[3]. Những *tổng* đó là : Cương Sơn, Vô Tranh, Hà Bộ, Mỹ Nương, Niêm Sơn, Kiên Lao và Biển Động. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, số *xã* của *huyện* Lục Ngạn được nâng lên con số 82[4]. *Huyện* này nhận được 4 *tổng* mới: Bắc Lũng (trước

---

(1) Như trên, tờ 11a

Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590 tờ 60a-61a) ghi : " *Huyện* lỵ Lục Ngạn nằm trên địa phận *xã* Cương Sơn".

- Về phía Đông, từ huyện lỵ tới *xã* Nghĩa Phương là 1780 *tầm* ; tới xã Tùng Lệnh là 2179 *tầm* ; tới xã Vô Tranh là 210 *tầm* ; tới xã Đối Sơn là 2231 *tầm* ; tới xã Mai Sao là 120 tầm ; tới ranh giới xã Phúc Đa, huyện Đông Triều (Hải Dương) là 3987 tầm.

- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới ranh giới xã Tiên Nhiêu, *huyện* Phượng Nhỡn là 150 *tầm*.

- Về phía Nam, từ huyện lỵ tới xã Chỉ Tác là 1720 tầm ; tới xã Cẩm Lí là 1811 tầm, 3 thước ; tới ranh giới xã Hoàng Lạt, *huyện* Phượng Nhỡn là 2590 *tầm*, 4 *thước*.

- Về phía Bắc, từ *huyện* lỵ tới xã Nghĩa Phương là 1780 tầm ; tới xã Lệ Ngạc là 1400 *tầm* ; tới xã Tòng Lệnh là 900 *tầm* ; tới xã Mỹ Nương là 2024 *tầm* ; tới xã Hữu Bằng là 3166 *tầm* ; tới *xã* Thủ Dương là 1150 tầm ; tới xã Mỹ Động là 2790 *tầm* ; tới xã Hà Hộ là 30 *tầm* ; tới xã Niêm Sơn là 1296 *tầm*, 2*thước* ; tới *xã* Phi Điền là 1530 *tầm* ; tới xã Mai Sơn là 444 *tầm* ; tới xã Phong Cốc là 680 *tầm* ; tới xã Bản Động là 1398 *tầm* ; tới xã Thảo Nhân là 2120 tầm ; tới xã Thiên Sơn là 676 *tầm* ; tới ranh giới xã An Châu, châu Yên Bác, xứ Lạng Sơn là 2020 *tầm*" Tham khảo *Bắc thành* (A.1565) q.6, tờ 17b-18a.

(2) *Dư địa chí*, tờ 13a

(3) *Bị lãm*, tờ 33a-34b.

(4) Tờ 106a.

là Nhầm Lăng) Chạm Điền. Đan Hội đều thuộc *huyện* Phượng Nhỡn và Trú Hựu được tách khỏi *huyện* Bảo Lộc.

Năm Thành Thái thứ 7 (1895) khi thành lập tỉnh Bắc Giang, địa phận của *huyện* này lại chịu những sự thay đổi mới. Bốn *tổng* thuộc đầu thế kỷ XIX được giữ lại là : Cương Sơn, Võ Tranh, Mỹ Nương và Kiên Lao. Ngoài ra, 3 *tổng* của địa phận mình, theo *Danh sách Đồng Khánh*, cũng được giữ nguyên là : Bắc Lũng, Đan Hội và Trú Hựu. Sau nữa, nó nhận được 3 *tổng* mới là : Tam Dị thuộc *huyện* Bảo Lộc, Sơn Đình và Chu Điện bị tách khỏi huyện Phượng Nhỡn.

1/ Tổng Cương Sơn[a]

1. Cương Sơn xã.

   Tám thôn : Chàng, Đặng, Đọ, Lợ, Nguộn, Tè, Vàng, Vườn.

2. Nghĩa Phương *xã*.

   Bốn thôn : Ba Gò, Quỳnh, Suối Ván, Yên Sung.

3. Lệ Ngạc *xã*.

   Bốn thôn : Hố Nước, Lệ Ngạc, Ngạc Lâu, Tè.

4. Cẩm Lý xã.

   Nay là xã Văn Lý

5. Chỉ Tác xã.

   Nay là *xã* Chỉ Tác

   Ba thôn : Đồng Cao, Liên Trì, Lương Giao

(a) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:
- Xã Cương Sơn (Cương Sơn)
- Xã Cẩm Lý (Cẩm Lý)
- Xã Huyền Sơn (Chỉ Tác, Lệ Ngạc)
- Xã Nghĩa Phương (Nghĩa Phương, Khả Lễ, Đông Lạc)
- Thị trấn Lục Nam

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn ghi thêm *xã* Đông Lạc nay thuộc cùng một tổng.

Tổng Cương Sơn này ngày nay còn một *xã* nữa là Khả Lễ *xã* (được thành lập năm Tự Đức thứ 22, 1869 ; xã đó vốn là thôn Khả Lễ cũ của *xã* Nghĩa Phương) [ttt. Rùm].

2/ Tổng Vô Tranh : 7 xã[a]

1. Vô Tranh *xã*.

   Bốn thôn : Đức Di (ttt : Ri), Mạ ; Nghĩa Trạch (ttt : Chanh), Phúc Cương làng (ttt : Gàng)

2. Vĩnh Ninh xã

3. Tân Mộc xã

4. Mai Sao xã.

   Nay là *xã* Mai Sưu

   Tám thôn : Đông, Giẻ, Hồ, Khe, Leo, Mai Sưu ttt : Làng, Me, Múc.

5. Đám Trì xã.

   Hai thôn : Đám Trì làng (ttt : Đám), Ngọc Trì (ttt : Chồi)

6. Hổ Lao xã

7. Đối Sơn *xã*

   Xã này, đầu thế kỷ XIX được coi trong danh sách của *Bị lãm* như xã *phiêu lưu* nên không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*.

(a) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:
- Xã Bình Sơn (Dối Sơn)
- Xã Lục Sơn (Hổ Lao, Đám Trì, Vĩnh Ninh)
- Xã Trường Sơn (Mai Sưu, Nhân Lý)
- Xã Vô Tranh (Võ Tranh, Tân Mộc)

Nay có 5 thôn là : Bãi Đá, Cầu Giầy, Cây Sận, Đồng Đình, Giàng.

Ngày nay *tổng* Vô Tranh này còn gồm có 3 điểm tụ cư khác là :

1) Nhân Lý *xã* vốn là *thôn* Rè cũ của xã Mai Sưu được biến thành xã từ năm Duy Tân thứ 2 (1908).

2) Thanh Bản *trại* được thành lập năm Duy Tân thứ 2 (1908) trên địa phận xã Vô Tranh bởi người Mán Thanh Bản từ xã Hồ Lao tới.

3) Cao Lan trại được thành lập năm Duy Tân thứ 2 (1908) bởi người Mán Cao Lan.

3/ Tổng Hà Hộ[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hà Hộ ; nay cũng vậy. Nay được đưa vào *phủ* Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

1. Hà Hộ *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hà Hộ ; nay cũng vậy.

Năm thôn: Giáp (ttt: Kép Ba), Hưng (ttt: Làng Hằng), Phú Lương (ttt: Làng Lường), Nguyễn (ttt: Làng Nguộn), Trung (ttt : Làng Trong)

(a) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:
- Xã Biên Sơn (Kỳ Công)
- Xã Giáp Sơn (Gia Sơn)
- Xã Hồng Giang (Hà Hộ)
- Xã Phong Vân (Ninh Phong)
- Xã Tân Quang (Vân Lung, Hữu Bằng)
- Xã Thanh Hải (Vân Trì, Phục Lạp)

2. Phục Lạp xã.

Nay là *xã* Phục Lạp

Ba thôn : Giáp Thượng, Giáp Hạ, Giáp Trung.

3. Ninh Phong xã

Nay thuộc *tổng* Cấm Sơn, phủ Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Sáu thôn : Ninh (ttt : Làng Niêng), Vị (ttt : Làng Vưa), Liễu ; Hả ; Hoá ; Hương.

4. Hữu Bằng xã

Ba thôn : Xóm Béng, Hạ (ttt : Bãi Hành), Thượng (ttt : Làng Bừng).

5. Gia Sơn *xã*.

Nay là *xã* Gia Sơn.

Năm thôn : Khuốn thôn ; Đồng Nanh ; Đồng Đèo, Thôn Gia Sơn ; Quán Cà.

6. Kỳ Công xã.

Chín thôn : Trại Đồng Nến, Thôn Sé, Thôn Luồng, Thôn Cải, Thôn Ngọc Thành, Trại Song, Trại Cận, Trại Báu, Trại Lửa.

7. Vân Lung xã

Nay được gắn vào *tổng* Cấm Sơn, phủ Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Chín thôn : Địa, Cả, Đám, Làng Giàng, Làng Non, Thôn Máng, Làng Nhang, Xuối Mạ, Bãi Diệu.

Tổng Hà Hộ này, trong *Danh sách Đồng Khánh* còn gồm có *xã* Vân Trì (nay là xã Xuân Trì).

Sáu thôn : Bồng, Cầu Đèn, Đàm Tuần, Hà Thanh, Sẽ, Vàng.

4/ Tổng Mỹ Nương : 7 xã[a]

1. Mỹ Nương xã.

Bảy thôn : Bến Giang (ttt : Làng Giang), Đá Mài; Hoà Mục ; Nở ; Ngọc Nương (ttt : Lượng), Xuân An (ttt : Xoan), Yên Phú (ttt : Sú)

2. Tòng Lệnh xã.

Hai thôn : Bả, Đồng Chè.

3. Nam Điện xã.

Hai thôn : An Bình (ttt : Bằng), Vũ Diện xã (ttt : Rẻ).

4. Thủ Dương xã.

Hai thôn : Cảnh, Thỏ.

5. Tuân Lệ xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Tuân Đạo, nay cũng vậy. Hiện nay, được đưa vào *tổng* Tây Đoàn, *phủ* Sơn Động tỉnh Bắc Giang.

Bốn thôn : Đạo Bình (ttt : Làng Sầy), Khe Đông ; Mơi ; Ninh Phúc (ttt : Làng Sữa).

6. Thích Xá xã

Nay được đưa vào *tổng* Niêm Sơn, phủ Sơn

(a) Nay gồm các đơn vị hành chính sau của tỉnh Bắc Giang:

+ Huyện Lục Nam: - Xã Trường Giang (Tòng Lệnh, Mỹ Nương)

+ Huyện Lục Ngạn: - Xã Tân Lập (Mỹ Động)

- Xã Nam Dương (Nam Điện, Thủ Dương)

+ Huyện Sơn Động: - Xã Tuấn Đạo (Tuấn Đạo)

Động, tỉnh Bắc Giang.

Hai thôn : Ruồng, Xạ.

7. Mỹ Động xã

Nay được gắn vào *tổng* Niêm Sơn, phủ Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Hai thôn : Đồng Con, Khả Lã

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, tổng Mỹ Nương này còn gồm có 2 xã :

1) Trú Nương

2) Bằng Mãn

5/ Tổng Niêm Sơn : 8 xã[a]

Tổng này ngày nay được đưa vào phủ Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

1. Niêm Sơn *xã*.

Ba thôn : Hạ Long, Niêm, Trại Bèo

2. Phú Điền *xã*

3. Phong Cốc *xã*

4. Mai Sơn *xã*

Trong Danh sách *Đồng Khánh* là *xã* Mai Tô ;

(a) Nay thuộc Lục Ngạn - Bắc Giang gồm:

- Đèo Gia (Đào Gia)
- Xã Phong Ninh (Mai Sơn, Phong Cốc)
- Xã Phi Điền (Phú Điền)
- Xã Phú Nhuận (Phú Nhuận)
- Xã Tân Hoa (Vật Phú)
- Xã Tân Mộc (Sơn Lãng)
- Xã Xa Lý (Xa Lý, Khuôn Vi)

nay cũng vậy
Ba thôn : Cá, Chay, Muối.

5. Vật Phú *xã*. Một *thôn* : Trung Phú.

6. Hạ Vấn *xã*

7. Xa lý *xã*
Nay là xã Sa Lí và được đưa vào *tổng* Biển Động, phủ Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
Năm thôn : Đôn, Khô Lâm, Làng, Tạm, Thế.

8. Khuôn Vi *xã*
Nay là *xã* Khuôn Vi và được đưa vào *tổng* Biển Động, *phủ* Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Hai thôn : Lược, Vai

Trong *Danh sách Đồng Khánh tổng* Niêm Sơn còn gồm *xã* Yên Phú. Ngày nay *tổng* này còn gồm có 6 *xã* khác :

1) Mỹ Động trước kia thuộc tổng Mỹ Nương

2) Đào Gia. Ba thôn : Trại Đồng Bụt, Trại Khe Sàng, Trại Đá Bờ.

3) Sơn Lãng. Ba thôn : Đào Sơn (ttt : Làng Bền), Đồng Sơn (ttt : Làng Núi), Phù Hoa (ttt : Làng Nội)

4) Tứ Trại. Bốn thôn : Cá, Thác Do, Mật, Đầu Bè.

5) Tam Đồng

6) Phú Nhuận. Ba thôn : Ru, Thích, Sận.

6/ Tổng Kiên Lao : 3 xã[a]

1. Hộ Đáp *xã*

Trong *Danh sách Đông Khánh* là *xã* Hộ Đáp. Nay là Hộ Đáp. Hiện nay, được đưa vào *tổng* Cấm Sơn, *phủ* Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Ba thôn : Đáp, Hảo, Thủ.

2. Linh Sơn

Nay được đưa vào *tổng* Cẩm Sơn, *phủ* Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Năm thôn : Hạ, Tính, Thi Khuân, Thượng, Trung.

3. Cấm Sơn xã

Nay được đưa vào *tổng* Cấm Sơn, *phủ* Sơn Động, *tỉnh* Bắc Giang.

Năm thôn : Bả, Cấm, Hoạ, Mấn, Mòng.

Tổng Kiên Lao này, đầu thế kỷ XIX, theo Danh sách của *Bị lãm*, còn gồm có *hai xã phiêu lưu* nay đã trở thành những xã cố định như đã thấy trong *Danh sách Đông Khánh* :

1) Kiên Lao. Mười ba thôn : Cầu, Cầu Cấm, Chùa, Đông Vụ, Giáp, Khuôn, Hạ, Mãn Gai, Mãn Mùi, Mới, Nương, Nguộn, Rào

---

(a) Nay thuộc Lục Ngạn - Bắc Giang gồm:
- Xã Kiên Lao (Kiên Lao)
- Xã Kiên Thành (Khả Cửu)
- Xã Cấm Sơn (Cấm Sơn)
- Xã Hộ Đáp (Hộ Đáp)
- Xã Tân Sơn (Linh Sơn)

2) Khả Cửu. Mười thôn: Âu Keo, Cống; Giạ; Giữa; Hà; Hồ Bồng (ttt: Hồ Nước), Hộ; Khuôn Thần; Nông; Vải.

7/ Tổng Biển Động : 7 xã[a]

1. Biển Động *xã*

2. Quế Sơn *xã*.

Năm *thôn* : Ấm, Cờ, Đồng Cải, Mịn, Sới.

3. Chiên Sơn *xã*

4. Thảo Nhàn *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Thảo Nhàn, nay cũng vậy.

Hai thôn : Ngoài, Trong.

5. Giáo Liêm *xã*.

Bốn thôn : Đồng Giảng, Lân, Liêm, Việt.

6. Phú Nhuận xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Phú

(a) Nay thuộc Lục Ngạn - Bắc Giang gồm:
- Xã Biển Động (Biển Động)
- Xã Kim Sơn (Thảo Nhàn),
* Phần thuộc Sơn Động - Bắc Giang gồm:
- Xã Cẩm Đàn (Cẩm Đàn)
- Xã Chiên Sơn (Chiên Sơn)
- Xã Giáo Liêm (Giáo Liêm)
- Xã Phúc Thắng (Phúc Thắng)
- Xã Quế Sơn (Quế Sơn)

Trong năm 1984, do việc xây dựng Trường bắn Quốc gia (TB1) nên Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 21 HĐBT (30/1/1985) giải thể xã Kim Sơn (Lục Ngạn), xã Phúc Thắng và Thạch Sơn (Sơn Động). Một số xóm như Dồng Láy (Kim Sơn) nhập vào xã Biển Động; Suối Hấu, Đồng Mương (Phúc Thắng) nhập vào Quế Sơn; xóm Đồng Cao (Thạch Sơn) vào Vân Sơn.

Nhuận ; nay cũng vậy. Được đưa vào tổng Niêm Sơn, phủ Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
Ba thôn : Ru, Sận, Thích.

7. Cẩm Đàn *xã*.
Bốn thôn : Đồng Nẩy, Giăng, Khôn Mười, Thượng.

Ngày nay *tổng* Biển Động này còn gồm có 3 xã khác :

1) Khuôn Vy, trước kia thuộc tổng Niêm Sơn

2) Xa Lí, trước kia thuộc tổng Niêm Sơn

3) Phúc Thắng được tách khỏi *huyện* Yên Bác, tỉnh Lạng Sơn. Năm thôn : Thước, Đàn, Đặng, Rại, Thạch Nham.

*
* *

Huyện Bảo Lộc

Tên *huyện* tồn tại từ thời Trần (1225 - 1400). Dưới sự thống trị của nhà Minh, huyện phụ thuộc *châu* Lạng Giang[1]. Bắt đầu từ đời Lê, huyện trực thuộc *phủ* Lạng Giang, cấp kiểm sát công tác hành chính của nó. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), chức *tri huyện* bị bãi bỏ và công việc hành chính trên địa phận huyện được trao cho *tri phủ* Lạng Giang[2]. *Huyện* Bảo Lộc cách *phủ* Lạng Giang 3 dặm về phía Bắc. Từ Đông sang Tây đo được 65 dặm, từ Bắc xuống Nam 31 dặm.

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 3a.

(2) Như trên

Từ huyện lỵ về phía Đông cho tới ranh giới *huyện* Lục Ngạn là 62 dặm ; về phía Tây cho tới con sông ngăn nó với *huyện* Yên Dũng là 3 dặm ; về phía Nam cho tới ranh giới *huyện* Phượng Nhỡn là 3 dặm. Về phía Bắc cho tới *huyện* Hữu Lũng là 28 dặm. Huyện lỵ nằm trên địa phận *xã* Thọ Xương[1]. Huyện được đổi tên là Phất Lộc dưới triều Thành Thái.

Dưới triều Lê, *huyện* gồm 65 *xã*[2]. Đầu đời Nguyễn huyện gồm 63 xã, *thôn* chia ra 8 tổng[3]. Những tổng đó là : Mỹ Thái, Đào Quan, Thọ Xương, Thịnh Liệt, Phi Mô, Cần Dinh, Tam Dị và Trú Hựu. Trong *Danh sách Đồng Khánh* thì chỉ có 53 xã chia ra 7 tổng (vì *tổng* Trú Hựu được chuyển sang *huyện* Lục Ngạn)[4]. Ngày nay số 7 *tổng*

---

(1) Như trên, tr. 6b.
Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 59) ghi : "Huyện lỵ Bảo Lộc nằm trên địa phận xã Nam Xương".
- Về phía Đông huyện lỵ cho tới ranh giới *xã* Dĩnh Kế, *huyện* Phượng Nhỡn là 629 dặm :
- Về phía Tây, từ huyện lỵ tới *xã* Phú An là 2498 *tầm* ; tới xã Xuân Mãn là 1146 tầm ; tới sông Nhật Đức, đối diện với xã Quế Nham, *huyện* Yên Dũng là 44 *tầm*.
- Về phía Nam, từ *huyện lỵ* tới *xã* Thọ Xương là 1333 *tầm* ; tới ranh giới *xã* Dĩnh Kế, *huyện* Phượng Nhỡn là 580 *tầm*.
- Về phía Bắc, từ huyện lỵ tới *xã* Phú Xuyên là 3428 *tầm* ; tới *xã* Chu Nguyên là 1060 *tầm* ; tới ngôi đền của xã Cẩm Dịch là 3630 tầm ; tới cây cầu của xã Cần Dinh là 598 tầm ; tới trạm Cần Dinh là 3348 tầm, 2 thước ; tới ranh giới xã Cù Sơn, *huyện* Hữu Lũng là 598 tầm. Tham khảo *Bắc thành* (A. 1565) q.6, tờ 16b-17a.

(2) *Dư địa chí*, tờ 13a và *Hồng Đức bản đồ*.

(3) *Bị lãm*, tờ 34b-36b.

(4) Đồng Khánh, tờ 96-97 và tờ 107b.

này nằm trong *phủ* Lạng Giang[1] trừ tổng Tam Dị được chuyển sang *huyện* Lục Ngạn.

1/ Tổng Mỹ Thái : 9 xã[a]

Ngày nay *tổng* này thuộc *phủ* Lạng Giang.

1. Mỹ Thái xã.
   Bốn *thôn* : Cả, Hạ, Nguyên, Thượng.

2. Yên Mỹ xã.
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Chi Mỹ.
   Bốn thôn : Châu, Chùa, Hà, Nguyện.

3. Chuyên Mỹ xã [ttt. Bừng]
   Hai thôn : Bình Cả, Bình Đông.

4. Tuấn Mại xã (ttt. Mải)
   Hai thôn : Mại Hạ, Mại Thượng.

5. Thị Mại xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đức Mại, nay cũng vậy.

6. Dương Quan xã [Địa phương quen là Trưng Quyên]
   Nay là *xã* Dương Quan.
   Hai thôn : Hạ, Thượng.

---

(1) Phủ Lạng Giang được cấu thành bằng những địa phận của các *huyện* cũ Bảo Lộc và Phượng Nhỡn.

(a) Nay thuộc Lạng Giang - Bắc Giang gồm:
- Xã Dương Đức (Dương Quang, Đức Mại)
- Xã Mỹ Thái (Mỹ Thái, Thanh Lễ)
- Xã Tân Thanh (Chuyên Mỹ, Tuấn Mại)
- Xã Xuân Hương (Yên Mỹ, Xuân Mãn, Hương Mãn)

7. Xuân Mãn xã

Ba thôn : Đại Mãn, Mãn Triều, Phúc Mãn.

8. Hương Mãn xã.

Hai thôn : Mãn Hạ, Phúc Cai.

9. Thanh Lễ xã.

Hai thôn : Khê Cầu, Tri Lễ.

2/ Tổng Đào Quán : 7 xã[a]

Nay *tổng* này được gắn vào phủ Lạng Giang.

1. Đào Quán xã.

Ba thôn : Phù Lão, Tráng Quan, Trừng Hà.

2. Nghĩa Trang xã

3. Cổ Trang xã.

Ba thôn : Dần, Giữa, Sỏi.

4. Khoát Giã *xã*.

Ba thôn : Dần, Khoát, Ngò.

5. Sơn Lục *xã*

Trong Danh sách Đồng Khánh là xã Tiên Lục, nay cũng vậy.

Tám thôn : Chùa, Giếng, Giữa, Ngoài, Ngọn, Tây, Trung, Vàng.

6. Mỹ Phúc *xã*

(a) Nay thuộc Lạng Giang - Bắc Giang gồm:

- Xã Đào Mỹ (Đào Quán, Mỹ Phúc)
- Xã Nghĩa Hưng (Cổ Trang, Nghĩa Trang, Khoát Giã)
- Xã Tiên Lục (Tiên Lục)
- Xã Mỹ Hà (Mỹ Lộc, Hoàng Hà)

7. Mỹ Lộc *xã*.

Năm thôn : Chám. Dụn. Ngoài. Nhuận. Sàn

Tổng Đào Quán này ngày nay gồm có *xã* Hoàng Hà vốn là xã Vọng Hà cũ. thuộc *tổng* Quế Nham, *huyện* Yên Thế.

3/ Tổng Thọ Xương ; 7 xã[a]

Tổng này nay thuộc *phủ* Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1. Thọ Xương *xã* (ttt : Làng Thương)

2. Phú Yên xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Hoà Yên ; nay cũng vậy.

3. Châu Triền xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Châu Xuyên ; nay cũng vậy (ttt : Làng Dên)

4. Nam Xương xã (ttt : Làng Vẽ)

Hai thôn : Hậu, Tiền.

5. Đông Nham *xã* (ttt : Làng Thành)

6. Hà Vị *xã*.

Ba thôn : Đốm[b], Gia, Giữa

7. Cung Nhượng xã.

Hai thôn : Đụ, Hướng.

(a) Nay thuộc thị xã Bắc Giang gồm:

- Xã Thọ Xương (Hòa Yên. Nam Xương. Đông Nham. Hà Vị. Cung Nhương)
- Phường Trần Nguyên Hãn và phường Ngô Quyền (Thọ Xương)
- Phường Lê Lợi (Châu Xuyên)
- Phường Trần Phú (Á Lữ)

(b) Đúng ra là thôn Đồn

Ngày nay tổng Thọ Xương nay còn gồm có *xã* A Lữ (ttt : Làng Lủ)[a] vốn là *phường* A Lữ cũ của xã Mỹ Câu, huyện Yên Dũng.

4/ Tổng Thịnh Liệt ; 7 xã[b]

Ngày nay *tổng* này được gắn vào phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1. Thịnh Liệt xã.

   Năm thôn : Đông Giáp (ttt. Sâm), Phúc Lãm, Quang Biển, Thanh Động, Thanh Lương.

2. Trung Hoà xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Mỹ Hoà ; nay cũng vậy.

   Ba thôn : Phú Vàng, Tràng Thọ, Trí Trung.

3. Yên Thịnh xã.

   Hai thôn : Dinh Ngò, Phúc Hậu.

4. Trị An xã.

   Nay là *xã* Bình An.

   Hai thôn : Bình An, Ngọc Ngoạn.

5. Vĩ Liệt xã.

   Bốn thôn : Cẩu, Dĩnh, Hâm, Mỗ.

(a) Đúng ra là Làng Bè.

(b) Nay thuộc Lạng Giang - Bắc Giang gồm:
- Xã An Hà (Bình An. Liệt Hạ)
- Xã Nghĩa Hòa (Trung Hòa, Nghĩa Liệt)
- Xã Quang Thịnh (Thịnh Liệt)
- Xã Tân Thịnh (Một phần Thịnh Liệt. Vĩ Liệt)

6. Liệt Hạ xã.

Bốn thôn : Đông, Hà, Kép, Phù Mỹ.

7. Nghĩa Liệt xã.

Ba thôn : Hạ, Thượng, Trung.

5/ Tổng Phi Mô : 7 xã[a]

Nay *tổng* này thuộc *phủ* Lạng Giang, *tỉnh* Bắc Giang.

1. Phi Mô *xã*
2. Quảng Mô *xã*
3. Dĩnh Xuyên *xã* (ttt : Cầu Giỏ)
4. Dĩnh Cầu *xã*
5. Dĩnh Lục *xã*
6. Lễ Hoa *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Lễ Nhượng ; nay cũng vậy.

7. Phú Xuyên *xã*. Hai thôn : Phú Độ, Phú Tráng[b].

Tổng Phi Mô này, đầu thế kỷ XIX (trong Danh sách của *Bị lãm* có hai xã được coi là *phiêu lưu*, nay đã thành xã cố định) như đã thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*. Đó là :

1) Liên Xương [ttt : Làng Thương Bi]

2) Hoành Mô.

(a) Nay thuộc Lạng Giang - Bắc Giang gồm:
- Xã Phi Mô (Phi Mô, Quảng Mô, Phú Xuyên, Hoành Mô)
- Xã Tân Dĩnh (Dĩnh Lục, Dĩnh Xuyên, Dĩnh Cầu)
- Xã Xương Lâm (Lễ Nhượng, Liên Xương)

(b) Địa phương gọi là *Phố Tráng*.

6/Tổng Cần Dinh : 7 xã[a]

Tổng này ngày nay được gắn vào *phủ* Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1. Cần Dinh xã.

   Hai thôn : Dù Mã, Kép.

2. Yên Lại xã

3. Tiêu Nhượng xã (ttt : Làng Ngang)

4. Trung Phụ xã.

   Hai thôn : Chuông Dưới, Chuông Vàng.

5. Chu Nguyên xã (ttt : Làng Vôi)

6. Yên Lạc xã

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hàm Mô[b] ; nay cũng vậy (ttt : Làng Tổ Rồng)

   Năm thôn : Chùa, Huyện, Kẽm, Tự, Vàng.

7. Tiên Lệ *xã*

   Nay là *xã* Tiên Lệ và được gắn vào *tổng* Thuốc Sơn, *châu* Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang[1].

   Bốn thôn : Đồng Cầy, Khôn Dâu, Nà Hoa, Làng Cầu.

---

(1) *Xã* này không có mặt trong *Danh sách Đồng Khánh*

(a) Nay thuộc Lạng Giang - Bắc Giang gồm:

- Xã Hương Lạc (Yên Lạc)
- Xã Hương Sơn (Cần Dinh, Hương Thân)
- Xã Tân Hưng (Trung Phụ)
- Xã Yên Mỹ, Chu Nguyên, Vinh Quang, Yên Lai)

(b) Các tài liệu khác đều ghi là Hàm Lạc. Ở dưới tác giả cũng ghi là Hàm Lạc (xã Vinh Quang)

Ngày nay tổng Cần Dinh này còn gồm hai xã nữa là :

1) Hương Thân (*thôn* Thân cũ của *xã* Cần Dinh, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Thành Thái thứ 2 (1890).

Bốn thôn : Cần, Thân, Khải, Đồng Thuỷ.

2) Vinh Quang (*thôn* cũ của *xã* Hàm Lạc, được nâng lên thành xã độc lập năm Tự Đức thứ 33, 1880).

7/ Tổng Tam Dị : 8 xã[a]

Ngày nay tổng này được đưa vào huyện Lục Ngạn. tỉnh Bắc Giang.

1. Tam Dị *xã*.

Ba thôn : Ba Khê, Tam Ry, Và.

2. Đại Lãm *xã*.

3. Bảo Lộc *xã*.

Nay được đưa vào *tổng* Sơn Đình, *huyện* Lục Ngạn.

Ba thôn : Đảng, Sâm, Vận.

4. Lôi An *xã*.

Nay là xã Phú An.

Hai thôn : Mít, Phú An.

5. Hào Hoa xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Hào Phú ; nay cũng vậy.

(b) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:

- Xã Bảo Sơn (Bảo Lộc. Yên Thiên)
- Xã Đồng Phú (Phú Lãm. Đại Lãm)
- Xã Đông Hưng (Lôi An)
- Xã Tam Dị (Tam Dị, Thanh Giã, Hào Phú)

6. Phú Lâm xã

Hai thôn : Gốc Gia, Phú Lâm.

7. Thanh Giã xã.

Hai thôn : Hùng Lâm, Thanh Giã.

8. Yên Thiện xã

Nay thuộc *tổng* Sơn Đình, huyện Lục Ngạn.

8/ Tổng Trú Hựu : 11 xã[a]

Ngày nay *tổng* này được đưa vào huyện Lục Ngạn cũng như trước kia được thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*.

1. Trú Hựu xã

Tám thôn: Bình Nội (ttt: Nội), Hà Thị (ttt: Chũ), Cầu Cát, Đại Miễn (ttt: Mịn), Hữu Lễ (ttt: Sậy), Nghĩa Khuông (ttt: Nghĩa), Ôi, Vực Bún.

2. Ân Thâm *xã*.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Từ Thâm. Nay là địa phận *xã* Tam Đồng, *tổng* Niêm Sơn, phủ Sơn Động.

3. Đào Lãng *xã*.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đào Lãng. Ngày nay được đưa vào *xã* Sơn Lãng, *tổng* Niêm Sơn, *phủ* Sơn Động.

(a) Nay thuộc Lục Ngạn - Bắc Giang gồm:

- Xã Đồng Cốc (An Thâm, Phú Viên)
- Xã Mỹ An (Lão Hương, Đào Sơn)
- Xã Nghĩa Hồ (Trú Hựu)
- Xã Phượng Sơn (Lại An, Tù Xuyên, Lại Thâm)
- Xã Quý Sơn (Động Hương, Phi Lễ)
- Thị trấn Chũ

4. Động Hương *xã*.

Nay được gắn vào *xã* Phi Lễ, *tổng* Trú Hựu.

5. Từ Xuyên *xã*

Bốn *thôn* : Cẩm Nang, Cò Háp, Cò Lợ, Cổ Đèo.

6. Lại Thâm *xã*

Ba *thôn* : Đất Đỏ ; Lại Thâm (ttt : Chể), Mào Gà.

7. Đào Sơn *xã*

Nay là một *thôn* của *xã* Sơn Lãng, *tổng* Niêm Sơn, *phủ* Sơn Động.

8. Gia Quan *xã*. Nay là *xã* Phú Viên.

Ba thôn : Khả Lại (ttt : Chối), Phúc Hựu (ttt : Hựu), Thông.

10 Lại An xã. Ba thôn : Đầu, Đồng Lam, Lâm [ttt. Đâm]

11. Lão Hương *xã*

Ba thôn : Bồng Lai (ttt : Bông), Cầu Súm, Cây Sộy.

*

* *

Huyện Yên Thế

Cho tới thời Trần, Yên Thế là tên *huyện*[1]. Thời thống trị nhà Minh, được đổi thành Thanh An và thuộc *châu* Lạng Giang[2]. Thời Quang Thuận nhà Lê (1460 - 1469) người ta phục hồi tên Yên Thế cũ cho nó. Đồng thời với việc *châu* bị bãi bỏ, *huyện* được trực thuộc vào *phủ* Lạng Giang[3]. Gia Long bảo tồn hiện trạng đó. Năm Minh Mệnh thứ 13

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7a.

(2) Như trên.

(3) Như trên.

(1832), việc hành chính của huyện được chuyển vào *phân phủ* Lạng Giang[1].

Huyện Yên Thế từ Đông sang Tây đo được 32 dặm ; từ Bắc xuống Nam, 42 dặm. Từ huyện lỵ, về phía Đông cho tới con sông ngăn nó với huyện Bảo Lộc là 8 dặm ; về phía Tây cho tới ranh giới *huyện* Hiệp Hoà, phủ Thiên Phúc là 24 dặm ; về phía Nam tới ranh giới *huyện* Yên Dũng là 9 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới *huyện* Hữu Lũng là 33 dặm[2]. Năm Thành Thái thứ 8 (1896) *huyện* này là một bộ phận của hạt hay đạo Yên Thế, bị bãi bỏ năm Thành Thái thứ 11 (1899), thời điểm huyện bị đưa vào Đại lý Nhã Nam mới được thành lập. Ngày nay, huyện được nâng lên thành phủ và trực thuộc *tỉnh* Bắc Giang.

---

(1) Như trên.

(2) *Thống chí*, Bắc Ninh tờ 7b.
Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 58a-59a) ghi : "Huyện lỵ Yên Thế nằm trên xã Cao Thượng".
- Từ huyện lỵ về phía Đông tới xã Mục Sơn là 608 tầm ; tới sông Nhật Đức là 248 *tầm*, 2 *thước*. Từ sông này tới ranh giới xã Mỹ Cầu, huyện Bảo Lộc là 60 *tầm*, 2*thước*.
- Từ huyện lỵ về phía Tây, tới ranh giới *xã* Ngọc Cục, *huyện* Yên Dũng là 3569 *tầm*, 3 *thước*.
- Từ huyện lỵ về phía Nam, tới *xã* Hữu Mục là 440 *tầm*, 4 thước ; tới xã Bảo Lộc Sơn là 658 *tầm* ; tới xã Kim Chàng là 795 *tầm*, 2 thước ; tới ranh giới *xã* Nghĩa Vũ, *huyện* Yên Dũng là 840 tầm.
- Từ huyện lỵ về phía Bắc tới xã Đạm Phong là 210 ; tới xã Mục Sơn là 280 *tầm* ; tới xã Dương Sơn là 229 *tầm*, 2 thước ; tới xã Dương Lâm là 17160 tầm ; tới xã Nhã Nam là 1239 tầm ; tới xã Lạn Giới là 940 tầm ; tới ranh giới xã Đại Hoá là 420 *tầm*, 3*thước* ; tới *xã* Giản Ngoại là 124 *tầm*, 4 *thước* ; tới ranh giới *xã* Hoa Lâu, *huyện* Tư Nông, xứ Thái Nguyên là 1042 tầm" Tham khảo *Bắc thành* (A.1565) q.6, tờ 16a.

Thời Lê, *huyện* gồm 47 xã[1]. Đầu đời Nguyễn, có 42 *xã* chia ra 8 *tổng*[2]. Các *tổng* đó là : Yên Thế, Vân Cầu, Lạn Giới, Nhã Nam, Mục Sơn, Quế Nham, Yên Lễ và Bảo Lộc Sơn. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, huyện này cũng gồm những tổng trên nhưng số *xã, thôn* thì là 44. Ngày nay, *phủ* Yên Thế gồm 10 tổng là những tổng vừa kể trên trừ tổng Yên Thế đã biến mất và 3 tổng khác là : Hương Vĩ và Hữu Thượng thuộc *huyện* Hữu Lũng và Ngọc Cục được tách khỏi *huyện* Yên Dũng.

1/ Tổng Yên Thế ; 6 xã, thôn[a]

Ngày nay *tổng* này không còn nữa và phần lớn những *xã* của nó được sáp nhập vào *tổng* Hữu Thượng, *phủ* Yên Thế.

1. Yên Thế xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Yên Thế. Ngày nay nó được đưa vào *tổng* Hữu Thượng.

Bảy thôn : Cầu Khoai, Trại Cọ, Trại Chiềng, Trại Hoạm, Trại Lốt, Thông Thượng, Yên Thế.

2. Thọ Xương xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Phồn Xương ; ngày nay cũng vậy. Cũng như xã trên, nó thuộc *tổng* Hữu Thượng. Bốn

---

(1) *Dư địa chí*, tờ 13a ; *Hồng Đức bản đồ*

(2) *Bị lãm*, tờ 37a-38b.

(a) Nay thuộc Yên Thế - Bắc Giang gồm:
- Xã Phồn Xương (Phồn Xương)
- Xã Tân Hiệp (Bảo Tháp, Dĩnh Thép, Nhạn Tháp)
- Xã Tam Hiệp (Yên Thế)
- Một phần xã Xuân Lương (Quỳnh Động + Na Lương)

thôn : *Đồng Bài*, Đồng Nhân, Thông Hạ, Thông Trung.[a]

3. Bảo Tháp xã

Nay được đưa vào xã Dĩnh Tháp, tổng Nhã Nam, phủ Yên Thế như đã thấy trong *Danh sách Đồng Khánh*

4. Nhạn Tháp xã

Nay được đưa vào xã Yên Thế, tổng Hữu Thượng.

5. Quỳnh Đồng xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Quỳnh Động. Từ năm Thành Thái 16 (1904) được đưa vào *xã* Na Lương, tổng Nhã Nam.

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn ghi trong *tổng* Yên Thế này có *xã* Dĩnh Tháp được coi là *phiêu lưu* trong Danh sách của *Bị lãm* đầu thế kỷ XIX. Ngày nay *xã* này thuộc *tổng* Nhã Nam, phủ Yên Thế và gồm 4 thôn : Làng Am, Làng Bờ, Làng Đìa, Làng Ngồi.

2/ Tổng Vân Cầu : 7 xã[b]

1. Vân Cầu xã

Sáu thôn : Bùi, Chiềng, Đầu, Hậu, Ngô, Tề[c]

(a) Ngoài ra còn có các tên gọi khác như sau:
- *Trại Hom* : Đồng Hom, Trại Khách
- *Đồng Bài* : Trại Tổ Cú
- *Dĩnh Tháp* : Dĩnh Thép
- Thuống Thượng, Thuống Hạ, Thuống Trung

(b) Nay thuộc Tân Yên - Bắc Giang gồm:
- Xã Song Vân (Vân Cầu)
- Xã Ngọc Vân (Thúy Cầu)
- Xã Việt Ngọc (Ngọc Cụ, Trị Cụ)
- Xã Lam Cốt (Lạn Quất)
- Xã Ngọc Sơn, Hiệp Hòa - Bắc Giang (Sơn Quả, Ngọc Cục,)

(c) Địa phương gọi là Tè.

2. Trị Cụ xã

3. Ngọc Cục *xã*

Trong *Danh sách Đông Khánh* là xã Ngọc Thành ; ngày nay cũng vậy. Bây giờ thuộc *tổng* Ngọc Thành, *huyện* Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Năm thôn: Trại Phá, Trại Tụ, Đông, Hoè, Ngòi.

4. Sơn Quả xã.

Nay được gắn vào *tổng* Ngọc Thành, *huyện* Hiệp Hoà. Bốn thôn : Dinh, Giữa, Hậu, Thượng.

5. Thuý Cầu xã [Súy Cầu]

Mười một thôn Đồng Bái, Đồng Bông, Đồng Cây, Đồng Hội, Đồng Khanh, Đồng Nội, Làng Ngoài, Làng Sai, Làng Trong, Làng Thị.

6. Ngọc Cụ xã.

Sáu thôn : Ngọc Cụ, Làng Đồng, Làng Hội. Làng Nành, Làng Ngùi, Làng Thể, Làng Trinh.

7. Lam Quật xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Lam Quật (Nay là Lam Cốt thuộc tổng Lạn Giới, và gồm 6 thôn : Đồng, Kép, Ngò, Miên, Trung, Vàng.

3/ Tổng Lạn Giới : 4 xã[a]

1. Lan Giới xã.

Hai thôn : Thắng, Vọng.

(a) Nay thuộc Tân Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Lan Giới (Lan Giới, Giản Ngoại)
- Xã Đại Hóa (Đại Hóa)
- Xã Phúc Sơn (Lý Cốt)

2. Đại Hoá xã.

Bốn thôn : Hoà Lâm, Chúc, Độ, Hoá.

3. Lam Quật xã.

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, đã chuyển sang *tổng* Vân Cầu.

4. Giản Ngoại xã.

Ba thôn : Đá Ong, Lạn Giản, Làng Thỉ.

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* cho biết tổng Lạn Giới này còn có *xã* Lý Quật được coi như *xã phiêu lưu* trong Danh sách của *Bị lãm* đầu thế kỷ XIX. Ngày nay xã này là xã Lý Cốt và cũng thuộc *tổng* đó. Nó gồm 3 thôn : An Lý, Làng Cảm, Làng Mạc.

4/ Tổng Nhã Nam : 5 xã, thôn [a]

1. Lục Giới *xã* (Thượng *thôn*)

2. Lục Giới *xã* (Trung, Hạ, hai *thôn*)

3. Lục Giới *xã*, Hùng Lĩnh thôn.

Tất cả các *xã*, *thôn* Lục Giới này cấu thành trong *Danh sách Đồng Khánh xã* Lục Giới ; ngày nay cũng vậy.

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau của Tân Yên - Bắc Giang gồm:
- Xã An Thượng (Lục Giới Thượng, Hùng Lĩnh, Tân An)
- Thị trấn Nhã Nam
- Xã Nhã Nam (Nhã Nam)
- Xã An Dương (Dương Lâm, Trại Bùng)

* Riêng Mỏ Sắt (Na Lương) nhập vào huyện Đồng Hỷ - Thái Nguyên (tháng 6 năm 1957)

4. Nhã Nam xã.

Năm thôn : Chuông, Nguộn, Thượng, Nhã Nam, Tỉnh Đạo.

5. Dương Lâm xã.

Bốn thôn : Dương Lâm, Hạ, Nguộn, Non.

Tổng Nhã Nam này ngày nay còn gồm 4 xã nữa :

1) Na Lương (địa phận cũ của *xã* Quỳnh Động).

Bốn thôn : Làng Trên, Mỏ Sắt, Móng Lợn, Quỳnh Lâu.

2) Tân An (được thành lập năm Thành Thái thứ 7 (1895) trên những mảnh đất tách khỏi các xã Nhã Nam, Lục Giới và Lạn Giới.

Ba thôn : Tân An, Châu Phê, Phú Yên.

3) Trại Bồng (hay trại Bùng) trước kia là một bộ phận của *xã* Lục Giới ; được nâng lên thành *xã* độc lập năm Khải Định thứ 10, 1925. Nay được đưa vào *xã* Dương Lâm.

4) Dĩnh Tháp (được tách khỏi *tổng* Yên Thế).

5/ Tổng Mục Sơn : 8 xã[(a)]

1. Mục Sơn *xã*.

Bốn *thôn* : Cao Thượng, Bùi, Giã, Hạ.

(a) Nay thuộc Tân Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Cao Thượng (Cao Thượng, Mục Sơn, Đạm Phong)
- Xã Liên Sơn (Dương Sơn)
- Xã Phúc Hòa (Hòa Mục, Quất Du)
- Một phần xã Việt Lập (Mạc, Lý, Nội, Trong - Hữu Mục)
- Một phần xã Hợp Đức (thôn Giữa - Hữu Mục, Lục Liễu)

2. Hoà Mục *xã*.

Nay là *xã* Hoà Mục. Bốn *thôn* : Hoà Làng, Cốt, Đình, Lễ

3. Quất Du *xã*.

Bốn *thôn* : Chùa, Độ, Ngoại, Trong.

4. Hữu Mục *xã*.

Nay là xã Hữu Mục.

Năm *thôn* : Giữa, Hạc, Lý, Nội, Trong.

5. Dương Sơn *xã*

Trong *Danh sách Đông Khánh* là *xã* Dương Sơn. Nay cũng vậy

Ba thôn : Chiềng, Dương, Sặt

6. Cao Thượng xã.

Hai thôn : Cầu, Thượng.

7. Dạm Phong *xã*

Hai thôn : Chám, Vùng.

8. Lục Liễu *xã*.

Nay là *xã* Lục Liễu

Hai thôn : Cổ Liễu *xã*, Vàng Bến

6/ Tổng Quế Nham : 5 xã[a]

1. Quế Nham *xã*.

Mười hai *thôn* : Đồi Nhơm, Hiệp Nội, Hiệp Tiền, Khê Hạ, Khê Thượng, Làng Bến, Làng

(a) Nay thuộc Tân Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Quế Nham (Quế Nham, Phú Khê, Chuế Dương)
- Một phần xã Liên Trung (Lãn Tranh, Liên Bộ)
+ Vong Hà nay vẫn nằm trong xã Mỹ Hà, Lạng Giang - Bắc Giang.

Đông, Làng Núi, Làng Tam, Ngọc Giẹo, Sau Chùa, Trại Bến.

2. Phú Khê *xã*

3. Lại Tranh *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là *xã* Lãn Tranh ; nay cũng vậy. Hiện nay được đưa vào *tổng* Tuy Lộc Sơn, *phủ* Yên Thế.

Ba thôn : Giữa, Dưới, Trên

4. Liên Bộ *xã*.

Nay được đưa vào tổng Tuy Lộc Sơn.

Hai thôn : Hạ, Thượng.

5. Vọng Hà xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hoàng Hà ; nay cũng vậy. Hiện nay, thuộc *tổng* Đào Quan, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hai thôn : Bến, Bùi.

Ngày nay *tổng* Quế Nham này còn gồm xã Chuế Dương, được tách khỏi tổng Thiết Sơn, *huyện* Yên Dũng.

7/ Tổng Yên Lễ : 6 xã[a]

1. Yên Lễ *xã*

Tám *thôn* : Đồng Đèo, Am, Bùng, Cầm, Đụn, Dinh, Tiêu, Yên.

(a) Nay thuộc Lạng Giang - Bắc Giang gồm:

- Xã Yên Lễ (Yên Lễ)
- Xã Cao Xá (Ngô Xá, Lang Cao, Khánh Giăng)
- Xã Tân Trung (Thế Lộc, Ước Lễ)

2. Ngô Xá *xã*

Tám *thôn* : Bái Giốc, Đôi Đôn, Châu, Hậu, Ngoại, Nguộn, Tiên, Vàng.

3. Lang Sao *xã* [Lang Cao]

Sáu thôn : Đôi Mụ, Hạ, Thị, Thượng, Trại, Trung.

4. Khánh Giang *xã* [Khánh Giàng]

Bốn thôn : Làng Đình, Làng kép, Trại Giữa, Trại Thượng.

5. Bảo Lộc *xã*

Trong *Danh sách Đông Khánh* là xã Thế Lộc ; nay cũng vậy.

Chín thôn : Cả, Danh, Của, Gia, Quyên, Thị, Trâu, Luộc Hạ, Trại Thị.

6. Lộc Lễ *xã*

Ba thôn : Đồng Điều, Làng Giữa, Làng Mạc.

8/ Tổng Bảo Lộc Sơn : 4 xã[a]

Tổng này bây giờ là Tuy Lộc Sơn.

1. Bảo Lộc xã.

Nay là xã Tuy Lộc Sơn. 21 thôn : Bãi Giã, Bờ Gàn, Can Cát, Cầu Cần, Con Qui Làng, Đồng Cựu, Đồng Lải, Đồng Lâm, Đồng Lõm, Đồng Ve, Giốc Gia, Làng Am, Làng Đông, Làng Khoát, Làng Nguyễn, Làng Nguộn, Làng Ngò, Làng Bái, Mả Đình, Mả Ngồi, Núi Hương.

(a) Nay thuộc Tân Yên - Bắc Giang gồm:

- Xã Liên Trung (Chung Sơn + Liên Bộ, Lần Tranh)
- Phần lớn xã Hợp Đức (Tường Sơn)
- Phần lớn xã Việt Lập (Tuy Lộc Sơn, Kim Tràng)

2. Chung Sơn *xã*

Sáu thôn : Làng Bến, Làng Hậu, Làng Hương, Làng Nguộn. Làng Sấu, Trại Lửa.

3. Tưởng Sơn xã.

Hai thôn : Trại Đông, Trại Tây

4. Kim Tràng xã

Sáu thôn : Am Vàng, Cầu Quận, Kim Tràng, Lò Nội, Mã Bài, Ngọc Trai.

Tổng Tuy Lộc Sơn này ngày nay còn có hai *xã* Lãn Tranh và Liên Bộ được tách ra từ *tổng* Quế Nham.

*

* *

Huyện Phượng Nhỡn

Thời Trần (1225 - 1400), địa phận này gọi là Phượng Sơn[1]. Nhà Minh đưa đất đó phụ thuộc vào *phủ* Lạng Giang[2]. Nhà Lê gọi vùng này là Phượng Nhỡn và việc cai trị đất đó được trao cho *phủ* Lạng Giang[3]. Nhà Nguyễn giữ nguyên hiện trạng này.

Huyện Phượng Nhỡn đo được từ Đông sang Tây 29 dặm ; từ Bắc xuống Nam 7 dặm. Từ huyện lỵ về phia Đông tới ranh giới *huyện* Lục Ngạn là 26 dặm ; về phía Tây tới ranh giới huyện Bảo Lộc là 3 dặm ; về phía Nam tới ranh giới *huyện* Yên Dũng, (...?)[4]; về phía Bắc tới ranh giới

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 6b [đúng ra là Phượng Sơn, Long Nhãn].

(2) Như trên.

(3) Như trên.

(4) thiếu trong bản viết tay

huyện Bảo Lộc (...?)[1]. Ngày nay *huyện* này không còn nữa và địa phận của nó được chia cho *phủ* Lục Ngạn và *phủ* Lạng Giang.

Dưới triều Lê, huyện này gồm 67 xã[2]. Thời Gia Long (đầu thế kỷ XIX) thì có 49 *xã* chia ra 10 *tổng*[3]. Những tổng đó là : Dĩnh Kế, Thái Đào, Đan Hội, Sơn Đình, Xuân Áng, Kham Điền, Nhẫm Lũng, Trí Yên, Chu Điện và Lạn Mẫu. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, huyện này chỉ có 38 xã chia ra 7 tổng[4]. Ba tổng Đan Hội, Chạm Điền và Nhẫm Lũng, trong *Danh sách* này được chuyển sang huyện Lục Ngạn.

Ngày nay, các *tổng* Dĩnh Kế, Thái Đào, Xuân Đám, Trí An và Lạn Mẫu được chuyển sang *phủ* Lạng Giang, các tổng Đan Hội, Sơn Đình, Nhẫm Lũng, Chu Điện thì được gắn vào *phủ* Lục Ngạn. *Tổng* Chạm Điền nay thuộc *huyện* Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1/ Tổng Dĩnh Kế : 4 xã[a]

Tổng này nay thuộc *phủ* Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

---

(1) Thiếu trong bản viết tay.

(2) *Dư địa chí* tờ 13a. Hồng Đức bản đồ

(3) *Bị lãm* tờ 38y-40y

(4) Tờ 95a.

(a) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau của Bắc Giang :

- *Thị xã Bắc Giang* : - Xã Dĩnh Kế (Dĩnh Kế + thôn Lường xã Dĩnh Uyên)
- *Huyện Lạng Giang* : Xã Dĩnh Trì (Dĩnh Trì)
- *Huyện Yên Dũng* : Xã Tân Tiến (Vu Giản+ Các thôn còn lại của Dĩnh Uyên)

1. Đình Kê *xã*.

Ba thôn : Phú Mỹ [ttt. Làng Mé], Thượng Trù [ttt. Làng Kê], Vĩnh Ninh.

2. Đình Trì *xã*.

Bảy thôn : Cầu, Đông, Núi, Núm, Nguộn, Riều, Thuyền

3. Đình Uyên *xã*.

Năm thôn : Đọ, Lường, Ngò, Trước, Xuân.

4. Vu Giản *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Vu Giản ; nay cũng vậy.

Ba thôn : Thanh Cảm, Văn Giang, Văn Sơn[a].

2/ Tổng Thái Đào : 5 xã[b]

Ngày nay *tổng* này được gắn vào phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1. Thái Đào *xã*.

Năm thôn : Chùa, Gia, Ghép, Mỹ, Then.

2. Hương Gián xã.

Ba thôn : An Long, Thượng Đình, Trung Can

3. Gia Sơn *xã* (ttt : Làng Dừa)

Làng Dừa. Ba thôn : Gạo, Rung, Tây.

4. Thiếp Trì xã (ttt : Làng Sen)

5. Lạc Gián xã (ttt : Làng Chỗ)

(a) Văn Giang. ttt. Chản Sông: Văn Sơn. ttt. Chản Núi.

(b) Nay thuộc các đơn vị hành chính sau:

- *Huyện Lạng Giang*: Xã Thái Đào (Thái Đào. Trung Lập. Thiếp Trì)
- *Huyện yên Dũng* : Xã Hương Gián (Hương Gián. Gia Sơn. Lạc Gián)

Tổng Thái Đào nay còn gồm *xã* Trung Lập trước là một phần của *xã* Thiếp Trì và được nâng lên thành xã độc lập năm Thành Thái thứ 10 (1898). Xã này gồm 3 thôn : Cống, Trung, Vực.

3/ Tổng Đan Hội : 6 xã[a]

Tổng này nay được gắn vào *phủ* Lục Ngạn, *tỉnh* Bắc Giang

1. Đan Hội xã.

   Hai thôn : Triền (ttt : Gúi)[b], Vườn Cai (ttt : Vườn)

2. Mai Điều xã.

   Ba thôn : Eo [Đèo Heo], Mai Điều, Quán Cốt.

3. Vũ Trù xã.

   Hai thôn : Giỗ[c], Vũ Trù.

4. Hoàng Lạt xã.

   Ba thôn : Giạt Hạ, Giạt Thượng, Giạt Trung.

5. Cung Bái *xã*

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Cung Bái, nay cũng vậy.

   Hai thôn : Bưởi, Thiệu.

6. Lịch Sơn *xã*

(a) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:
- Xã Đan Hội (Đan Hội, Cung Bái)
- Xã Vũ Xá (Vũ Trù, Hoàng Lại, Giáp Xá, Đồng Công)
- Một phần xã Cẩm Lý (Mai Điều, Lịch Sơn)

(b) Địa phương gọi là Húi.

(c) Địa phương gọi là thôn Hút Gió.

Tổng Dan Hội này ngày nay còn có hai *xã* nữa :

1) Đồng Công vốn là một thôn của *xã* Hoàng Lạt, được nâng lên thành xã độc lập năm Duy Tân thứ 10 (1916).

2) Giáp Xá (Kép) vốn là một *thôn* của xã Hoàng Lạt, được nâng lên thành xã độc lập năm Duy Tân thứ 9 (1915).

4/ Tổng Sơn Đình : 3 xã[a]

Tổng này ngày nay thuộc *phủ* Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

1. Sơn Đình *xã*.

Hai thôn : Hồ Tiêu, Sơn Đình.

2. Dĩnh Bạn *xã*.

Hai thôn : Dĩnh Bạn, Ngỏ Làng.

3. Vân Sơn *xã*.

Nay là *xã* Vân Sơn.

Ba *thôn* : Giá, Kẻn, Khiêu.

Tổng Sơn Đình này ngày nay còn gồm có 3 *xã* nữa là : 1) Bảo Lộc và; 2) Yên Thiện được tách khỏi *tổng* Tam Dị, *huyện* Bảo Lộc; 3) Thượng Lâm trước thuộc *tổng* Lạn Mẫu, *huyện* Phượng Nhỡn.

5/ Tổng Xuân Đám : 7 xã[b]

Tổng này nay được gắn vào *phủ* Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

(b) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:
- Xã Thanh Lâm (Sơn Đình. Bảo Lộc. Thượng Lâm. Yên Thiện. Dĩnh Bạn)
- Một phần xã Phương Sơn (Vân Sơn)

(b) Nay thuộc Yên Dũng - Bắc Giang gồm:
- Xã Xuân Phú (Xuân Dám. Lũ Phú)
- Xã Tân An (Đào Tràng. An Tràng. Toán Thanh)
- Xã Quỳnh Sơn (Quỳnh Sơn. Ngọc Sơn)

1. Xuân Đám *xã*.

Bốn thôn : Đình, Đông, Đống, Thượng.

2. Quỳnh Sơn *xã*.

Hai *thôn* : Quỳnh Sơn, Voi.

3. Ngọc Sơn *xã*.

4. Toàn Thanh *xã*

5. Lũ Phú *xã*.

Hai thôn : Lũ Phú, Trại Kê.

6. Đào Trường *xã* [Đào Tràng]

Bốn thôn : Đám, Khôi, Thượng, Trung.

7. An Trường *xã* [An Tràng]

Hai thôn ; Âm Dương, Long Trì.

6/ Tổng Kham Điền : 3 xã[a]

Tổng này trong Danh sách Đồng Khánh là : Chạm Điền, nay cũng vậy và được gắn vào *huyện* Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1. Kham Điền xã

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Chạm Điền ; nay cũng vậy.

Ba thôn : Kim Điền (ttt : Thôn Lòn) Ngọc Tân (ttt : Thôn Chạm), Phụng Sơn (ttt : Thôn Núi).

2. Vạn Yên *xã* (ttt : Làng Kiếp)

3. Trung Khuê *xã*

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn cho biết 3 xã nữa của tổng Chạm Điền là :

1) Đại Bộ,

(a) Nay thuộc Chí Linh - Hải Dương.

2) Quất Bàng (được coi như *xã phiêu lưu* trong Danh sách của *Bị lãm* ;

3) Cổ Mệnh.

7/ Tổng Nhẫm Lũng : 6 xã, phường[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, tổng này là *tổng* Bắc Lũng ; nay cũng vậy và được gắn vào *phủ* Lục Ngạn *tỉnh* Bắc Giang.

1. Nhẫm Lũng *xã*.

   Bốn thôn: Đào Lang (ttt: Sàng), Quỳnh Độ (ttt: Lọng), Xuân Mãn (ttt: Giẫm), Yên Phủ (ttt: Non)

2. Khám Lãng *xã*.

   Năm *thôn* : Bình Tân (ttt : Bến), Hoà Nội (ttt : Nồi), Hoàng Tiến (ttt : Vàng), Yên La (ttt : La), Yên Lưu (ttt : Lưu)

3. Tiên Nhiêu *xã*.

   Năm thôn : Cẩm Y (ttt : Giộc), Nhiêu Hà (ttt : Giáo Hạ), Nhiêu Thị (ttt : Giáo Thượng), Phù Lão (ttt : Nhận), Nhiêu Thượng (ttt : Chàm)

4. Nguyệt Đức *phường*.

   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là Nhật Đức

(a) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:
- Xã Bắc Lũng (Bắc Lũng)
- Xã Khám Lạng (Khám Lạng, Yên Lũng)
- Xã Tiên Nha (Tiên Nha, Nhật Đức)
- Xã Tiên Hưng (Tiên Nhiên, Lạn Khê)
- Xã Yên Sơn (Cổ Mân, Yên Sơn)

phường và được đưa vào *xã* Tiên Nha. Ngày nay, đó là *thôn* Nhật Đức *xã* Tiên Nha.

5. Tiên Nha *xã*.

Năm thôn: Đông Đà (ttt: Gia), Đồng Dinh (ttt : Hào), Nhạn Tháp (ttt: Nghè), Nhật Đức ; Phùng Công (ttt : Khê)

6. Yên Lũng làng.

Ba thôn: Lộng (ttt: Trung), Phú Tịnh; Xuân Phong Trong *Danh sách Đồng Khánh*, tổng Bắc Lũng còn gồm có xã Vân Động (nay là Vân Động) và Lạn Khê.

Ngoài ra, cũng tổng này còn gồm có ba xã phụ thuộc khác :

1) Cổ Mân (lấy của *tổng* Trí Yên)

2) Mai Thưởng (lấy của *tổng* Lan Mẫu)

3) Yên Sơn (lấy của tổng Trí Yên)

8/ Tổng Trí Yên[a]

Nay *tổng* này được gắn vào *phủ* Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1. Ông La *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Đức La ; nay cũng vậy.

Ba thôn : La Thượng, La Trung, La Hạ.

2. Đông Loan *xã*.

Nay là *xã* Đông Loan.

(a) Nay thuộc Yên Dũng - Bắc Giang gồm:

- Xã Trí Yên (Đức La, Phượng Nhỡn, Tam Kỳ, Trí Yên)
- Xã Lãng Sơn (Lãng Sơn, Đông Loan, Đà Hy)

* Riêng Mỗ Sơn thuộc xã Chu Điện - Lục Nam

Năm thôn : Đa Mỹ, Đại Khánh, Ngọc Hà, Phú Thịnh, Thượng Đình.

3. Yên Sơn *xã*

Ngày nay *xã* này được đưa vào *tổng* Bắc Lũng, *phủ* Lục Ngạn

Bốn thôn: Khê Khẩu (ttt: Chẩu), Nội Đông (ttt: Nội), Nội Yên (ttt: Yên), Tiên Kiều (ttt : Kiều)

4. Mỗ Sơn *xã*

Ngày nay *xã* này được đưa vào tổng Chu Điện, *phủ* Lục Ngạn.

5. Phượng Nhỡn *xã* (ttt : Làng Nhạn)

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, *tổng* Trí Yên này còn gồm có 3 *xã* nữa :

1) Trí Yên (được coi như *xã phiêu lưu* trong Danh sách của *Bị lãm*, nay cũng được đưa vào tổng ấy). Bốn thôn : An, Bài, Trung, Tân

2) Cổ Mân (nay được đưa vào tổng Bắc Lũng)

3) Lãng Sơn (được coi như *xã phiêu lưu* trong Danh sách của *Bị lãm*, nay cũng được đưa vào tổng ấy). Ba thôn : Trại Giữa, Trại Ngoài, Trại Trong.

9/ Tổng Chu Điện : 4 xã[a]

Ngày nay *tổng* này được đưa vào phủ Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

(a) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:

- Xã Bảo Đài (Lạn Chàng, Thép Thượng)
- Xã Chu Điện (Chu Điện, Ngọc Trác)

1. Chu Điện *xã*

Bốn thôn : Cẩm Đới (ttt : Gai), Hà Mỹ ; Thân ; Xuân Phong (ttt : Rào)

2. Thép Thượng *xã*

Ba *thôn* : An Thuận, Đại Từ, Trung Khuê.

3. Lạn Chàng *xã*.

Hai thôn : Chãng Thuận, Chãng Sen

4. Ngọc Cục *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Ngọc Trác ; nay cũng vậy.

Hai thôn : Ngọc Sơn, Ngọc Trượng.

Ngoài ra, *tổng* Chu Điện này nay còn có *xã* Mỗ Sơn được tách khỏi *tổng* Trí Yên, huyện Phượng Nhỡn.

10/ Tổng Lạn Mẫu : 6 xã[a]

Nay *tổng* này là *tổng* Lạn Mẫu và được gắn vào *phủ* Lạng Giang, *tỉnh* Bắc Giang.

1. Lạn Mẫu *xã* [ttt. Làng Sàn]

Nay là xã Lạn Mẫu.

Hai thôn : Hoa Yên, Mai Thịnh.

2. Mai Thưởng *xã*

Nay được gắn vào *tổng* Bắc Lũng, *phủ* Lục Ngạn

Hai thôn : Mai Thưởng, Yên Ninh.

(a) Nay thuộc Lục Nam - Bắc Giang gồm:

- Xã Lan Mẫu (Lan Mẫu, Mai Thưởng)
- Xã Phương Sơn (Phương Lạn)

* Ngoài ra còn có xã Lão Hộ - Yên Dũng (Lão Hộ) và xã Đại Lâm - Lạng Giang (Quất Lâm, Đại Giáp)

3. Lão Hộ *xã*.

Bốn thôn : An Toàn, Trì Hà, Trung Hậu, Vĩnh Kiều.

4. Phương Lạn *xã*

Ba thôn : Thượng Giáp, Chính Thượng, Chính Hạ.

5. Quất Lâm *xã*.

Hai thôn : Hậu, Tiền

6. Thượng Lâm *xã*

Nay được đưa vào *tổng* Sơn Đình, *phủ* Lục Ngạn.

Trong *Danh sách Đồng Khánh*, *tổng* này còn gồm có *xã* Thanh Cát, lúc đó được coi như *phiêu lưu*

Ngoài ra, tổng Lạn Mẫu ngày nay còn có *xã* Đại Giáp. (ttt : Sàn Cả) vốn là một *thôn* của *xã* Phương Lạn, năm Duy Tân thứ nhất (1901) được nâng lên thành *xã*.

*

* *

Huyện Hữu Lũng

Cho tới thời Trần (1225 - 1400) có tên là Cổ Lũng[1]. Thời Minh, huyện Cổ Lũng thuộc *châu* Lạng Giang và là một bộ phận của *phủ* Lạng Giang. Thời Quang Thuận nhà Lê (1460 - 1469) tên Hữu Lũng này được đặt cho huyện[2]. Đầu đời Nguyễn Gia Long giữ nguyên tổ chức. Năm Minh

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7b.

(2) Như trên.

Mệnh thứ 20 (1839), chức *tri huyện* bị bãi bỏ và việc cai trị địa phận được trao cho *phân phủ* Lạng Giang.

Huyện Hữu Lũng cách phân phủ Lạng Giang 17 dặm về. Từ Đông sang Tây đo được 79 dặm, từ Bắc xuống Nam, 40 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông tới ranh giới *châu* Ôn (tỉnh Lạng Sơn) là 67 dặm ; về phía Tây tới ranh giới *huyện* Yên Thế là 12 dặm ; về phía Nam tới con sông ngăn nó với *huyện* Bảo Lộc là 3 dặm ; về phía Bắc tới ranh giới huyện Vũ Nhai (tỉnh Thái Nguyên) là 39 dặm. Lỵ sở của *huyện* nằm trên địa phận *xã* Hữu Hạ[1]. Năm Duy Tân thứ 2 (1908), huyện được đổi thành *châu* Hữu Lũng.

Dưới triều Lê, *huyện* gồm 24 *xã*, theo *Dư địa chí*[2] nhưng theo *Hồng Đức bản đồ* thì là 25 *xã*. Đầu thế kỷ XIX, huyện gồm 24 xã và trại chia ra 4 tổng[3]. Những tổng đó là : Nguyễn Thượng, Hương Vỹ, Vân Nham và Thuốc Sơn. Trong *Danh sách Đồng Khánh*, người ta cũng thấy những *tổng* đó với 30 xã, thôn, trại[4]. Ngày nay chỉ có 2 tổng Vân Nham và Thuốc Sơn là thuộc *châu* Hữu Lũng, hai tổng kia

---

(1) *Thống chí*, Bắc Ninh, tờ 7b
Cuốn *Bắc Ninh tỉnh địa dư* (A.590, tờ 61) ghi : "Huyện lỵ Hữu Lũng nằm trên địa phận *xã* Nguyễn Hà.
- Từ đó, về phía Đông, tới sông Nhật Đức đối diện với ranh giới đường sông của *xã* Đào Quán, *huyện* Bảo Lộc là 1638 *tầm*
- Từ đó, về phía Tây, tới ranh giới xã Thọ Xương, huyện Yên Thế là 1900 *tầm*.
- Từ đó, về phía Bắc, tới xã Ngu Nhung là 1563 tầm, 1 thước ; tới *xã* Chiêu Tuấn là 5800 *tầm* ; tới xã Khôn Lâu là 4390 tầm ; tới xã Đăng An là 4560 *tầm* ; tới ranh giới xã Bình Mạc *châu Ôn, xứ Lạng Sơn* là 4472 *tầm*, 4*thước*, 5 *tấc*. Tham khảo *Bắc thành*, (A.1565) q.6, tờ 18b-19a.

(2) tờ 13a.

(3) *Bị lãm*, tờ 40b-41b.

(4) tờ 113a.

- Nguyễn Thượng và Hương Vỹ - thì được đưa sang phủ Yên Thế.

1/ Tổng Nguyễn Thượng : 4 xã[a]

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là tổng Hữu Thượng ; ngày nay cũng vậy và được gắn vào *phủ* Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

1. Nguyễn Thượng xã
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hữu Thượng ; nay cũng vậy.
   Hai thôn : Lèo, Mạc.

2. Nguyễn Hạ *xã*
   Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Hữu Hạ ; nay cũng vậy và được gắn vào *tổng* Hương Vỹ, *phủ* Yên Thế (ttt : Làng Cồn)
   Ba thôn : Cồn Cả, Cồn Thung, Trại Giang.

3. Phúc Đình *xã*.
   Hai thôn : Cả, Cạng.

4. Canh Nậu *xã*.
   Bốn thôn : Chay, Đồn, Thìa, Sơn Nùng.

Ngày nay *tổng* Hữu Thượng này còn gồm có 7 *xã* nữa :

(a) Nay thuộc Yên Thế - Bắc Giang gồm:
- Xã Canh Nậu (Canh Nậu)
- Xã Đồng Lạc (Yên Lạc, Hữu Trung)
- Phần lớn xã Phồn Xương Hữu Thượng, Phồn Xương)
- Xã Tam Tiến (Đồng Diễn)
- Xã Tân Sơn (Tân Sơn)
* Ngoài ra còn có xã Phúc Hòa - Tân Yên (Phúc Đình, Hòa Làng)

1) Đồng Diễn (được thành lập năm Thành Thái thứ 16, 1904 bởi những người Mán Cao Lan của xã Thiện Kỵ). Hai thôn : Làng Diễn, Trại Diễn.

2) Hữu Trung (*thôn* Vàng cũ của *xã* Hữu Thượng, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Duy Tân thứ 8, 1914)
Năm thôn : Chiềng, Mai, Tiếu, Vàng, Trong.

3) Phồn Xương được tách khỏi *tổng* Yên Thế.

4) Phúc Lễ xã (*thôn* cũ của *xã* Ước Lễ, tổng Yên Thế, phủ Yên Thế, được nâng lên thành *xã* độc lập.

5) Tân Sỏi (*thôn* Ngọc Sơn cũ của *xã* Hữu Hạ, được nâng lên thành *xã* độc lập năm Duy Tân thứ 8, 1914.)
Hai thôn : An Cư, Làng Sơn.

6) Yên Lạc (được thành lập năm Duy Tân thứ 9, 1915 bởi những người Thổ từ Lạng Sơn tới) ttt : Làng Nứa.

7) Yên Thế (được tách khỏi tổng Yên Thế)

2/ Tổng Hương Vỹ : 6 xã[a]

Ngày nay tổng này được gắn vào *phủ* Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

1. Hương Vỹ xã (ttt : Làng Vía)

(a) Nay thuộc Yên Thế - Bắc Giang gồm:
- Xã Bố Hạ (Bố Hạ, Bố Sơn)
- Xã Đồng Hưu (Đồng Hưu)
- Đồng Kỳ (Đồng Kỳ)
- Đông Sơn (Nông Kinh)
- Đồng Vương (Đồng Đáng)
- Xã Hương Vĩ (Hương Vĩ)
- Thị trấn Bố Hạ.

2. Bố Hạ xã.

Bốn thôn : Bố Hạ (ttt : Làng Dinh), Bố Sơn (ttt : Bo Non), Làng Đông (ttt : Đông Kênh), Làng Thị (ttt : Bo Chợ)

3. Bố Sơn *trại*.

Nay *trại* này được gắn vào xã Bố Hạ.

4. Nông Kinh *trại* (1)

Nay *trại* này được gắn vào *xã* Bố Hạ.

5. Đồng Hưu xã.

Ba thôn : Đèo Cà ; Đồng Củ (ttt : Ba Lò) Đồng Hưu (ttt : Trại Phăng)

6. Ngao Thượng xã (ttt : Làng Ngò)

Danh sách Đồng Khánh cho biết *tổng* này còn có 2 điểm tụ cư nữa

1) Phú Nương trại

2) Thiện Kỵ xã (*xã phiêu lưu* Kính Kỵ cũ trong Danh sách của *Bị lãm*). Bốn thôn : Đồng Mã, Làng Cuồng, Làng Lân, Mỏ Ám.

Ngày nay *tổng* Hương Vỹ này còn gồm có 3 xã nữa :

1) Hữu Hạ xã (được tách khỏi *tổng* Hữu Thượng)

2) Đồng Vương (được thành lập năm Duy Tân thứ 9, 1915 bởi những người Thổ ở Lạng Sơn và những người Mán ở Mai Sưu, *phủ* Lục Ngạn). Sáu thôn : Đồng Vương, Cây Vối, Đồng Đảng, Na Sa, Na Đinh, Trại Hạ.

---

(1) Trại này không có trong *Danh sách Đồng Khánh*

3) Đông Kỳ (được thành lập năm Duy Tân thứ 10, 1916 bởi những người Thổ ở Lạng Sơn). Chín thôn : Đồng Quán, Suối Cấy, Trại Ba, Trại Nhất, Trại Nhì, Trại Chuối, Trại Quán, Trại Đảng, Trại Hồng.

3/ Tổng Vân Nham : 7 xã[a]

Ngày nay *tổng* này được gắn vào châu Hữu Lũng.

1. Minh Lễ *xã*.

   Được gắn vào tổng Thuốc Sơn, châu Hữu Lũng Hai thôn : Bến Cồn, Minh Lễ

2. Hữu Lân *xã*.

   Được gắn vào *tổng* Vạn Linh, *châu* Bông Mạc, tỉnh Lạng Sơn. Mười lăm thôn : Nà Nạc, Cái Các, Ba Leng, Xóm Ấng, Làng Cướn, Làng Bên, Làng Ro, Làng Que, Hang Muồng, Chục Tăng, Lân Rầm, Lân Tâu, Lân Vải, Đèo Như, Lân Cát.

3. Bả Lộng *xã*.

   Nay là xã Bảo Lộng. Sáu thôn : Làng Trang, Làng Trảng, Làng Nghè, Đồng Bụt, Đồng Luông, Đồng Nưa.

4. Chiêu Tuấn *xã*.

   Bốn thôn : Làng Cả, Làng Gai, Làng Diện, Làng Mới.

5. Vi Sơn *xã*

(a) Nay thành các xã sau của Hữu Lũng - Lạng Sơn: Thiện Kỵ, Tân Lập, Đồng Tiến, Thành Sơn, Vân Nham, Đô Lương, Minh Sơn, Sơn Hà, Nhật Tiến, Minh Tiến, Yên Bình, Quyết Thắng, Hòa Bình, Yên Thịnh, Yên Vượng.

7. Vô Muộn *xã*

Bảy thôn : Làng Bầm, Làng Tráng, Làng Gạo, Làng Kép, Làng Nỷ, Làng Rẫy, Làng Trang.

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* cho biết *tổng* Vân Nham này còn có 2 *xã* nữa là :

1) Gia Mỹ[1]

2) Vân Nham nay thuộc tổng Vân Nham. Sáu thôn : Làng Bàng, Làng Điền, Làng Hét, Làng Lùng, Làng Muống, Vặn Luông.

4/ Tổng Thuốc Sơn : 7 xã[a]

Ngày nay tổng này được gắn vào *châu* Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang.

1. Thuốc Sơn *xã*.

Bốn thôn : Đồng Thuốc, Làng Bến, Làng Dân, Làng Mẫn.

2. Thần Lâu *xã*

Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Khôn Lâu ; nay cũng vậy.

Bốn thôn: Đồng Lai, Hương Cẩn (ttt: Làng Cần), Lễ Hạ (ttt: Làng Sẩy), Mỹ Ngọc (ttt: Làng Ngọc).

3. Thắng Yên *xã*.

Nay là xã Đằng Yên.

---

(1) Xã này được đưa vào xã Gia Lộc tổng Bồng Mạc, châu Bồng Mạc - Lạng Sơn.

(a) Nay là các xã sau của Hữu Lũng - Lạng Sơn : Đồng Tân, Yên Sơn, Cai Kinh, Hòa Lạc, Hòa Sơn, Tân Thành, Hồ Sơn, Hòa Thắng, Minh Hòa.

Ba thôn: Diễn Ngọc (ttt: Làng Diễn), Dương Bình (ttt: Làng Giàng), Mỹ Chù (ttt: Làng Chùa)

4. Nhật Lãng xã.

Ba thôn : Đồng Tràng, Làng Trại. Làng Điếm.

5. Ỷ Tịch xã.

Nay được đưa vào tổng Vạn Linh, châu Bằng Mạc, tỉnh Lạng Sơn.

Mười ba thôn : Làng Riệc, Lũng Tuông, Xa Cốt, Làng Trang, Làng Chinh, Lũng Sầu, Lũng Đấy, Lũng Kheo, Nà Khâu, Làng Sần, Cốc Hương, Nà Mèo, Lũng Phần.

6. Hoà Lạc *xã*.

Bốn thôn : Làng Cường, Làng Chung, Làng Hạ, Làng Lộc.

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn ghi cho *tổng* Thuốc Sơn này 3 *xã* nữa :

1) Vạn Linh, được coi như *xã phiêu lưu* trong Danh sách của *Bị lãm*. Ngày nay, xã này được gắn vào tổng Vạn Linh, châu Bằng Mai, tỉnh Lạng Sơn. Bốn mươi hai thôn : Nà Ngoành, Nà Thàng, Nà Thia, Lũng Chao, Lũng Khía, Chục Chạy, Lũng Cút, Đông Lay, Lũng Luông, Ta Rầy, Lả Gia, Khồn Xà, Bò Cày, Làng Trung, Khôn Đút, Lũng Rào, Khau Rì, Khôn Khâu, Nà Hia, Nà Teng, Lũng Hoài, Nà Rừa, Làng Đàm, Nà Hao, Lũng Om, Xa Đan, Lũng Nà, Lũng Tàn, Lũng Mứ, Nà Lạp, Bó Kèng, Làng Đông, Lũng Trát, Khôn Vạc, Khôn Màng, Nà Đan, Lũng Tiếu, Lũng Cút, Nà Chạy, Cốc Pheo, Nà Chàng, Đồng Nau.

2) Tiên Lệ, nay là xã Tiên Lệ và được đưa vào *tổng* Thuốc Sơn. Bốn thôn : Đồng Cầy, Khôn Dầu, Làng Câu, Na Hoa.

3) Chi Quan, nay là *xã* Chi Quan và được đưa vào tổng Thuốc Sơn. Ba thôn : Làng Hạ, Làng Thượng, Trại Dạ.

Ngoài ra, ngày nay *tổng* Thuốc Sơn này còn gồm *xã* Đằng Sen vốn là một bộ phận của *xã* Thắng Yên.

Ba thôn : Đằng Thịnh (ttt : Làng Đằng)

Lộc Phú (ttt : Làng Tầm)

Phú Hoa (ttt : Làng Loi)

BẢN ĐỒ

Cuốn *Địa lý hành chính Kinh Bắc* bằng tiếng Pháp do Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin và Trung tâm Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Việt Nam mới xuất bản chỉ tìm lại được bản đồ hai huyện Bảo Lộc và Yên Dũng do Nguyễn Văn Huyên vẽ. Để giúp bạn đọc hình dung đầy đủ về các huyện còn lại, *Ban biên tập* đã nhờ PTS. Khổng Đức Thiêm, công tác tại Viện Lịch sử Đảng, người đã có nhiều năm khảo cứu về địa lý diên cách tỉnh Hà Bắc (cũ), căn cứ vào các đơn vị hành chính mới được dựng lại lược đồ vùng Kinh Bắc và các tổng, huyện cũ.

Do hạn chế về thời gian và tài liệu, những bản đồ do PTS. Khổng Đức Thiêm xây dựng chưa thể thay thế được những bản đồ bị mất mà Nguyễn Văn Huyên đã soạn thảo một cách chi tiết như bản đồ hai huyện Bảo Lộc và Yên Dũng.

BAN BIÊN TẬP

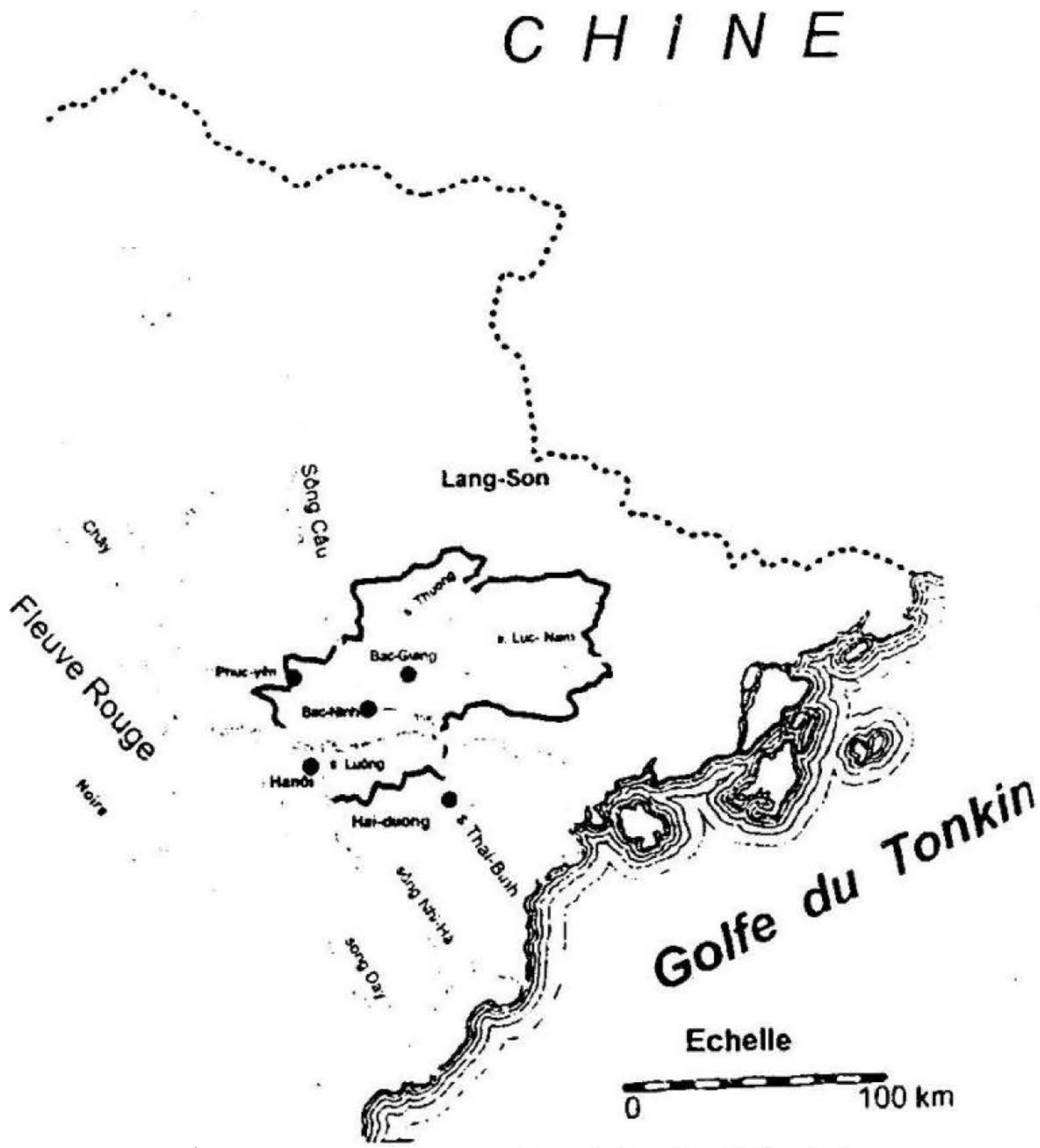

Croquis de localisation du Kinh-Bac

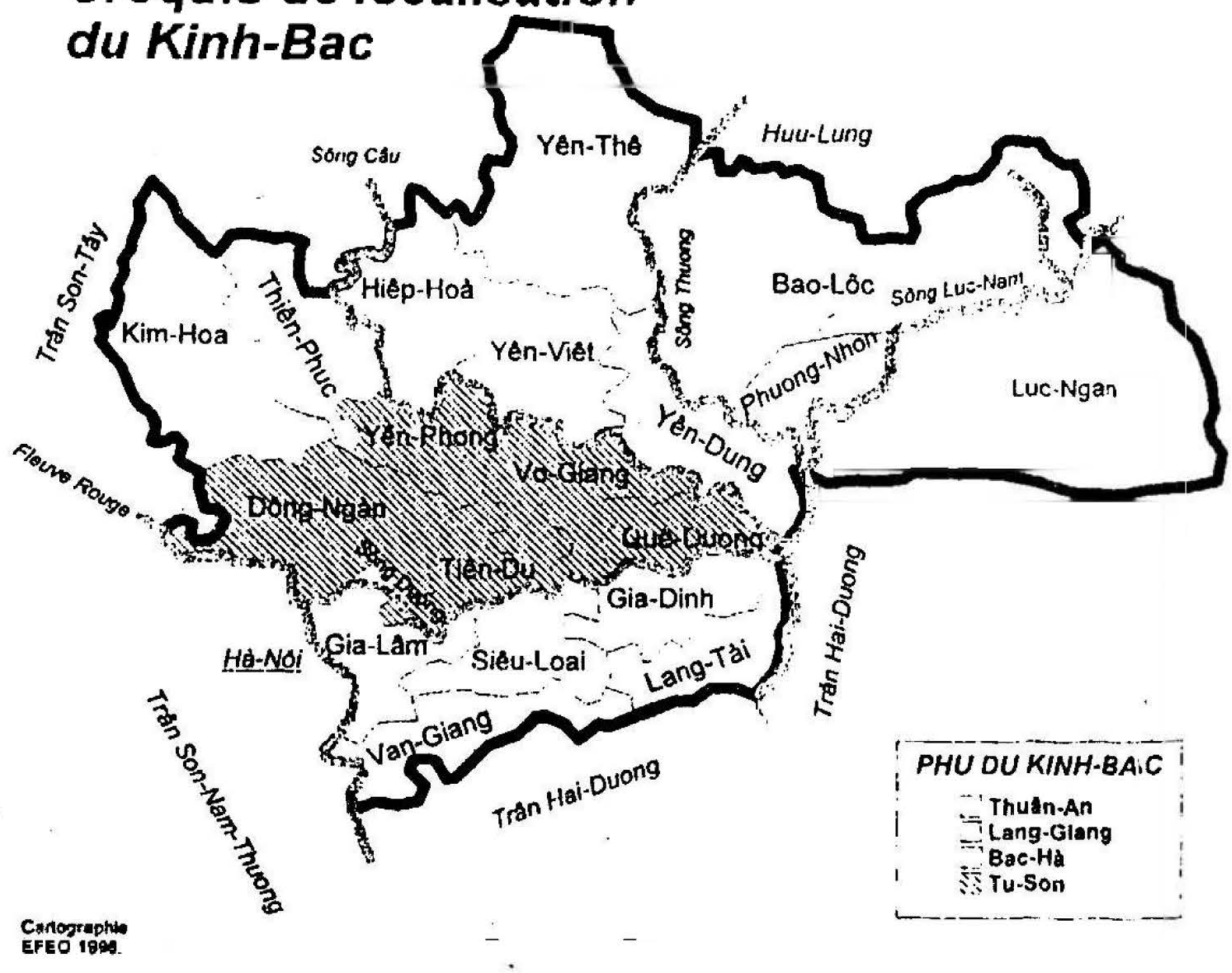

Cartographie
EFEO 1998.

Carte du huyên de Bao-Lac dressée d'après le schéma dessiné par Nguyên Van Huyên

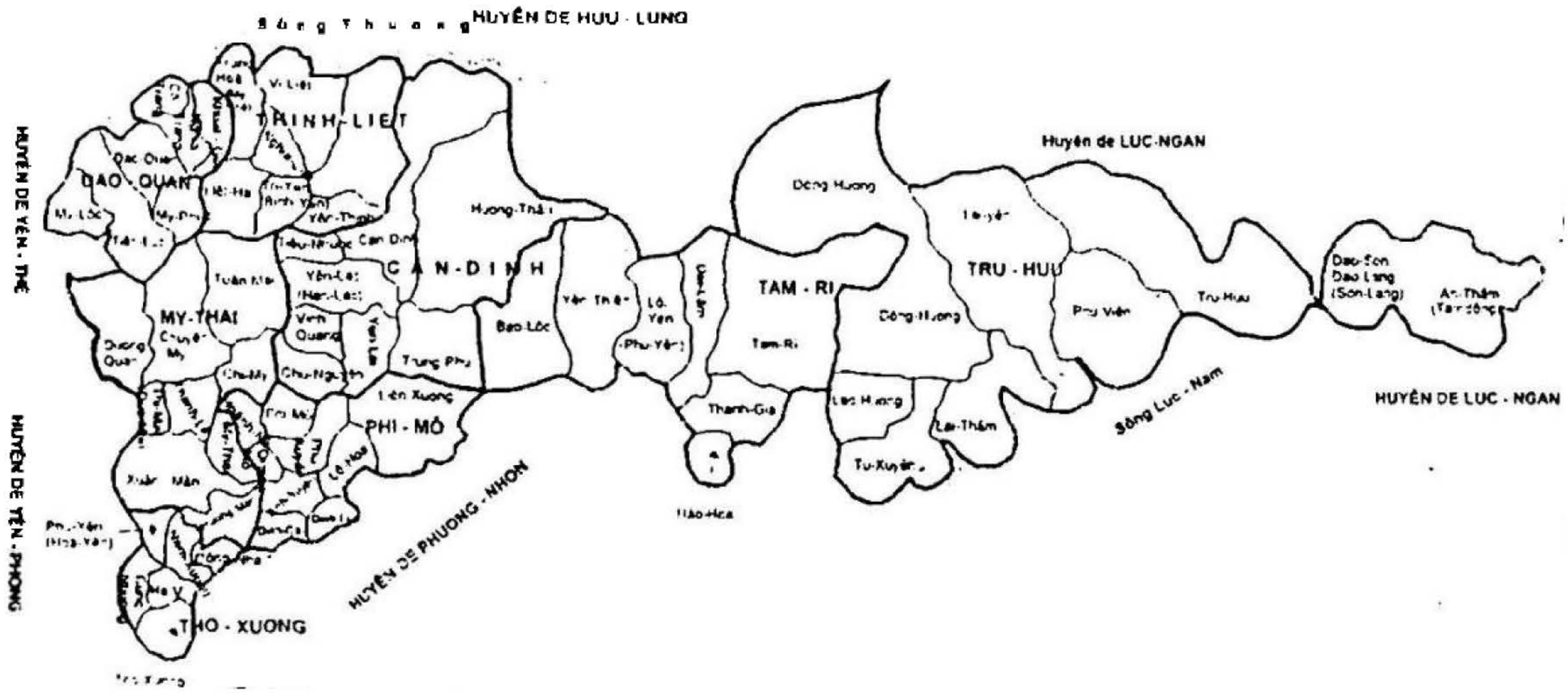

Carte du huyên de Yên-Dung d'après le croquis dessiné par Nguyên Van Huyên

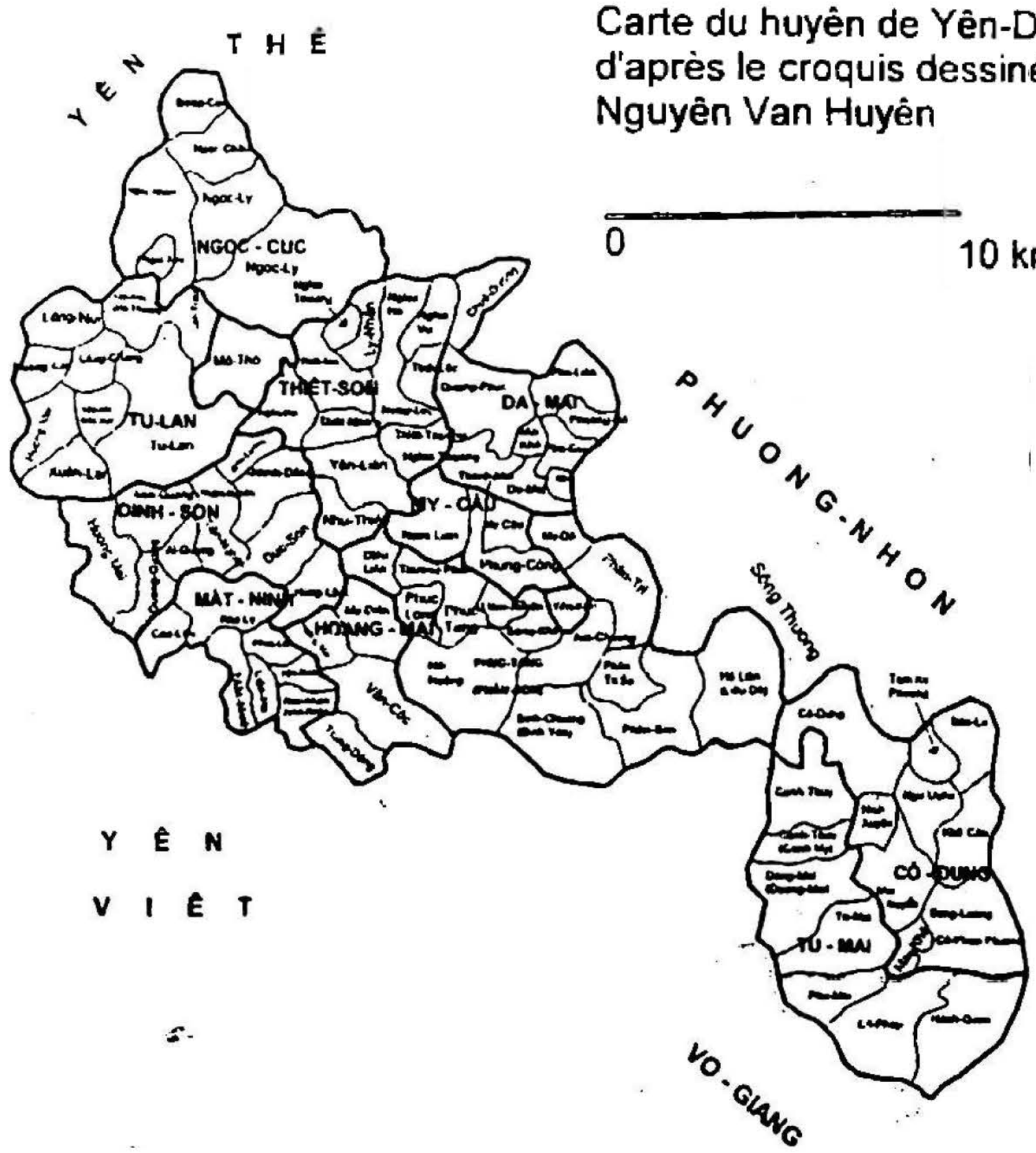

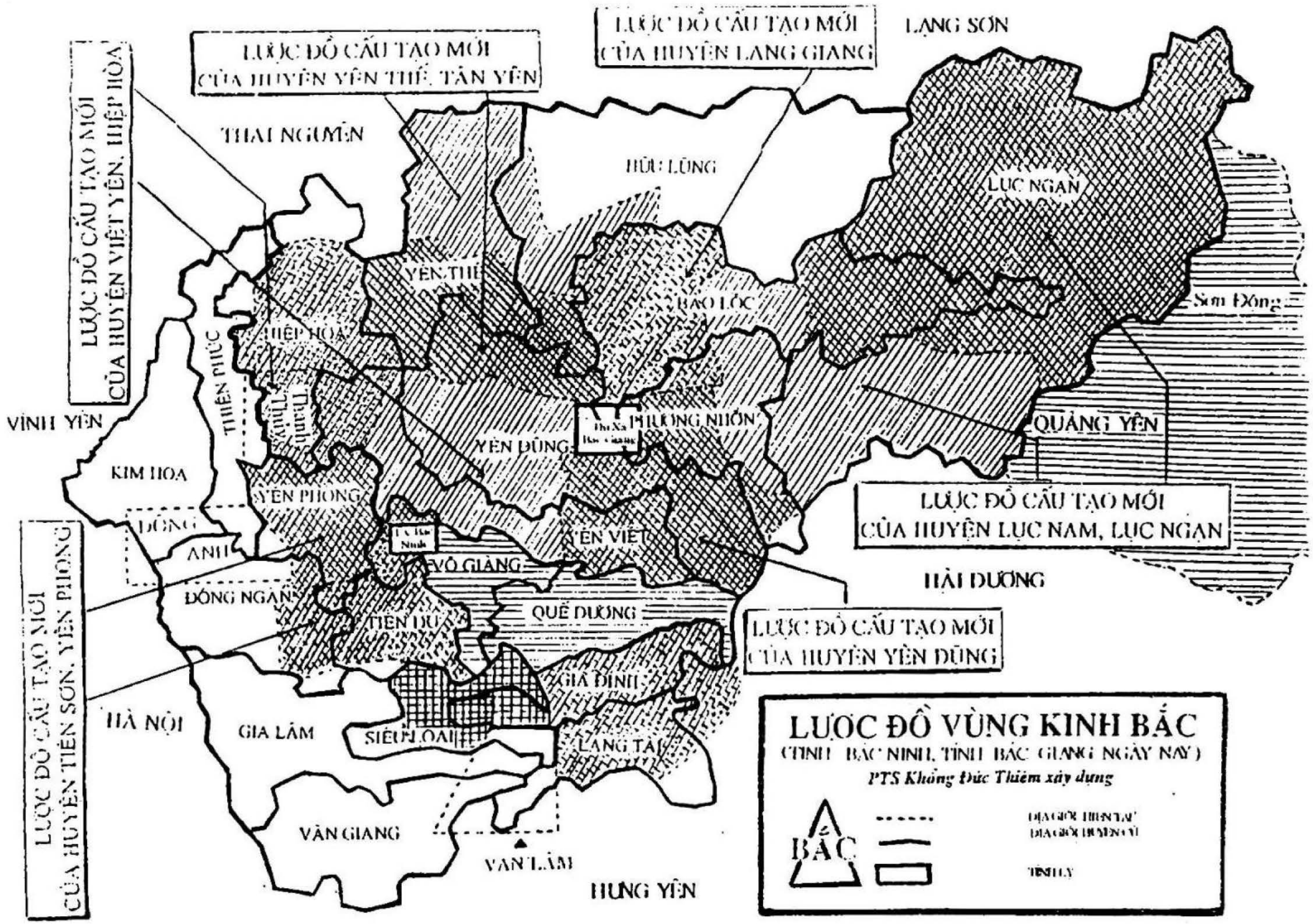
LƯỢC ĐỒ CẤU TẠO MỚI
CỦA HUYỆN VIỆT YÊN, HIỆP HÒA
LƯỢC ĐỒ CẤU TẠO MỚI
CỦA HUYỆN YÊN THẾ, TÂN YÊN
LƯỢC ĐỒ CẤU TẠO MỚI
CỦA HUYỆN LANG GIANG
LẠNG SƠN
THÁI NGUYÊN
HỮU LŨNG
LỤC NGẠN
YÊN THẾ
BẢO LỘC
Sơn Động
HIỆP HÒA
THIÊN PHÚC
VĨNH YÊN
PHƯƠNG NHÔN
QUẢNG YÊN
YÊN DŨNG
KIM HOA
YÊN PHONG
LƯỢC ĐỒ CẤU TẠO MỚI
CỦA HUYỆN LỤC NAM, LỤC NGẠN
ĐÔNG
ANH
YÊN VIỆT
VÕ GIÀNG
HẢI DƯƠNG
ĐÔNG NGẠN
QUẾ DƯƠNG
TIÊN DU
LƯỢC ĐỒ CẤU TẠO MỚI
CỦA HUYỆN YÊN DŨNG
GIA ĐÌNH
LƯỢC ĐỒ CẤU TẠO MỚI
CỦA HUYỆN TIÊN SƠN, YÊN PHONG
HÀ NỘI
GIA LÂM
SIÊU LOÀI
LẠNG TÀI
LƯỢC ĐỒ VÙNG KINH BẮC
(TỈNH BẮC NINH, TỈNH BẮC GIANG NGÀY NAY)
PTS Khổng Đức Thiêm xây dựng
BẮC
VĂN GIANG
VĂN LÂM
HƯNG YÊN

LƯỢC ĐỒ CÁC HUYỆN KIM HOA, THIÊN PHÚC

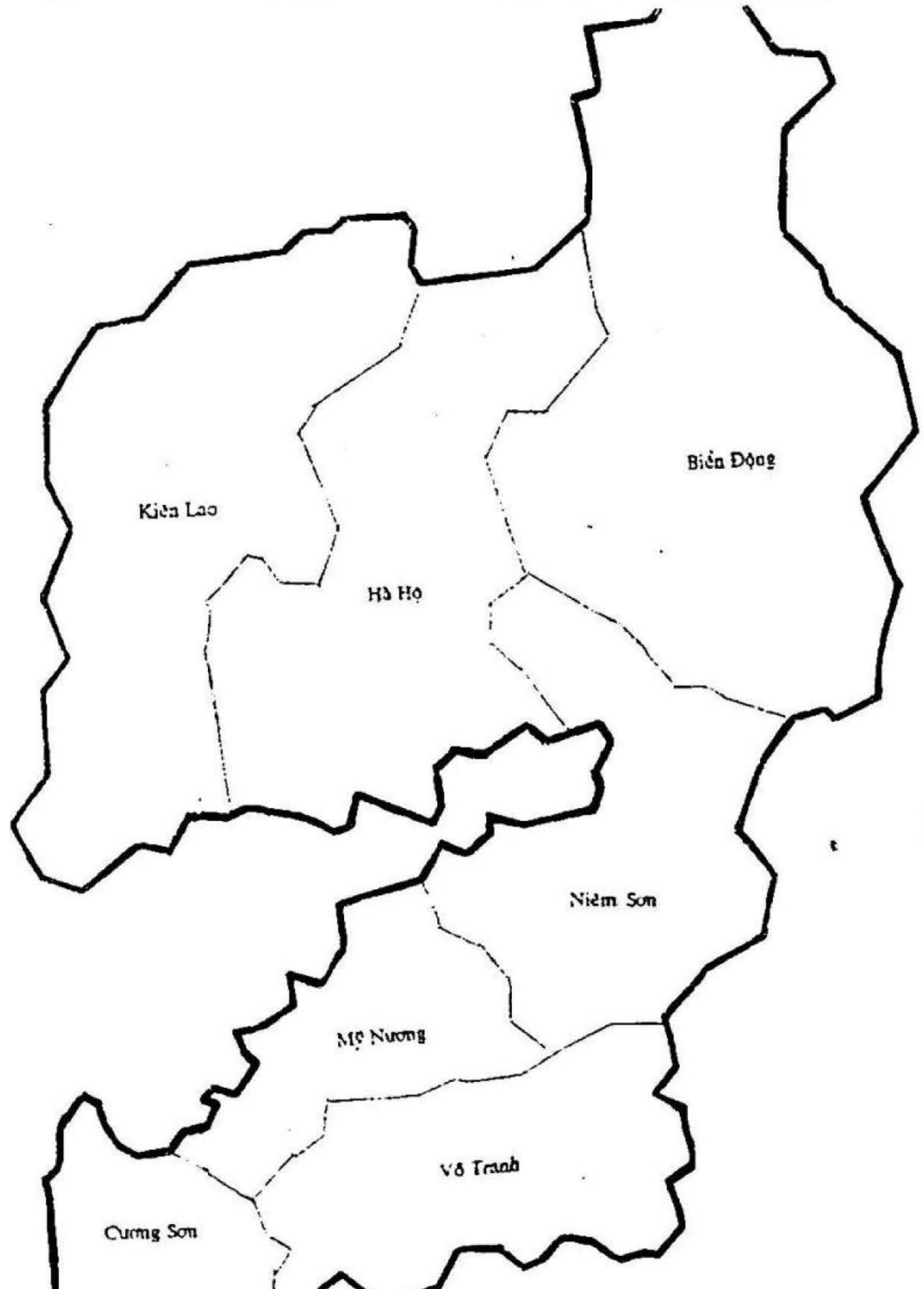

LƯỢC ĐỒ HUYỆN LỤC NGẠN

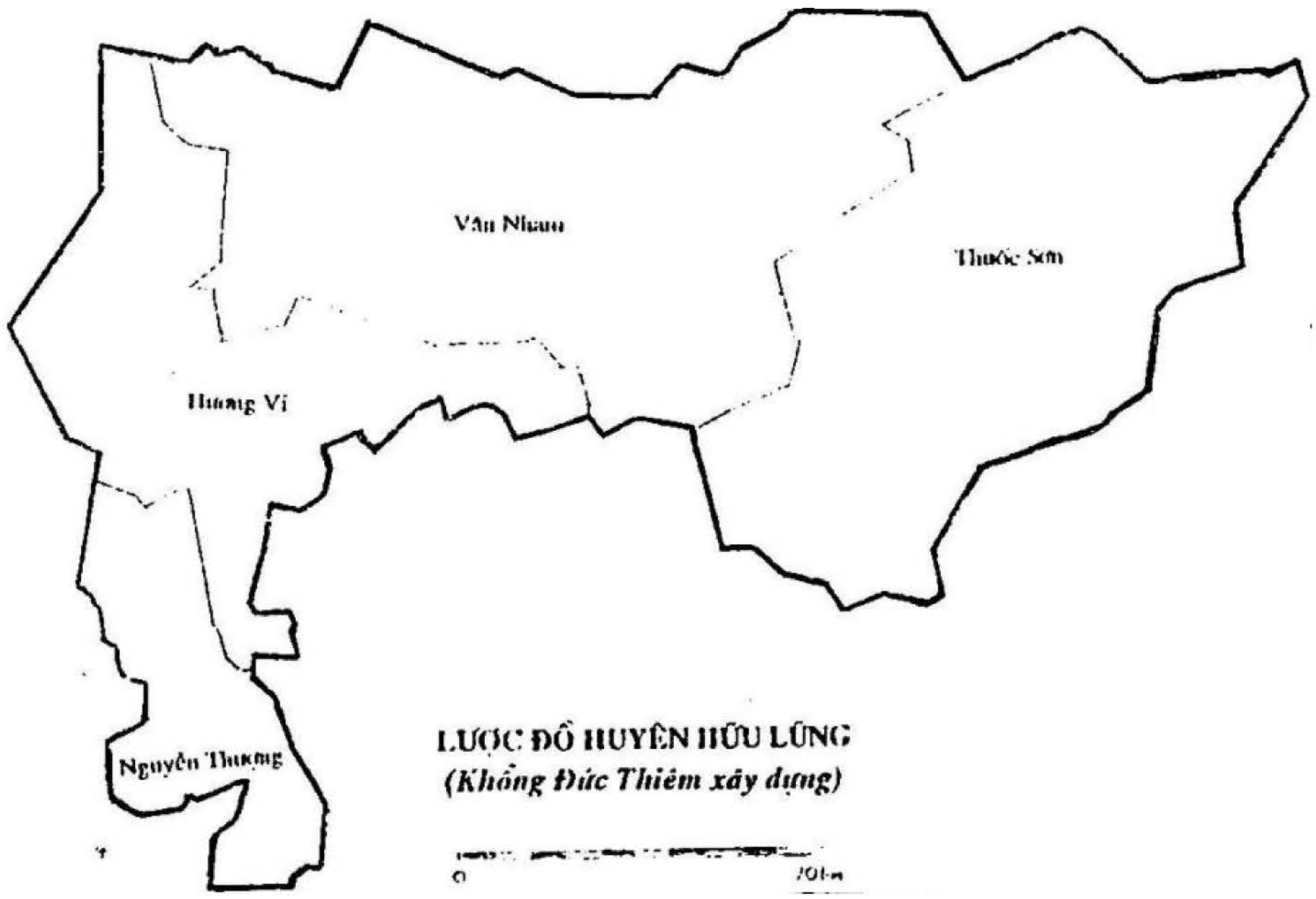

LƯỢC ĐỒ HUYỆN HỮU LŨNG
(Khổng Đức Thiêm xây dựng)

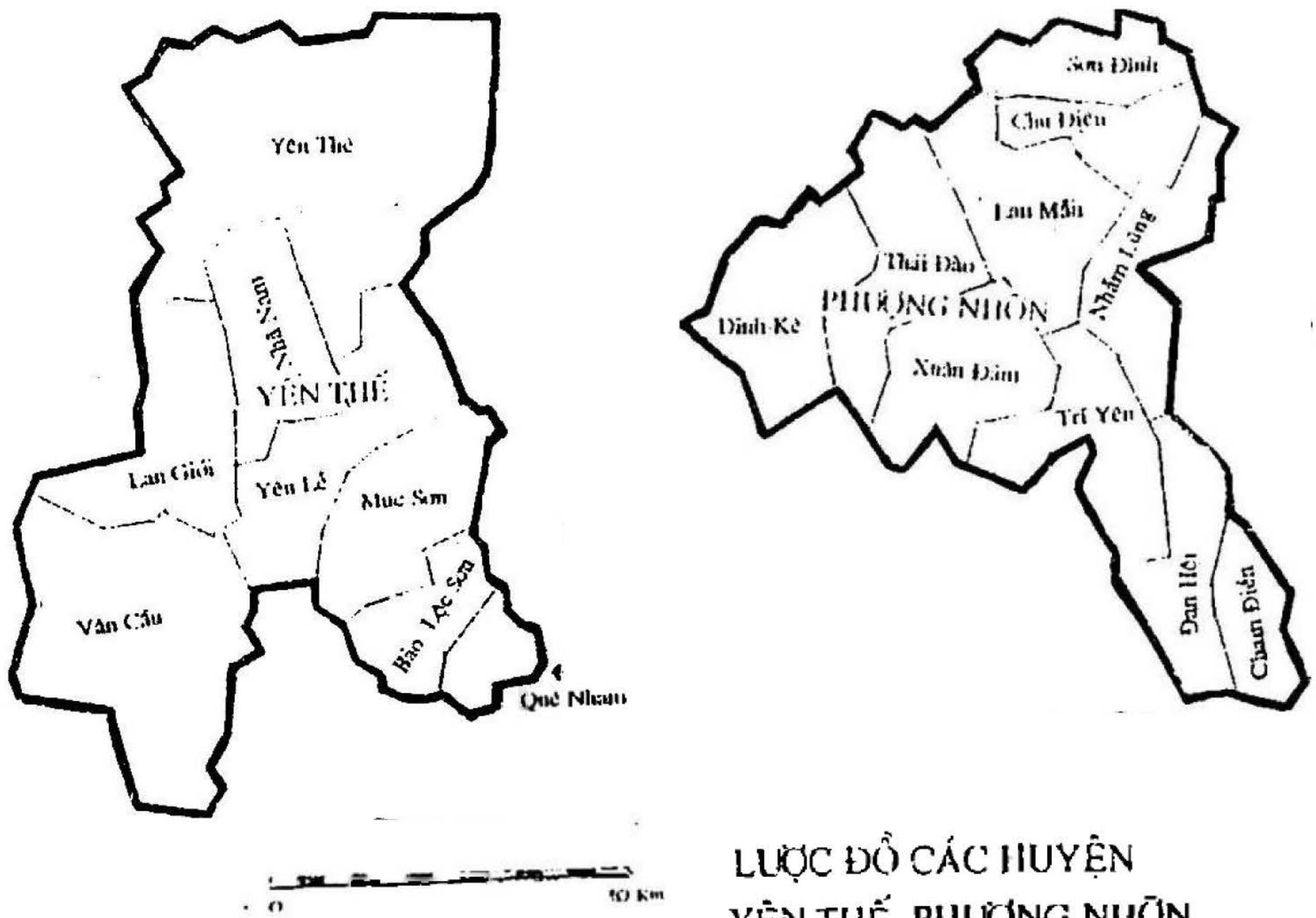

LƯỢC ĐỒ CÁC HUYỆN
YÊN THẾ, PHƯỢNG NHÃN
(Khổng Đức Thiêm xây dựng)

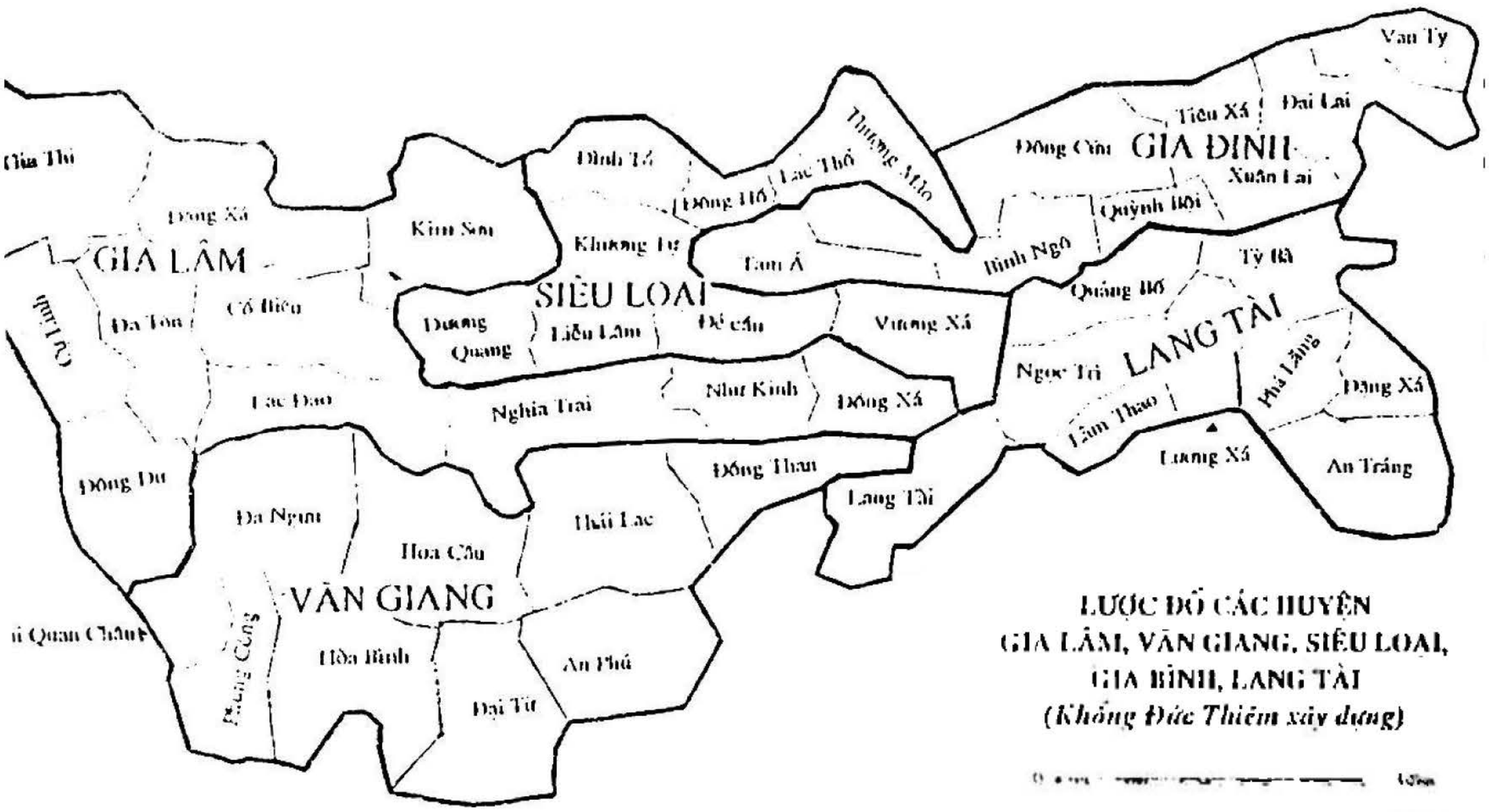
GIA LÂM
SIÊU LOẠI
GIA ĐỊNH
LANG TÀI
VĂN GIANG
Gia Thụy
Đông Xá
Kim Sơn
Đình Xá
Đông Hồ
Lạc Thổ
Thượng Mỗ
Đông Cứu
Tiêu Xá
Đại Lai
Vạn Tỷ
Xuân Lai
Quỳnh Bội
Bình Ngô
Tỷ Bà
Quảng Bố
Cổ Bi
Đa Tốn
Cổ Liêu
Dương Quang
Liễu Ngạn
Đô cấu
Vương Xá
Tam Á
Lạc Đạo
Nghĩa Trai
Như Kinh
Đông Xá
Ngọc Tri
Tân Thạo
Phù Lãng
Đông Xá
Lương Xá
An Trảng
Đông Dư
Đông Thanh
Lang Tài
Đa Ngưu
Thái Lạc
Hoa Cầu
Hồng Công
Hòa Bình
Đại Từ
An Phú
LƯỢC ĐỒ CÁC HUYỆN
GIA LÂM, VĂN GIANG, SIÊU LOẠI,
GIA BÌNH, LANG TÀI
(Không Đức Thiêm xây dựng)

HIỆP HÒA
YÊN DŨNG
YÊN VIỆT
Hà Nhuyễn
Hoàng Văn
Quế Trạo
Đức Thắng
Gia Đình
Ngọc Lâm
Mai Đình
Ngọc Xá
Đông Lỗ
Tự Lạn
Thiết Sơn
Đa Mai
Đình Sơn
Mỹ Cầu
Tiên Lát
Đại Ninh
Hương Ninh
Phúc Thắng
Quang Biểu
Hương Lâm
Cổ Dũng
Tân Mai
LƯỢC ĐỒ CÁC HUYỆN
YÊN DŨNG, YÊN VIỆT, HIỆP HÒA
(Không Đức Thiêm xây dựng)

PHỤ LỤC 1

Bảng các xã của *Danh sách Đồng Khánh* được nêu ra nhưng trong danh sách của *Bị lãm* ghi là những xã phiêu lưu nghĩa là những địa phận cư dân chưa được cố định[1] hoặc không có trong đó[2]. Trong bảng ghi n.c (như cũ) khi các xã thuộc diện trên ngày nay vẫn còn là đơn vị hành chính.

Những chữ tắt được sử dụng : t *(tổng)*, ch *(châu)*, H *(huyện)*, P *(phủ)*, T *(tỉnh)*.

Tên xã	Tổng	Huyện	Tình trạng hiện nay
Đông Trạch x, *thôn* Khuyến Thiện	LangTài	LangTài	Xã Khuyến Thiện, t.n.c. H. Văn Lâm, T. Hưng Yên
Mậu Duyệt x	"	"	H. Văn Lâm, T. Hưng Yên
Cận Duyệt x	"	"	h. Văn Lâm, T. Hưng Yên
An Tráng x	An Trang	"	H. Cẩm Giàng, T. Hải Dương
Nhị Trai x, thôn Cự	Trừng Xá [3]	"	n.c
Vĩnh Trai x	"	"	n.c

(1) Những xã này được đánh dấu bằng chữ x.

(2) Những xã này được đánh dấu bằng hai chữ XX. Người ta sẽ thấy trong bảng này là các *huyện* Gia Lâm, Siêu Loại, Đa Phúc trong *Danh sách Đồng Khánh* không có xã nào thêm vào Danh sách của *Bị lãm*.

(3) Trong *Bị lãm*: Đặng Xá

Tên xã	Tổng	Huyện	Tình trạng hiện nay
Hương Trai x	"	"	n.c
Kim Đào x	Phá Lãng	"	n.c
Nhuế Đông x	"	"	n.c
Trình Phú x	"	"(1)	n.c
Dị Sử x. *thôn* Đông Hương	"	"	xã Đông Hương. t.n.c, H.n.c
Mạc Xuyên x	Tỳ Bà	Lang Tài	xã Điện Xuyên. n.c
Nhị Trại xx, thôn Ngọc Thượng (2)	"	"	xã Ngọc Thượng. n.c
Ngọc Quan	Lâm Thao	"	n.c
Hiến Phạm	An Phú	Văn Giang	xã Khải Phạm. t. An Phú, H. Yên Mỹ, Tt. Hưng yên
Thủ Pháp	Quỳnh Bội	Gia Bình	n.c
Ngô Cương x	Đại Lai	"	t. Nhân Hữu, H. Gia Bình
Ngọc Triện x	"	"	t. Nhân Hữu, H. Gia Bình
Lương Quán x	Cổ Loa	Đông Ngạn	H. Đông Anh. T. Phúc Yên
Viên Nội x	Tuân Lệ	Đông Ngàn	H. Đông Anh. T. Phúc Yên
Chu Mẫu x	Vân Mẫu	Quế Dương	H. Võ Giàng
Bồng Lai x	Bồng Lai	"	n.c
Mai Cương (3)	"	"	n.c
Chu Mẫu x	Vân Mẫu	Quế Dương	h. Võ Giàng

(1) Trong *Bị lãm* : tổng Đặng Xá.

(2) Trong *Bị lãm* : Xuân Quan.

(3) Trong *Bị lãm*: Ngô Xá.

Tên xã	Tổng	Huyện	Tình trạng hiện nay
Thi Xá x [a]	Tri Nhị	"	t. Bồng Lai. H. Quế Dương
Trúc Ổ x	Mộ Đạo	"	n. c
Lãm Sơn Dương x	Lãm Sơn Nam	"	xã Sơn Dương, t. Sơn Nam. H. Võ Giàng
Nguyễn Xá x	Nội Viên	Tiên Du	xứ Tiên Xá. n.c [b]
Đổng Viên x	Phù Đổng	"	n.c
Văn Trinh x	Đông Sơn	"	n.c
Đại Tảo x	"	"	n.c
Yên Ngô x	Đại Liễn [1]	Võ Giàng	n.c
Đô Thống x	"	"	Nay chia thành 2 xã Thống Thiện Thượng, Thống Thiên Hạ, t Đại Liễn
Đại Liễn Hạ x	"	"	n.c
Xuân Hòa x	Bất Phí	"	n.c
Đông Viên x	Quế Tân	"	n.c
Dũng Liệt x, *thôn* Xuân Cai [2]	Dũng Liệt	Yên Phong	xã Yên Cai, n.c
Phong Xá x	Phong Xá	"	n.c
Xuân Bảng x	Xuân Bảng	Kim Hoa	H. Đa Phúc

(1) Trong *Bị lãm*, xã này thuộc *tổng* Bất Phi.

(2) Trong *Bị lãm* là Nguyên Xá.

(a) Trong bản tiếng Pháp, nhắc lại các xã Viên Nội, Chu Mẫu, Bồng Lai, Mai Cương. Chúng tôi bỏ vì nghĩ rằng người biên tập bị nhầm lẫn.

(b) Trong bản tiếng Pháp ghi là *xứ* Tiên Xá. Sửa lại là *xã* Tiên Xá

Tên xã	Tổng	Huyện	Tình trạng hiện nay
Đại Phùng *phường* xx	Kim Hoà		xã Đại Phùng, t. Kim Anh, H. Kim Anh, T. Phúc Yên
Lương Phong x [1]	Đông Lỗ	Việt Yên	t. Ngọc Thành, H. Hiệp Hoà
Phúc Lĩnh x	Mai Đình	Hiệp Hoà	n.c
Đại Tảo *sở* xx, *thôn* Trung Đồng	Hoàng Mai	Yên Dũng	xã Trung Đồng, t. Hoàng Mai, H. Việt Yên, T. Bắc Giang
Nghĩa Mỹ, thôn Thượng xx	Thiết Sơn	"	xã Nghĩa Thượng, t. Thiết Sơn, H. Việt Yên, t. Bắc Giang
Nghĩa Mỹ, thôn Hạ xx	"	"	xã Nghĩa Hạ, t. Thiết Sơn, H. Việt Yên
Giáo Liêm x	Biển Động	Lục Ngạn	n.c
Phú Nhuận x	"	"	t. Niêm Sơn, P. Sơn Động, T. Bắc Giang
Cấm Đàn x	"	"	P. Sơn Động, T. Bắc Giang
Đông Lạc xx	Cương Sơn	"	n.c
Vân Trì xx	Hà Hộ	"	xã Xuân Trì, t. Hà Hộ, P. Sơn Động, T. Bắc Giang
Đối Sơn x	Vô Tranh	"	n.c
Trú Nương xx	Mỹ Nương	"	Có lẽ là *xã* Nhân Định, t. Tây Đoàn, P. Sơn Động, T. Bắc Giang
Bằng Mãn xx	"	"	?
Yên Phú xx	Niêm Sơn	"	?

(1) Trong *Bị lâm* : Phúc Lãnh.

Tên xã	Tổng	Huyện	Tình trạng hiện nay
Kiên Lao x	Kiên Lao	"	n.c
Khả Cửu x	"	"	n.c
Đại Bộ xx	Chạm Điền	"	H. Chí Linh, T. Hải Dương
Quất Bàng x	"(1)	"	?
Cổ Mệnh x	"	"	?
Bắc Lũng x (2)	Bắc Lũng	"	n.c
Hoành Mô x	Phi Mô	Bảo Lộc	p. Lạng Giang, t. Bắc Giang
Liên Xương x	"	"	"
Quỳnh Động x (3)	Yên Thế	Yên Thế	Hợp vào xã Na Lương, tt. Nhã Nam, P. Yên Thế, T. Bắc Giang
Dĩnh Tháp x	"	"	t. Nhã Nam, P. Yên Thế, T. Bắc Giang
Lý Quật x	Lạn Giới	"	xã Lý Cốt, n.c
Cổ Mân x (4)	Trí Yên	Phượng Nhỡn	t. Bắc Lũng, H. Lục Ngạn, T. Bắc Giang
Trí Yên x	"	"	t. Trí Yên, P. Lạng Giang, T. Bắc Giang
Lăng Sơn x	"	"	"
Thanh Cát x	Lan Mẫu	"	?

(1) Trong *Bị lâm* : tổng Kham Điền H. Phượng Nhỡn ;

(2) Trong *Bị lâm* : phường Nhẫm Lũng

(3) Trong *Bị lâm* : Quỳnh Đồng

(4) Trong *Bị lâm* : Cổ Hoài ;

Tên xã	Tổng	Huyện	Tình trạng hiện nay
Phú Nương trại xx	Hương Vỹ	Hữu Lũng	Ở địa phận xã Đồng Kỳ, t. Hương Vỹ, P. Yên Thế, T. Bắc Giang
Thiên Kỵ x [1]	"	"	t. Vân Nham, ch. Hữu Lũng, Bắc Giang
Gia Mỹ xx	Vân Nham	"	?
Vân Nham xx	"	"	n.c
Vạn Linh x	Thuốc Sơn	"	t. Vạn Linh, ch. Bằng Mạc, Lạng Sơn
Tiên Lệ x	"	"	n.c
? Quan [a]	"	"[2]	n.c

(1) Trong *Bị lãm* : Kinh Kỵ

(2) Danh sách của *Bị lãm* (tờ 41) ghi cho *huyện* Hữu Lũng hai tên tụ cư *phiêu lưu* là Mỹ Dương xã và làng Gia Trại đều đã biến mất trong *Danh sách Đồng Khánh*. Người ta không biết ngày nay chúng tương ứng với địa phận nào. Tình trạng phường Vạn Tân, thuộc *huyện* Yên Thế cũng như vậy. Xem *Bị lãm*, tờ 38b.

(a) Có lẽ là *Chi Quan*.

PHỤ LỤC II

Bảng những xã mới được thành lập không có mặt trong cả danh sách của *Bị lãm* lẫn *Danh sách Đồng Khánh*

Tên xã	Tổng	Phủ hoặc huyện
Ngọc Lâm	Gia Thuỵ	Gia Lâm
Thượng Cát	"	"
Đại Đồng	Cự Linh	Văn Giang
Đại Tài	Thái Lạc	Văn Lâm (Hưng Yên)
Thị Trung	"	"
Đồng Lộc	Xuân Lai	Gia Bình
Mỹ Lộc	Vạn Ty	"
Phú Ninh	Đại Lại	"
Nhân Thọ	Tam Sơn	Từ Sơn
Phúc Tinh	"	"
Lũng Sơn	Nội Duệ	Tiên Du
Văn Chung	Chi Nê	"
Niềm Xá	Khắc Niệm	Võ Giang
Phúc Đức	Đỗ Xá	"
Thọ Ninh	Trâm Khê	"
Xuân Đồng	"	"
Ô Cách	Nội Trà	Yên Phong

Tên xã	Tổng	Phủ hoặc huyện
Trần Xá	"	"
Phong Nẫm	"	"
Tiêu Long	Ân Phú	"
Đạc Tài	Hương Đình	Kim Anh
Phú Hữu	"	"
Điền Xá	Ninh Bắc	"
Lạc Nông	"	"
Tân An	"	"
Yên Ninh	"	"
Gia Trung	Gia Thượng	"
Cẩm Hà	Yên Tàng	Đa Phúc
Đạc Đức	Tiên Dược	"
Phù Mã	"	"
Đại Phùng	Đan Tảo	"
Phúc Lộc	"	"
Đô Tân	Xuân Bảng	"
Xuân Đồng	Trung Giã	"
Ải Quang	Dĩnh Sơn	Việt Yên
Nguyễn Quả	"	"
Tăng Quang	"	"
Chu Xá	Mật Ninh	"
Làng Núi	Tự Lạn	"

Tên xã	Tổng	Phủ hoặc huyện
Làng Tràng	"	"
Lương Tài	Tiên Lát	"
Phù Tài	"	"
Trung Lai	Thiết Sơn	"
Ân Cập	Hoàng Vân	Hiệp Hoà
Đồng Ảng	"	"
Lạc Yên	"	"
Liễu Ngạn	"	"
Đa Hội	Gia Cát	"
Đại Mão	"	"
Đồng Đạo	"	"
Hà Nội	"	"
Hương Thịnh	"	"
Phú Cốc	"	"
Tân Mãn	"	"
Đồng Tân	Quế Trạo	"
Thái Thọ	"	"
Giáp Ngũ	Mai Đình	"
Nga Trại	"	"
Vọng Giang	"	"
Lạc Xuân	Ngọ Xá	"
Thiện Mỹ	Ngọc Thành	"

Tên xã	Tổng	Phủ hoặc huyện
Yên Ninh	Đông Lỗ	"
Cảnh Mỹ	Tư Mại	Yên Dũng
Khả Lễ	Cương Sơn	Lục Ngạn
Cao Lan trại	Vô Tranh	"
Nhân Lý	"	"
Thanh Bản trại	"	"
Đồng Công	Đan Hội	"
Giáp Xá	"	"
Đà Hi	Trí Yên	Lạng Giang
Đại Giáp	Lan Mẫu	"
Hương Thân	Cần Dinh	"
Vinh Quang	"	"
Mỹ Độ	Mỹ Cầu	"
Đồng Diễn	Hữu Thượng	Yên Thế
Hữu Trung	"	"
Phúc Lễ	"	"
Tân Sỏi	"	"
Yên Lạc	"	"
Đồng Kỳ	Hương Vỹ	"
Đồng Xương[a]	"	"
Lạm Thượng	Lan Giới	"

(a) Trong bản tiếng Pháp là Đồng Xương. Sửa lại là Đồng Vương.

Tên xã	Tổng	Phủ hoặc huyện
Lử Vân	"	
Na Lương	Nhã Nam	
Tân An	"	
Trai Bồng	"	"
Ngọc Châu	Ngọc Cục	"
Ngọc Sơn	"	"
Đèo Gia[a]	Niêm Sơn	Sơn Động
Khuôn Tập	"	
Sơn Lãng	"	"
Tam Đồng	"	"
Tứ Trại	"	"
Hộ Đức	Hà Hồ	"

(a) Có chỗ tác giả ghi là *Đào* Gia.

MỤC LỤC

- LỜI NÓI ĐẦU 5
- **PHỦ THUẬN AN** 27

– **Huyện Gia Lâm** 29

1/ Tổng Như Kinh : 6 xã 31

2/ Tổng Kim Sơn : 12 xã, thôn 32

3/ Tổng Đặng Xá : 11 xã, thôn, sở 33

4/ Tổng Gia Thị : 12 xã, thôn, sở 34

5/ Tổng Cự Linh : 4 xã 36

6/ Tổng Đông Dư : 5 xã, thôn 37

7/ Tổng Lạc Đạo : 5 xã 37

8/ Tổng Cổ Biện : 6 xã 38

9/ Tổng Đa Tốn : 9 xã 39

10/ Tổng Nghĩa Trai : 7 xã 40

– **Huyện Siêu Loại** 41

1/ Tổng Đình Tổ : 8 xã, thôn 42

2/ Tổng Liễu Lâm : 8 xã 43

3/ Tổng Thượng Mão : 11 xã, thôn 44

4/ Tổng Đồng Xá : 4 xã 45

5/ Tổng Đê Cầu : 5 xã 45
6/ Tổng Vương Xá : 8 xã 46
7/ Tổng Dương Quang : 6 xã 47
8/ Tổng Khương Tự : 12 xã, thôn 47
9/ Tổng Đông Hồ : 5 xã 48
10/ Tổng Lạc Thổ : 1 xã 49

– **Huyện Văn Giang** 49
1/ Tổng Hoà Bình : 8 xã 51
2/ Tổng Đại Từ : 6 xã 52
3/ Tổng Đồng Than : 6 xã 52
4/ Tổng Phụng Công : 10 xã, sở 53
5/ Tổng Thái Lạc : 9 xã 54
6/ Tổng Đa Ngưu : 9 xã 55
7/ Tổng Đại Quan Châu : 4 xã 56
8/ Tổng Hoa Cầu : 6 xã, thôn 57
9/ Tổng An Phú : 3 xã 58

– **Huyện Lang Tài** 59
1/ Tổng Lang Tài : 9 xã, thôn 61
2/ Tổng Ngọc Trì : 5 xã 61
3/ Tổng Quảng Bố : 6 xã 62
4/ Tổng Lâm Thao : 4 xã 62
5/ Tổng Lương Xá : 8 xã 63
6/ Tổng An Trang : 7 xã 63
7/ Tổng Tỳ Bà : 9 xã 64

8/ Tổng Đặng Xá : 11 xã, thôn 65
9/ Tổng Phá Lãng : 12 xã, thôn 66
- **Huyện Gia Định** 68
1/ Tổng Tam Á 6 xã, thôn 69
2/ Tổng Bình Ngô : 9 xã 70
3/ Tổng Đông Cứu : 3 xã 71
4/ Tổng Tiêu Xá : 7 xã, phường 72
5/ Tổng Xuân Lai : 8 xã, thôn 72
6/ Tổng Quỳnh Bội : 7 xã, thôn 73
7/ Tổng Đại Lai : 14 xã, phường 74
8/ Tổng Vạn Ty : 11 xã, sở 75
- **PHÙ TỪ SƠN** 77
- **Huyện Đông Ngàn** 80
1/ Tổng Hội Phụ : 8 xã 81
2/ Tổng Tuân Lệ : 9 xã, thôn 81
3/ Tổng Hà Lỗ : 9 xã, thôn 83
4/ Tổng Yên Thường : 8 xã, sở 83
5/ Tổng Hạ Dương : 6 xã 84
6/ Tổng Dục Tú : 4 xã 85
7/ Tổng Mẫn Xá : 6 xã 85
8/ Tổng Phù Lưu : 7 xã 86
9/ Tổng Xuân Canh : 11 xã, thôn 87
10/ Tổng Phù Chấn : 4 xã 88

11/ Tổng Nghĩa Lập : 9 xã 89
12/ Tổng Cổ Loa : 8 xã 90
13/ Tổng Tam Sơn : 8 xã 90
- **Huyện Quế Dương** 92
1/ Tổng Đại Toán : 5 xã 93
2/ Tổng Lãm Sơn Nam : 4 xã 94
3/ Tổng Vân Mẫu : 4 xã 94
4/ Tổng Bồng Lai : 7 xã 95
5/ Tổng Tri Nhị : 4 xã 96
6/ Tổng Quảng Lãm : 6 xã 96
7/ Tổng Đào Thông : 5 xã 97
8/ Tổng Mộ Đạo : 5 xã 98
9/ Tổng Vũ Dương : 5 xã 98
- **Huyện Tiên Du** 99
1/ Tổng Phù Đổng : 3 xã 101
2/ Tổng Dũng Vi : 3 xã 101
3/ Tổng Đại Vi : 4 xã 101
4/ Tổng Đông Sơn : 5 xã 102
5/ Tổng Thụ Triền : 7 xã, thôn 103
6/ Tổng Nội Duệ : 10 xã, thôn 104
7/ Tổng Khắc Niệm : 8 xã 105
8/ Tổng Chi Nê : 5 xã 106
9/ Tổng Nội Viên : 7 xã 106

- **Huyện Võ Giàng** 107
  1. Tổng Đồ Xá 109
  2. Tổng Đạo Du : 4 xã 110
  3. Tổng Quế Tân : 6 xã, thôn 110
  4. Tổng Đại Liễn : 7 xã 111
  5. Tổng Bất Phí : 7 xã 111
  6. Tổng Phù Lương : 11 xã 112
- **Huyện Yên Phong** 113
  1. Tổng Hương La : 10 xã, thôn, phường 115
  2. Tổng Nội Trà : 11 xã 117
  3. Tổng Dũng Liệt : 12 xã, thôn 118
  4. Tổng Mẫn Xá : 12 xã, thôn 119
  5. Tổng Nguyễn Xá : 10 xã, vạn 120
  6. Tổng Trâm Khê : 16 xã, thôn, sở, trang, vạn. 121

• **PHỦ BẮC HÀ** 124

- **Huyện Kim Hoa** 126
  1/ Tổng Phù Lỗ : 14 xã, thôn 128
  2/ Tổng Kim Hoa : 5 xã, thôn 130
  3/ Tổng Gia Thượng : 5 xã 131
  4/ Tổng Đông Đồ : 5 xã 131
  5/ Tổng Ninh Bắc : 5 xã 132
  6/ Tổng Cổ Bái : 6 xã 133
  7/ Tổng Quan Đình : 5 xã, thôn 134

8/ Tổng Tiên Dược : 5 xã, thôn 135
9/ Tổng Xuân Bảng : 4 xã, phường 136
- **Huyện Thiên Phúc** 137
1/ Tổng Xuân Lai : 5 xã 138
2/ Tổng Phổ Lộng : 4 xã 138
3/ Tổng Đan Tảo : 7 xã 139
4/ Tổng Yên Tàng : 7 xã 140
5/ Tổng Tăng Long : 4 xã 140
6/ Tổng Thượng Giã : 7 xã 141
7/ Tổng Tiểu Lễ : 7 xã, phường 142
- **Huyện Yên Việt** 143
1/ Tổng Đông Lỗ : 6 xã 145
2/ Tổng Ngọ Xá : 7 xã 146
3/ Tổng Tiên Lát : 5 xã, phường 147
4/ Tổng Quang Biểu : 10 xã 148
5/ Tổng Hương Cảo : 9 xã, phường 149
- **Huyện Hiệp Hoà** 151
1/ Tổng Đức Thắng : 5 xã 153
2/ Tổng Hà Nhuyễn : 7 xã 154
3/ Tổng Cẩm Bào : 7 xã 155
4/ Tổng Mai Đình : 9 xã, thôn 156
5/ Tổng Hoàng Vân : 5 xã 157
6/ Tổng Gia Định : 6 xã 158

7/ Tổng Quê Trạo : 5 xã 160
8/ Tổng Thiên Thù : 4 xã 161
9/ Tổng Sơn Giao : 3 xã 161

• **PHỦ LẠNG GIANG** 162

– **Huyện Yên Dũng** 164

1/ Tổng Dật Ninh : 8 xã 166
2/ Tổng Đa Mai : 7 xã 167
3/ Tổng Dĩnh Sơn : 8 xã 168
4/ Tổng Hoàng Mai : 3 xã 170
5/ Tổng Mỹ Cầu : 5 xã, phường 170
6/ Tổng Tự Lạn : 6 xã 171
7/ Tổng Ngọc Cục : 5 xã 172
8/ Tổng Tự Mại : 6 xã 173
9/ Tổng Phúc Tầng : 12 xã, sở 174
10/ Tổng Cổ Dũng : 10 xã, phường 176
11/ Tổng Thiết Sơn : 10 xã 177

– **Huyện Lục Ngạn** 179

1/ Tổng Cương Sơn 181
2/ Tổng Vô Tranh : 7 xã 182
3/ Tổng Hà Hộ : 7 xã 183
4/ Tổng Mỹ Nương : 7 xã 185
5/ Tổng Niêm Sơn : 8 xã 186
6/ Tổng Kiên Lao : 3 xã 188

7/ Tổng Biển Động : 7 xã 189

- **Huyện Bảo Lộc** 190

1/ Tổng Mỹ Thái : 9 xã 192

2/ Tổng Đào Quán : 7 xã 193

3/ Tổng Thọ Xương : 7 xã 194

4/ Tổng Thịnh Liệt : 7 xã 195

5/ Tổng Phi Mô : 7 xã 196

6/ Tổng Cần Dinh : 7 xã 197

7/ Tổng Tam Dị : 8 xã 198

8/ Tổng Trú Hựu : 11 xã 199

- **Huyện Yên Thế** 200

1/ Tổng Yên Thế : 6 xã, thôn 202

2/ Tổng Vân Cầu : 7 xã 203

3/ Tổng Lạn Giới : 4 xã 204

4/ Tổng Nhã Nam : 5 xã, thôn 205

5/ Tổng Mục Sơn : 8 xã 206

6/ Tổng Quế Nham : 5 xã 207

7/ Tổng Yên Lễ : 6 xã 208

8/ Tổng Bảo Lộc Sơn : 4 xã 209

- **Huyện Phượng Nhỡn** 210

1/ Tổng Dĩnh Kế : 4 xã 211

2/ Tổng Thái Đào : 5 xã 212

3/ Tổng Đan Hội : 6 xã 213